BÁCH KHOA

SỐ 169 KỶ NIỆM 7 NĂM

Thanh thoát

Fine

Dịu dàng

Racée

Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO"
EAU
DE
COLOGNE
"L'ÉTOILE"

DÉSORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA Sté Fse DES DISTILLERIES DE L'I.D.E. DIC

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place

NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên để dặt kiểm
soát lại nắp chì ngừa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vặn
đinh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP

SỐ KỶ NIỆM 7 NĂM

BÁCH KHOA *năm thứ 8*

Số 169 ngày 15-1-1964

BÁCH KHOA *lá thư tòa soạn* 5

VIỆT-ANH *thế giới và Việt Nam trong năm 1963* 7

CÔ-LIÊU *những giao điểm của nền khoa học tân tiến* 23

PHẠM-TRỌNG-NHÂN *cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá-Lợi* 31

MAI-LƯU *trở lại vấn đề cũ, độc lập kinh tế* 45

TRĂN-HƯƠNG-TỬ *Heidegger và bản chất của thi ca* 53

ĐỖ-TRỌNG-HUỀ *trà, lược sử và ý nghĩa* 61

ĐOÀN-THÊM *cũng lại hồi ký* 71

THANH-THUYỀN *phương đông (thơ)* 76

NGUYỄN-PHƯƠNG *án khảo chứng tích* 77

HOÀNG-LỘC *xuân của chúng mình (thơ)* 84

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *danh nhân : Thomas Edward Lawrence* 85

ĐOÀN-VĂN-AN *giáo nghĩa căn bản của triết lý Zen* 95

VÕ.QUANG-YẾN *6 năm phát triển hỏa tiễn* 102

NGUYỄN-THỊ-HOÀNG *giới hạn (thơ)* 108

VƯƠNG-HỒNG-SỀN *phen gặp gỡ cuối cùng giữa con cháu Đại-Minh và Mãn Thanh* 109

PHAN-DUY-NHÂN *chôn vùi rồi chăng (thơ)* 113

TẦN-HOÀI-DẠ-VŨ *lạc mùa xuân tuổi nhỏ (thơ)* 114

ĐÔNG-HỒ *xuất sứ danh từ nhân sĩ* 115

HUY-LỰC *nguyện cầu (thơ)* 120

TRẦN-VĂN-KHÊ *trả lời cuộc phỏng vấn âm nhạc* 121
NGUIỄN-NGU-Í *tổng kết cuộc phỏng vấn âm nhạc* 135
CÔ-PHƯƠNG-THẢO *sinh hoạt văn học 1963 có gì lạ* 147
TRẦN-HUIỀN-ÂN *hai ngọn La Hiên (thơ)* 144
HỮU-PHƯƠNG *chơi vơi — giã biệt — cát bụi (thơ)* 145
VŨ-HÂN *thương về xứ Huế* 157
HOÀI-HƯƠNG *nỗi buồn tháng sáu* 158
NGUIỄN-NGU-Í *ba món nợ tinh thần* 159
HỒ-HỮU-TƯỜNG *tù trong tù* 167
NGUYỄN-VĂN-TRUNG *Hochhuth với vởkịch « Người đại diện chúa»* 175
NGUIỄN-NGU-Í *chìm châu (thơ)* 180
VÕ-PHIẾN *tư tưởng (truyện ngắn)* 181
LÊ-TẤT-ĐIỀU *khởi hành (truyện ngắn)* 191
ĐOÀN-THÊM *gửi bạn tới nhà — tặng vần sáo cũ (thơ)* 207
HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG *vòng tay học trò (truyện dài)* 208
NGUIỄN-NGU-Í *đọc « Hòa âm » của Đoàn Thêm* 232
MỘNG-TRUNG *đường mộng về quê* 233
SINH HOẠT *Triết lí tuyệt hảo trong cuộc đời của Nhất Linh Nguyễn-Tường-Tam — Lễ truy điệu Nhất-Linh Nguyễn-Trường-Tam.* 234
Bìa của họa-sĩ LÂM-TRIẾT

CÁO LỖI

Vì lý do kỹ thuật, nên tạp chí Bách Khoa số 169 ra trễ mất 2 ngày. Chúng tôi xin cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

BÁCH KHOA

Bách Khoa

SỐ TẾT GIÁP THÌN

- Một số báo vui trẻ làm bạn đọc thích thú trong những ngày đón Xuân với các sáng tác của : Võ Phiến, Túy Hồng, Nguyễn Trùng Dương, Y-Uyên và một truyện đặc sắc nhất của Hồ-Hữu-Tường v.v...
- Một vấn đề thời sự : « Chủ trương Trung lập hóa Việt-Nam » của Nguyễn-Hữu-Dung.

Các bạn thân mến,

HÔM nay, số kỷ-niệm lại đánh dấu thêm một bước trưởng-thành của tờ tạp-chí đã đến với bạn đọc đều đặn nửa tháng một lần và liên tục trong suốt bảy năm qua.

Kiểm điểm lại gần 170 số, Bách-Khoa đã cống hiến bạn đọc, từ các số đầu tiên, những loạt bài luận bàn về xây-dựng dân-chủ, phê phán về chánh-sách kinh-tế tài-chánh, góp ý về quan-niệm giáo-dục, về các vấn-đề quân sự cấp-thiết v.v... trong khi báo chí còn bị chế độ cũ trói buộc hết sức khắt khe.

Bách-Khoa đã giúp bạn đọc am tường các vấn-đề thời-sự, từ những biến-cố quốc-tế đến những tin tức khoa học, văn học và cung cấp những tài-liệu mà bạn đọc đòi hỏi trên địa hạt triết-học cũng như trên địa hạt nghệ-thuật.

Các sáng tác và dịch-phẩm văn-nghệ đã đăng trên Bách-Khoa thể hiện chủ-trương đón nhận mọi thi-văn-phẩm phản-ảnh cuộc sống hiện-tại nhằm giới thiệu cùng bạn đọc được tối đa các xu-hướng văn nghệ ngày nay.

Một số bài khảo-luận, một số thơ, truyện đã được sưu tập để in thành sách : *Xây dựng tác phẩm tiểu-thuyết*, *Lược khảo văn-học*, *Tìm hiểu hội-họa*, *Tiểu thuyết hiện-đại*, *Vườn mây*, *Hòa âm*, *Cái bong bóng lợn*, *Mùa xuân trên đỉnh non cao*, *các văn-phẩm của nhà xuất bản Thời Mới Giao điểm v.v...* Tóm lại toàn tập Bách-Khoa chứa đựng một số lớn tác phẩm đã in ra hay sẽ được xuất bản sau này.

Giữ vững đường lối đã được nêu lên từ số đầu, với một số cây bút độc lập, không thuộc phe nhóm nào, Bách-Khoa đã trịnh bày cùng bạn đọc những ý-kiến xây-dựng đất nước về mọi mặt, phổ biến những kiến-thức thời-đại, giới-thiệu các xu-hướng văn-nghệ dị biệt, để đạt tới mục đích : trở thành một tờ báo thực-sự lợi-ích cho bạn đọc.

Biết rằng nỗ-lực của mình bao giờ cũng được thông-cảm và nhờ vậy sự ủng-hộ nhiệt-thành mà bạn đọc dành cho sẽ tăng lên cùng năm tháng, Bách-Khoa bước sang năm thứ tám, càng tin tưởng hơn ở hướng đi của mình để vững tâm tiến tới.

BÁCH-KHOA.

THẾ GIỚI VÀ VIỆT-NAM
trong năm 1963

VIỆT-ANH

ĐỨNG trên phương diện tình hình thế giới, năm 1963 là năm mà thuyết sống chung hòa bình Đông Tây bắt đầu được đem ra thử thách. Nó cũng là năm có nhiều sự biến chuyển lớn lao tại các nước chậm tiến Á-Phi và Châu-Mỹ La-Tinh, và đồng thời cũng là năm mà sự rạn nứt giữa khối Nga-Sô – Trung-Cộng đã bước sang một thời kỳ mới sâu sắc và quyết liệt hơn. Năm 1963 cũng là năm mà sự cống hiến của tổ chức Liên-Hiệp-Quốc cho hòa bình thế giới có những sự tiến triển đáng kể.

I.– Những cố gắng của Đông và Tây-phương để tiến lại gần nhau hơn.

Trước hết, ta phải kể hai nước Nga và Mỹ đã cố gắng để tiến tới thỏa hiệp với nhau trên nhiều vấn đề. Trước khi đi đến việc ký kết hiệp ước Moscou cấm thí nghiệm hạn chế vũ khí nguyên tử, một việc mà trước đó nửa năm không ai có thể ngờ tới, Mỹ và Nga đã ký thỏa hiệp với nhau trên ba vấn đề khác.

Đó là :

1) Thỏa ước về việc sử-dụng hòa bình không gian vũ trụ. (6-62). Hai nước hợp tác trong việc phóng vệ tinh thăm dò khí tượng và sử-dụng vào công việc viễn thông.

2) Thỏa hiệp Nga — Mỹ hợp tác trong việc sử dụng hòa bình tinh lực nguyên tử (21-5-63).

3) Thỏa - hiệp về việc đặt một một đường viễn ký đỏ (télétype rouge) giữa Moscou và Washington để các vị nguyên thủ hai nước có thể liên lạc trực tiếp với nhau, tránh mọi sự hiểu lầm có thể đưa đến chiến tranh (20-6-63).

THẾ GIỚI

Tháng giêng

3-1. *LHQ từ chối không điều đình với Tchombé về vấn đề Congo.*

14-1. *Đại hội Phật giáo lần thứ 19 họp ở Phnom Penh.*

15-1. *Khrouchtchev tham dự đại hội đảng CS Đông-Đức — mầu thuẫn Nga Hoa bắt đầu trở nên gay gắt.*

15-1. *Tổng Thống Togo bị ám sát: Đảo chánh quân sự ở Togo.*

22-1. *Brésil trở về chế độ Tổng Thống.*

Tháng hai

4-2. *Hội nghị đoàn kết nhân dân Á-Phi họp lần thứ 3 ở Moshi (Tanganyika)*

8-2. *Đảo chánh ở Irak. Kassem bị giết.*

8-2 *Sihanouk thăm Trung Cộng.*

11-2. *Vua Lào bắt đầu đi thăm cám ơn các nước dự hội nghị Genève 1962.*

Tháng ba

3-3. *Đảo chánh ở Pérou, thay thế chủ tịch Hội đồng Quân nhân.*

3-3. *Pakistan và Trung-Cộng ký hiệp định biên giới.*

4-3. *Trưng cầu dân ý ở Sénégal chọn chế độ Tổng Thống*

6-3. *Thành lập chính phủ lưu vong lâm thời Cuba ở New York*

Nhưng chỉ có bản hiệp ước Moscou là đạt được thành công lớn lao hơn cả vì đã có hơn 100 nước trên thế giới xin gia nhập kể cả những nước Cộng-sản, một việc hiếm có trong lịch sử bang giao Đông Tây. Ta cũng phải kể đến những tấn công hòa bình của Nga Xô như việc khối Varsovie đề nghị ký một hiệp ước bất xâm phạm với khối Minh ước Bắc Đại Tây Dương. Khối kinh tế Comecon tỏ ý muốn giao dịch thương mại với khối Thị Trường Chung Âu-Châu. Tuy nhiên Anh-Pháp-Mỹ vẫn tỏ ra dè dặt vì còn nghi ngờ thiện chí của Cộng-sản. Nhưng, đối với Trung-Cộng, mặc dầu vẫn bị gạt bỏ ra ngoài tổ chức Liên-Hiệp Quốc, các nước Tây-phương đã có nhiều dấu hiệu muốn nhích lại gần nước này hơn, như là Anh tăng-cường giao dịch thương mại với Trung Cộng, Pháp đang nghiên cứu việc công nhận Bắc-Kinh còn Mỹ thì vừa tuyên bố chính sách cửa bỏ ngỏ đối với nước này. Nhưng chừng nào mà Bắc Kinh chưa bỏ chính sách bành trướng ảnh-hưởng của họ đến các nước thuộc khu vực Á-Phi và Châu-Mỹ La-Tinh, thì những triển vọng sống chung giữa họ và các nước Tây-phương vẫn còn rất mong manh. Chính Trung Cộng cũng đã từng nói thẳng ra không úp mở : Họ cho rằng chỉ cần sống chung hòa bình với những nước nhược tiểu bị áp bức chứ không thể sống chung hòa bình với những nước đi áp bức. Vì thế cho nên trong năm vừa qua Lưu-Thiếu-Kỳ đã đi chu du một vòng quanh các nước Đông-Nam-Á (Indonésia Miến-Điện, Cao-Miên, Bắc-Việt) và gần đây Chu-Ân-Lai đi một vòng quanh các nước Phi-Châu (Cộng-Hòa Ả-Rập Thống

Nhất Algérie Maroc, Ghana, Guinée)... Ta cũng nên nhớ là trong năm vừa qua đã có sự tăng cường giao dịch thương mại giữa Nhật-Bản và Trung-Cộng, một sự tăng cường mà cả Hoa Kỳ lẫn Đài-Loan đều lo ngại.

Tóm lại, trong năm vừa qua, các nước trên thế giới đã có những cố gắng đáng kể trong việc bảo vệ hòa-bình chung và đẩy xa nguy cơ chiến-tranh nguyên-tử mà năm 1962 đã từng bị đe dọa nặng nề.

II.– Những hoạt động của tổ chức L.H.Q.

Ngay từ đầu năm, L.H.Q đã tỏ ra cương quyết trong vụ Congo, nhất-tâm giúp đỡ chính-phủ trung ương Congo thống nhất lãnh thổ, sáp nhập xứ Katanga và ông Tchombé phải lưu vong ra nnoại-quốc. L.H.Q. hay nói cho đúng hơn, các nước Á-Phi trong tổ-chức đó, được sự ủng hộ của một số lớn nước khác đã kiên quyết lên án thực dân Bồ-đào-Nha và thái độ kỳ thị chủng tộc của Nam-Phi, khiến những nước này cũng phải chùn tay trong những âm mưu đen tối của họ. Ngoài ra L.H.Q. cũng đã cử nhiều phái đoàn điều tra hay quan sát đi đến nhiều nơi có tranh chấp trên thế-giới. Như là L.H.Q. đã cử ông Gus-hing đến Cao-Mên và Thái-Lan có nhiệm vụ nghiên cứu tình hình tại chỗ và tìm cách hòa giải hai bên tuy rằng rất khó khăn. L.H.Q. cũng đã cử phái đoàn điều tra sang Yemen với nhiệm vụ kiểm soát sự ngưng bắn giữa quân Cách-mạng và quân Bảo-hoàng đã thực hiện vào ngày 5-4. Một phái đoàn quan sát L.H.Q. cũng đã được cử sang Sarawak và Bắc Bornéo để chứng kiến cuộc trưng cầu dân ý tại hai xứ này xem họ có muốn sáp nhập vào Liên-Bang Đại-Mã-Lai không ?. Sau cùng một phái đoàn quan sát L. H. Q. cũng đã được cử đến Việt-Nam để xét xem Phật-giáo đồ Việt-Nam có bị Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm đàn áp không ?.

Tuy rằng kết quả không hoàn toàn như ý muốn, nhưng L. H. Q cũng đã tỏ ra hoạt động hữu hiệu hơn năm trước. Hiện nay, cho đến ngày Kénya được chấp nhận vào L. H. Q, tổ chức này đã có tất cả 113 hội viên trong đó có 61 nước Á-Phi, riêng Phi-Châu đã có tới 37 nước. Ta có thể nói ngày nay Phi-châu là Châu được đại diện nhiều nhất ở Liên-Hiệp-Quốc. Nhiều nước Âu-Mỹ đã phàn nàn rằng L. H. Q. càng ngày càng trở nên một tổ-chức của các nước Á-Phi.

III.— Những xu hướng liên-hiệp tại các quốc-gia chậm tiến.

Những tổ-chức này hoặc hiện nay đã thành hình hoặc đang xúc tiến và còn gặp nhiều khó khăn, cản trở hoặc mới chỉ là những đề nghị thăm dò. Chúng ta có thể kể :

A) Liên bang Đại Mã Lai Á.— Liên bang này đã được thành lập ngày 16-9-63 và gồm có Mã Lai, Singapore, Sarawak và Bắc Bornéo. Trước khi đi đến thành tựu, nó gặp phải rất nhiều khó khăn vì nó bị hại nước Indonésia và Phi Luật Tân phản đối kịch liệt mặc dầu có nước Anh công khai ủng hộ và vận động để Mỹ làm theo. Cuối tháng 7 (30-7) đã có một hội nghị tối cao giữa các vị quốc trưởng 3 nước Mã Lai, Indonésia và Phi Luật Tân, coi như là một cố

7-3. Đức Giáo Hoàng tiếp Adjoubei rể của Khroutchev
8-3. Đảo chánh quân sự ở Damas.
10-3. Đảo chánh hụt ở Argentine.
18-3. Hội nghị giữa TT Hoa-Kỳ và các quốc trưởng các nước Trung Mỹ ở Costa Rica.
31-3. Đảo chánh quân sự ở Guatemala.

Tháng tư

2-4. Ngoại trưởng Lào Quinim Pholsena bị ám sát
8-4. Hội nghị khối Liên Phòng Đông-Nam Á họp ở Paris.
10-4. Hội nghị Ai-Cập — Syrie — Irak ở Le Caire.
10-4. Xung đột Pathet Lào — Trung lập bùng nổ.
12-4. Lưu-Thiếu-Kỳ bắt đầu đi thăm Indonésia, Miến-Điện, Cao-Miên, Bắc-Việt.
24-4. Hội nghị báo chí Á-Phi họp ở Djakarta.
24-4. Castro đi thăm Nga-Sô.

Tháng năm

6 và 14-5. Phe thân Nasser bị loại khỏi các chính phủ Syrie và Irak.
21-5. Đảo chánh hụt ở Thổ.
26-5. 30 nước Phi Châu họp ở Addis Abeba ký hiến chương đoàn kết.

Tháng sáu

3-6. Đức Giáo-Hoàng Joan XXIII băng hà.
13-6. Khủng hoảng chính trị ở Anh: Vụ Profumo.

gắng cuối cùng để đi đến thỏa hiệp. Ba vị quốc trưởng đã đồng ý thành lập một liên hiệp Maphilindo trùm lên trên cả 3 nước thuộc giống nòi Mã Lai. Nhưng rồi tổ chức này không bao giờ ra đời và sự bất đồng ý kiến vẫn còn nguyên vẹn. Sau ngày 16-9 phong trào chống đối Anh Quốc và chống đối Liên Bang Đại Mã Lai nổi lên cuồn cuộn ở Indonésia (đốt phá tòa đại sứ Anh, phá phách tài sản của Anh kiều); phong trào đó lại được các nước Cộng sản nhất là Trung Cộng nhiệt liệt hưởng ứng.

Ta cũng phải nhận rằng trong cuộc trưng cầu dân ý ở Sarawak và Bắc Bornéo, bản tường trình của phái đoàn quan sát L.H.Q. đã kết luận có lợi cho Mã Lai nghĩa là thấy rằng đa số dân chúng thuộc hai xứ đó đã muốn gia nhập Liên Bang mới. Nhưng đồng thời với việc tổ chức liên bang này, chánh phủ Kuala Lumpur cũng đã phải gửi rất nhiều quân sang khu vực nói trên để diệt trừ phá hoại và giữ miền biên giới chung với Indonésia.

B) *Tổ chức liên hiệp Ả-Rập* Với cuộc đảo chánh ngày 8-2 giết chết nhà độc tài Kassem, người kình địch của Tổng Thống Ai Cập Nasser, tiếp theo là cuộc đảo chánh quân sự ở Damas (Syrie đưa phe thân Nasser lên nắm chính quyền) chúng ta tưởng là 3 nước Ả-Rập: Ai Cập, Syrie, Irak sắp tiến tới liên hiệp đến nơi. Thực vậy, ngày 10-4 có một hội nghị ba nước ở Le Caire. Ngày 16-4 ba nước đã đi đến một tuyên ngôn chung quyết định thành lậpmột khối liên hiệp trong đó các nước Yemen và Algérie Lybie đều có thể

gia nhập. Nhưng bước sang tháng 5, hai chánh phủ Irak và Syrie đều cải tổ và phe thân Nasser bị gạt bỏ ra ngoài. Đảng Baas (chống Nasser) lên nắm chính quyền. Đến tháng 11-63 tại cả 2 nước lại có đảo chánh và cải tổ nữa và phe thân Nasser vẫn bị gạt ra ngoài. Thành ra xu hướng liên hiệp giữa ba nước vẫn chưa thực hiện được. Nhưng Cộng hòa Ả-Rập thống nhất và Algérie thì lại có vẻ thân nhau hơn. Chính cộng hòa Ả-Rập thống nhất đã ngầm giúp đỡ Algérie trong cuộc xung đột biên giới Algérie Maroc mà vua Hailé nước Ethiopie đã phải đích thân đứng lên hòa giải.

C) Các Hội-nghị đoàn-kết Á-Phi.— Các hội nghị này phần nhiều đều có tánh cách tuyên truyền vận động nhiều hơn là thực tế và có bàn tay Cộng-sản công khai hoặc ngầm ngầm vận động ở đằng sau. Chúng ta phải kể :

— Hội nghị đoàn kết nhân dân Á-phi họp lần thứ 3 ở Moshi (Tanganyika) ngày 4-2 lên án chủ nghĩa thực-dân, vũ khí nguyên tử và đòi quyền bình đẳng cho các dân tộc da màu. Trung-cộng rất được hoan nghênh tại hội nghị này, trái lại Ấn Độ không gây được ảnh hưởng gì đáng kể.

— Hội nghị 30 nước Phi-châu ở Addis Abeba (Ethiopie) đi đến việc ký-kết một hiến chương đoàn kết các nước Phi-châu (26-5) chấm dứt tình trạng trước kia có những khối như khối Casablanca, khối Brazaville khối Monrovia. Ta cũng nên biết là trong hội nghị này hai tổng thống Nasser và Ben Bella đều được hoan nghênh nhiệt liệt. Điều đó chứng tỏ là các nước Phi châu này đều có xu hướng muốn đứng ra ngoài cuộc tranh chấp Đông Tây.

— Hội-nghị các nhà báo Á-Phi họp ở Djakarta (25-4). Hội nghị này có tính cách thân Cộng và tiến theo đường lối do Cộng-sản vạch ra (1).

D) Các đề-nghị liên-hiệp. — Ở đây ta phải kể tới hai loại đề nghị :

— Đề nghị của Cộng-sản :

Đề nghị của Bắc Cao lập chính phủ liên hiệp 2 miền để tiến tới thống nhất lãnh thổ. Cố nhiên là Nam Hàn lặng thinh (24-11).

— Đề nghị của Sihanouk lập một khối liên hiệp với Nam Việt-Nam và Ai-Lao. Cố nhiên là khối liên hiệp đó khó lòng mà thành tựu được vì Nam Việt-Nam là một nước chống Cộng không thể trung lập như Cao Miên. Còn ở Lào, thì Pathet Lào đang xung đột võ trang với lực lượng của phe Trung-lập, biến thứ trung lập ở giữa thành thứ trung lập của họ. (Trung-lập ở giữa là Trung-lập của Phouma).

IV.— Những khó khăn giữa các nước Đồng Minh Tây Phương.

Có mấy khó khăn đáng kể ta cần phải nêu ra ở đây :

1) Vấn đề nước Anh xin gia nhập Thị trường Chung Âu-Châu. Anh quốc đã phải thuyết phục khó khăn các nước trong khối Liên Hiệp Anh để có thể được tự do xin gia nhập Thị Trường

---

(1) Trong cuộc công du Phi-Châu tháng 12 vừa qua Chu-Ân-Lai cũng đề nghị triệu tập một hội nghị Á-Phi lần thứ hai họp ở Bandoeng.

21-6. *Đức Giáo - Hoàng Paul VI kế vị Joan XXIII.*

24-6. *Tổng - Thống Kennedy thăm Tây-Đức.*

Tháng bảy

5-7. *Hai đảng Cộng sản Nga-Hoa nói chuyện ở Moscou.*

9-7. *Đức Giáo-Hoàng Paul VI tiếp Ô. U-Thant.*

30-7. *Hội nghị tối cao Mã - Lai Phi-Luật-Tân — Indonésia ở Manille.*

Tháng tám

5-8. *Ký hiệp ước ngưng thí nghiệm từng phần vũ khí nguyên tử ở Moscou.*

7-8. *Xung đột Saint-Domingue-Haïti.*

15-8. *Đảo chánh quân sự ở Congo Brazaville*

28-8. *Cambốt tuyệt giao với VNCH*

Tháng chín

12-9. *Hội nghị Liên Hiệp nghị sĩ quốc tế họp ở Belgrade*

16-9. *Thành lập Liên Bang Đại Mã Lai Á.*

17-9. *Khóa họp thứ 18 Đại hội-đồng LHQ khai mạc.*

20-9. *Ben Bella được bầu làm Tổng Thống Cộng hòa dân chủ nhân dân Algérie.*

Tháng mười

3-10. *Đảo chánh quân sự ở Honduras.*

15-10. *Tổng tuyển cử bầu Tổng Thống Nam Hàn.*

16-10. *Đại Hội Đồng LHQ bác đề nghị cho Trung Cộng vào LHQ*

Chung Âu-Châu. Tháng 1-1963, hội nghị Bruxelles nhóm họp để xét vấn đề này. Rút cuộc Pháp đã dùng quyền phủ quyết để ngăn chận không cho Anh gia nhập. Anh đành phải ôm hận ra về.

2) *Vấn đề ngưng thử võ khí nguyên tử.* Anh Mỹ đều cố gắng thuyết phục để cho Pháp ngưng thí nghiệm vũ khí nguyên tử. Nhưng vô hiệu. Ngày 19-3 Pháp cho thử quả bom nguyên tử dưới đất ở Sahara, gây làn sóng phản đối ở Phi Châu. Pháp cũng đã từ chối không chịu gia Nhập hiệp ước Moscou làm củng cố thêm lập trường của Trung Cộng.

3) *Thái độ của Tây Phương đối với vấn đề trung lập ở các quốc gia chậm tiến.*— Ở đây thái độ của Pháp và của Mỹ đối lập hẳn với nhau. Pháp chủ trương đẩy mạnh chính sách trung lập, thống nhất các nước chia đôi. Còn Mỹ thì nhất định nhằm vào vấn đề chống Cộng, chứ không chịu thỏa hiệp vì thỏa hiệp tức là đầu hàng Cộng sản.

Tất cả những khó khăn trên đều do ở chính sách của Tổng Thống De Gaulle muốn đề cao nước Pháp và giải quyết quyết mọi việc theo một đường lối riêng biệt. Chính Tổng Thống Kennedy trong cuộc phỏng vấn ngày 24-10-63 (1 tháng trước khi bị ám sát) dành cho ký giả Jean Daniel đã phải thú nhận rằng không hiểu rõ tướng De Gaulle muốn gì. Hiểu De Gaulle còn khó hơn cả hiểu Khrouchtchev Giữa ông và De Gaulle hoàn toàn không đồng ý với nhau về một điểm nào.

Tuy gặp nhiều khó khăn đối với

Pháp, nhưng Hoa Kỳ lại củng cố được sự liên minh đối với Anh và Tây Đức nhất là về phương diện chiến lược.

1) Củng cố liên minh giữa Hoa Kỳ và Tây Âu.

— Tháng 6-1963, Tổng Thống Kennedy công du Anh quốc và Tây Đức, củng cố thêm tình thân hữu giữa ba nước dân chủ Tây phương.

— Ngày 24-10-1963. Hoa Kỳ thí nghiệm một cuộc chở quân vĩ đại từ vùng Texas (Hoa kỳ) đến tỉnh Fonclort (Tây Đức) chở 14 500 quân thuộc đệ nhị sư đoàn thiết giáp bằng một cầu không vận vĩ đại nhất lịch sử trong vòng không đầy 24 tiếng đồng hồ. Cuộc hành quân Big Lift đã thay đổi quan niệm đóng quân của Hoa Kỳ. Từ nay Hoa Kỳ thấy không cần phải đóng nhiều quân ở Tây Âu mà chỉ cần dự trữ những kho quân nhu khí giới đầy đủ và lúc cần chở quân chớp nhoáng đến sử dụng. Có lẽ vì rút kinh nghiệm cuộc hành quân đó, Bộ trưởng quốc phòng Mac Namara đã quyết định đóng cửa 30 căn cứ quân sự Mỹ tại 16 nước trên thế giới, giảm một số lớn nhân viên quân sự.

2) Mở rộng phạm vi phòng thủ của hạm đội thứ 7 Mỹ đến tận Ấn Độ Dương tỏ rõ ý chí kiên quyết của Hoa Kỳ muốn ngăn chặn làn sóng đỏ lan tràn xuống miền Đông Nam Á ! Ta nên nhớ khu vực Ấn Độ Dương xưa nay vốn là khu vực phòng thủ của Anh.

V.— Mâu thuẫn Nga Hoa càng ngày càng trầm trọng.

Tháng giêng 1963, đại hội đảng Cộng sản và Xã Hội hiệp nhất Đông Đức nhóm họp ở Berlin có tất cả các phái đoàn các nước Cộng sản tham dự. Khrouchtchev dẫn đầu đoàn đại biểu đảng Cộng sản Nga đọc tham luận có vẻ hòa dịu và đề nghị úp mở với Trung cộng là hai bên đừng công kích nhau nữa. Nhưng đại biểu Trung Cộng đã lên diễn đàn và đả kích kịch liệt bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại mà đứng đầu là « các người lãnh đạo đảng Cộng sản Liên-Sô và bè lũ Tito ». Đại biểu Trung Cộng bị la ó kịch liệt và sau đó đã bỏ phòng họp ra về. Từ đó trở đi, hai bên công khai đả kích nhau trên mặt báo và trên đài phát thanh. Những bài xã luận tràng thiên đại hải của đài phát thanh Bắc Kinh đả kích Nga Xô một cách chua chát và thâm thía, trong khi đó Moscou lại muốn trả lời ra giọng kẻ cả. Thành ra cuộc tranh chấp lý tưởng càng ngày càng đào xâu hố mâu thuẫn. Những thư đi thư lại giữa hai Trung ương đảng bộ Cộng sản, giọng mỗi lúc một gay gắt hơn. Rồi hai bên đi đến thỏa thuận mở cuộc hội đàm ở Moscou vào tháng 7-1963. Cuộc hội đàm đó cũng không đưa đến kết quả nào vì mâu thuẫn lập trường giữa hai bên quá sâu sắc. Hiện nay người ta cũng chưa thấy triển vọng nào hai bên có thể thỏa thuận được với nhau trong một ngày gần đây.

Trong khi đó việc xích gần Nga Mỹ đã làm cho Trung Cộng càng thêm tức tối. Cuộc công du của thủ tướng Chu-Ân-Lai đến thăm Cộng Hòa Á-Rập Thống Nhất, Algérie, Tunisie Maroc Quinée, Ghana được coi như là một tấn công mới của Trung Cộng vào các nước Phi-Châu tranh giành với ảnh hưởng của Nga Xô ở đó — Cuộc tranh chấp Trung-Cộng

16-10. *Ông Erhard được bầu làm thủ tướng Tây Đức thay ông Adenauer cáo lui.*

17-10. *Tito thăm Hoa-Kỳ.*

18-10. *Lord Home được cử làm thủ tướng Anh thay ông Mac Millan lâm bịnh từ chức.*

23-10. *Edgar Faure đến Bắc Kinh*

24-10. *«Opération Big Lift» của Hoa Kỳ chở quân từ Texas sang Tây Đức*

28-10. *Đảo chánh quân sự ở Dahomey.*

Tháng mười một

1-11. *Đảo chánh quân sự ở Việt-Nam.*

11-11. *Sihanouk yêu cầu Mỹ ngưng viện trợ KT và QS.*

13-11. *Tổng Thống Sokarno kiêm chức thủ tướng nhân dịp thủ tướng Djuanda chết.*

18-11. *Lại đảo chánh ở Irak.*

22-11. *Tổng Thống Kennedy bị ám sát.*

24-11. *Sihanouk đề nghị mở hội nghị quốc tế bảo đảm trung lập Cambốt.*

Tháng mười hai

8-12. *Thủ tướng Thái từ trần*

9-12. *Zanzibar tuyên bố độc lập.*

11-12. *Kenya tuyên bố độc lập.*

13-12. *Chu-Ân-Lai lên đường đi thăm Cộng Hòa Á-Rập Thống Nhất.*

13-12. *Ông Koger Hilsman tuyên bố Mỹ theo chính sách «cửa ngõ» đối với Trung Cộng.*

— Nga-Xô làm cho các nước Cộng sản và các đảng Cộng sản giao động không ít. Các đảng Cộng sản các nước Tây phương (Anh, Pháp, Ý) đều theo lập trường đảng Cộng sản Nga nhưng cũng có một số rất ít theo lập trường của Trung Cộng: như hiện nay trong đảng Cộng sản Bỉ đã có một sự chia rẽ nghiêm trọng. Phần lớn các nước Cộng sản Đông-Âu trừ Albanie, đều theo Nga-Xô. Nhưng nếu xét kỹ thái độ của đảng Cộng sản Lỗ thì ta thấy đảng này đang muốn cho nước của họ thoát ly một phần lớn khỏi ảnh hưởng các nước anh em. Tại Đông phương trừ đảng Cộng sản Mông-Cổ công khai ngả theo Moscou, các đảng Cộng sản khác như đảng cộng sản Bắc Hàn, đảng Lao Động Bắc Việt, đảng Cộng sản Nam Dương, đảng Cộng sản Miến-Điện đều ngả theo lập trường của Bắc Kinh. Nói chung ta thấy, tại các khu vực chậm tiến, phần nhiều các đảng Cộng sản và nhiều đảng khuynh tả khác hướng tư tưởng và hành động của họ theo Trung Cộng. Còn tại những nước tiền tiến hoặc trực tiếp nằm trong khu vực của Nga-Xô, các đảng Cộng sản đều hướng về Moscou. Một chứng cớ là nhiều nước Phi-Châu và Đông-Nam-Á hiện nay muốn lấy Trung-Cộng làm một gương phát triển để noi theo. Riêng Nam-Tư là một nước bề trong theo chủ nghĩa Cộng sản nhưng bề ngoài lại theo thuyết Trung lập tích cực, đã bị Trung-Cộng đả kích kịch liệt coi như là một cái bung xung để gián tiếp chỉ trích Nga Sô, cũng như Nga-Xô đã dùng Albanie làm bung xung để đả kích Trung Cộng. Cuộc khẩu chiến và bút chiến đó đến nay vẫn tiếp tục hai bên đã gọi thẳng tên, chỉ thẳng trán lẫn nhau mà mạt sát.

VI.— Những biến cố xảy ra trong năm.

Năm 1963 là một năm xảy ra rất nhiều biến cố. Nó là năm có nhiều vị yếu nhân thế giới gặp số phận không may : Ngày 3-6-63, Giáo Hoàng Joan XXIII băng hà, ngày 22-1-63, Tổng-Thống Kennedy bị ám sát. Hai cái tang này đều là những tang chung cho nhân loại yêu chuộng hòa bình và tự do. Ta còn nhớ bản thông điệp của Giáo Hoàng Joan XXIII, ban ra tha thiết kêu gọi hòa bình và chứa chan tình yêu thương nhân loại.

Một số quốc trưởng bị ám sát một cách bi thảm như tướng Kassem của Irak bị giết trong cuộc đảo chánh tháng 2 Tổng-Thống Togo bị giết trong cuộc đảo chánh quân sự tháng 1. Anh em Tổng-Thống Diệm cũng bỏ mạng trong cuộc cách mạng tháng 11 vừa qua. Ngoài ra, ngoại trưởng Ai-Lao là Quinin Pholsena cũng bị ám-sát vào đầu tháng 4 mở đầu cho cuộc xung đột võ trang giữa hai phe Pathet Lào và Trung-Lập.

Nhiều vị Tổng-Thống khác như ở Syrie, Irak, Guatemala, Honduras. Dahomey, Congo, Brazaville cũng bị truất phế, hoặc bị bắt giam, hoặc phải lưu vong ra ngoại quốc.

Thủ tướng Anh cũng bị lung lay suýt đổ vì vụ Profumo và Thủ tướng Thái-Lan đã lâm bệnh từ trần vào ngày 8-12-63, một tháng sau ngày thủ tướng Indonésia là Djuanda chết khiến Tổng Thống Sokarno phải kiêm nhiệm luôn cả ghế thủ tướng. Thật là một năm không may cho nhiều vị nguyên thủ quốc gia. Chỉ có ông Adenauer là người sung sướng nhất vì ông đã từ giã ghế thủ tướng một cách vinh hiển để về an hưởng tuổi già nhìn lũ hậu sinh tiếp tục sự nghiệp của mình.

Năm 1963 cũng là một năm có nhiều cuộc đảo chánh nhất, kể cả hai cuộc đảo chánh hụt ở Argentine, người ta tính có tất cả 12 cuộc đảo chánh, riêng tháng 3 đã có tới 4 cuộc đảo chánh. Trong số 10 cuộc đảo chánh thành công, có 3 vụ xảy ra ở Phi-Châu, 4 vụ ở Á-châu (riêng Irak đã có 2 vụ) và 3 vụ ở Châu-Mỹ La-Tinh. Tất cả những cuộc đảo chánh đó đều do giới quân nhân làm, chứng tỏ sự quan trọng của quân đội trên diễn đàn chính trị các quốc gia chậm tiến. Tại các nước Á-châu hiện nay có tới tám chính phủ do những cuộc cách mạng quân nhân lập thành. Còn ở Nam Mỹ thì hầu hết các chính phủ đều là những chính phủ quân nhân. Những cuộc đảo chính ở Trung và Nam Mỹ thường xuyên đến nỗi trong tháng 10 vừa qua các ngoại trưởng trong tổ chức liên Mỹ A.S.O (American States Organization) đã phải nhóm họp do sáng kiến của Vénézuéla để nghiên cứu những biện pháp đối phó. Như vậy là trong năm vừa qua đã có hai hội nghị của các nước Trung Nam Mỹ có Hoa-Kỳ tham dự : một hội nghị trên cấp bực Tổng Thống (hội nghị giữa Tổng - Thống Kennedy và các Tổng - Thống Trung Mỹ ở Costa Rica vào ngày 18-3) và một hội nghị trên cấp bậc ngoại-trưởng ngày 3-10-63. Khi bình luận về cuộc đảo chánh ở Việt-Nam, ông Dean Rush, ngoại trưởng Hoa-Kỳ đã cho rằng những cuộc đảo chánh ở Á-châu có tính cách tiến bộ nên những tân chính

VIỆT-NAM

Tháng 1

3-1. Trận Ấp Bắc

9-11 — 9-1. Đô đốc Harry Felt và phái đoàn quân sự Wheeler đến Saigon.

23-1. Chủ tịch Tiệp-Khắc Novotny thăm Bắc-Việt.

Tháng 2

11-2. Đại sứ Nolting đọc diễn văn kêu gọi Mỹ — Việt tìm hiểu nhau hơn

23-2. Báo cáo của Thượng nghị sĩ Mansfield về VN.

Tháng 3

1-3. 62 nhà trí thức Hoa-Kỳ viết thư cho TT Kennedy yêu cầu chấm dứt chiến tranh ở VN.

4-3 Phó Tổng Thống Trần-Thành thăm VNCH.

10-3 Quốc Vương Lào đến thăm Hanoi

Tháng 4

17-4. Ban hành chính sách chiêu hồi nhân dịp kỷ niệm một năm ngày thành lập Ấp chiến lược:

Tháng 5

8-5. Chính quyền N Đ Diệm đàn áp Phật giáo ở Huế.

10-5. Lưu-Thiếu-Kỳ thăm Bắc Việt.

15-5. Ngô-Đình-Diệm tiếp phái đoàn Phật giáo.

30-5. Bắt đầu phong trào tuyệt thực để tranh đấu cho 5 nguyện vọng Phật giáo.

phủ do những cuộc đảo chánh đó thành lập nên, được ngay sự thừa nhận của Hoa-Thịnh-Đốn. Còn những cuộc đảo chánh quân sự được thực hiện ở Châu Mỹ La-Tinh chỉ có tính cách làm rối trật tự quy định, vì vậy cho nên nó không có tính cách tiến bộ. Do đó mà chính phủ Hoa-Kỳ đã tuyệt giao với chính phủ Honduras lập nên sau cuộc đảo chánh ngày 3-10 và trước đây đã thi hành những biện pháp trừng trị đối với Cộng-Hòa Dominicain về phương diện kinh tế. Một tờ báo Đài-Loan có lẽ vì sợ một cuộc đảo chánh quân nhân có thể xảy ra trên đất mình nên đã kịch liệt lên án sự phân biệt đó. Họ cho rằng ủng hộ các cuộc đảo chánh quân nhân tức là đã trực tiếp can thiệp vào nội bộ các quốc gia liên hệ. Đứng trên phương diện đó thì bất cứ cuộc đảo chánh nào nếu có sự can thiệp của ngoại bang cũng đều phải lên án.

Có một điều ta cần phải nhận xét là tại những nước (dù là Cộng-sản hay Tự do) đã có một định chế rõ ràng được các nhà cầm quyền và dân chúng tôn trọng thì những cuộc đảo chánh khó lòng có thể xảy ra được.

Bên cạnh những biến cố trên, ta cũng phải kể đến phong trào kỳ thị chủng tộc lại nổ ra ở Hoa kỳ (vụ Alabama) vào tháng 4 năm 1963. Phản ứng của người da đen trở nên quyết liệt. Tháng 8-63 hàng trăm ngàn người da đen đã đi bộ từ khắp nơi đến Hoa Thịnh Đốn để phản đối bọn chủ trương phân chủng. Phải nhờ đến tất cả thiện chí và uy tín của Tổng Thống Kennedy mới giải quyết được tạm thời vấn đề này. Và đó có lẽ cũng là một nguyên

nhân tạo ra cuộc ám sát bi thảm cố Tổng Thống Kennedy. Người da đen đã khóc một vị Tổng Thống thành thực che chở cho họ.

Ngoài những biến cố chánh trị trên, chúng ta cũng phải kể tới những thiên tai lớn xẩy ra trong năm qua làm bao ngàn người thiệt mạng : như vụ động đất ở Lybie (2-63), vụ động đất ở Nam Tư (7-63), vụ vỡ đập ở Ý.

Sau cùng ta cũng phải kể đến thành tích khám phá không gian của các phi hành gia Nga Mỹ :

Ngày 16-5, phi hành gia Hoa kỳ Gordon Cooper bay được 22 vòng quanh trái đất. Ngày 16-6, 2 phi thuyền không gian Nga cùng bay một lúc.

Valery Bykovsky bay được 82 vòng và nữ phi hành gia đầu tiên của thế giới là Valentina hay được 49 vòng trên 2 phi thuyền Phương Đông V và Phương Đông VI.

* * *

Nay bàn về tình hình Việt - Nam, năm 1963 cũng là năm có nhiều biến chuyển quan trọng. Đầu năm khai xuân bằng trận Ấp Bắc (3-1) đúng vào ngay sinh nhật của ông Ngô Đình Diệm (Đo có lẽ cũng là một cái điềm không hay cho ông ta). Trận này đã làm sôn sao không ít dư luận Hoa Kỳ khiến Tổng Thống Kennedy phải cử ngay đô đốc Harry Felt và phái đoàn quân sự Wheeler sang Việt Nam điều tra. Tiếp theo là các phái đoàn thượng và hạ nghị sĩ Hoa Kỳ. Báo cáo Mansfield đề nghị Hoa Kỳ rút lui khỏi V.N. nếu chính phủ N.Đ Diệm không chịu cải tiến guồng máy chính trị đã làm sôi nổi dư luận Hoa Kỳ và Việt Nam. Để đối phó với tình thế mỗi ngày một trở nên nghiêm trọng, chính quyền Diệm Nhu tích cực đẩy mạnh công tác Ấp Chiến Lược đã được nâng lên hàng quốc sách. Cho tới giữa năm 1963, số ấp ckiến lược được thành lập một cách vội vã đã lên tới con số gần một vạn và dự định đến cuối năm nay sẽ hoàn thành kế hoạch đưa toàn thể nhân dân Việt-Nam vào trong các ấp chiến lược. Kế hoạch đó được thực hiện quá vội vàng và lại thiếu cán bộ nên có nhiều chỗ sơ hở để cho Việt-Cộng lợi dụng Đã có nhiều cố vấn Hoa kỳ nghĩ rằng thà thu lại mà củng cố còn hơn là phát triển mạnh ra mà lại để lỏng lẻo. Ngô Đình Nhu vì tự ái nhất định không theo kế hoạch đó vin vào lý do phải thực hiện cho được chủ trương cô lập cán bộ Việt Cộng với nhân dân để tiêu diệt chúng. Cũng vì thiết lập một cách quá nhanh chóng và sơ sót nên Ấp Chiến Lược đã gây nên nhiều ta thán trong dân quê nhất là ở miền Nam, do đó tạo điều kiện cho Việt Cộng phát triển thêm lên. Đi đôi với quốc sách Ấp Chiến Lược, chính phủ Ngô Đình Diệm còn ban hành chính sách Chiêu hồi vào ngày 17-4-1963. Chính sách này cũng có thu lượm được một số kết quả nhưng rất nhỏ nhoi so với đà phát triển của Việt Cộng. Những cuộc hành quân mỗi ngày một nhiều và sự thiệt hại cũng tăng gia. Trong suốt nửa năm đầu 1963, Việt Cộng đã mở một cuộc tuyên truyền vận động đại quy mô trên toàn quốc và toàn thế giới chống cái mà họ gọi là « tội ác của Mỹ-Diệm trong việc cho phi cơ rải chất độc hóa học phá hại mùa màng

Tháng 6.

3-6. Biểu tình sinh viên ở Huế. Đàn áp đẫm máu.

11-6. Hòa Thượng Thích-Quảng-Đức tự thiêu.

16-6. Ký kết thông cáo chung giữa hai phái đoàn Phật giáo và chính phủ.

Tháng 7

7-7. Ông Nguyễn-Tường-Tam tự tử.

31-7. Tổng bãi công bãi thị, nhất là ở Huế nhân 49 ngày cố Hòa Thượng Thích-Quảng-Đức.

Tháng 8

14-8. Hồ-Chí-Minh tuyên bố về VN

21-8. Tấn công chùa chiền — ban hành lịnh giới nghiêm

23-8. Ông Vũ-Văn-Mẫu từ chức.

24-8. Bắt đầu phong trào sinh viên học sinh tranh đấu ở Saigon.

26-8. Ông Cabot Lodge trình ủy nhiệm thư.

29-8. De Gaulle tuyên bố về vấn đề thống nhất và trung lập của VN

Tháng 9

3-9. 14 nước Á-Phi tại LHQ đòi đem vấn đề Phật giáo VN ra thảo luận

12-9. Trận Đầm Dơi.

16-9. Bãi bỏ lệnh giới nghiêm.

và giết hại nhân dân ». Mặc dầu chính phủ Việt Nam Cộng Hòa hồi đó đã cải chánh bằng cách chứng tỏ rằng thuốc hóa học hoàn toàn vô hại đối với người và gia súc và chỉ dùng để khai quang hai bên đường cốt để đề phòng Việt cộng phục kích, dư luận thế giới đã tin ở những lời tuyên truyền của Việt Cộng nên nhiều chính phủ và nhiều giới nhân sĩ đã gửi thư phản đối, trong số đó có cả nhà bác học Anh Bertrand Russel.

Vụ đàn áp Phật giáo ngày 8-5 ở Huế đã bắt đầu một trang sử mới đẫm máu của những người tử vì đạo và đã đưa chế độ bạo tàn Nhu Diệm đến chỗ sụp đổ trong vòng không đầy nửa năm. Thực vậy, cuộc đàn áp Phật giáo làm cho một chút uy tín còn lại của chính quyền Ngô Đình Diệm bị tiêu tan như mây khói.

Ở trong nước, sự ủng hộ của toàn dân mất hẳn, trong 100 người may ra mới có một người ủng hộ mà chưa chắc họ đã ủng hộ thực tình. Mọi người đều im hơi lặng tiếng, mặc cho bọn sài lang hoành hành. Bản thông cáo chung ra đời mà không hề được áp dụng. Sự hòa giải chỉ có trên giấy tờ, còn trên thực tế thì chỉ có đàn áp. Hết sư sãi tranh đấu lại đến sinh viên, học sinh. Ngày 21-8 mở đầu cho một phong trào bắt bớ đại quy mô và các trại giam mọc lên như nấm. Bởi vậy chế độ cũ càng ngày càng bị nhân dân phỉ nhổ. Ở ngoại quốc làn sóng phẫn đối nổi lên khắp nơi, người Mỹ đã nghĩ đến việc thay ngựa giữa giòng, vì không thể nào để cho bạo lực thống trị mãi làm hại cho công cuộc chống Cộng. Họ cố tìm cách vá víu hàn gắn

mãi không xong. Đại sứ Cabot Lodge sang kế tiếp vị đại sứ bị mua chuộc Fréderic Nolting. Những cuộc đấu trí gay go trước kia diễn ra giữa chính quyền Nhu Diệm và Ủy-ban Liên-phái bảo vệ Phật-giáo thì sau ngày 21-8 đã diễn ra giữa chính quyền đó và ông Tân Đại sứ Hoa-kỳ. Thế rồi, cái gì phải đến đã đến !

Ngày 1-11, các tướng lãnh của quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa đã đứng lên lãnh đạo quân đội làm cuộc cách mạng lật đổ chế độ độc tài thối nát và bạo tàn Nhu Diệm. Một trang sử mới bắt đầu. Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng thành lập đứng đầu là Trung-tướng Dương-Văn-Minh. Hội-đồng ký sắc lệnh đầu tiên ngày 4-11, thành lập chính phủ lâm thời Việt-Nam do cựu phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc-Thơ làm Thủ-tướng. Việc đầu tiên của chính-phủ cách mạng là mở toang các nhà tù cho các sư sãi về chùa và các sinh viên học sinh vô tội được về đoàn tụ với gia đình và tiếp tục học hành. Sau đó những kẻ có tội mới dần dần được lôi ra trước ánh sáng của luật pháp và phải đền tội trước quốc dân vì những việc họ đã làm dưới thời Nhu-Diệm.

Để mau chóng thực thi dân chủ, Hội-đồng Quân-nhân đã tỏ rõ ý định không muốn làm chính trị và thành lập ngay vào đầu tháng 12 một Hội đồng Nhân sĩ để giúp đỡ mình trong công việc trị quốc an dân Các đảng phái chính trị đã bắt đầu thành lập và hoạt động trở lại. Tự do báo chí đã được ban hành. Người dân đã thấy thích xem báo hàng ngày chứ không khinh ghét tờ báo như xưa, thành ra cho tới nay số báo xuất bản tuy nhiều mà bán vẫn rất chạy. Người ngoại quốc đã phải nhận thấy vẻ hân hoan trên nét mặt người Việt nhất là trong mấy ngày đầu của cuộc cách mạng. Nhưng đến khi lật đổ xong được Nhu Diệm rồi thì vấn đề chống Cộng lại hiện lên nguyên vẹn. Cộng-sản đã tăng-cường hoạt động trong những ngày đầu cách mạng, tình thế rối ren (trận Hiệp-Hòa, trận Chà-là). Nhưng quân đội đã đối phó kịp và hiện nay đã giữ vững được thế quân bình.

Vấn đề ngày nay là làm thế nào để chống Cộng được thắng lợi.

Hội nghị giữa các nhân viên cao cấp của chính phủ Hoa-Kỳ do Ngoại-trưởng Dean Rush chủ tọa họp ở Honolulu đã chủ trương không nên mở tổng tuyển cử ở Việt-Nam vội trước khi dẹp xong nạn Cộng sản.

Pháp và Cao-Miên lại nhắc lại đề nghị trung lập hóa Việt-Nam, cốt để gây trong dân chúng một dư luận có lợi cho Trung-lập.

Trước hai thái độ đó, chính phủ ta đã tỏ rõ lập trường : thẳng thắn thực hiện dân chủ, nhưng cũng cương quyết chống cộng và chống chủ trương trung lập.

Tóm lại, Chính phủ và nhân dân ta đang tiếp tục thanh toán chế độ cũ, và đồng thời lại phải tiến lên xây dựng một chế độ mới trên căn bản chống Cộng. Cộng việc thực là khó khăn và phức tạp, Năm 1963 đã qua, nhìn lại con đường cũ, ta thấy những thắng lợi thậu lượm được còn rất mỏng manh. Những khó khăn cản trở

24-9. Phái đoàn Mac-Namara-Taylor đến VN

28-9. Tổng tuyển cử Quốc Hội pháp nhiệm III.

Tháng 10

7-10. Đ H Đồng LHQ thảo luận vấn đề Phật giáo VN.

23-10. Phái đoàn quan sát LHQ đến VN.

Tháng 11

1-11. Đảo chánh quân sự lật đổ chế độ Ngô-Đình-Diệm.

4-11. Hiến ước tạm thời — Hội đồng quân nhân CM và chính phủ lâm thời VN

7-11. Peyrefitte nhắc lại quan điểm của De Gaulle về VN

20-11. Hoa-Kỳ quyết định tiếp tục viện trợ cho VN

20-11 Hội nghị Honolulu về VN.

Tháng 12

4-12. Sihanouk đề nghị liên hiệp với VN trên nền tảng Trung lập.

11-12. L. T Johnson tuyên bố ra sức chống Cộng ở Caraïbes và VN

20-12. Biểu tình của sinh viên học sinh ở Saigon chống chế độ Trung lập.

còn rất nhiều trong những ngày mai sẽ tới : Làm sao thực hiện được đoàn kết toàn dân, chống Cộng, cứu quốc, xây dựng dân chủ, đem lại hòa bình cho đất nước ? Đó là những nhiệm vụ mà chính phủ và quân dân ta phải thực hiện trong năm 1964. Thời gian không cho phép ta chần chừ lâu hơn nữa.

Nhìn sang tình hình thế giới ta thấy có nhiều triển vọng tươi sáng hơn. Căn cứ trên chính sách hòa bình của Tân Tổng Thống Johnson, căn cứ trên lời tuyên bố của Khrouchtchev với phóng viên UPI ở Moscou và lời tuyên bố của Chu Ân Lai với phóng viên AFP ở Rabat, chúng ta thấy năm 1964 là năm mà thế giới có thể bước thêm một bước trên con đường sống chung hòa bình (1).

Năm 1964 là năm bầu Tổng Thống mới Hoa kỳ.

Năm 1964 là năm mà vấn đề Trung Cộng gia nhập L.H.Q sẽ đặt lại một cách gay go hơn.

Năm 1964 cũng là năm mà cuộc vận động trung lập ở các nước Đông-Nam-Á sẽ có nhiều biến chuyển mới.

Năm 1964 cũng là năm mà các nước Á-Phi và Châu Mỹ La-tinh vững tiến và đoàn kết hơn nhất là trong tổ chức L.H.Q.

Tóm lại, năm 1964 trên thế giới có nhiều triển vọng là một năm hòa bình và thịnh vượng. Chúng ta cũng hy vọng năm đó cũng sẽ đem lại thanh bình mau chóng cho đất nước chúng ta.

ANH VIỆT

---

(1) Một sự kiện rất có ý nghĩa vừa xảy ra ở Đức : Nhân dịp lễ Noël chính quyền 2 miền Đông và Tây Berlin đã thỏa thuận để cho dân Tây Berlin ồ ạt kéo sang thăm gia đình ở Đông Berlin.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY

HỎA HOẠN

TAI HẠI GÂY BỞI CHÁY NỔ

VỐN : 1.500 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales contre l'Incendie et les Explosions

Capital: 1.500.000 000 Frs.

TỔNG BẢO HIỂM CÔNG TY

TAI NẠN

GIAN PHI — HANG HẢI RỦI RO

VỐN : 3.000 TRIỆU PHẬT LĂNG

Cie d'Assurances Générales Accidents Vol — Maritime — Risques Divers

Capital : 3 Milliard de Frs.

CÔNG TY BẢO HIỂM PHÁP Á

BẢO HIỂM MỌI NGÀNH

VỐN : 288.750.000.000 PHẬT LĂNG

Assurance Franco Asiatique

Assurance Toutes Branches

Capital : 288.750.000.000 F

NHỮNG CÔNG TY BẢO HIỂM LỚN NHẤT

VÀ ĐÃ HOẠT ĐỘNG LÂU NĂM NHẤT CỦA PHÁP

CHI NHÁNH TẠI SAIGON

26, đường Tôn-thất-Đạm (tên cũ Chaigneau)

Giây nói : 21.253 - 23.913

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V N $ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NGÁNH :

— SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo

— ĐÀ-NẴNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập

ĐẢM-NHIỆM tất cả NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

— CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU —

Những giao điểm của nền khoa học tân tiến

KHOA học có thể coi như một đạo binh chinh phục bí mật thiên nhiên, mỗi ngày đưa binh lực ra một phòng tuyến rộng hơn, mỗi ngày mở rộng thêm vùng kiểm soát. Trên nhiều lãnh vực, khoa học đã xuất hiện các ngành kỹ thuật với nhiệm vụ tìm những áp-dụng thực tiễn phụng sự nhân loại.

Ngày nay khoa học và kỹ thuật tiến bộ rất nhanh. Giải thưởng Nobel vừa trao tặng nhà phát minh tran-sít-to được vài năm thì trong tủ kính các tiệm bán máy thâu thanh đã xuất hiện những máy chạy bằng tran-sít-to. Dụng cụ trong các phòng thí nghiệm cũng phức tạp tinh vi hơn trước nhiều, người ta không còn làm việc với vài khúc dây, vài cái bô-bin quấn bằng tay như năm 1900, người ta sử dụng những dụng cụ có tầm vóc và giá tiền của một chiếc chiến hạm. Nhờ vậy khoa học tiến nhanh hơn trước nhiều đến nỗi một người dù có thì giờ trau giồi kiến thức cũng vẫn không sao biết hết được những khám phá và sáng kiến mới, họ luôn luôn bị « thời sự » vượt mình, bị lạc hướng.

Không những nhịp độ tiến triển của khoa học và kỹ thuật thay đổi mà thôi, thể chất của nó cũng thay đổi nữa.

Trước hết kỹ thuật ngày nay đa hình đa dạng và liên lạc mật thiết với khoa học hơn trước. Trong nhiều trường-hợp cũng khó lòng xác định được biên giới giữa khoa học thuần túy và kỹ-thuật. Theo quan niệm cổ điển thì kỹ thuật chỉ đóng vai trò áp dụng những khám phá khoa học, nhưng ngày nay kỹ thuật thúc đẩy khoa học phải khám phá để thỏa mãn đòi hỏi của nó, nó áp dụng ngay những hiện tượng trước khi hiểu rõ những hiện tượng ấy, như vậy kỹ thuật đóng vai trò khai khẩn một vài lãnh vực để mở đường cho khoa học tiến vào. Mặt khác kỹ thuật trợ giúp khoa học rất nhiều bằng cách

chế tạo dụng cụ để khoa học có phương tiện làm việc hiệu quả hơn. Và để chế tạo những dụng cụ to lớn và đắt tiền, kỹ thuật cũng dùng những phương tiện hùng hậu để chế tạo máy móc trang bị các cơ sở kỹ nghệ lớn. Chỉ có những xưởng máy quan trọng chế tạo được « turbine » của các trung tâm điện lực lớn mới có thể chế tạo được những máy khổng lồ dùng để nghiên cứu nguyên tử lực hay những viễn kính soi thấy tia sáng rất nhỏ của tinh tú.

Ngày nay không còn ranh giới giữa kỹ thuật và khoa học. Hình ảnh của khoa học ngày nay là hình ảnh một cuộc hợp tác mật thiết giữa kiến thức với sự khéo léo tay chân và trí óc.

Khoa học phối hợp với kỹ thuật, các ngành khoa học cũng phối hợp với nhau khiến cho cách xếp loại từ thế kỷ trước mất hết ý nghĩa. Nếu ở bên dưới người ta còn hoạt động riêng rẽ thì trên đỉnh chót của các ngành, các nhà bác học làm việc chung, tham bác ý kiến của nhau, mượn sáng kiến của nhau, gợi ý cho ngành khác, ngành nọ nhờ ngánh kia mà phát triển.

Ngày nay, một mặt trận khoa học cần phải thống nhất các lực lượng, cũng như ngoài mặt trận thực sự. Thủy lục không quân cùng các binh chủng phải được phối trí theo một sơ đồ có tính cách nhất trí. Kỹ thuật tân tiến cần sự tổ chức có tính cách nhất trí ở trên cao để định hướng, phối trí, kết hợp nhiều ngành cần thiết cho sự phát triển của nó.

Ta thử nghĩ đến cuộc đổ bộ của Đồng Minh sang Âu Châu trận thế chiến thứ hai, không quân nhận lệnh chỉ huy từ một Tổng Hành Dinh ở xa, chiến xa được điều khiển do một cục chỉ huy khác gần hơn, công binh theo lệnh chỉ huy khác nữa, rồi đến bộ binh, pháo binh đều có đầu não riêng. Những loại hoạt động ấy đều phối hợp với nhau cho có tính cách nhất trí. Tuy nhiên, sau cuộc xung kích, mỗi loại lại trở về vị trí như trước.

Khoa học cũng thế. Trên phòng tuyến chinh phục bí mật thiên nhiên, các ngành khoa học phối hợp với nhau, nhưng ở các trường học, các trung tâm đào tạo chuyên viên, kiến thức vẫn được phân loại theo những tiêu chuẩn cổ điển để giảng dạy.

✱

Thiên nhiên vô cùng to rộng và bí hiểm, khoa học dàn lực lượng ra để lập từng phòng tuyến ở mỗi lãnh vực. Mỗi phòng tuyến là một giao điểm, một nơi tập trung nhiều ngành khoa học cùng hướng về một mục tiêu tìm tòi.

Theo sự nhận định của Louis Armand thì khoa học tân tiến có khuynh hướng quy tụ các ngành về 4 giao điểm : giao điểm tinh thể (cristaux), giao điểm sinh lý điện tử (bionique), giao điểm lãnh độ, và giao điểm không gian.

GIAO ĐIỂM TINH THỂ

Khoa học nghiên cứu tinh thể có mục đích mô tả kiến trúc và nghiên cứu đặc tính của tinh thể. Trước kia ngành này chỉ phụ thuộc vào khoáng chất học. Bây giờ là một lãnh vực to rộng quy tụ các lý học gia, hóa học

gia, khoáng chất học gia và có khi sinh lý học gia. Khoa nghiên cứu tinh thể cũng tham gia vào các phòng tuyến khác của khoa học, bởi vậy giao điểm tinh thể có thể coi như một Tổng Hành dinh.

Rất nhiều ngành kỹ nghệ khai thác những điều sở đắc của tinh thể học.

Trong các máy hát điện (électrophone) người ta dùng một miếng đá thạch anh (quartz). Khi bị cọ xát, đá thạch anh có đặc tính biến đổi những kích động nhỏ ấy thành luồng điện. Cây kim của máy hát cọ xuống những rạch của đĩa hát, rạch chỗ nông chỗ sâu làm cho kim ép vào miếng đá thạch anh mạnh hay nhẹ. Những sự thay đổi sức ép đó được biến đổi thành luồng điện để rồi được biến đổi thành sóng âm thanh và khuyến đại ra loa phóng thanh cho ta nghe thấy. Rất nhiều máy móc kỹ nghệ dùng đặc tính này của đá thạch anh.

Mới 15 năm nay tran-xít-to ra chào đời, kỹ thuật hợp tác với tinh thể học đã chế ra những khối tinh thể nhân tạo thuần chất xưa nay chưa từng có. Người ta áp dụng kỹ thuật « nướng chảy từng khu vực », nghĩa là lấy một miếng tinh thể hình chiếc đũa vuông, dùng một nguồn nhiệt độ thật cao để hơ nóng dần dần từng khoảng nhỏ, dọc theo chiều dài miếng tinh thể. Chỗ bị nóng chảy ra, hết chỗ ấy đi đến chỗ khác, chất dơ trong tinh thể sẽ đọng lại ở một đầu. Người ta làm đi làm lại như thế nhiều lần cho đến khi đạt được mức tinh thuần rất cao. Thường khi không dám sờ tay vào miếng tinh thể sợ làm dơ bẩn.

Thí nghiệm những miếng *Tran-sít-to* tinh thể tinh thuần như thế, người ta biết được luồng điện sẽ đi qua tinh thể như thế nào và chỗ có chất vẩn đục sẽ làm thay đổi hướng đi như thế nào. Biết như vậy, sẽ có thể định rõ lối đi của luồng điện bằng cách đặt một vài nguyên tử của một chất vẩn đục vào những điểm « trọng yếu » trong khối tinh thể. Những điểm ấy biến tính chất, trở nên khó dẫn điện, nó đóng vai trò cản điện hay khuyếch đại luồng điện tùy trường hợp, vai trò của một cái đèn ra-đô cổ điển.

Chưa được 10 năm, sau khi các nhà phát minh ra tran sít to như Chocley, Bardeen và Brattein được giải thưởng Nobel, những máy thâu thanh bỏ túi đã tràn ngập thị trường. Các kỹ thuật gia dùng sự sáng kiến ấy vào việc hoàn thiện những máy tính điện tử có tốc độ kinh khủng, những máy tự động các vệ tinh nhân tạo nhờ được trang bị tran sít to mà có mắt trông, có tai nghe, có miệng nói. Khoa điện tử phần tử (molétronique) đem lại phương tiện kỹ thuật thu nhỏ óc điện tử lại còn bằng một cái va ly. (Những óc điện tử cổ điển chiếm cả một căn nhà lớn).

Kim cương nhân tạo

Trong phòng thí nghiệm của hãng General Electric người ta đang nghiên cứu một cạnh khía khác của khoa tinh thể học. Tiếp tục sự khảo cứu của Ô. Moissan, những tay phù thủy tân thời tìm cách đổi than chì ra kim cương. Trước đây khoảng độ 8 năm, phối hợp kỹ thuật tạo sức ép cao với hóa học, lý học và tinh thể học, người ta đã tạo

được những hạt kim cương rất nhỏ không dùng làm gì được. Hai năm sau, người ta quay về chế tạo những thứ đá nhân tạo thật rắn. Kỹ nghệ dùng đá nhân tạo làm đá mài, làm dụng cụ để cắt vật cứng. Có lẽ ngày mai nghề kim hoàn cũng dùng đá nhân tạo. Nhưng chắc rằng mai sau khoa học sẽ lợi dụng sự phát minh quan trọng trên kia, thán chất kết tinh lại thành kim cương rất giống chất germanium và silicium. Hai chất này dùng để chế tran sít to. Người ta hy vọng sẽ dùng kim cương nhân tạo để chế tran sít to, có thể tốt hơn thứ đang dùng ngày nay.

Sợi kết tinh

Ngành tơ sợi nhân tạo lại có những triển vọng thuộc một loại khác. Đã nhiều năm nay, tơ sợi hóa học như Ni lông, tẹc gan, saran, rhovyl, rilsan, crylor xuất hiện từ phòng thí nghiệm các nhà bác học. Về phương diện hóa học, các tơ sợi ấy đều là những chuỗi dài phân tử khổng lồ của chất hữu cơ (macromolécule). Những chuỗi dài đó chằng chịt với nhau không theo hàng lối, chiều hướng nào cả. Người ta có ý muốn tạo ra một loại tơ sợi trong đó những chuỗi phân tử đi song hàng đều đặn, như vậy sợi dây sẽ chắc hơn nhiều. Đây là phương pháp chế « sợi kết tinh », mượn phương pháp của khoa tinh thể học phối hợp với phương tiện hóa học. Một vị giáo sư Ý, ông Giulio Natta, sau 6 năm nghiên cứu, đã chế được thứ sợi isotactique, làm bằng những chuỗi phân tử polypropylène được xếp đặt có thứ tự và song hàng. Sợi đó dai như sợi ni lông mà sở phí ít hơn. Một cuộn dây dài 65 cây số nếu cột một đầu vào chỗ nào rồi bỏ thõng xuống sẽ không đứt vì sức nặng của nó. Trái lại, trong một trường hợp như thế một cuộn dây thép to bằng nó ngắn hơn ba lần sẽ phải đứt vì không chịu nổi. Hiện giờ sự chế tạo sợi kết tinh đã lan xuống bình diện kỹ nghệ. Các xưởng đang mọc lên như nấm để khai thác một phát minh có tương lai rực rỡ.

Laser và Maser

Quanh vấn đề « tác dụng của sóng phát quang đến nguyên tử » cũng đang diễn ra một trận xung kích gay go. Quang học đang nghiên cứu một hiện tượng mới mẻ. Người ta rọi một tia sáng vào một thoi tinh thể như hồng ngọc (rubis). Tinh lực ánh sáng truyền vào những nguyên tử hồng ngọc, nhân thế tinh lực của những nguyên tử đó tăng lên thêm một nấc. Tình trạng mới mẻ xảy ra cho hai nguyên tử không có gì là vững vàng, số tinh lực tích tụ trong nguyên tử có thể phóng ra làm phát sinh một tia sáng cực mạnh gọi là *Laser* hay *Maser*. Tinh thể học cũng có mặt trong khu vực này. Nó cung cấp những tinh thể có những đặc tính riêng. Cũng như tinh thể dùng để làm tran-sít-to, tinh thể phát tia sáng *Laser* là những tinh thể hết sức tinh thuần trong đó chất « vẩn đục » để tự lại ở những điểm « trọng yếu ». Thật là một hiện tượng kỳ lạ. Ánh sáng thiên nhiên là ánh sáng «rối loạn » đi không bao xa đã yếu, ánh sáng Laser phát ra có « qui củ » tia đi song song, mạnh gấp mấy ngàn lần ánh sáng mặt trời, có thể đi rất xa qua không gian thăm thẳm, đến các vì sao xa lắc mà không yếu đi, không trệch đường thẳng. Người ta có thể dùng tia sáng Laser để chiếu vào một ngọn núi lửa trên mặt

trăng, để làm những việc tài tình hơn như để « sạc » lại một bình điện yếu trên vệ tinh nhân tạo, để đẩy vệ tinh ấy ra ngoài quỹ đạo của nó. Laser còn dùng làm phương tiện để nung chảy, để cắt, khoan lỗ những vật liệu chịu nóng mà không tan. Laser là con dao thật bén của nhà giải phẫu. Ngày mai ngành viễn thông có thể lợi dụng đặc tính của tia sáng Maser để truyền tin tức, vì người ta nhận thấy khoa học có triển vọng « uốn » tia sáng Maser như uốn sóng vô tuyến điện để dùng vào việc phát tín.

Kỹ thuật cần tiến gấp, kỹ thuật không có thì giờ chờ đợi những kết quả thực nghiệm cụ thể, mà bắt Laser phải tảo hôn: vừa mới khai sinh trong phòng thí nghiệm chưa được hai năm, Laser đã phải xuất giá, trên thị trường đã xuất hiện những kiểu dụng cụ để cắt và đục bằng *Laser*. Những luồng sóng của ánh sáng Laser đều đi song song người ta lợi dụng đặc tính ấy để làm vật xúc tác (catalyseur) trong các cuộc hóa hợp. Khoa học còn lợi dụng Laser để làm những thứ đồng hồ nguyên tử chạy đúng nhất từ xưa đến nay. Nhưng sự áp dụng quan trọng nhất của Laser là viễn tượng dùng nó để tiêu hủy những hỏa tiễn chở bom khinh khí của địch, người ta phải thực hiện được những tia Laser mạnh tới hàng triệu lần Laser hiện có.

Năm ngoái, nhân cuộc thí nghiệm những đặc tính chưa được biết của Laser các nhà bác học ở viện kỹ thuật Massachuset mới tìm ra một người anh em họ của Laser và tran sít to. Đó là một thứ đèn ra-zô biến ngay điện thành tia hồng nội. Nhân đó có thể quan niệm một loại máy vô tuyến điện mới dùng một loại tinh thể chế bằng chất arséniure de gallium.

Bí mật của siêu vi trùng.

Tinh thể học còn được áp dụng vào nhiều lãnh vực khoa học khác. Đối với ngành nghiên cứu của những hiện tượng sống, tinh thể học phối hợp với hóa học và sinh vật học giúp người ta vén màn bí mật bao phủ con siêu vi trùng. Vấn đề có một tầm quan trọng đặc biệt về phương diện triết lý cũng như về phương diện khoa học vì người ta đặt chân đến biên giới của sự sống. Thực ra siêu vi trùng là vật sinh sống hay chỉ là một chất hữu cơ? Siêu vi trùng có khi hiện ra dưới hình thể những tinh thể nọa tính không có vẻ gì sinh sống cả, có khi lại biết cử động, biết thích ứng, biết đớp mồi, có sáng kiến, có một loại trí khôn nào đó. Với những phương tiện nghiên cứu ngày nay, người ta có thể biết rõ hơn trước về kiến trúc một con siêu vi trùng khi có thể bắt gặp nó dưới hình thức những tinh thể nọa tính (khi là vật ký sinh trong một tế bào, nó sinh sống). Phân biệt được các bộ phận trong một con siêu vi trùng, người ta tiến lần đến chỗ tìm hiểu chức vụ và đặc tính của bộ phận ấy.

Bí mật của hồng huyết cầu.

Năm ngoái hai nhà hóa học Anh-Cát-Lợi, ông Kendrew và ông Perutz được giải thưởng Nobel vì tìm ra các thành phần của hồng huyết cầu và hồng nhục cầu (myoglobine), hai yếu tố then chốt của đời sống động vật. (Hồng nhục cầu là chất làm cho bắp thịt có sắc đỏ). Đạt được kết quả đó là nhờ tinh

thể học. Các nhà tìm tòi làm kết tinh hồng huyết cầu lại rồi đem rọi quang-tuyến X. Phương pháp này vẫn thường dùng để xác định kiến trúc các loại tinh thể. Chụp bức hình rọi kiến ấy thì thấy trên bức hình có những chấm sáng, đó là bởi tinh thể làm lệch đường đi của quang tuyến X. Mỗi loại tinh thể có một số chấm sáng riêng biệt, vị trí của những chấm sáng khác nhau, người ta có thể căn cứ vào đấy để luận ra vị trí những nguyên tử trong khối tinh thể.

Trong trường hợp chất hữu cơ phức tạp và chất pờ rô tê in, quang tuyến X không giúp ích gì cho việc suy luận cả vì kiến trúc của những chất ấy phức tạp quá, bức hình có nhiều chấm sáng loạn xạ không phân tích được.

Khi nghiên cứu hồng huyết cầu người ta vận dụng nhiều phương tiện của nhiều ngành khoa học. Với phương tiện hóa học người ta có thể thực hiện những chất đồng loại với hồng huyết cầu, chỉ hơi khác một chút. Trong một phân tử hồng huyết cầu và một phân tử chất đồng loại có hàng ngàn nguyên tử, chúng đều giống nhau, chỉ có một nguyên tử khác cho mỗi loại mà thôi.

Phải chụp hàng trăm bức ảnh rọi quang tuyến X đem so sánh với nhau mới tìm ra chỗ khác biệt ấy.

Toán học đem lại phương tiện khai thác những tài liệu sưu tầm thu thập trong nhiều tháng. Người ta dùng phương pháp của Fourier để phân tích và suy luận những bức hình. Dụng cụ làm việc đắc lực là một bộ óc điện tử để giải đáp những bài toán mà óc người không làm nổi. Sau nhiều tuần lễ làm việc, người ta bắt đầu phác họa được bức sơ đồ đầu tiên về hồng huyết cầu. Về phương diện kiến trúc, người ta nhận thấy có một sự tương đồng giữa ba phân tử trụ cột của thế giới sinh vật: *hồng huyết cầu* mới biết rõ cơ cấu tổ chức, *lục diệp tố* đã biết rõ cơ cấu tổ chức từ hai năm trước nhờ phương pháp tổng hợp hóa học, và *hémocyanine*, huyết cầu của loại ốc sên. Cả ba phân tử đều giống nhau về cơ cấu tổ chức: trong phân tử hồng huyết cầu, những chuỗi nguyên tử dài đều quấn xung quanh một nguyên tử sắt, trong phân tử lục diệp tố, những chuỗi nguyên tử dài đều quấn xung quanh một nguyên tử ma-nhê-xum, trong phân tử hemocyanine thì là một nguyên tử đồng.

Bí mật truyền thống

Trên một địa hạt khác, phương pháp tinh thể học được áp dụng để tìm hiểu những loại acides nucléiques, chìa khóa mở bí mật truyền thống của sinh vật. Các chuyên gia cũng lợi dụng quang tuyến X để nghiên cứu tinh thể của các a-cít ấy nhằm tìm hiểu kiến trúc của chúng. Tham hợp phương pháp tinh thể học với những phương pháp khác, người ta đã có thể họa ra bức sơ đồ của những phân tử acide nucléique: các nguyên tử được xếp đặt theo hình xoáy chôn ốc. Khoa học sẽ khám phá dần những bí mật bao trùm chi tiết kiến trúc các phân tử. Năm trước, giải Nobel về Y học đã tặng ba nhà bác học Wilkins, Crick và Watson. Họ đã có công nghiên cứu vấn đề này về phương diện lý học và hóa học.

Công dụng của phương pháp tinh thể học chưa thể kể ra hết được. Thí dụ, nhờ nó người ta còn biết được đặc tính của những mảnh kim khí thực mỏng mới chế ra. Thứ kim khi đó có lẽ sẽ cách mạng điện tử học và kỹ nghệ máy tính điện tử. Tinh thể học còn hứa hẹn cho chuyên gia thực hiện những hợp chất hữu cơ dẫn điện (trái với chất hữu cơ thường cản điện), những dây cáp, và có thể những tran sít to bằng lát tích.

Thuật theo Jacques Burko

CÔ LIÊU

Kỳ tới : *Giao điểm sinh lý điện tử.*

Nhà Xuất Bản SÁNG TẠO

Đã cho phát hành

TRÁI CÂY ĐAU KHỔ

Tập kịch của DOÃN QUỐC SỸ

● Bản đặc biệt giá 100 đồng. Các bạn yêu sách quý xin gửi bưu phiếu theo địa chỉ : Doãn Quốc Sỹ 338/60B Thành Thái Chợlớn

QUÝ-VỊ HÃY DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES

LOẠI XÁCH TAY ◇ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY

tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Siêu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiếu Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do An-Chiếu năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim
DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

●

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

●

SAIGON CHI - CỤC

CHI - CỤC CHÁNH : 3, Đường Võ-Di-Ngụy
CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

●

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlauv Preah Kossamac

●

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIỄN-ĐÔNG

●

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công Chùa Xá-Lợi

● *Phạm-Trọng-Nhân*

ĐÊM 20 rạng 21 - 8 - 1963 Chùa Xá-Lợi bị tấn công.

Như một nhân sĩ Phật-giáo phát biểu ý kiến : viết lại những trang sử hùng tráng bi đát cuộc tranh đấu chống kỳ thị tôn-giáo tại Việt-Nam, phải là công của rất nhiều người cùng góp sức. Vì mỗi người, mỗi đoàn thể trong chúng ta, chỉ có thể biết một khúc, coi một đoạn, sống một cảnh, trong cuốn phim này thê lương và quốc nhục !

Với « Cuốn sổ tay của một nhân-viên ngoại giao nhân vụ tấn công Chùa Xá-Lợi », người bỉnh bút không tham vọng gì hơn là khách quan ghi chép một vài diễn biến và cảm tưởng. Nếu có điều chi không hoàn toàn đúng sự thực, dám mong quý vị khoan hồng phủ chính . . .

* *
*

Người ta thường nói : « Đại sứ là nghề bưng bít những lầm lỗi của chính phủ ! » (1). Thoạt nghe có vẻ khôi-hài, nhưng ý niệm cũng có một phần nào thực ! Không ai có thể hình dung nổi bời rời, thẹn thùng . . . của các nhân viên ngoại giao Việt-Nam từng sự tại quốc nội hay hải ngoại, kể từ ngày tấn bi kịch Phật-giáo bùng nổ bất ngờ được loan tin bằng những giòng chữ lớn, trên mặt báo quốc-gia và quốc tế . . .

Hàng tuần, các Tòa Đại - sứ Việt-Nam nhận được rất nhiều tài

---

(1). « Le métier d'Ambassadeur est celui de couvrir les gaffes venant d'en haut ! »

liệu để «dẫn chứng» và «giải độc» : Phật-giáo không hề bị đàn áp, và những phần tử Việt-cộng đã trà trộn trong hàng ngũ Phật giáo-đồ để gây chia rẽ! Nhưng làm sao thuyết phục được người ngoài, khi chính các nhân viên có nhiệm vụ thuyết phục cũng không tin như thế !

Vì không am hiểu thời cuộc, hay vì những lý do gì khác, một số ít các nhân viên ngoại giao Việt-Nam lên tiếng, trên mặt báo, trên đài phát-thanh, trên màn vô tuyến truyền hình, để bênh vực lập trường chánh phủ. Còn thì đa số lặng thinh : không thể phủ nhận những sự kiện dĩ nhiên, nhiều người đành im tiếng để sau này chờ cơ hội, xin nghỉ việc vì « lý do sức khỏe », hay « tinh-thần mỏi mệt » ! . . .

Ngay từ tháng 6, tháng 7-1963, đã có nhiều bạn, đồng bào và ngoại quốc, phỏng vấn hay chất vấn . . . Tại nhiều nước láng giềng, chánh quyền địa-phương tỏ vẻ lo ngại tấn bi kịch tôn-giáo đang diễn ra tại Việt - Nam, có thể sẽ rất phương hại tới nền hòa - bình Đông-Nam-Á. Các bạn đối thoại của chúng ta rào trước đón sau :

— Chánh phủ chúng tôi không dám xen vào nội bộ Việt - Nam, nhưng đây là một vấn đề tín ngưỡng. Đạo Phật là quốc giáo của chúng tôi . . .

Nhân viên ngoại giao Việt-Nam nghẹn ngào, chỉ còn biết lấy tình riêng đáp lại :

— Tôi là công dân, là công chức, là Phật-giáo-đồ . . . Nỗi khổ tâm của tôi được nhân lên ba lần . . . Tôi không thể nói gì hơn nữa . . .

Nơi Hoàng cung Miên quốc, nhân một buổi dạ hội có khiêu vũ, giữa hai bản nhạc, một yếu nhân trong chánh giới, bạn thân với Phó Tổng thống Nguyễn-Ngọc-Thơ khi còn cùng sung chức Đại sứ tại Nhật, nắm tay Đại diện Việt-Nam, thân tình tâm sự :

— Mes fidèles amitiés à Thơ. . . Et puis, ne cassez pas trop les reins aux boudd'histes...

Một nhân viên ngoại giao Lào bộc lộ tâm tình và công phẫn :

—Một chánh phủ không có quyền mất bình tĩnh. Tôi e rằng nếu thảm trạng không mau chấm dứt, tình thế trầm trọng sẽ không thể cứu vãn. . .

Một lần khác, một nhân viên ngoại giao Ý, suy ngẫm hồi lâu, sau khi uống rượu mạnh để khơi nguồn cảm hứng :

— Làm quen với chánh cục Việt-Nam, tôi đã trẻ đi 25 tuổi...

Ai nấy ngạc nhiên hỏi ý nghĩa lời nói thâm trầm đó. Và ông chậm giãi tiếp lời :

— Cách đây một góc thế kỷ, tôi còn là sinh viên, tại Ý... Mussolini cũng không thể làm hơn như thế...

Đại diện Việt-Nam tại Kuala Lampur về Saigon diện trình công

vụ. Quốc trưởng Mã-Lai nhân dịp nhắn lời :

— Ở Việt-Nam còn nhiều vấn đề khẩn trương cần giải quyết. Không nên tạo thêm những bài toán mới, nhất là có liên quan tới tôn giáo... Nếu không sớm chấm dứt, sẽ rất nguy hại cho tương lai xứ sở...

Nhiều cuộc biểu tình được tổ chức tại nhiều nơi. Đoàn người như làn sóng, diễn hành trước Tòa Đại sứ, hô đả đảo ! Có lần, một nhà sư che dù trắng in đủ các khẩu hiệu bằng nhiều thứ tiếng, tới đứng trước Tòa, phản đối im lặng rồi ra đi ! Một lần khác, một đoàn biểu tình ôn hòa đưa cả một cỗ quan tài tượng trưng (1) để trước Tòa : các thiện nam tín nữ dạo quanh, tụng kinh niệm Phật, rồi giải tán...

Những bài báo được viết, dịch, sưu tầm và phổ biến, trên và ngoài lãnh thổ quốc gia. Những tin loan đi ngoại quốc, đa số do một số nhân viên ngoại giao Việt-Nam hay ngoại quốc; những tin từ ngoại quốc tới, đa số qua các nhân viên ngoại giao Việt Nam hay ngoại quốc, trước khi đến tay các vị tăng ni, Phật tử...

Những chuyện ghi trên đây diễn ra trong khoảng các tháng 5, 6 và 7-1963.

***

Đầu tháng 8 dương lịch. Tình thế ngày thêm trầm trọng. Vì vấn đề Phật giáo trước dư luận quốc tế ; uy tín quốc gia xuống quá thấp !

Một vị Bộ trưởng, một hôm nhận xét :

— Nguy quá ! Nhiều sinh viên, học sinh, bị bắt bớ, giam cầm... Động đến tôn giáo, đến sinh viên... Chánh phủ không thể đứng vững, nếu còn tiếp tục như hiện nay. Lịch sử cổ kim chứng tỏ khi chánh quyền đàn áp tôn giáo, khủng bố thanh niên, ấy là chánh quyền bắt đầu tự diệt...

Sau này, chúng ta được biết có lần ô. Vũ-Văn-Mẫn nhân danh là Giáo sư Đại học, đã can thiệp để trả tự do cho một số sinh viên. Và cấp thẩm quyền khi đó, thản nhiên, bình tĩnh, trả lời :

— Sinh viên, thanh niên, làm loạn, thì phải bỏ tù. Các trường có đóng cửa một năm cũng chẳng hại gì...

(Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu, với tư cách là Bộ-trưởng Ngoại-giao, nếu không may có bị chánh quyền gây chuyện chẳng lành, các vị Đại-sứ ngoại quốc ở Saigon tất sẽ phúc trình ngay về chánh phủ các nước bạn. Và sự kiện sẽ có tiếng vang...)

Sau ngày đảo chánh 1 tháng 11-63, chúng ta được biết chi tiết về một buổi Hội-đồng Nội-các đầu tháng 8. Một trong các vấn đề được đưa ra thảo luận, là : đối với bài toán Phật giáo, chánh phủ sẽ áp dụng biện pháp *công hay thủ* ? Hai

---

(1) Hòa thượng Thích-Quảng-Đức tự hỏa thiêu ngày 11-6-1963, chống chánh sách kì thị tôn giáo.

biện pháp, nhưng thực ra chỉ là một biện pháp, như chúng ta sẽ nhận chân qua những đoạn sau đây.

Có hai vị phát biểu ý kiến cần phải diệt cho hết những phần tử Phật giáo bạo động, sớm chừng nào hay chừng ấy. Vì ta không diệt địch, tất sẽ bị địch diệt : đó là thế công. Bằng không ta có thể đợi cho địch khỏi xướng rồi sẽ diệt cho hết: đó là thế thủ. Nói tóm lại, *công* hay *thủ* chỉ là sớm hay muộn, thanh toán vấn đề bằng quân lực...

Hai vị khác lên tiếng không thể áp dụng chiến lược *công* hay *thủ*, mà cần phải *chủ hòa* hầu thâu phục nhân tâm, để còn rảnh tay lo kiến quốc.

Lời đề nghị được lưu ý, nhưng không được áp dụng.

Ngày 16-8, lễ độ nhưng cứng rắn Ô. Trần-Văn-Chương Đại sứ Việt-Nam tại Mỹ, tường trình vị Nguyên thủ về tình thế nước nhà trước công luận quốc tế. Các báo Mỹ sau có đăng tải bản phúc trình, đại cương có thể tóm tắt :

« Tôi hân hạnh kính trình Tổng thống tường : dư luận quốc tế và nhất là ở Mỹ, tin rằng chánh thể do Tổng thống lãnh đạo không thể mang thắng lợi cho đất nước. Cuộc khủng hoảng Phật giáo vốn dĩ *chẳng phải là nguyên nhân, mà là hậu quả* : thật chẳng khác giọt nước làm tràn chiếc ly đã quá đầy. Vấn đề không thể giải quyết bằng một công trình vá víu hay dồi trá. Cần phải chân thành triệt để từ bỏ chánh thể này đã mất hết hậu thuẫn và tín nhiệm của quốc dân. Đó là điều mà chính Tổng thống không ngờ và không biết !

« Tổng thống chỉ có thể tiếp tục lãnh đạo quốc gia, với điều kiện tất yếu từ bỏ hẳn chánh sách độc tài chuyên chế, mà trong thực tế, Tổng thống đã ủy quyền cho hai em là NHU và CẨN. Tổng thống không biết rằng hai người này đã lạm quyền...

« Quốc dân chán ghét chánh thể này quá lắm rồi !

« Vì quyền lợi của chính Tổng thống, cũng như vì quyền lợi tối cao của đất nước, kính xin Tổng thống hãy ngưng tin dùng những « Cố-vấn » mà tính tình điên dại đã dẫn quốc gia tới một tình trạng cô liêu thê thảm như hiện nay ! Tôi cầu xin Tổng thống đừng noi theo bước đường của Tổng thống Lý-Thừa-Vãn !

« Thời gian cấp bách. Kính xin Tổng thống nhớ lại số phận bi đát của Phó Tổng thống Đại-Hàn và Cố vấn của Tổng thống Lý-Thừa-Vãn. Chính Tổng thống Lý-Thừa-Vãn cũng đã ngộ nhận : chỉ cần gian lận tuyển cử là có thể bảo vệ được quyền vị !

« Nếu Tổng thống không tin những nhận xét của tôi là đúng, kính xin Tổng thống cho *đưa vấn đề này ra bỏ phiếu kín*, trước một Hội đồng gồm có các vị Giám mục, Tướng lãnh, và Thẩm phán... »

Ba ngày sau, bất thình lình, trong đêm tối, đoàn Mật vụ chiến

đầu tấn công Chùa Xá-Lợi. Có tiếng súng nổ, tiếng hò reo, tiếng kêu rên, rồi máu chảy đầu rơi, và một đoàn người ra đi, không hẹn ngày trở lại ! . . .

Một nhân viên cao cấp nhà ở gần Chùa Xá-Lợi, được ông Bộ-trưởng Ngoại-giao điện thoại cho biết nên nhờ đó được thưởng thức một bản khẩu trình bất ngờ, bi đát ; lời nói nghẹn ngào hòa với tiếng chuông ngân kêu cứu, tiếng súng nổ hãi hùng . . . Điện đàm được chừng 15 phút thì dây điện thoại bị cắt.

4 giờ rưỡi sáng thứ tư 21-8. Từ Dinh Gia-Long có điện thoại mời các vị Bộ-trưởng vào dự Hội-đồng Nội-các sẽ nhóm sau đó một giờ, để cứu xét một vấn đề khẩn trương quan-trọng.

Trừ Phó Tổng - thống, ông Bộ-trưởng Nội-vụ, mà tư thất ở gần Chùa Xá-Lợi trừ ông Bộ-trưởng Ngoại giao đã được tin bằng điện-thoại, còn thì không một ai hay biết hoặc ức đoán lý do buổi triệu tập tối bất thường này.

Vị nguyên thủ ngồi đầu bàn, khai mạc buổi hội.

Ông ghi trên mảnh giấy « bristol » những điều cần đưa ra « thảo luận ». Ông đọc rất nhanh, tiếng Việt pha tiếp Pháp, chứng tỏ một phần nào thiếu điềm tĩnh, thực khác hẳn lệ thường.

— Đứng trước tình hình quốc-gia nghiêm trọng, tôi lãnh trách-nhiệm nhân danh là Tổng - thống Việt - Nam Cộng - Hòa, và không muốn các anh em phải chia sẻ trách nhiệm đó với tôi. Cộng-sản đã thâm nhập một số các tỉnh lỵ, quận lỵ gần ngay thủ đô Saigon. Tôi quyết định ban hành giới nghiêm trên toàn lãnh thổ, kể từ không giờ. Giai đoạn đấu chúng ta đã vượt qua một cách khả quan, thâu lượm một phần nào kết quả. Giờ đây, chúng ta phải làm một cái « union », để tạo nên một « front commun » cho giai đoạn tới..

Một vài vị Bộ - trưởng tự nhủ thầm :

— Nếu Tổng-thống đã muốn một mình lãnh trách nhiệm, thì cứ việc thi hành, hà tất phải hỏi ý kiến ai!

Bầu không khí trở nên nặng nề khó thở. Tùy theo quan niệm từng người, nỗi công phẫn, bất bình, buồn rầu, hay sợ hãi lộ ra nét mặt.

Không một chút đả động tới vụ tấn công Chùa Xá-Lợi đã diễn ra trước đó mấy giờ, vị Nguyên-thủ tham khảo ý kiến. Đáng lẽ như thường lệ, theo nghi lễ khởi đầu từ Phó Tổng-thống . . . thì lần này, vị Nguyên-thủ lại hỏi ý kiến các ông Bộ-trưởng khác. Ai nấy đều lễ phép, dạ vâng, « đồng ý »... Cho đến khi vị Nguyên-thủ «thăm dò » hai vị sau cùng : ông Bộ-trưởng Ngoại - giao Vũ-Văn-Mẫu, và Phó Tổng - thống Nguyễn - Ngọc - Thơ (đều theo Phật-giáo) !

Ông Bộ-trưởng Ngoại-giao viện lý do pháp luật, phản đối như sau :

— Nếu quả thực Việt-Cộng đã tới ngưỡng cửa thủ đô, thì việc

ban-hành giới nghiêm thật cần thiết và hợp-lý. Nhưng nếu đó chỉ là một tin chưa được xác nhận hay không đúng sự thực, thì hậu-quả sẽ quan trọng và tai hại vô cùng...

Về phần Phó Tổng-Thống cũng không tán thánh, bằng một luận-điệu khác, thực-tế và tế-nhị :

— Nếu ban-hành giới nghiêm trước thì còn có thể hiểu được...

Mặc-dầu chánh-thức không ai đã động tới vụ Chùa Xá-Lợi, nhưng vị Nguyên-thủ (tức là Tổng Thống) thừa hiểu vị Phụ-tá của mình (tức là Phó Tổng-Thống) biết rõ việc này, vì Phó Tổng Thống nhà ở ngay sát cạnh Chùa. Tổng-Thống cũng trả lời tế nhị, mà chỉ những ai biết vụ tấn công Chùa mới có thể hiểu nổi phần nào :

— Nếu nói trước thì còn làm gì được nữa...

6 giờ sáng. Các vị Bộ-trưởng lục tục ra về. Trong đầu ai nầy nặng-nề vì những suy-ngẫm mung-lung, phức-tạp...

Chi-tiết vụ Chùa Xá-Lợi không hề được chánh-thức công bố. Các nhân viên nội-các đã tự truy-tầm tìm-hiểu, bằng những phương-tiện riêng. Và ai nầy kết-luận : « Cộng sản thâm-nhập ngay ngưỡng cửa thủ-đô » là điều sai sự thực. Hôm trước (20-8), Hội-đồng liên-bộ họp tại Hội-trường Diên-Hồng từ 9 giờ sáng tới 4 giờ chiều, mà nào có ai nghe thấy ông Bộ-trưởng Nội-vụ nói tới vấn đề Cộng-sản...

Ngày 21-8... Các cơ-quan công-quyền hoạt-động như thường lệ.

Ông Bộ-trưởng Ngoại-giao tới Bộ làm việc và tiếp khách, bề ngoài điềm tĩnh, nhưng trong đầu óc có lẽ đã nẩy mầm « phản động » !

Ông Vũ-Văn-Mẫu sau khi cạo đầu, tới gặp sinh viên tại trường Luật khoa Đại học ! Đứng cạnh là Ông nguyên Khoa trưởng Vũ-Quốc-Thúc

Chánh-phủ cách chức ô. Trần-Văn Chương. Không ngờ cùng ngày và cùng giờ (sáng 21-8), sau khi hay tin Chùa Xá-Lợi bị tấn công, ô. Trần-Văn-Chương cũng đã gửi điện-văn xin từ-chức. (Vì lệnh giới nghiêm, các thư tín tới Sàigòn đều bị lưu lại Nha Bưu-chính kiểm-soát. Do đó, điện tín từ chức của ô. Trần-Văn-Chương, hai ngày sau mới tới Bộ Ngoại-giao...)

Đêm 21 rạng 22-8. Ô. Vũ-Văn-Mẫu bàn tính *từ chức* Bộ-trưởng Ngoại-giao.

22-8. Theo chương-trình, tân Đại sứ Mỹ Cabot Lodge sẽ tới Tân-Sơn-Nhứt hồi 18 giờ. Về sau, phi cơ chậm nên mãi 21 giờ mới tới-

Tất cả là một vấn - đề thời-khắc biểu. Nếu từ chức thi phải ngay buổi sáng, hay chậm lắm là buổi chiều cùng ngày. Đợi khi ông Cabot Lodge tới Việt-Nam, hay đã tới chào ông Bộ-trưởng Ngoại-giao : hành động từ chức sẽ bị dị nghị, xuyên tạc là do Mỹ xui khiến, vì vậy sẽ mất hết ảnh hưởng và nghĩa lý mong chờ.

Buổi chiều, sau khi duyệt lại dự thảo hai bức tâm thư chào cảm ơn các vị Trưởng - nhiệm - sở Ngoại-giao ngoại quốc tại Saigon, và các Cộng-sự-viên các cấp tại Bộ, ông Vũ-Văn-Mẫu ra tiệm cắt tóc. Trở về Bộ, ông đệ đơn xin từ chức ; hội họp các nhân viên ; và ký các tâm thư.

Bức thư gửi « Quí vị Cộng - sự-viên các cấp tại Bộ Ngoại-giao » tâm sự như sau :

« Sau hơn tám năm phục vụ trong chính phủ, tôi cảm thấy tâm thần mệt mỏi ; vì vậy ngày hôm nay tôi đã đệ đơn lên Tổng-thống xin từ chức...

« Rời khỏi trường chính trị, tôi trở về đời sống một công dân thường, luôn luôn thiết tha cầu nguyện để toàn dân đoàn kết, đồng tâm nhất chí, không chia rẽ.

« Vì mục đích ấy, tôi đã xin phép Tổng - thống qua Ấn - Độ hành hương tại nơi Đức Phật giáng-sinh ... »

Sau, ông mời Đại sứ, Tổng Lãnh sự... các nước Phật-giáo : Trung-Hoa, Thái-Lan, Nhật-Bản, Ấn-Độ, Đại-Hàn .. lần lượt tiếp mỗi vị chừng mười, mười lăm phút. Ông Vũ-Văn-Mẫu tuyên bố đã đệ đơn xin từ chức, và sẽ đi hành hương bên Ấn-Độ.

Đơn từ chức đã chuyển sang Phủ Tổng-thống. Ông Vũ-Văn-Mẫu, đầu cạo ngắn, tới chào tạm biệt Phó Tổng-thống Nguyễn-Ngọc-Thơ tại Hội trường Diên-Hồng.

Phó Tổng - thống sốt sắng tán thành, nhưng làm ra vẻ thân tình trách móc :

Anh làm chi mà vội vậy ? Tôi đã dự định tiền bằng số cộng (progression arithmétique), mà nay anh đã tiền bằng số nhân (progression géométrique)...

Ông Vũ-Văn-Mẫu đáp :

— Tiền bằng số nhân mà còn bị vượt, huống hồ tiền bằng số cộng...

Trên đây có nói tới bức điện

văn của ông Trần - Văn - Chương xin từ chức. Bức điện này, một số báo chí Mỹ về sau có đăng nguyên văn : ông Trần - Văn - Chương đã không ngần ngại, một lần nữa, bày tỏ ý kiến thật rõ ràng và cương quyết :

« Tôi rất tiếc có bổn phận đệ đơn xin từ chức. Tôi không thể tiếp tục đại diện một chánh phủ quá coi thường những nhận xét của tôi ; một chánh phủ mà tôi không phục ! Vấn đề chẳng phải là bịt miệng các vị tăng ni bằng hết thảy mọi cách, kể cả xử dụng súng và lựu đạn tấn công đột ngột ban đêm, xem khinh tính cách tôn nghiêm của giáo đường !

« ... Do điện văn ngày 16.8, tôi đã kính trình bày quan điểm : cuộc khủng hoảng Phật giáo *không phải là nguyên nhân, mà là hậu quả*... Chánh phủ đã trả lời bức điện văn đó của tôi bằng cách bắt ưng tấn công chùa chiền và tăng giới. Vụ tấn công này đã đào thêm sâu cái hố chia rẽ giữa người Việt-Nam. Sự kiện rồi đây sẽ bị hoàn cầu lên án.

« Trong tình trạng như vậy, tôi không thể tiếp tục thay mặt chánh phủ do Tổng thống lãnh đạo... »

Tin này được loan sáng 23-8. Và nhật báo New York World Telegram trong nhóm Scripps Howard nêu câu hỏi : *Ô. Trần-Văn-Chương mà còn không thể tiếp tục cộng tác, thì chúng ta làm sao có thể tiếp tục ủng hộ chánh phủ này đã mất hết hậu thuẫn của quốc dân ?*

Chiều 23-8. Phủ Tổng thống trả lời không chấp nhận đơn xin từ chức, mà chỉ chấp thuận cho ông Bộ trưởng Ngoại giao nghỉ phép 3 tháng.

Tối 23-8. Một vị Đại sứ gặp Ô. Vũ-Văn Mẫu, thân tình tâm-sự :

Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu giữa các sinh viên. Một sinh viên cũng đã cạo đầu để phản đối chính sách kỳ thị tôn giáo của nhà cầm quyền

— Tôi xin đạt tới ông Bộ trưởng tất cả cảm tình nồng hậu của Chánh phủ tôi...

Một vị Bộ trưởng (vốn dĩ không có nhiều thiện cảm với Phật giáo), điện thoại cho Ô. Vũ Văn-Mẫu :

— Anh không suy nghĩ chín trước khi hành động. Anh không thể tưởng tượng thái độ của anh sẽ có hậu quả tới mức nào, nhất là với tình trạng sinh viên, thanh niên như hiện nay...

Ô. Vũ-Văn-Mẫu đáp lời :

— Hậu sinh khả úy . . . Chúng ta trước đây đã là sinh viên, phải hiểu rõ tâm trạng thanh niên . . . Và chăng, phong trào không phải do tôi gây nên : phong trào đã có từ trước khi tôi cắt tóc . . .

Sáng thứ Bảy 24-8, Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu gặp các sinh viên tại trường Luật-khoa Đại-học, (1) trao đổi ý kiến và hẹn sáng hôm sau Chủ-nhật sẽ cùng tái ngộ. Buổi trưa về đến nhà, ông không ngạc-nhiên khi gặp các nhân viên Cảnh sát, Đặc-vụ . . . đã bố phòng cẩn-mật. Và từ đó cho tới chiều thứ Hai 26-8, ông bị giam lỏng tại nhà riêng . . . Phải chăng vì vậy, ông đã lỡ hẹn với các sinh viên sáng Chủ-nhật 25-8 ?

26-8, buổi chiều, Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu lên xe ra Tân-Sơn-Nhứt đáp phi cơ xuất ngoại. Vừa ra khỏi nhà được hai trăm thước, thì bị xe Cảnh-sát giữ lại.

Sau, cuộc ra đi hoãn tới ngày 29-8, Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu cùng đáp chuyến phi cơ với Giáo sư Bửu-Hội. Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu đi Ấn-Độ hành hương ; Giáo sư Bửu-Hội sang Mỹ bênh vực lập trường Chánh phủ. Hai nhân vật, một chuyến tầu ; một vấn đề, hai quan niệm . . . Tại phi trường Tân-Sơn-Nhứt, Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu đi cửa các « thường nhân » ; Giáo sư Bửu-Hội đi cửa danh dự dành riêng cho thượng khách . . .

* * *

Như ông Trần-Văn-Chương và nhiều người nhận xét : cuộc khủng hoảng Phật - giáo không phải là nguyên nhân, mà là hậu quả. Các Phật-tử thanh niên, đã nói lên nỗi lòng của một thế hệ, một dân tộc. Do tình thế xui khiến, cuộc khủng hoảng về sau đã đượm màu sắc vừa tôn-giáo, vừa chánh trị . . . (2)

Cuộc tranh đấu của Phật giáo đồ từ tháng 5 d. l. đã có nhiều tiếng vang, trong và ngoài nước. Nhưng trong nước, vì bị khủng bố, người dân Việt - Nam tranh đấu trở nên kín đáo và thận trọng ; còn người ngoại kiều, vì những lý do rất dễ hiểu, thường làm ra vẻ bàng quang,

---

(1).— Giáo sư Vũ-Văn-Mẫu tới nơi, các anh em sinh viên hoan hô cổ võ, « cõng kênh » lên vai tiến vào sân trường. Giáo sư tuyên bố :

— Tôi đến đây với các anh em không nhân danh là Bộ-trưởng Ngoại-giao, vì chức đó tôi đã chấm dứt bằng cái đầu cạo trọc của tôi rồi ! Tôi đến đây nhân danh là một người bạn, để với cách anh em cùng khơi nguồn lửa thiêng chiến đấu. . .

(2).— Bản tường trình của Bác - sĩ E. Wulff nguyên giáo sư y khoa Huế, cũng đồng ý ở điểm này.

không lưu ý tới nội tình quốc gia đã tiếp nhận mình. Ở ngoài nước, bên một số sinh viên Việt kiều lên tiếng phản ứng, cũng có một số chánh khách, chánh phủ, cảm thông và theo dõi nỗi khổ của người dân Việt-Nam đang tranh đấu. Nhưng đối với chánh phủ Việt-Nam hồi đó, đa số các tư nhân đoàn thể và chánh phủ ngoại quốc, cùng lắm chỉ có thái độ tiêu cực, khuyên cáo gượng nhẹ, biện kháng dịu dàng... vì lý do xã giao chánh trị. . .

Sau vụ tấn công Chùa Xá-Lợi : hai ông Trần-Văn-Chương, Vũ-Văn-Mẫu từ chức ; phong trào sinh viên, thanh niên tràn lan như « nước lũ »; các ký giả, chánh khách, chánh phủ, (thù cũng như bạn, xa cũng như gần, Phật giáo cũng như Công giáo, Đông cũng như Tây), đồng lòng và cương quyết lên án chánh sách tàn bạo, đàn áp thanh niên, khủng bố Phật giáo. . .

Tình-Lan và Cao-Miên khởi gây phong trào đưa vấn đề ra trước Hội đồng Liên-Hiệp-Quốc.

Ngày 27-8. Cao-Miên đoạn giao với Việt-Nam. Chánh giới Cao-Miên nêu câu hỏi : giữa người Việt-Nam với nhau, mà Chánh phủ Việt-Nam còn đối xử như vậy, nói chi non nửa triệu người Việt gốc Miên theo Phật giáo sinh sống ở Việt-Nam ? (1)

Lý luận có vẻ một phần nào lập dị hay mâu thuẫn : nhưng chính vì *Chùa Xá-Lợi bị tấn công*, mà vấn đề Phật giáo không còn là một bài toán nội bộ. Nhờ những phản ứng quốc tế *nhân vụ tấn công Chùa Xá-Lợi*, mà vấn đề được đưa ra trước diễn đàn quốc tế. Tất cả những sự kiện, những yếu-tố này khiến cuộc đảo chánh ngày 1-tháng 11 hội thêm điều-kiện thành-công, mà một trong những kết-quả quý giá đã thâu-hoạch và đáng ghi-nhớ, là : chấm dứt khủng bố Phật-giáo nói riêng, và tôn trọng tự-do tín-ngưỡng nói chung.

Tháng 9. Sau khi tham-dự Hội-nghị Liên-Hiệp Nghị-sĩ tại Nam-tư, bà Ngô-Đình-Nhu đi chu-du hoàn-cầu, với sứ mệnh « giải độc »

---

(1).— Trong các bản diễn văn, Quốc trưởng Norodom Sihanouk nhấn mạnh « đoạn giao giữa hai chánh phủ, nhưng tình hữu nghị giữa hai dân tộc không suy xuyển. »

Bản điệp văn gửi Chánh phủ Việt-Nam ngày 27-8-1963 (các báo chí Cambodge sau có đăng nguyên văn), có đoạn trích như sau :

« Từ nhiều năm nay, Chánh phủ Việt-Nam áp dụng chánh sách kỳ thị tôn giáo, có hại cho Phật giáo. Những Phật giáo đồ Cambodge đã bị đàn áp, giam giữ, các chùa chiền bị cướp phá và tiêu hủy.

« . . . toàn thể dân tộc Cambodge cũng như hết thảy các dân tộc trên thế giới, đều công phẫn và ghê tởm trước những hành động dã man đàn áp giới Phật giáo Việt-Nam.

« Nước Cambodge Phật giáo chủ trương khoan hồng triệt để về tín ngưỡng, vì vậy lên án óc bè phái và cuồng tín, là những quan niệm đe dọa đời sống chung hòa hợp giữa các tôn giáo tại Á-đông và nền hòa bình nội bộ tại hết thảy các nước đó.

« Xét thái độ chánh phủ Việt-Nam đối với dân tộc, giòng giõi và tín ngưỡng của quốc gia Cambodge, Chánh phủ Hoàng gia hoàn toàn đồng ý với Quốc Hội bắt nguồn từ toàn thể dân tộc, đã quyết định ngưng mọi liên lạc chánh trị với chánh phủ Việt-Nam hiện thời... »

dư-luận thế-giới. Nhờ bà, Chùa Xá-Lợi bị tấn-công đã hun-đúc sức đấu tranh của người Phật-tử ; nay lại nhờ bà, vấn đề được « truyền bá » khắp mọi nơi. Nhưng bà có quyền « giải độc », cũng như các thính-giả bốn phương có quyền *phân tách đâu là thuốc độc.*

***

Ta hãy thẩm cứu, theo những kế-hoạch đã dự-định như sao, và nhờ ở những thời hội lịch-sử nào, những phản ứng quốc-tế đã giúp cuộc tranh đấu của Phật-giáo đồ thành-công rực rỡ ?

Gần chúng ta, các nước láng giềng Phật-giáo (không phân-biệt thù hay bạn), đều cương-quyết lên tiếng.

Tại Phnom-Penh, sáng 23-8, một bản thông cáo chánh-thức tuyên-bố :

« Chánh-phủ Hoàng-gia Cambodge kinh-hãi khi nhận tin Chánh-phủ Saigon đàn-áp dã-man giới Phật-giáo. Tấn-công Chùa chiền phạm-thần và lược-đoạt giáo đường, ngược sát và câu lưu tăng ni Phật-tử : hành-động như vậy thật khinh thường và khiêu-khích thế-giới văn-minh... Chỉ có chánh thể Hitler trước đây mới dám phạm những tội ác như vậy... Hết thảy các chánh phủ và cơ-quan quốc-tế phải hiểu rằng : im lặng hay phản-đối lấy lệ trước những vụ ngược-đãi không tiền khoáng-hậu này, chỉ gây thêm hoang-mang đáng tiếc trong hàng-ngũ các dân tộc còn tin-tưởng ở tự-do và công lý... Những vụ lưu-huyết như vậy khiến chúng ta lo-ngại một cuộc chiến-tranh tôn-giáo sẽ xảy ra tại Đông-Nam-Á... Chúng tôi mong rằng những chức-sắc tối-cao của Giáo-hội sẽ tận-dụng uy-tín và ảnh hưởng, để bắt buộc các nhà đương cuộc ở Sàigòn biết tuân-hành và tôn-trọng những đạo-lý cao-thượng của Giáo-hội... Chánh phủ Hoàng-gia Cambodge hoàn-toàn ủng-hộ các tăng-ni và Phật-tử Việt-Nam...»

Sáng 24-8, Chánh-phủ Cambodge gửi điện văn cho Ô. Thant, Tổng Thư-ký Liên-Hiệp-Quốc, yêu cầu « can-thiệp khẩn cấp tại Việt-Nam, và nếu cần, triệu tập một phiên họp bất thường hầu phục-hồi nhân quyền thiêng-liêng và quyền tự-do tín giáo. », Mặt khác, Chánh-phủ Cambodge còn gửi điện văn tới Chủ-tịch Tổng-Hội Phật-giáo Thế Giới trụ-sở tại Rangoon, cho biết lập-trường Cambodge « sẵn sàng tán-thành và thực-thi mọi biện-pháp của Tổng-hội, nhằm mục đích giúp đỡ các đạo hữu Việt-Nam phục hồi quyền tự do tín ngưỡng ».

Sáng 25-8, Quốc trưởng Norodom Sihanouk tuyên bố tại Kompong Speu (một đô thị cách Phnom-Penh chừng 50 cây số) : « Tôi đã đề nghị Quốc-Hội nghiên cứu vấn đề đoạn giao với Việt-Nam. Liên-Hiệp-Quốc sẽ thẩm sát hồ sơ vụ khủng hoảng tôn giáo này đã làm chấn động dư luận thế giới. » Sáng 26-8, Quốc-Hội đồng thanh biểu quyết đoạn giao, và tình trạng có hiệu lực kể từ 27-8.

Chúng ta có thể hiểu Quốc

trưởng Norodom Sihanouk hăng hái là vì lý do chánh trị, hoặc ác cảm cá nhân đối với vị Nguyên thủ Việt-Nam khi đó. Nhưng chúng ta nghĩ sao, khi Thái-Lan là bạn đồng hành thân thiết của Việt-Nam về nhiều phương diện, cũng không có luận điệu nào khác hơn như thế !

Sáng 22-8. Thống chế Sarit Thanarat Thủ-tướng Thái, nêu ý kiến một hội nghị sơ bộ hết thảy các quốc gia Phật giáo sẽ được triệu tập tại Bangkok, trước khi đưa vấn đề ra bàn luận tại Liên-Hiệp-Quốc. Mặt khác, Thống chế Thủ tướng hội kiến với Đại sứ Việt-Nam, có nhận xét như sau : « Chánh phủ Thái làm chủ tình thế, nhưng không thể ngăn cầm các Phật tử Thái tỏ cảm tình và thái độ đoàn kết với các đạo hữu Việt Nam . . . »

Đêm 22-8, hội họp dưới quyền chủ tọa của Thủ-tướng Công nghiệp P. Rojanaburanond, các vị chức sắc Phật giáo Thái đồng thanh quyết nghị sẽ thi hành mọi biện pháp ủng hộ các đạo hữu Việt-Nam, về phương diện tinh thần cũng như vật chất : ngỏ lời phân ưu, gửi thuốc men, áo quần, tiền bạc... Đồng thời, Hội đồng gửi thư tới ông Thant Tổng Thư ký Liên Hiệp Quốc, tới các nhà đương cuộc Việt-Nam và các đoàn thể Phật-giáo thế-giới, báo cáo về lập trường của giới Phật tử Thái trước vụ tấn công Chùa Xá-Lợi.

26-8. Đại-tá Pin Mutukan, Phó Giám đốc Nha Tín-Giáo Bộ Quốc gia Giáo dục Thái-Lan tuyên bố trên đài vô tuyến truyền thanh, khuyến cáo chánh phủ Việt-Nam bằng những lời lẽ chân thành gay gắt : « Vì đã đàn áp Phật tử Việt-Nam, Tổng thống sẽ hứng chịu hết thảy những tai họa dưới đủ mọi hình thức hiểu theo giáo lý nhà Phật, kể cả suy nhược, diệt vong và địa ngục. Số phận Phật tử Việt Nam khiến các đạo hữu trên khắp thế giới lo ngại... Mặc dù tình giao hảo giữa Thái-Lan và Việt-Nam khăng khít, giới Phật tử Thái-Lan vẫn có bổn phận lên tiếng. Một nhà sư không có quyền đụng chạm tới nữ giới, nhưng đó không phải là một cớ để thản nhiên đứng trước một thiếu nữ sắp chết đuối... »

Tại Lào theo Phật giáo, vì nội tình chưa ổn định, giới chánh quyền không làm chút gì công khai, mà chỉ lấy tình riêng nói nhỏ với các nhà đương cuộc Việt-Nam nên rất ôn hòa và thận trọng.

Tại Rangoon, thủ đô Miến-Điện. Ngay từ sáng 23-8, các báo chí đã bộc lộ nỗi lòng công phẫn tột độ. Báo The Guardian viết : « Vụ tấn công vừa qua chứng tỏ tinh thần của nhà cầm quyền Việt-Nam đã lâm tình trạng thác loạn. Hành động quả là một lầm lỗi phi thường, ra ngoài trí tưởng tượng nhân loại. 70 % dân Việt-Nam theo Phật-giáo : như vậy, Chánh-phủ Việt-Nam còn hy vọng gì khi ngự trị trên những xác Phật-tử đã bỏ mình vì tôn giáo và những ngôi Chùa ngày nay chỉ còn là chồng gạch vụn, khi đa số những người sống sót bị tập trung trong các trại giam ? Chánh phủ Hoa

Kỳ sẽ lầm nếu tưởng rằng : tiếp tục ủng hộ chánh phủ hiện thời tại Việt - Nam, nước Mỹ có thể giữ nguyên vẹn tình bạn của các quốc gia Phật-giáo Đông-Nam-Á ! »

Ngày 26-8, hai hội Phật-giáo tại Rangoon và Mandalay họp nhau cùng lên tiếng, kêu gọi các dân-tộc Phật-giáo Á-Đông, — Tích - Lan, Cao-Miên và Việt-Nam — phải mau đoàn kết đối phó với tình-trạng Phật-giáo Việt-Nam bị chánh quyền đàn áp.

Ngày 23-8. Chánh phủ Nhật lo-ngại sau khi theo dõi tình trạng diễn biến tại Việt - Nam. Thứ - trưởng Ngoại-giao Shigenobu Shima, hội kiến với Đại-sứ Việt-Nam, yêu cầu cho biết sự thực về vụ Chùa Xá-Lợi !

Tại Hán.thành, thủ đô Đại-Hàn, ngày 25-8. Sau buổi lễ cầu siêu tưởng niệm, Đại đức Kapchong Hội chủ Phật-giáo đã gửi điện văn, yêu cầu Chánh phủ Việt-Nam chấm dứt ngay công cuộc tàn sát vô đạo này. Mặt khác, Hội Thanh - niên Phật tử do tướng Chang Chung-son (một nhân viên trong Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng), đã gay gắt lên án các nhà cầm quyền Việt-Nam đàn áp Phật-giáo-đồ.

Chánh phủ Trung-Hoa Dân-quốc rất giao hảo với Chánh phủ Cộng-Hòa Việt-Nam. Tuy vậy, ngày 29-8, phát ngôn viên Bộ Ngoại-giao Đài Bắc cũng được chỉ thị tuyên-bố : « . . . rất lo ngại về tình hình tại Việt-Nam, và hy vọng tha thiết của Chính-phủ Trung.Hoa Quốc. gia là Chánh-phủ Việt-Nam và giới Phật-tử mau tìm được giải pháp chấm dứt cơn khủng hoảng để lâu chỉ có lợi cho Cộng-sản ! »

Ngày 25-8, tại New Delhi. Ông Tổng Thư ký đảng Quốc-gia Ấn tuyên bố : « Vấn đề Phật-giáo tại Việt-Nam sẽ được cứu xét trong một buổi hội khoáng đạt. Những tin tức nhận được từ Saigon đã chấn động dư luận tại Ấn-Độ là quê hương của Phật-giáo. Những tàn bạo mà các đạo-hữu Việt-Nam là nạn nhân càng làm ai nấy phẫn-nộ khi chúng ta nhớ rằng Phật giáo chủ-trương bất bạo - động. Dân-tộc Ấn-độ lấy làm công phẫn trước những hành - động tàn - ác hiển-nhiên kia...» Ngoài ra, còn nhiều Hội Phật-học tha-thiết yêu-cầu Thủ-tướng Nehru can-thiệp...

Tại Colombo, thủ-phủ Tích-lan. Ngay ngày 22-8, Bà Sirimavo Bandaranaike Thủ-tướng Chánh-phủ, trao-đổi ý-kiến với đại diện các nước Ấn-Độ, Nhật-Bản, Miến Điện, Thái-Lan..., đề-nghị những biện-pháp ngoại-giao đối-phó với Việt-Nam nhân vụ Chùa Xá-Lợi, triệu tập phiên họp bất thường tại Hội-đồng Liên-Hiệp-Quốc, gây áp lực tinh-thần khiến Việt-Nam ngưng khủng-bố ! Bà Thủ-tướng Tích-lan cũng có nêu vấn-đề triệu tập Hội-nghị các quốc-gia Á-châu và Hội-nghị Phật-giáo thế-giới... Ngày 26-8 Hội-nghị Phật-giáo Tích lan yêu-cầu các đoàn-thể Phật-giáo toàn quốc, treo cờ rũ để tang các Phật-tử Việt-Nam bỏ mình vì tín-ngưỡng.

Phạm-Trọng-Nhân

(Còn tiếp 1 kỳ)

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT

Guigoz

— Mau mập

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

trở lại một vấn đề cũ :

ĐỘC LẬP KINH TẾ

● MAI LƯU

TRONG những ngày cuối của chế độ cũ quyết định ngưng và sự hăm dọa chấm dứt viện trợ Mỹ không những làm rung động chính quyền của họ Ngô mà còn làm sáo trộn đời sống hàng ngày của dân chúng, gây hoang mang, lo âu cho nhiều giới, nhiều gia đình. Những biện pháp tự túc, vội vàng mà chính phủ thời ấy dự định đem ra áp dụng để đối phó với tình thế không những không khêu gợi được sự ủng-hộ hào hứng của quốc dân mà lại còn đào sâu thêm hố chia rẽ giữa chính-quyền và nhân dân.

Nói một cách khác, mặc dầu một số thành tích cụ thể, nền kinh tế của nước nhà ngày càng thêm bấp bênh vì lệ thuộc quá nặng vào một yếu tố duy nhất mà ta không nắm vững được : ngoại viện. Vì cố chấp không chịu chú trọng đến những ý kiến chuyên môn, vì muốn củng cố quyền hành bằng những thắng lợi ngoài mặt, vì tư lợi... chính quyền cũ đã lãng quên hoặc do dự trong công cuộc xây dựng độc lập kinh tế để đặt đời sống của toàn dân trên những căn bản vững chắc là tài nguyên của xứ sở và sức lao động của mọi người.

Bài này không nhằm mục đích hài tội chính thể đã sụp đổ — việc này từ khi cách mạng ngày 1 tháng 11 thành công, báo chí đã nói đến rất

nhiều — mà chỉ mong đặt rõ tầm cấp bách của vấn đề, ngõ hầu mọi giới liên hệ, với sức mạnh của cao trào cách-mạng, cùng nhau nhận định và tìm những phương pháp giải cứu chân-thành, hữu hiệu.

Sự diễn biến của hai yếu tố tình hình ngân sách và tình hình ngoại thương trong những năm vừa qua đáng được chú ý, vì theo ý kiến chúng tôi, hai yếu tố này chứng tỏ hùng hồn hơn hết hiện trạng nền kinh tế nước nhà.

Từ tài khóa 1962, mặc dầu vẫn nhận viện trợ, ngân sách đã phải dùng biện pháp lạm phát che đậy hay công khai để quân bình.

Tài Khóa	Tổng số kinh phí (triệu đ.)	Số thâu trong nước (thuế và các huê lợi khác)	Ngoại Viện	Trích quỹ dự trữ và tiền ứng trước của Ngân Khố hay gân Hàng Quốc-Gia
1960	15.193 (100%)	62%	30%	8%
1961	16.273,6	71%	26%	3%
1962	22.295,0	58%	32%	10%
1963	25.050,0	50%	30%	20%
1964	28.000,0	39%	28,5	32,2

Những con số chi thu trên đây trích trong các tài liệu đã được công bố hoặc thông báo cho quốc hội hồi tháng 10 vừa qua.

Ngoại viện là số tiền đóng góp của Chánh-phủ Mỹ vào chi phí quốc phòng; nó là một khoản cho không chớ không phải cho vay.

Ngân sách nước nào cũng có mục dự trữ để ghi chép vào cuối tài khóa những số thặng thâu so với số chi. Hình như từ 3, 4 năm nay, ngân sách không có khoản thặng dư ấy.

Các số tiền do Ngân khố hay Ngân hàng Quốc-Gia ứng trước cho chánh phủ có tính cách lạm phát.

Để nêu rõ tình hình đặc biệt của nước ta, chúng tôi xin đưa ra những thống kê ngân sách liên quan đến một vài nước Á-Châu lân cận :

● Có những thời mà chánh phủ mất lòng tin cậy của dân chúng nhưng tôi không biết những thời nào mà chánh phủ có thể tin cậy ở dân chúng được.

Rivarol

Tài khóa	Quốc-gia	Tổng số chi (triệu)	Số thâu trong nước (thuế và các huê lợi khác) (triệu)	Ngoại viện cho không (triệu)	Số thâu có tính cách lạm phát (triệu)	Trích quỹ dự trữ (triệu)
1961 hay 1961-62						
	Ấn-Độ	28.166 (rupi)	19.436	881	2.512	5
	Mã Lai	1.298 (Mã kim)	1.195.7	—	7	—
	Phi Luật Tân	1.482,5 (peso)	1.424,1	?	95,2	?
	Thái-Lan	9.064 (baht)	6.765	626	664	—
1962 hay 1962-63						
	Ấn-Độ	35.638	22.367	1.265	5,269 (14,7%)	85
	Mã Lai	1.510,4	1.239,4	9,2	2,3	13,4
	Ph.L.Tân	1.891,2	1.751,8	?	153,6	?
	Thái-Lan	10.217	7.558	493	809	—
1963 hay 1963-64						
	Ấn-Độ	41,730	26.939	1.428	5.579 (13,3%)	285
	Mã-Lai	1.990,5	1.162,6	9	40	—
	Ph.L.Tân	2.195,1	1.982,6	?	207,3	?
	Thái-Lan	12.216	7.880	673	1399 (11,4%)	15

Phương pháp trình bày có những điểm tiểu dị từ nước này qua nước khác nhưng không phải vì thế mà những nét chính yếu bị soa nhòa.

Viện trợ cho không mà những phương pháp tài trợ có tính cách lạm

phát chiếm tỷ lệ cao nhất trong ngân sách Việt-Nam.

Riêng đối với ngoại viện, việc đóng góp vào ngân sách chưa phản chiếu hết sự quan trọng của nó. Vì ta dùng ngoại viện để nhập cảng những số-lượng hàng hóa quan trọng và vì chế độ thuế khóa của ta đặt nặng trên nhập cảng, giảm ngoại viện tức là giảm những số thâu trong nước cho ngân-sách. Mặt khác giảm ngoại viện, ta sẽ khó bề nhập cảng dụng cụ trang bị và nguyên liệu cho kỹ nghệ, do đó việc duy trì hay bành trướng sức sản xuất của ta không bảo đảm được.

Tiếp tục sự so sánh về mục đích các việc chi tiêu chúng ta thấy như sau :

Tỷ số ngân sách dùng vào quốc phòng và phát triển kinh tế xã hội.

Tổng số kinh phí : 100 %

QUỐC GIA	TÀI KHÓA 1961 (hay 1961-1962)		TÀI KHÓA 1962 (hay 1962-1963)		TÀI KHÓA 1963 (hay 1963-1964)	
	Quốc-phòng	Phát triển kinh tế Xã hội	Quốc phòng	Phát triển kinh tế Xã hội	Quốc-phòng	Phát triển kinh tế Xã hội
Việt-Nam	50%	22,3%	54%	27,2%	56%	24,4%
Ấn-Độ	11,8	61,9	14.6	59,3	21,2	55,2
Mã-Lai	12,9	57,6	11,4	59,0	9,1	46,3
Phi-Luật-Tân	19,1	67,5	13,0	73,0	9,3	73,7
Thái-Lan	16,3	31,9	15,2	37,1	13,4	39,0

Ấn-Độ, Mã-Lai và Phi-Luật-Tân giữ được mực độ kinh phí phát triển cao ; Thái-Lan tiến đều đặn.

Nước ta chiếm tỷ lệ kinh phí quốc-phòng cao nhất, vượt xa các nước trên đây. Ấn-Độ, từ khi phải đương đầu với cuộc xâm lược của Trung-Cộng đã tăng khoản kinh phí này một cách đáng kể ; dù vậy tỷ lệ về tài khóa 1963-1964 mới lên đến 21,2% so với 56% ở Việt-Nam.

Ai cũng đồng ý rằng chống Cộng là vấn đề mất còn của chúng ta, không có sự hy sinh nào khả dĩ coi là quá đáng để đạt thắng lợi. Mặt khác, trong cuộc chiến đấu này, chúng ta cũng bảo vệ thế giới tự do và như vậy sự đóng góp của các nước bạn chỉ là vấn đề công

bằng. Tuy nhiên gánh nặng quân phí khiến công cuộc phát triển kinh tế và xã hội theo đà mong muốn trở nên vô cùng khó khăn.

Chuyển sang tình hình ngoại thương, ta thấy xuất cảng của nước nhà chỉ bằng một phần nhỏ nhập cảng : 26,3% năm 1961, 19,2% năm 1962. Những năm trước, sự thiếu hụt cán cân thương mãi cũng quan trọng lắm.

Ngoại trừ Mã-Lai là nước xuất cảng nhiều hơn nhập cảng, tình hình của An-Độ, Mã-Lai và Thái-Lan khả quan hơn ta rất nhiều.

Tỷ lệ xuất cảng / nhập cảng

Quốc-Gia	Tài khóa 1961 (hay 1961 — 1962)	Tài khóa 1962 (hay 1962 — 1963)
Việt-Nam	26,3%	19,2%
Ấn-Độ	66	63
Mã-Lai	117,8	112,9
Phi-Luật-Tân	67,5	86,3
Thái-Lan	98,6	83,9

Chúng ta duy trì được mãi tình trạng thiếu hụt là nhờ viện trợ Mỹ. Cũng có thể nói rằng viện trợ thương mãi hóa tất nhiên đưa đến sự thịnh vượng ngoại thương giả tạo ấy.

Tình trạng này chứa đựng nhiều nguy hiểm như đã nhắc lại ở trên. Ta phải nhận định rằng tới nay chánh phủ chưa hề đưa ra một chính sách xuất cảng liên tục nào. Ta chỉ có hai món hàng chính để bán ra ngoài là cao xu và gạo.

Hầu hết số cao xu sản xuất được xuất cảng. Tăng gia sản xuất một cách đáng kể đòi hỏi nhiều năm cố gắng và kỷ luật vì phải sản xuất loại cao xu tốt, giá rẻ mới mong cạnh tranh với cao xu nhân tạo.

Về gạo, thái độ của ta là thừa ăn mới xuất cảng. Rủi năm nào bị thiên tai mất mùa thì không bán ra ngoài nữa !

Các thứ hàng khác thường chỉ chiếm trên dưới 10% tổng số xuất cảng mà thôi. Muốn thâu hẹp sự chênh lệch giữa xuất và nhập cảng, ta phải một mặt tích cực thúc đẩy xuất cảng, một mặt giảm bớt nhập cảng. Tự túc hay tiến bộ không có nghĩa là giới hạn giao thương với bên ngoài ; điều cốt yếu là có đủ phương tiện để duy trì hay bành trướng sự giao thương trên căn bản lành mạnh.

Trong khi tìm cách giảm bớt nhập cảng, chánh phủ cần nghiên cứu

những cải cách thuế khóa thích nghi, vì lẽ như trên đã nói, chế độ thuế của ta đặt nặng trên nhập cảng. Cuộc cải cách có thể là liều thuốc đắng cho nhiều giới.

∴

Chương trình ngoại viện của chánh phủ Mỹ càng ngày càng gặp sự chống đối của dân chúng và chính khách Mỹ. Mà ngoài nước Mỹ ra, không một nước nào trên thế giới, dù có tham vọng đến đâu, cũng không thể dành những ngân khoản tương đương vào việc viện trợ.

Nhận định như vậy không phải để đi đến kết luận nên sớm kkước từ viện trợ như người ta đã chủ trương trong một lúc bốc đồng. Các quốc gia chậm tiến còn cần sự giúp đỡ của các nước giầu mạnh trong nhiều năm ; nhưng khi tình hình kinh tế và tài chánh trở nên lành mạnh, người ta có thể gõ cửa nhiều nơi và sử dụng những hình thức viện trợ khác hơn là sự tặng dữ.

Những việc phải làm có thể tóm tắt như sau ;

1.— Tăng gia sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, triệt để vận dụng tài nguyên trong nước ;

2.— Duyệt lại các khoản chi tiêu của ngân sách và cải cách thuế khóa ;

3.— Giảm nhập cảng và tích cực tăng gia xuất cảng.

Độc giả sẽ hỏi rằng những đề nghị trên có gì mới lạ và phải chăng chúng cũng cũ rích như vấn đề độc lập kinh tế ? Chánh phủ trước há đã chẳng đưa ra những biện pháp tương tự hay sao ?

Chúng tôi rất đồng ý nhưng vẫn nhận thấy những sự khác biệt, những yếu tố mới. Chánh phủ trước nói một đằng làm một nẻo, cố chấp hay dụng ý không nhận định thực trạng, sử dụng những biện pháp quá sức chúng ta để nhằm đạt những mục đích chánh trị, củng cố chánh quyền cá nhân. Đọc kế hoạch ngũ niên 1962 — 1966, ta thấy nó ghi lại hầu hết những hứa hẹn do liên danh 1 đưa ra hồi bầu cử Tổng Thống năm 1961. Nói như vậy không phải là phủ nhận giá trị của nó. Nhưng trong thực tế, dưới chế độ cũ, mọi việc đều do vị nguyên thủ quyết định với một phương pháp làm việc phản khoa học, với một tâm trạng coi nhẹ những hứa hẹn với quốc dân. Kế hoạch ban hành chưa được bao lâu thì « quốc sách » Ấp chiến lược ra đời. Những người nông nổi hay xu nịnh vội vàng nêu vấn đề bãi bỏ kế hoạch hay lồng nó vào khuôn khổ « quốc sách » !

Những mâu thuẫn phản lại quyền lợi tối cao của quốc gia khó kể lại hết. Tựu trung mâu thuẫn vì muốn bảo vệ quyền lợi bất chính của một cá nhân hay một thiểu số, mâu thuẫn vì hiếu thắng, vì ngông cuồng, vì những người lãnh đạo thiếu thành tín, không thấm nhuần tinh thần dân chủ. Bởi vậy quốc dân hoài nghi và những vấn đề trọng đại chưa được giải quyết.

Ngày nay, sau cuộc cách mạng, một luồng gió mới thổi trên xứ sở chúng ta ; tương quan giữa Chính quyền và nhân dân được đặt trên căn bản mới. Các biện pháp để thực hiện ba mục nêu trên đây nhằm lành mạnh hóa nền

kinh tế nước nhà, chúng tôi tin chắc các chuyên gia đầy kinh nghiệm của Chánh Phủ đều biết rõ.

Điều chính yếu là chánh quyền chân thành nhận định với quốc dân những vấn đề cần giải quyết. Những biện pháp khả dĩ áp dụng sẽ được thảo luận rộng rãi để đi đến một chương trình hành động thiết thực cho một thời gian 2 năm, 3 năm hay 5 năm... ; những sự hy sinh đòi hỏi ở nơi quốc dân sẽ không che giấu. Và một khi chương trình hành động đã được chấp thuận theo những điều kiện nói trên, mọi người, mọi giới sẽ lãnh trách nhiệm của mình, kiên trì noi theo con đường đã vạch sẵn để nhất thiết tiến tới đích.

Không một thiện chí nào có quyền đòi hỏi Cách mạng thực hiện phép mầu. Nhưng cách mạng tạo đều kiện thuận tiện để xây dựng một quốc gia hãnh diện, một tương lai vững chắc. Cũng như các vấn đề khác, vấn đề kinh tế có thể giải quyết theo phương pháp nóng hay nguội. Lúc này những lo âu về ý thức, về tiền lương, tiền công đã tạm lắng xuống. Mọi người hướng về các vấn đề chánh trị như thiết lập nền móng cho chế độ dân chủ, ngăn chặn nọc độc trung lập xâm nhập cơ thể quốc gia, diệt trừ tàn tích ung nhọt của chế độ cũ. Tâm hồn không bị áp lực của những sự kiện kinh tế làm cho sáo động. Chính là lúc thuận tiện để mổ xẻ, nghiên cứu và quyết định những điểm trọng đại nêu ở trên.

MAI-LƯU

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIEM

27-29, *Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON*

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : *PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO*

VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ✦ ☆

HEAD OFFICE *Plapplachai, Bangkok.*

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON *Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E.C 2*

TOKYO *No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo*

HONGKONG *60, Bonham Strand West*

CENTRAL DISTRICT *Shell House, Queen's Road.*

KOWLOON *580 A. Nathan Road Kowloon.*

SINGAPORE *64 South Bridge Road.*

KUALA LUMPUR *14 Ampang Street.*

TRẦN HƯƠNG TỬ

HEIDEGGER
và bản chất của thi ca

(Xin coi lại BK số 155 và 156)

BÀN về Heidegger và Thi-ca, có lẽ cần phải nhận thức ngay tự đầu rằng Heidegger là một triết-gia và ông nói về bản-chất của Thi-ca theo lập trường triết học hiện hữu của ông. Như chúng tôi đã có dịp trình bày trong *Bách Khoa số 155*, triết học của Heidegger có tên là « triết học về Dasein ». *Dasein* của Heidegger lại hoàn toàn xây dựng trên hai nhận-thức căn bản của ông về *tiếp thông* (com-préhension) và *khai độ* (ouverture) : theo ông, con người là chính sự tiếp thông tiền niệm với « vũ trụ ». Gọi là *tiền niệm* (pré-conceptuelle), vì ý thức phản tỉnh của ta chỉ đến *sau* đó mà thôi, và như ta biết, chính ý-thức phản tỉnh này mới cho ta những quan-niệm rõ ràng. Nói cách khác, tiếp thông là ý-thức chưa tự ý thức về mình, bởi vì tiếp thông là ý thức *về cái vũ trụ* mà mỗi tiếp thông đang khai mở cho ta. Chính vì thế, Heidegger quen gọi mỗi tiếp thông này là « trạng thái xuất thần » như chúng ta thấy trong câu ông định nghĩa chữ *hiện hữu* trong triết học của ông : «L'ek-sistence, pensée de façon extatique, ne coïncide, ni dans son contenu, ni dans sa forme, avec l'*existentia*. Dans son contenu, l'ek-sistence signifie position extatique dans la vérité de l'Etre ». (Heidegger, *Lettre sur l'humanisme*, trad. Roger Munier, Aubier 1957, p.61). Nếu nhớ rằng: trong triết học Heidegger, *hiện hữu* (ek-sistence) bao giờ cũng có nghĩa là hiện diện, hiện hữu như một hiện diện, thì chúng ta có thể dịch rộng nghĩa câu văn trên đây như sau : « Xét theo nghĩa xuất thần của nó, thì *hiện hữu* không chút chi giống với *sự kiện có đây* (existentia), dầu về nội dung, dầu về hình thức. Theo nội dung, *hiện hữu* nói lên trạng thái xuất thần

trong sự thực của Hữu thể ». Sao Heidegger lại gọi *hiện hữu* (ek-sistence) là trạng thái *xuất thần*, và còn gọi là « sự cư ngụ một cách xuất thần trong chân thực của Hữu thể » (Sd, trang 59 : inhabitation extatique dans la vérité de l'Etre) ? Nếu chúng ta nhớ rằng bản chất của tiếp thông là *tiền niệm*, là chưa phản tỉnh, thì chúng ta dễ hiểu tại sao Heidegger đã gọi hiện hữu là trạng thái xuất thần.

Heidegger đi mỗi tiếp thông này như nguồn phát sinh ra *quan niệm* mà tôi có về vạn vật và *vũ trụ* nói chung : như vậy, mỗi tiếp thông tiền niệm là nguồn mạch, nơi mà « *vũ trụ hình thành vũ trụ* » và cũng chính là nơi phát sinh ra *ý thức chưa phản tỉnh* của tôi về vũ trụ.

Thi-gia là người cư ngụ nơi mỗi tiếp thông này.

Heidegger đề cao vai trò của thi gia, coi thi gia như thứ người nửa thần nửa người, bởi vì thi-gia « là môi giới giữa thần linh và loài người ; chính tự chỗ trung gian đó, thi gia đã nghĩ được cái vượt quá con người và vượt quá thần linh ». (Heidegger, *Aoproche de Hoelderlin*, Gallimard 1962, p. 157). Sao Heidegger lại đề cao thi gia như vậy ?

Muốn tìm thấy câu trả lời, chúng ta cần biết Thi-ca là gì đối với Heidegger. Khi triết nhân bàn về bản chất của Thi-ca, thì chữ Thi-ca đây có ý nghĩa đặc biệt của danh từ Hy-lạp : *Poiêsis*. Mà poiêsis là *sáng tác*. Sáng tác là gọi đúng tên bản chất của vạn vật. Sáng tác là gọi ra ánh sáng những gì chưa có ai biết gọi tên chúng. Hay, nói như Heidegger, sáng tác là sự hình thành của chân lý. « Ngôn từ đã gọi tên sự vật lần thứ nhất : sự gọi tên này đã cho sự vật có tên và có thể trình diện với loài người. Như vậy Thi-ca là thể hiện chân lý. Bản chất của Thi ca là khởi lập chân lý ». (Heidegger, *Chemins qui ne mènent nulle part*, Gallimard 1962, p. 58-59)

Như vậy, quan niệm của Heidegger về Thi-ca khác với quan niệm của chúng ta thường có về Thi-ca. Chúng ta coi thi ca là văn nghệ, và theo lẽ thông thường thì người ta mong chờ ở thi-ca những rung động tình cảm hơn là những « khám phá siêu-hình-học ». Ấy là chưa nói nhiều khi vô tình có người đã biến thi ca thành những xưởng chế bài ca, sẵn sàng nhận khách đặt hàng. Khi đó, vô tình và thảm hại thay, thi-ca đã trở thành những bài tụng. Tụng các nhà độc tài đang làm mưa làm gió trên trăm họ. Tụng những người đồng ý với mình, để gián tiếp ca tụng chính mình. Tụng những cái mình say sưa tôn thờ v. v. Bản chất của loại thi-ca này không phải là sáng tác, nhưng là viết theo những đề tài đã có sẵn. Không gọi ra ánh sáng một cái chi trước đây hoàn toàn không có, thì sao gọi là sáng tác được ?

Nói thế, Heidegger không có ý coi nhẹ loại thi ca thông thường, vì loại này có ý nghĩa và ích lợi của nó. Nói thế, Heidegger chỉ xin chúng ta đừng lẫn loại Thi-ca mà ông bàn về bản chất. Thi-ca của

ông là *sáng tác* theo nghĩa chặt, chớ không phải là loại thi ca văn nghệ. Cho nên ông đã không ngần ngại viết câu sau đây, mặc dầu thoạt nghe có vẻ động chạm đến văn nghệ. « Thi-ca (poiêsis) đây không phải là cuộc chơi giỡn của tâm trí muồn tạo ra cái chi thì tạo, và Thi-ca cũng không phải là thả mình theo trí tưởng tượng để rồi đi vào chỗ huyền ảo đâu. Nhưng thi ca là một dự định « vén màn » cho ta thấy cái phải đến nơi *khai độ* (l'ouvert) ». (*Chemins*, p 57).

Như vậy, muồn hiểu Heidegger nói gì về bản chất Thi-ca, trước hết chúng ta phải quên cái quan niệm của ta có về thi-ca văn nghệ, để chỉ nhớ Thi-ca *với ý nghĩa hoàn toàn triết học* của danh từ này. Không làm thế, và không nhớ như thế, chúng ta sẽ lâm vào những lẫn lộn đáng tiếc.

***

Sau mấy nhận định cần thiết, bây giờ chúng ta có thể cùng với Heidegger tìm hiểu bản chất của Thi ca. Và, bởi vì Thi-ca là sáng tác, cho nên thay vì nói bản chất của Thi ca, chúng ta cũng có thể nói *bản chất của sáng tác* để tránh những âm vang mà chữ thi ca thường gợi lên trong tri óc ta về những tác phẩm văn nghệ.

Vậy bản chất của sáng tác là gì ?

Chúng ta đã thấy Heidegger định nghĩa sáng tác là gọi tên những cái chưa được gọi tên bao giờ. Sáng tác là gọi ra ánh sáng những gì còn bị che lấp trong *phần còn lại*, tức phần chưa được khai minh. Và ta cũng nhớ rằng, theo Heidegger, thì mồi tiếp thông là nơi phát sinh ra « vũ trụ » cho ý thức ta ; và tiếp thông cũng chính là trạng thái « xuất thần » của ta : khi đó, ta chưa ý thức về mình, nhưng chỉ ý thức về « vũ trụ » mà khai độ đang vén màn cho ta tiếp thông. Như vậy, ngay tự bây giờ chúng ta có thể trả lời một cách đại cương rằng : bản chất của Thi ca, tức bản chất của sáng tác, là nhờ mồi tiếp thông để vén màn thấy những gì mà Hữu-thể vẫn chưa cho thấy bao giờ.

Để sự nghiên cứu của chúng ta có căn bản vững chắc, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu những trang Heidegger viết về « Bản chất của Thi ca ». Đây là một bài diễn thuyết của triết nhân, gồm 5 đề mục như sau : — a) Làm Thi ca là làm công việc vô tội nhất ; — b) Thi ca cũng là của nguy hiểm nhất đã được ban cho con người để chứng tỏ bản chất con người ; — c) Tự khi chúng ta là đối thoại, con người đã kinh nghiệm nhiều và đã gọi tên nhiều thần linh ; — d) Các thi gia khởi lập *cái-còn-lại* ; — e) Tuy nhiều công-lao thực đấy, nhưng con người ở trái đất như cách một Thi gia.

Cả 5 đề mục trên đây đều là những lời lẽ của Hoelderlin. Heidegger đã dựa vào 5 đề mục đó để tìm hiểu bản chất của Thi ca, Sau đây là nhận định của triết nhân :

— a) Còn gì vô tội bằng Thi ca ?

Thi ca không là lãnh vực của thực tại, nhưng là lãnh vực của ước mơ. Vì thế Thi ca là cái chi vô hại. Trong bài « Có Thi gia làm chi ? » Heidegger cho thấy sự mơ ước của thi gia có hình thức của tình trạng xuất thần : các thi gia là những người duy nhất trong loài người được thần Dionysos (thần say) hé mở cho thấy miền bí mật của thần linh. Vì thế, lời ca của Thi gia say sưa, không tỉnh táo như lời lẽ của triết gia. Theo ý đó, không thể có Thi ca đích thực khi người làm thơ còn sợ sệt, nhìn trước ngó sau, sợ khen chê, sợ kiểm duyệt ; cũng không thể có Thi ca khi người ta còn nô lệ vào thực tế, còn nịnh bợ, ca tụng. Thi gia đích thực là người nhà trời, nửa thần nửa người, không sợ và cũng không nịnh, không vịn vào những thực tại sờ sờ trước mắt, nhưng say sưa băng mình tới nơi khai độ để cùng với thần linh gọi tên những gì mà người trần chưa bao giờ biết tới.

—b) Thi ca không vịn vào cái thực tại đã được gọi tên, nhưng hướng về những gì chưa từng được gọi ra nơi khai độ. Vì thế Thi ca có vẻ huyền ảo, vô thưởng vô phạt. Nhưng Thi ca đồng thời là cái chi nguy hiểm nhất đã được ban cho con người. Heidegger nhấn mạnh : « Phải làm sao nhìn một cái thấy cả hai đặc điểm đó của Thi ca — vô tội và nguy hiểm — thì mới trông nhận-thức được bản chất của Thi ca.»(*Approche de Hoelderlin, p. 55*). Tại sao vừa vô hại vừa nguy-hiểm quá như vậy ? Thưa vì Thi-ca là ngôn-từ uyên-nguyên, tức ngôn-từ gọi tên vạn vật lần thứ nhất, rồi tự đó vạn vật mới là vạn vật của người phàm chúng ta. Và nguy-hiểm, vì ngôn-từ đã được ban cho con người để con người *chứng tỏ* về mình. Nói cách khác, *Thi-ca nói lên bản chất của con người*, xét như con người là Da-sein, hiện-hữu như một hiện-diện, hiện hữu như một khai-minh ra « vũ-trụ » (chữ « vũ trụ » của Heidegger chỉ có nghĩa là khai-độ của Hữu-thể, chớ không có nghĩa là cái thiên-nhiên vật-lý. Coi *Lettre sur l'humanisme, p. 127*).Thi-ca là ngôn từ uyên nguyên, cho nên Thi-ca là sự vén màn cho thấy « vũ trụ » : và đó là bản chất của con người, vì bản-chất con người là tiếp-thông, là vén màn, là khai-minh một miền Hữu-thể. Nói một miền Hữu-thể, vì trong danh-từ của Heidegger, Hữu-thể là huyền nhiệm, là Vô cùng : cái phần được tiếp-thông khai mở gọi là « *vũ-trụ* », còn phần còn lại được gọi là « nền Đất », hay được gọi ngay là « *phần còn lại* » như ta đã gặp vài lần trên đây trong nguyên văn của Heidegger. Trong ý đó ông viết : « Ngôn-ngữ cho phép ngôn-từ của Hữu-thể nói lên cái chưa bao giờ được nói » (*Lettre sur l'humanisme*, p. 159). Và cũng vì tính-chất vén màn và khai minh này của ngôn-từ, nên Heidegger nhiều lần gọi « ngôn-ngữ là gia-cư của Hữu-thể» (le langage est la maison de l'Être. Coi *Lettre...* pp. 25, 39, 81). Tóm lại, Thi-ca là ngôn-từ uyên-nguyân vén màn cho

con người tiếp-thông với « vũ-trụ » chính hành-vi vén màn này đã khai minh ra « vũ-trụ ». Và bởi vì bản chất của con người là Dasein, tức hiện-hữu như một khai-minh, cho nên bản chất Thi-ca là bản-chất con người vậy. Ngôn-ngữ là ngôn từ đã hình-thành, cho nên ngôn ngữ được coi là nhà ở của Hữu-thể, và con người đã nhiều lần được Heidegger gọi là « mục tử của Hữu-thể » (le berger de l'Être). Chính đó là mối nguy hiểm vô cùng cho con người. Nguy hiểm chớ không nguy hại. Nguy hiểm vì con người hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc vén màn để thấy « vũ trụ » và để rồi mình *là chính sự vén màn ấy* : chúng ta biết mối *tiếp thông* thì lưỡng diện, vừa là vũ-trụ-được-khai-minh, vừa là hiện-hữu-như-sự khai-minh đó.

c) Tự khi chúng ta *là* đối thoại. Heidegger xin chúng ta lưu ý đến chữ *là*. Chữ *là* đây không do vô tình. Hoelderlin không viết : «Tự khi chúng ta *có* đối thoại » như thường tình người ta hay viết và nói, nhưng Thi gia đã viết « tự khi chúng ta *là* đối thoại ». Là đối thoại là gì ? Thưa là *tiếp thông*, bởi vì tiếp thông là ngôn từ uyên nguyên. Chính ngôn từ uyên nguyên này *là* đối thoại giữa ta và Hữu thể, nhờ ngôn từ này và sau nó, chúng ta mới *có* ngôn ngữ và có những đối thoại giữa những người với nhau. Hoelderlin cho rằng nhờ ngôn từ uyên nguyên, con người kinh nghiệm được nhiều và gọi tên được thần linh : chú giải câu này, Heidegger viết : Điều quan trọng là nhận thức rằng sự kiện diện thần-linh và sự xuất hiện của « vũ-trụ » không phải là hậu quả của ngôn-từ, nhưng là cái gì đồng thời với ngôn-từ (*Approche*, p.50). Như vậy ngôn từ là hành động vén màn. Ngôn từ đã khai minh « vũ trụ » của ý-thức ta, và cũng đã khai minh tất cả những gì ta ròm ngó được của giới thần linh, tức giới huyền bí.

Đến đây, Heidegger đặt câu hỏi: «Ta đã bắt đầu là đối thoại thế nào?», rồi ông nói cho ta biết chính để mục sau đây sẽ trả lời chúng ta. Như vậy, trên kia Heidegger đã lưu ý chúng ta phải coi hai đề mục « a » và « b » như cấu tạo thành một chủ đề duy nhất, thì ở đây ông lại cho ta thấy hai đề mục « c » và « d » phải được coi như liên can đến cùng một vấn đề. Nếu không sợ lầm, chúng ta có thể coi đề mục một «a» đề mục « b » là nhắm bản chất của « trạng thái xuất thần » của hiện hữu ; còn hai đề mục «c» và «d» thì nhắm bản chất của khai minh. - Bây giờ chúng ta tiếp tục theo Heidegger đi tìm trong đề mục « d » dưới đây, câu trả lời cho vấn đề « ta đã bắt đầu *là* đối thoại thế nào ? »

d) Heidegger bắt đầu đề mục này bằng những lời : « Đây là câu kết bài thơ *Andenken* (Hoài-niệm) : *«Các thi gia khởi lập cái còn lại»*. Câu này giọi một ánh sáng trên vấn đề bản chất của Thi-ca. Thi-ca là sự khởi lập bằng ngôn từ và trong ngôn từ. Cái chi được khởi lập ? *Cái còn lại*. Nhưng cái còn lại này có thể được khởi lập không ? Nó

chẳng phải là cái vẫn đứng đó hay sao ? Không. Chính *cái còn lại* phải được giữ trường tồn chống lại sức lôi cuốn của triều-lưu ; ta phải gỡ cái đơn-thuần ra khỏi mớ phức-tạp phải trọng cái đo-lường hơn cái vô-lượng. Phải vén màn cho thấy cái gì chống đỡ và chi phối sự vật nói chung». (*Approche de Hoelderlin*, p.51-52). Heidegger quen ví « vũ trụ » như hình ảnh mà mỗi tiếp thông làm xuất hiện trên nền Đất, tức nền ảnh (đây chữ *Đất* cũng không phải là đất ta giẫm ở chân, nhưng đất chỉ có nghĩa là *nền* như kiểu nền ảnh). Nền ảnh này cũng có tên là « cái-còn-lại ». Và Thi gia thiết lập cái còn lại này.

Để giúp chúng ta hiểu vấn đề «khởi lập cái còn lại », Heidegger nói rõ ràng cho ta biết rằng cái còn lại là cái chạy trốn « ce qui demeure est le fugitif. Coi *Approche, p. 52*). Như vậy, trái với sự người ta ngộ nhận rằng cái còn lại là cái vững bền, Heidegger đã nói toạc cho ta biết « *cái còn lại là cái chạy trốn* », là cái phù ảo. Nói cách khác, cái còn lại là cái *chưa được gọi tên*. Hiểu như vậy rồi, chúng ta mới hiểu câu trên đây của triết nhân : « Thi ca là sự khởi lập bằng ngôn từ và trong ngôn từ ». Thi gia gọi tên được thần linh và gọi tên được bản chất vạn vật, cho nên nhờ Thi-ca mà tự trong lãnh vực huyền bí của cái còn lại chư thần xuất-hiện cho ta kiến diện, và các sự vật (étants) cũng nhờ ngôn-từ uyên-nguyên mà được gọi tên để trình diện với Thi gia lần đầu tiên trong chính lúc hình-thành của chúng. Sau đó chúng được người phàm chúng ta gọi lại cái tên mà Thi gia đã gọi chúng kia. Vì thế, Heidegger viết tiếp : « Thi ca là dùng ngôn từ để thiết lập nên bản-chất ». Bản-chất các hữu-thể. Thiết lập « vũ-trụ » cũng chính là thiết lập nền Đất. Hình-ảnh và nền-ảnh có tính chất hỗ-tương tất-yếu.

e) « Tuy nhiều công lao đấy, nhưng con người ở trái Đất như cách một thi gia ». Heidegger lấy câu thơ Hoelderlin này làm phần kết thúc cho tiểu luận của ông về « bản chất của Thi-ca ». Đúng thế, nếu bản chất của Thi ca là sáng-tác, thì bản chất của Dasein là khai-minh, là vén màn để gọi tên những gì chưa bao giờ được gọi tên, để dẫn ra ánh sáng những gì chưa bao giờ xuất hiện với con người. Như vậy bản-chất của con người là sáng-tác ; và nếu Thi-ca là sáng-tác, thì lạ gì Hoelderlin chẳng bảo « con người ở trái Đất như cách một thi-gia » ?

Không cần nói, ai cũng dễ nhận ra tại sao Heidegger đã say sưa đi tìm bản-chất của Thi-ca. Chẳng qua vì « làm Thi ca » là *hiện-hữu* như một vén màn. Làm Thi-ca là gọi tên những gì chưa từng được gọi tên. Làm Thi-ca, theo nghĩa đó, là chính *hiện-hữu* theo triết-học Heidegger rồi vậy. Có hiểu như thế, người ta mới thấy ý nghĩa sâu xa của câu « con người ở trái Đất như cách một Thi-gia ».

Và đến đây, chúng ta không thể

nào lẫn lộn Thi-ca mà Heidegger nói đây, với Thi-ca văn-nghệ. Dầu vậy, Heidegger vẫn sợ người ta lẫn, cho nên ngay ở phần cuối bài diễn thuyết này, ông còn viết một lần nữa : «Thi ca đây không phải là đồ trang sức *đến sau* hiện hữu của Dasein. Thi ca cũng không phải một rung cảm thoáng qua. Thi ca không phải là tiêu khiển. Thi-ca là nền tảng chồng đỡ Lịch-sử. Vì vậy đừng coi Thi-ca như chỉ là biểu lộ của văn hóa ; càng không nên coi Thi ca như chỉ là biểu-chứng của tâm hồn một nền văn-hóa » : (*Approche*, p.54). Rồi không sợ nhàm, không sợ nhắc đi nhắc lại, Heidegger viết : « Thi ca là sự gọi lên tên các thần linh và gọi lên tên bản chất của vạn vật » (p. 54). Như vậy, chúng ta lại nghe thấy âm vang của đề mục « e » trên kia, «tự khi chúng ta là đối thoại, chúng ta nghiệm thấy nhiều sự và gọi lên tên nhiều thần linh ».

Trở lại câu thơ Hoelderlin làm đề tài cho mục « e » (« tuy nhiều công lao đấy, nhưng con người ở trái Đất như cách một thi gia»), Heidegger có ý nói lên lần cuối cùng và một cách long trọng rằng : bản chất của con người là sáng tác. Những phát minh đã đạt được của con người trong các ngành khoa học thực là nhiều vô kể, tuy nhiên đó không phải là bản-chất của con người. Cũng như Hữu-thể (l'Etre) không bao giờ là những sự vật (les étants) tức những hữu-thể cứng đọng. Và cũng như chúng ta tiếp thông được với Hữu thể trong bản chất của vạn vật, thì Heidegger cũng muốn chúng ta coi bản-chất con người là sáng-tác. Nhờ sáng tác, con người được coi là ở trái Đất như cách một thi-gia. Tất cả những « công trình » đã thành của con người bị Heidegger coi là chưa đáng kể sánh với bản-chất sáng-tác của con người. Cũng như thể các tác phẩm của một họa sĩ chưa phải là tất cả bản chất của họa sĩ. Sáng-tác mới thực là bản-chất của họa-sĩ.

***

Nếu không dè mà đã chờ ở Heidegger những phê phán về văn nghệ hoặc về văn-học, chắc chúng ta không khỏi thất vọng khi đọc tiểu-luận của ông về bản-chất của Thi-ca. Nhưng chúng ta đã biết rằng, khi bàn về bản chất của Thi ca, Heidegger đã chỉ làm công việc khó khăn của một triết-gia hiện hữu đi tìm bản chất con người :

Nhìn lại mấy bài chúng tôi đã cống hiến bạn đọc trên tờ *Bách Khoa* này, quý bạn cũng đủ nhận thấy Heidegger muốn thức tỉnh con người, giúp con người tự ý thức về mình, tự trách nhiệm lấy mình và trách nhiệm lấy cái « vũ trụ » mà tiếp thông đã khai minh cho mình. Con người không ở trần gian như cái ghế đặt trong căn phòng, bởi vì trước mỗi *tiếp thông* kia thì chưa có «vũ-trụ» nào hết. Cùng lắm mới chỉ có những gì mù mịt như khu vực liên-hành-tinh mà con người đang bắt đầu khai-minh. Heidegger nhủ chúng ta đừng coi

« vũ-trụ » này như vẫn có thể, hoặc như đã được ai khác khai-minh cho ta. Không. « Vũ trụ » là thành-quả của hành-vi vén màn, hành vi khai minh. Hành vi này là bản chất con người. Như vậy, con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành-vi sáng-tác của mình. Cao quý thay mà cũng trọng nhiệm thay !

TRẦN HƯƠNG TỬ

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « **Cuốn sổ tay của nhân viên ngoại giao ..** » của ông Phạm-Trọng-Nhân, in trong số này, có một đoạn sắp chữ lầm, trân trọng xin bạn đọc sửa giúp lại cho đúng.

Trang 35, cột 1, từ hàng 6 trở đi, xin đọc như sau :

« Nhờ một nhân-viên cao cấp, nhà ở gần Chùa Xá-Lợi, điện thoại cho biết, nên ông Bộ-trưởng Ngoại-giao được thưởng-thức một bản khẩu-trình bất ngờ, bi đát... ».

Trang 39 cột 1, hàng 35, đã in là : « hai trăm thước » xin sửa lại cho đúng là : « *năm mươi thước* ».

Trân trọng cáo lỗi cùng tác-giả và độc giả Bách Khoa.

NHẬT-BÁO THÌ QUÁ NHIỀU, MỖI NGÀY BIẾT CHỌN ĐỌC TỜ NÀO ?

CÂU HỎI TRÊN ĐẶT RA MỘT SỐ TIÊU CHUẨN
ĐỂ CHỌN BÁO ĐỌC ĐƯỢC • ĐỌC ĐƯỢC NGHĨA LÀ :

— *Trước hết, không có hại cho vợ, con trong gia đình về đạo-đức.*
— *Báo phải có vấn-đề, có bàn luận thời cuộc chớ báo không hoàn-toàn là một thứ giải trí vô-bổ.*
— *Báo phải có nhiều tin, nhưng phải là tin có thể « tin được ».*
— *Báo phải tranh đấu cho Dân, dám ăn, dám nói, dám tin ở sức mạnh của ngòi viết.*

Nhật báo NGƯỜI VIỆT TỰ DO
THỰC CÓ ĐỦ MỌI ĐIỀU KIỆN NÓI TRÊN
ĐÓ LÀ TỜ BÁO MÀ CHỒNG CŨNG ƯA,
VỢ CŨNG THÍCH CON CŨNG HAM
Bạn thử đọc một số xem !

ĐỖ TRỌNG HUỀ

TRÀ

lược sử và ý nghĩa (1)

Khoa thực vật học mô tả trà là một loại cây nhỏ ưa trồng ở miền đồi núi, cao không quá 2 th. Lá có răng cưa mịn và cứng, hoa trắng hay vàng nhạt và cô độc nghĩa là mỗi cuống chỉ có một hoa. Cây ấy được chỉ bằng một danh hiệu la-tinh : « camelia sinensis » nghĩa là cây trà của Trung-Quốc. Cứ theo nguyên ngữ khoa học, ta thấy trà phát xuất từ Trung-Quốc. Mà thật vậy người Tầu là giống người đầu tiên khám phá ra trà, để trước hết sử dụng nó trong y học rồi sau mới dùng trong việc giải khát hàng ngày.

TRÀ Ở TRUNG-QUỐC

Thư tịch Trung-Quốc gọi trà bằng nhiều tên khác nhau. Tên cổ nhất là Đồ có nghĩa là rau đắng. Lại có tên là Dính, Suyễn và Mao. Có lẽ vì thời xưa Trung-Quốc chưa thống nhất, ngôn ngữ thay đổi tùy theo địa phương, nên mỗi địa phương gọi trà bằng một tên khác. Từ đời Trung-Đường (713-823) trở đi tên trà mới trở nên thông dụng khắp nơi.

Nhưng người Tầu biết dụng trà từ đời nào ?

Cuốn sách đầu tiên khảo cứu về trà là cuốn Trà-Kinh của Lục-Vũ đời Đường chép về nguồn gốc của Trà như sau :

« Trà chi vi ẩm, phát hồ Thần Nông thị, văn ư Lỗ Chầu Công » nghĩa là : « Uống trà bắt đầu từ đời Thần-Nông truyền sang đến Chu Công nước Lỗ ». Như vậy, theo Lục Vũ người Tầu biết uống trà từ đời Thần Nông (3320 — 3080). Thuyết này căn cứ

---

(1) Nội dung bài thuyết trình của tác giả tại trụ sở Tổng Hội Giáo Giới, Saigon ngày 9 tháng 3 năm 1963, do Hội Việt Nam nghiên cứu liên lạc Văn hóa Á-Châu tổ chức.

trên sách Thần Nông thực kinh và Chu Công nhĩ nhã. Sách Thần Nông thực kinh có câu :

« Khổ trà cửu phục, linh nhân hữu lực duyệt chí » nghĩa là : trà đắng uống lâu khiến người có sức khỏe và lòng được vui.

Và sách Chu-Công nhĩ nhã cũng có câu :

« Dục chử khổ dính, tiên trích linh xích sắc, đầu mạt trí khí trung, dĩ thang kiêu phù chi. dụng thông khương quất tử mao, kỳ ẩm tỉnh tửu, linh nhân bất miên », nghĩa là :

« Muốn nấu trà đắng trước hãy sao cho sắc trà đỏ lên rồi bóp nhỏ bỏ vào trong ấm, rót nước sôi đậy lại, lấy hành, gừng và vỏ quất cho vào ấm ủ thật kín, uống tỉnh rượu và khỏi buồn ngủ. »

Những tài liệu vừa dẫn chứng tỏ rằng từ Thượng cổ, người Tầu đã biết đến trà, nhưng chỉ chú trọng tới những đặc tính y dược của nó. Lúc đó trà mới là một vị thuốc chớ chưa phải là một đồ giải khát. Cho đến đời Tam Quốc (213-280) vị danh y Hoa Đà còn ghi trong sách Hoa-Đà thực luận.

« Khổ trà cửu thực ích ý tứ» .
nghĩa là : trà đắng uống nhiều ích cho sự nghĩ ngợi.

Những đặc tính y dược của Trà do y học Trung Quốc khám phá từ đời Thần Nông được khoa học ngày nay công nhận. Phân tích tác dụng của trà, khoa học ngày nay thấy rằng, nhờ có chất cà phê in, trà tăng cường sự hoạt động của tim, tăng cường sự hô hấp và sự tuần hoàn, làm cho người uống có cảm giác dễ chịu. Do đó có thể sinh ra nhu cầu, sinh ra nghiện. Lại nhờ có chất ta-nanh mà trà có thể coi như một vị thuốc bổ.

Nhưng trà trở thành một đồ giải khát từ thời nào và bắt đầu tại miền nào ở Trung Quốc ?

Trước đời Hán trà chỉ là một vị thuốc. Mãi đến đời Hán (206 trước TL — 219 sau TL) người nước Thục, nay là vùng Tứ Xuyên ở Tây Nam nước Tầu mới lấy trà nấu nước uống. Cứ xem những tài liệu văn chương đời Hán còn truyền lại như bài Phanh đồ tận cụ, bô dĩ cái tàng ; (đầy đủ cách nấu trà và họp nhau uống) bài Thức đô mãi đồ, Dương Thị đảm hà (Mua trà Thức Đô, Dương Thị gánh vác) của Vương Bao thì biết tục uống trà của dân Thực thời đó đã thịnh hành. Do đó trà thành ra một thứ hàng hóa, dùng để trao đổi, buôn bán, thoạt tiên chỉ lưu hành trong nước Thục, dần dần lan ra các nước láng giềng. Nhưng trong khi ở Thục trà đã là một đồ giải khát khá thông dụng, thì ở các nơi khác trà là một xa xỉ phẩm, dành riêng cho bọn vương tôn quý tộc. Đời Tam Quốc (213-280), sách Ngô-Chí của Vi Diệu chép truyện Vua nước Ngô là Tôn Hạo thân ban trà cho các quan thay rượu trong các dịp yến tiệc.

Đến đời Nam Bắc Triều (420-581) tục uống trà lan rộng khắp miền Giang Nam, nhờ các tăng lữ và đạo sĩ ẩn cư trong rừng núi trồng được những thứ trà quý đem đãi khách. Khách đến thăm, được chủ nhân đãi trà mới là

trân trọng. Sĩ phu Giang Nam nhận thấy cái hương vị đặc biệt của trà bèn bắt chước và bầy ra cách uống trà rất tinh tế. Những truyện uống trà của Hoàn-Ôn, Tạ-An, Lưu-Côn đến nay còn truyền tụng. Thuở đó, người phương Bắc vẫn chưa biết uống trà. Sử chép khi vua Nam-Tề là Vương-Túc sang nước Ngụy thường lấy trà nấu uống, có quan cấp sự trung Bắc triều là Lưu-Cảo cũng bắt chước Vương-Túc uống trà, bị Bành Thành-Vương chế nhạo rằng :

« Khanh không thích vị bát trân của vương hầu lại đi thích chén nước trà xanh. Trên đời có những anh chạy theo mùi thơm, trong xóm có những chị học nhăn mặt làm điệu : khanh thật đúng như lời người ta đã nói ».

Sở dĩ có sự chỉ trích như vậy là vì người phương Bắc vốn là dân du mục, thổ sản không có trà, chỉ quen uống sữa và rượu, nay thấy trà cho là quái lạ.

Sang đời Tùy (581-621) có một tăng nhân chữa bệnh nhức đầu cho Tùy Văn Đế (589-601), chỉ lấy trà pha nước sôi cho vua uống. Đến khi vua khỏi bệnh ham thích uống trà. Thế là khắp trong triều ngoài nội đua nhau hưởng ứng. Người trên đã thích, kẻ dưới đều theo, thói đời tự nhiên là vậy.

Song phải đợi đến đời Đường (618-907) trà mới phổ biến khắp trong nhân dân ở miền Bắc. Sách Phong thị văn kiến ký của Phong Dẫn chép : « Người phương Nam thích uống trà, người phương Bắc thoạt tiên chưa biết uống mấy. Đến năm Khai Nguyên (713-742) đời vua Đường Huyền-Tông, có nhà sư Giáng-Ma ở chùa Lộ Nham núi Thái-Sơn mở nhà giảng dậy Thiền đạo. Sư chỉ uống trà mà làm việc suốt ngày, bữa chiều không ăn, đêm không ngủ. Người phương Bắc thấy uống trà công hiệu như thế mới đua nhau uống. Đi đến đâu cũng thấy nấu trà, đun trà ; tục uống trà dần dần lan rộng. Lúc ấy đất Châu ở phủ Doãn-Châu, tỉnh Sơn Đông, đất Tề ở phủ Thanh-Châu, tỉnh Sơn-Đông, đất Thương ở phủ Thiện-Tân tỉnh Trực-Lệ, đất Lệ ở phủ Vũ-An tỉnh Sơn-Đông, từ kinh đô cho đến khắp các nơi thành thị đều mở nhan nhản những tiệm bán trà và những trà lâu. Bọn người thưởng thức chẳng kể là tiên hay tục lũ lượt mang tiền lại uống. Trà từ đất Giang đất Hoài liên tiếp chở thuyền đến bán, tiền thuế thu được rất nhiều ».

Vậy thì kể từ đời Đường, trà mới hoàn toàn phổ cập trong dân gian. Sự kiện này có thể lý giải dễ dàng. Nhà Đường thống nhất Trung quốc sau 400 năm ly loạn, thiên hạ gặp hội thái bình, văn học phát triển rực rỡ. Người ta vừa có thì giờ nhàn rỗi, vừa có văn hóa để tìm hưởng những thứ giải trí thanh cao. Các thi nhân đua nhau lấy thơ văn tán dương, ca tụng trà, như bài Đại-Vũ-Trung — thừa tứ trà văn (Thay quan Trung thừa họ Vũ cho trà) của Liễu Tôn Nguyên, bài Tam nguyệt tam nhật trà yến tự (Bầy tỏ ngày mồng ba tháng ba trà yến) của Lã-Ôn, bài Trà trung tạp vịnh tự (Bầy tỏ trong khi uống trà vịnh thơ) của Bì Nhật Hưu, bài Hỷ viên trung sinh trà ký (Bài ký mừng trong vườn mọc cây trà) của Vi ứng Vật, bài Thụy hậu phanh trà ức Dương-Đồng Châu văn (Ngủ dậy nấu

trà nhớ Dương-Đồng-Châu) của Bạch-Cư-Dị, bài Trà ca của Ôn đình Quân, Trà Ổ của Lục-quy-Mông. Đặc biệt hơn cả là cuốn Trà-Kinh của Lục-Vũ và bài Trà-Ca của Lư-Đồng. Lục Vũ tự là Hồng-Tiệm quê ở Cảnh-Lăng, thuở nhỏ lạc ở bên sông, được một nhà sư đem về chùa nuôi cho ăn học. Lục nghiện trà và chuyên nghiên cứu kinh Dịch, ẩn cư ở Diêu-Khê, lấy hiệu là Tang-Chữ-Ông. Vua Đường Túc Tông nghe tiếng, sai sứ giả đến triệu, phong làm Thái tử văn học. Lục không phụng chiếu, đóng cửa xem sách, thỉnh thoảng lang thang một mình ra ngoài đồng, gõ mõ đọc thơ. Lục viết bộ Trà kinh gồm có 3 cuốn, hợp thành một độc phẩm đại quy mô nghiên cứu về trà đầy đủ nhất từ xưa đến nay. Trà Kinh chia làm 10 chương. Chương I bàn về bản chất cây trà. Chương II tả các dụng cụ để hái trà. Chương III tả cách lựa chọn lá trà. Theo Lục Vũ, lá trà tốt nhất phải có những nếp nhăn như giầy da của các kỵ mã rợ Hồ, sờ tay vào thấy ẩm và mềm như đất sau cơn mưa. Chương IV liệt kê và mô tả 24 bộ phận của các dụng cụ pha trà, từ cái lò đất 3 chân đến cái chạn tre để đựng các dụng cụ đó. Theo Lục Vũ, mầu xanh là mầu lý tưởng của bình trà, vì mầu xanh làm cho nước trà thành ra trong xanh, chớ nếu dùng mầu trắng thì nước trà thành ra mầu hồng, không đẹp mắt. Chương V tả cách nấu trà. Tất cả các thứ gia vị như hành, gừng, vỏ quít đều bị loại chỉ trừ muối. Nước suối ở trên núi là nước dùng nấu trà tốt nhất, thứ đến nước sông. Nước trà phải qua 3 độ sôi. Ở độ sôi thứ nhất, bọt nhỏ như mắt cá nổi trên mặt nước. Ở độ sôi thứ hai, bọt lớn như hạt ngọc lăn trong suối, và đến độ sôi thứ ba, nước nổi sóng ào ạt vỗ vào thành ấm. Muốn nấu trà, phải hơ bánh trà trên lửa cho đến khi bánh trà mềm như cánh tay con nít. Rồi lót hai tờ giấy mà bóp vụn trà. Khi nước sôi đến độ thứ nhất thì cho muối vào. Sôi đến độ thứ hai cho trà vào, và đến độ thứ ba thì đổ một ít nước lạnh vào để giữ hương trà. Rồi đổ ra chén mà uống. Những chương khác kể tiểu chuyện những người nghiện trà danh tiếng và liệt kê những miền sản xuất trà ngon ở Trung-Quốc.

Trà kinh gây ảnh hưởng rất lớn lao. Sách Phong-Thị văn kiến ký chép : « Người nước Sở là Lục-Vũ viết Trà kinh 3 cuốn làm cho xa gần nô nức, lúc ấy nhà nào có công việc đều chứa sẵn trà để đãi khách. Thường Bá Hùng nhân Trà Kinh của Lục Vũ mà tô điểm thêm vào, từ đấy trà đạo thịnh hành, vương-công, triều-sĩ, lê-dân chẳng ai là không thưởng thức ».

Lục Vũ không những mở đường cho trà đạo nghĩa là truyền bá một tôn giáo mới, lại còn khai sáng cho trà nghiệp, nghĩa là truyền dậy một nghề mới : nghề làm trà. Cho nên sau khi chết, Lục-Vũ được tôn là Trà-Thần. Đời sau các hiệu buôn trà đều thờ ông, hàng ngày pha trà dâng cúng. Nhà cũ của Lục-Vũ ở một trái núi phía Bắc huyện Thượng Nhiêu, tỉnh Giang-Tây, trên trồng toàn trà nay gọi là Trà-Sơn. Trên núi Trà-Sơn có suối Lục-Vũ là ngọn suối danh thắng thứ tư ở Trung-Quốc.

Còn Lư Đồng hiệu là Ngọc-Xuyên-Tử quê ở Tế-Xuyên, tính thích uống

trà, học rộng thơ hay. Vua Đường Hiến-Tông (806-821) nghe tiếng vời vào triều phong làm Gián-Nghị đại-phu. Lư không nhận, ẩn cư trong núi Thiếu-Thất. Lư làm bài « Tẩu bút tạ Mạnh-Gián-Nghị đại phu ký tân trà » nói về đạo uống trà có nhiều kỳ tứ, đời sau truyền tụng gọi là Trà-Ca. Bài Trà-Ca của Lư đã được ông Trần-Gia-Am dịch ra quốc văn. Chúng tôi xin trích một đoạn để các bạn độc giả thưởng thức cái phong vị kỳ diệu của trà qua thần bút của Lư-Đồng và bài dịch của Ông Trần-Gia-Am :

Tranh « *Lữ Đồng nấu trà bên gốc chuối* » của Văn-Bân Tiền-Nam-Chân

Vội vã cánh cửa rào đóng lại,
Khách tục không tiếp đãi một người.
Trên đầu đội mũ hầu hoi,
Tự tay đun lấy nước sôi pha trà.
Làn mây biếc tan ra gió thổi,
Miệng chén như hoa nổi dập dờn.
Chén đầu cổ họng trơn trơn,
Chén hai cầm thấy nỗi buồn tiêu tan.
Chén ba trút tâm can mọi sự,
Nam nghìn pho văn tự còn thôi.
Chén tư râm rấp mồ hôi,
Bất bình mọi nỗi trong đời sạch không ;
Đều theo lỗ chân lông ra tuột.
Chén năm thời gân cốt nhẹ tênh.
Uống xong sáu chén vào mình,
Nhẹ nhàng khoan khoái như hình lên tiên.
Đến bảy chén nhấp liền chẳng nối,
Nách hai bên gió thổi hây hây.
Bồng-Lai ở chốn nào đây ?
Ngọc-Xuyên muốn cưỡi gió bay đi về...

Văn chương có sức cảm hóa phi thường. Trước đời Đường, thường chỉ có vua quan, tăng đồ, đạo sĩ và các bậc thượng lưu trí thức mới dùng trà, còn đám bình dân chưa biết uống mấy. Bạn bè khách khứa đãi nhau bằng rượu. Những du tử đi chơi xa có tiểu đồng đeo bầu rượu đi theo, lúc khát giốc bầu mà uống. Tới khi Trà Kinh của Lục-Vũ và Trà-Ca của Lư-Đồng ra đời, tán dương hương vị thanh thú của trà, cho rằng nhờ uống trà có thể khỏi nhiều bệnh, trà tuy không đẹp như mỹ nhân nhưng hương thơm thật đáng yêu quý trăm phần, trà là khúc nhạc du dương tuy không có tiếng vang mà tự lòng người uống có dư-âm hòa lại. Trà kinh và Trà ca đã thúc đẩy dân chúng trồng trà, chế trà và tiêu thụ trà. Ngày giỗ Tết dùng trà dâng cúng, tân khách đến dùng trà thù tiếp, người mệt mỏi uống trà cho tỉnh táo, lúc vui uống trà cho thêm vui, khi

buồn uống trà để giải buồn, lúc suy-nghĩ uống trà cho tư tưởng thêm thâm trầm, sâu sắc. Gặp việc gì cũng uống trà, nhà nào cũng dùng trà. Uống trà nghiễm nhiên thành ra một phong tục quốc gia, và trà trở thành một trong những thực phẩm cần thiết và thông-dụng bậc nhất trong nước. Cho nên đời sau nói đến trà là phải nhắc đến Lục-Vũ và Lư-Đồng.

Những ảnh hưởng của văn chương đời Đường không phải chỉ giới hạn lãnh thổ Trung - quốc. Nó vượt ra ngoài biên giới rất xa. Song song với thiên tài của các bậc danh văn tán tụng uống trà, các vua Đường lại sáng suốt biết khuyến khích nghề trồng trà và buôn trà, khiến cho trà trở nên một nguồn lợi kinh tế rất phong phú, một món hàng quý bán ra ngoại quốc mỗi ngày một nhiều.

Đời vua Đường Đức Tông (780-805) ngoài biên giới có quân Thổ-Phồn cướp phá, bên trong thì Điền-Thừa-Tự làm phản, công khố, hao hụt không đủ phát lương cho binh sỹ, quan Hộ-Bộ Thị-Lang Triệu Tán mới dâng sớ đề nghị đánh thuế trà với tỷ lệ 1/10 trên số sản xuất, nghĩa là cứ sản xuất được 10 phần, chủ trà phải nạp cho chính phủ một phần. Thuế trà bắt đầu có từ đó. Các triều đại sau đều bắt chước, liệt thuế trà vào hạng thứ nhất trong các sắc thuế để làm giầu cho công quỹ.

Tóm lại, ở Trung-Quốc, trong công cuộc phổ biến trà, Phật giáo và Lão giáo giữ vai trò tiên phong. Các đạo sĩ của Lão giáo dùng trà làm một yếu tố quan trọng của thuốc trường sinh bất tử và các sư tăng Phật giáo uống trà để tỉnh ngủ mà tham thiền nhập định. Còn đối với nhân loại, văn hóa đời Đường đã để lại hai di sản vô cùng quý báu là thơ Đường và trà Tầu mà hơn một ngàn năm sau giá trị không hề suy suyển y như những vì sao càng cách xa chúng ta bao nhiêu lại càng lấp lánh bấy nhiêu.

Đời Tống (960-1279) tục uống trà đã thấm nhập trong nhân dân nên trà nghiệp tiến bộ gấp bội. Dân chúng thấy trà dễ bán, đua nhau trồng cấy. Chính phủ thấy thuế trà là một nguồn lợi tức trọng yếu, khuyến khích dân tăng gia sản xuất. Xưa kia đất Thục là miền nổi tiếng có nhiều trà, đến đời Tống thì so với các tỉnh An-Huy Giang-Tô Giang Tây mười phần chưa được một. Các vua nhà Tống cho rằng trà Vũ-Di-Nham ở núi Vũ Di thuộc tỉnh Phúc-Kiến là thứ trà rất quý, mới dành làm đồ ngự dụng riêng của Hoàng gia, Trà Vũ-Di-Sơn nổi tiếng từ đấy. Đời Tống Thần Tông (1068-1095) bên trong Tống Giang xà Vương Tiểu Ba nổi lên đánh phá các châu quận, bên ngoài người Kim và người Tây Hạ luôn luôn vào xâm chiếm. Quân đội thiếu ngựa dùng vào việc chiến trận. Quách Mậu Tuân xin vua đặt ra Trà Mã Ty ở biên cảnh do một quan Tư Mã Đại Sứ trông coi. Trà Mã Ty có nhiệm vụ đem trà đổi lấy ngựa tốt của các nước phương Bắc như Thổ Phồn, Hồi Ngột, mỗi năm đổi được hàng cổ ngựa. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử, trà dự vào công cuộc quốc phòng. Đời Tống Nhân Tông (1022-1063) Sái Tương làm 2 quyển Trà Lục, quyển thứ nhất nói về cách hái trà, chế trà, đun trà, quyển thứ hai nói về dụng cụ uống trà. Kế

đến những bài Am trà của Tô Đông Pha và Lục Phóng Ông là những áng danh văn được người đương thời học thuộc lòng. Vua Tống Huy Tông (1101-1124) là một nghệ sĩ hơn là một nhà cai trị, đã tiêu phí kho tàng để tìm kiếm những loại danh trà mới. Vua viết bài Trà luận bàn về hương vị của 20 loại trà trong số đó Vua cho Bạch trà là hiếm và quý hơn cả.

Khi đã phổ biến tới các nước lân cận ở phía Bắc Trung quốc, trà Tầu được dùng làm tiền, giữ vai trò trung gian trong việc thương mại. Trung quốc phát minh ra tiền từ lâu nhưng đối với những rợ du mục tiền này không có hay chỉ có rất ít giá trị. Cho nên người ta mới đem trà ép thành bánh như hình viên gạch gọi là chuyên trà (1) để dùng thay tiền. Thường thường, tiền càng cách xa nơi phát hành càng giảm giá. Trà, trái lại, càng xa các vườn trà của Trung Quốc bao nhiêu lại càng tăng giá trị bấy nhiêu. Đến khoảng năm 1935 chuyên trà còn dùng thay tiền tại một vài nơi ở miền Bắc Trung Quốc và Tây Tạng.

Nhà Nguyên (1279-1368) là một triều đại ngoại xâm, thiên về võ bị, coi rẻ những giá trị nghệ thuật và tinh thần của Hán tộc. Nhưng vì bản đồ Trung Quốc về thời này mở rộng đến sát Âu Châu, việc tiêu thụ trà gia tăng, nên Chính Phủ hết sức cổ động dân chúng trồng trà để phát triển kinh tế. Những vườn trà bỏ hoang phế sau những cuộc chinh-chiến được triều đình phái quân đội tới giữ gìn, vun sới. Các trà hộ đều được đặc miễn sưu dao tạp dịch.

Suốt đời Minh (1368-1660) và trung điệp đời Thanh (1660-1611) trà nghiệp vẫn phát đạt. Một số tác phẩm văn chương ra đời nhằm phục hưng nghệ thuật uống trà, như bài thơ Thương Xuân của Thân Tông Hoạch, truyện Kính Hoa Duyên bàn về cách uống trà của Yến Tử Quỳnh, chuyện Hồng Lâu Mộng chép việc uống trà của Diệu Ngọc, đã trả vào lãnh vực thần bí. Đời Khang Hi (1692-1772) và Càn Long (1736-1795) trà Trung Quốc chế biết đến chỗ siêu đẳng, hương vị quyến rũ, không những người trong nước ham thích mà người ngoại quốc cũng say mê thưởng thức. Trà thành ra một thương phẩm trọng yếu bậc nhất, bên ngoài thì xuất cảng ra gần khắp hoàn cầu, bên trong thì trà lấu mọc lên như nấm. Trà nghiệp lại khơi nguồn cho một kỹ nghệ phụ thuộc là kỹ nghệ chế tạo dụng cụ uống trà. (2) Các tỉnh Giang Tô và Giang Tây thi nhau mở lò nặn đồ sứ làm ấm chén uống trà, bán khắp trong nước và ngoại quốc. Những tỉnh sản xuất trà nhiều nhứt là Phúc Kiến, Hồ Bắc, Hồ Nam, An Huy và Triết Giang, trong đó có tỉnh Phúc Kiến nổi tiếng vì trà Vũ Di, và tỉnh Triết Giang nổi vì trà Long Tỉnh (3).

Quý nhất và kỳ dị nhất là trà bạch

---

(1) chuyên : viên gạch

(2) — Nghề làm đồ uống trà có từ đời Tống

(3) — Vũ-Di và Long Tỉnh đều là tên đất lấy đặt tên cho trà.

Vũ-Di thuộc huyện Sùng An tỉnh Phúc-Kiến và Long Tỉnh thuộc Hàng Châu, Tỉnh Triết Giang.

Mao Hầu, trà Trảm Mã, trà Trùng Diệp và trà Thiết quan âm :

1.— Trà Bạch-Mao Hầu :

Núi Vũ-Di ở huyện Sùng An, tỉnh Phúc Kiến, cách huyện-lỵ 30 dặm, rộng hơn 100 dặm, có 36 ngọn. Tương truyền đời Ngụy, Vương-Tử-Khiên cùng bọn Trương-Trạm 12 người tu tiên đắc đạo ở đấy ; Vương-Tử-Khiên thường gặp tiên nhân Vũ-Di-Quân cưỡi hạc đến chơi, nên đời sau gọi là núi Vũ-Di. Trong núi có Trương-Sơn Nham, Long Đàm, Tiểu Đào Nguyên, Hạ-Thủy-Qui, Thượng Thủy Sư, Thiên Tâm Am, Vĩnh-Liêm-Động là những nơi cổ tích và danh thắng. Suối Thanh Khê chảy quanh núi uốn thành 9 khúc bên bờ suối về mùa xuân hoa đào nở đỏ rực. Chu Hi đời Tống làm nhà dạy học ở bên suối Thanh Khê, gọi là Tử Dương thư viện, chung quanh trà mọc thành rừng. Đời nhà Ngayên dựng Ngự trà viên ở trên núi để khi vua tuần du vào nghỉ ngơi và uống trà.

Núi Vũ Di nổi tiếng sản xuất nhiều thứ trà ngon như : Hoa hương, Kỳ chủng, Danh chủng và Tiểu chủng. Những thứ trà này dân bản xứ dành riêng để uống không mấy khi chịu bán ra ngoài, nên khách xa ít được thưởng thức.

Những ngọn núi Vũ Di cao chót vót đến mây xanh, suốt năm tuyết phủ, dưới thất cổ bồng, người và các loại thú không thể nào trèo lên được, chỉ thỉnh thoảng có dăm ba con khỉ đi lại tìm hoa quả. Trên những ngọn ấy có những cây trà thiên nhiên, sống qua đời này sang đời khác, hột rụng xuống lại mọc thành cây, lá và búp trà bị tuyết phủ không mở ra được, quăn lại như mỏ chim. Trà ở trên núi cao, hấp thụ anh khí của thiên địa, thấm nhuần những chất cam lộ tinh khiết, không nhiễm trần ai ô trọc. Mỗi khi uống, hương trà làm cho tiêu trừ trọc khí, tinh thần thanh sảng, cơ thể nhẹ nhàng.

Thổ dân muốn lấy trà trên ngọn núi phải bắc róng gỗ, buộc dây vào sườn núi, rồi bám dây mà leo lên, nhưng rất nguy hiểm. Vả lại tốn nhiều công leo trèo đi về suốt ngày, trà không lấy được mấy tí. Người ta mới lập cách nuôi một đàn khỉ, ngày hai lần cho ăn, bỏ thuốc phiện vào trong thức ăn và khi hút thuốc cũng hà hơi vào chúng. Dần dần khỉ thành nghiện, đến bữa không có thuốc phiện gào thét cắn sé, suốt ngày quanh quẩn bên chủ, mong được hà hơi thuốc phiện. Biết khỉ đã nghiện nặng, không thể bỏ đi được, người ra mới luyện cho chúng cách hái trà ở trên ngọn núi. Đeo cho mỗi con khỉ một cái dỏ ở bên hông, cứ sáng sớm sai trèo lên ngọn Vũ Di hái trà. Khi về, con nào hái được nhiều trà thì hà cho nhiều hơi thuốc phiện, hái ít bắt phạt cho hút ít. Con nào lười không chịu hái, để dỏ không thì đem trói vào cột, lấy roi đánh và giam không cho thuốc phiện. Loài khỉ rất tinh khôn chỉ bị phạt một lần không dám tái phạm, phải hết sức thi nhau hái trà. Những lá và búp trà ấy, người ta đem chế ra một thứ trà gọi là trà Bạch mao Hầu (nghĩa là trà do khỉ có lông trắng hái). Trà này rất quí chỉ để tiến nhà vua và các quan đại thần, dân gian không mấy người có diễm phúc biết hương vị.

2. — Trà trảm Mã :

Trong rặng rừng sâu núi Vu-Sơn, thuộc huyện Vu-Sơn tỉnh Tứ-Xuyên, ít dấu người qua lại có những cây trà lưu cữu, lá trà rụng xuống vũng nước ở trong hốc đá, lâu ngày thành ra chất nước ô long. Đời Minh và đời Thanh có mở xưởng chế trà ở gần đấy và đặc quan trông coi việc chế trà.

Muốn lấy trà người ta nuôi một đàn ngựa sắc kim lem (màu vàng hoặc màu trắng nhợ pha xám) là giống ngựa đánh hơi tìm nước rất tài, lại biết tránh ác thú. Gặp ác-thú đi qua, ngựa trốn vào những hang đá, im hơi nín thở, màn kim lem cũng gần như màu đá, nên ác thú không biết. Trước khi lấy trà, mã phu bắt ngựa nhịn đói suốt một ngày hai đêm. lấy rọ tre bịt mõm, rồi dắt vào rừng sâu. Tới rừng, mã phu tháo rọ tre ra, thả cho ngựa ở tại trong rừng hai ngày một đêm. Giống ngựa vốn thích ăn lá trà tươi, nhịn đói gần hai ngày, nay gặp những cây trà bèn víu xuống ăn cho thỏa thích, no nê, rồi tìm những vũng nước ô long trong hốc đá mà uống. Tính đúng hai ngày một đêm, mã phu vào rừng tìm ngựa về. Đàn ngựa 10 con đi, chỉ sống sót 5 con, còn 5 con hoặc không tìm được nước uống chết khát trong rừng, hoặc bị ác thú bắt. Từ núi về nhà đường đi ước một ngày, lá trà và nước ô long, được ủ trong bụng ngựa đã lên men đúng độ. Mã phu liền mổ bụng ngựa lấy trà cho quan chuyên môn chế biến gọi là trà Trảm mã (nghĩa là thứ trà do việc giết ngựa mà có).

Trà Trảm mã hương vị đặc biệt, uống dễ tiêu hóa, chỉ dành riêng cho nhà Vua ùng, không bán ra ngoài, trong những bữa tiệc có Thập trân, Bát trân, hoặc những món ăn đại bổ, người ta uống trà Trảm mã cho dễ tiêu. Ngày xưa Tây-Thái-Hậu nhà Thanh, một nữ chúa nổi tiếng ăn chơi, khi thết tiệc đãi sứ thần các cường quốc thường có trà Trảm mã.

3.— Trà Trùng diệp

Cánh rừng hoang sâu thẳm núi Ly Sơn, thuộc huyện Trường - An tỉnh Thiểm-Tây, có thứ trà rất quý, người uống vào cảm thấy tỉnh táo minh mẫn, nhưng không mấy người tìm được, chỉ có các đạo sĩ, sư tăng tu luyện ẩn cư ngay trong núi mới biết lối tìm.

Về mùa xuân, cây trà ở rừng hoang này tự nhiên sinh ra một thứ sâu chuyên ăn búp trà. Đạo sĩ không ngại gian nan nguy hiểm, vào rừng hoang tìm bắt những cpn sâu ấy, lấy men trà ủ ở trong ruột sâu đem chế với búp trà thành ra một thứ trà vô giá gọi là trà Trùng-diệp. Đi rừng xa, đạo-sĩ bỏ một ít trà vào trong túi gấm, lúc nào cần uống ghé vào nhà bên đường, xin ít nước sôi rót vào ấm sứ, rồi gẩy một mống tay trà xào ấm. Nước trà rót ra, trong như nước suối, hương thơm bốc lên ngào ngạt khiến cho những người chung quanh tỳ vị đều chỗi dậy. Trước khi nhập định, uống trà Trùng Diệp suốt ngày tinh thần được thanh sảng.

4.— Trà Thiết Quan-Âm :

Trà Thiết Quan Âm sản xuất ở huyện An-Khê tỉnh Phúc-Kiến, cũng quý như trà Kỳ-chủng nên giá rất đắt. Vì cánh trà cong như mỏ chim ưng nên cũng gọi là Ưng-chủng trà. Các trà-lâu miền Nam Trung-Quốc thường không

có đủ mà cung cho khách uống, chỉ có chủ trà-lâu nào đến tận nơi sản xuất mua tích trữ mới đủ trà dùng. Công hiệu của trà : uống vào không buồn ngủ làm việc chăm chỉ không uể oải, tinh thần sáng suốt. Pha để nguội uống càng thấy thú. Thi hào Lưu-Vũ Tích, đời Đường, đã làm bài thơ tán tụng trà Thiết-quan-Âm như sau :

Tối ái phương tùng ưng-chủy-nha,
Lão-lang phong kỳ tặng tiểu gia.
Kim triêu cánh hữu Tương-giang nguyệt,
Chiếu xuất phi phi mãn uyển hoa.

dịch :

Rất thích thơm ngon Ưng chủy trà,
Ông già phong kín tặng tiểu gia
Trên sông đêm có vừng trăng sáng,
Lóng lánh soi vào khắp chén hoa.

Trương-truyền ngày xưa có người họ Ngụy quê huyện An-Khê, nhà ở gần núi, rất sùng đạo Phật, sáng sớm nào cũng lấy một ấm trà dâng trước tượng đức Quan-Âm. Một hôm trông lên trên núi thấy sáng rực, tìm đến chỗ hào quang thì có một cây trà, liền đánh về nhà trồng vào trong chậu, gia công bón tưới. Ít lâu cây trà lớn lên, cành lá rườm rà, người ấy hái lá, pha nước uống thử, thấy hương vị khác thường, tin là đức Quan-Âm ban cho cây trà, lại thấy lá trà đen như màu sắt nên gọi là trà Thiết-Quan-Âm.

Theo một truyền thuyết khác, do một vị sư Nhật Bản sống vào đời Đường chép thì đức Bồ-Đề Đạt-Ma trong 9 năm ngồi tham thiền có một lần ngủ gục. Khi thức dậy ngài rất ân hận và để tự trừng phạt, ngài lấy dao cắt miếng da dưới mí mắt có cả lông nheo vứt xuống đất. Sau mấy ngày, ở chỗ miếng da rơi xuống nẩy lên một cây trà. Người ta hái lá đem pha uống, thấy tỉnh tâm và không buồn ngủ mới đặt tên là trà Thiết-Quan-Âm, có nghĩa là trà của vị Bồ-Tát sắc mặt đen như sắt, vì đức Bồ-đề Đạt Ma vốn người An-Độ.

Từ cuối đời Thanh, trà Trung-Quốc bắt đầu suy thoái. Một phần vì luôn luôn nội loạn, các vườn trà hoang phế, tư nhân không đủ sức kinh doanh bồi bổ. Một phần vì chính trị hủ bại, chính phủ không giúp đỡ dân chúng chấn hưng trà nghiệp. Một phần khác vì các chủ trà không chịu cải cách, cứ khư khư thủ cựu, lại thêm nặng óc tư hữu, nhà nào có phương pháp chế tạo trà ngon thì dấu kỹ làm của riêng không đem ra dậy cho người trong nước cùng biết. Chẳng bao lâu thị trường Mỹ-Châu bị trà Nhật-Bản chiếm ; thị trường Âu-Châu bị trà Tích-Lan, Ấn-Độ chiếm ; thị trường Úc Châu bị trà Qua-Oa (Java) chiếm. Trên thị trường thế giới ngày nay, trà Trung-quốc chỉ đứng ở hàng ba, sau Tích-Lan và Ấn-Độ.

ĐỖ TRỌNG HUỀ

Kỳ tới : *Trà ở Nhật Bản, Tây Phương, Trà ở Việt-Nam.*

Thường thì số phận của loài người là cái số phận mà nó đáng lãnh.

Einstein

CŨNG LẠI HỒI KÝ

ĐOÀN THÊM

— Việc gì mà phải giấu giếm ?...

Tôi vừa đẩy cửa phòng anh Tư vừa hỏi như vậy, vì anh chợt thấy tôi thì vội gấp tập vở đương viết, cất luôn vào ngăn kéo, rồi mới đứng dậy tiếp tôi, dáng điệu lúng túng...

— Trông anh như đứa trẻ bị bắt quả tang nghịch trộm đồ quí của người lớn.

Anh ấp úng rằng đối với tôi thì có chi phải giữ kín, v.v... và v.v...

— Xem chừng lại viết thư cho mèo ?... Nếu không, cũng viết lén nhật-ký như anh chàng năm-mươi yêu vụng cô mười-lăm trong phim Lolita...

Dĩ-nhiên và theo anh thì tôi hay đoán bậy, chỉ có kẻ nào ôm ấp tà-ý mới nghĩ như tôi. Nhưng sở-dĩ tôi dám tò mò đến mức này, là vì quá quen nhau, tôi không tha thứ sự che đậy nào giữa hai chúng tôi. Kẻ đã bắt tôi chịu đựng những tâm sự từ bao năm nay, tất không được phép thay đổi thái-độ, nhất là khi cuộc đời đã giải thoát cho nhiều sự ngượng nghịu của lúc thiếu thời.

Biết tôi hay giận, Tư an ủi :

— Cho bỏ xem thì cũng chẳng tiếc gì, song những việc ghi lại, bỏ biết gần hết rồi.

Nhưng nào tôi chịu lùi, vì viết ra có khi khác lúc nói ra, nên hai kẻ lại phải một phen cãi vã.

* * *

Thực ra, Tư rụt-rè vì biết tôi không ưa lối tự-thuật rõ-rệt, nhưng hễ tôi thấy bạn nào viết được gì hay, thì cứ xui đưa đăng báo.

Viết chuyện riêng cho riêng mình,

thì thà ngồi suy nghĩ còn đỡ tổn công. Tác-giả kiêm vai tuồng chính lại kiêm độc-giả, là việc của người quá dư thời-giờ. Khi còn đi học, tôi cũng từng thử ghi những điều mắt thầy tai nghe, với nhiều nhận xét. Để làm gì vậy ? Chắc muốn cho nhẹ bớt nỗi lòng, khi trút lên trang giấy những thắc-mắc hay vui buồn chưa biết cùng ai chia xẻ. Tự bảo như thế là tự cởi mở, tránh được u-uất của những tâm-tư bị dồn ép. Nhưng tôi đã sớm chừa thói lẩm-cẩm kia, vì những lẽ mà bây giờ tôi còn thấy vững.

Ghi lại tâm-tình ? Khổn thay, tâm-tình luôn luôn biến dịch. Hứng thú lúc này, thì chán ngán lúc khác, tuy đứng trước một sự một cảnh tương-tự. Có thích mới viết lia lịa ; cách ít lâu, đọc lại, nhiều bận phát ngượng, tự hỏi sao mình dơ dáng hoặc lẩn thẩn đến thế, gần như khi ngắm nhiều bức ảnh cũ : lúc mới chụp xong, coi được lắm, dán vào an-bom, rồi vài năm sau, trông xấu-xí lỗi thời quá thể : Bởi vậy, nếu không nỡ đang tay xé ảnh vì còn tin nhầm là điểm gở, thì chẳng ngại-ngần xé vụn những tập ký-sự vô-duyên. Cũng chẳng khác gì đối với nhiều bức thư tình xướt-mướt khi mới hai-mươi, hay nhiều bài thơ đã từng khiến mình tự-đắc rung đùi. Tôi đã nhạo cả tôi, trách nào Tư chẳng lo tôi chê giễu anh ?

Song nếu chỉ ghi việc, nghĩa là theo lối khách-quan ? Biên sổ tay, thì phải vắn tắt nên dễ khô khan. Lỡ ra đánh lạc, kẻ khác biết việc riêng của mình, kể cũng phiền, có khi nguy hại nữa. Hay là muốn cho biết rõ về mình ? Nhưng liệu những cuộc đời như của Tư và của tôi, có chút gì đáng kể ? Giả thử có danh-vọng hay sự-nghiệp, thiết tưởng càng nên dè-dặt, kẻo lại mắc chứng tự-tôn của nhiều nhân - vật thuở xưa.

Họ mượn cớ làm nhân - chứng cho thời-đại, nói về người cùng việc đã qua, phơi ra những sự bí-ẩn mà độc-giả dễ tin là đúng, vì chỉ ở địa-vị hay chức-vụ của họ mới hiểu biết được : nhưng họ không giấu nổi dụng-ý khoe khoang, tự binh vực, hạ thấp kẻ khác, nâng cao họ lên quá mức thường. Với mục-đích ấy, họ đã vô-tình hay cố-ý kể sai sự thật. Những tỉ-dụ cụ-thể nhất, là một số tác-giả có tên tuổi trong văn-học-sử Pháp, như giáo-chủ De Retz (Mémoires 1717) công-tước Saint-Simons (Mémoires 1755).

Còn nhiều văn - hào khác viết chuyện đời mình, thì hay phóng đại, tô điểm, có khi tự dìm mình xuống cho người đọc khen là chân-thành, hoặc dựng đứng lên những việc không hề xảy ra : trường-hợp Jean-Jacques Rousseau trong bộ Tâm-Sự Les Confessions 1782, hay Chateaubriand trong Hồi-ký Mémoires d'outre-tombe 1848. Các vị đó rất giàu tưởng-tượng, có ngọn bút tài-tình, sao không viết ngay tiểu - thuyết, lại đem tiểu-thuyết-hóa thân-thể mình mà chẳng đánh lừa nổi ai ?

Đành rằng sự lạm-dụng hồi-ký không phải là lý-do khước từ hẳn loại văn này, vì cũng nhiều tác-phẩm có giá-trị, nhất là về phương-diện hành-văn. Song người cầm bút ở đây cần có tinh thận-trọng của nhà chép sử khi nói về người, và lòng thành-thực khi nói về mình, đừng giả vờ khiêm-tốn, cũng không nuôi ẩn-ý tự đề cao. Được như vậy, những sự ghi nhận may ra mới thật và đáng lưu truyền, những câu thú tội mới không phải là lời nói khéo để mua chuộc độc-giả.

Ngoài ra, còn nên tránh một thói không mấy tốt đẹp, là phê bình nghiệt-ngã, hay đả kích khi biết rằng không phải chồng đỡ. Hồi-ký thường được giữ kín, chỉ phổ-biến khi tác-giả đã qua đời hoặc lánh đi rất xa, không còn ngại phản-ứng của công-luận hoặc của những cá-nhân bị chỉ trích. Tôi mong đợi ở người viết một thái-độ đường-hoàng hơn. Nếu dám cho in ngay khi còn sống, ở ngay trong nước như Churchill, De Gaulle, Eisenhower, thì mới cân nhắc kỹ-lưỡng những việc, những ý, và những lời của mình, nhận bằng hai tay trách-nhiệm nhà văn, nghĩa là sẵn sàng đón tiếp một cuộc đối-thoại công-nhiên.

*
* *

Kết-quả biện-thuyết của tôi : Tư lấy tập đương viết dở, và cả năm tập đã viết từ bao giờ, trao cho tôi với một nụ cười hiểu biết :

— Thôi, lý luận mãi làm gì, có dám xem thì cứ xem.

— Bố thú đi, đưa cho nhau xem chẳng phải vì chịu rằng tôi nói phải, nhưng để chứng-minh rằng hồi-ký của bố không mắc những tật vừa kể ?

Muốn bớt ngại-ngùng cho Tư, tôi nhắc cho bạn nhớ rằng thực ra tuy không thích viết, tôi vẫn ham đọc hồi-ký, và rất khoan-dung nên dễ thông cảm với nhiều tác-giả.

Vì người viết hồi-ký thường thuộc hạng cô-đơn nhưng hay quan sát, trầm tư, đi sâu vào nội-tâm. Có những người muốn thăm dò bí-mật của bản-ngã và vũ-trụ ; họ theo dõi mọi biến-chuyển, trong tâm-hồn lặng nghe mình sống mà đợi chờ khám-phá (văn-hào Marcel Proust, thi-hào Paul Valéry). Một số khác đông hơn, mong xa lánh hiện-tại đầy rẫy thất-vọng, mà tìm an-ủi trong một dĩ-vãng êm đềm hơn. Họ tha-thiết với sự sống, và tất cả sự vật đã từng liên quan đến họ trên mọi bước đường đời ; họ lưu luyến những gì không trở lại. Qua lớp sương mờ ảo của thời-gian, người xưa và cảnh cũ, dấu trước kia sáng tươi hay ảm đạm, đều hiện ra với nét màu khả-ái, nên họ muốn niu lấy giữa dòng giờ phút trôi xuôi, và giữ lại trên tờ giấy trắng.

Một loại hồi-ký khác, tuy ít được chú ý, lại rất có ích cho người đọc cũng như người viết. Tôi thích lục lọi trong những cuốn bút-ký chứa đựng các tư-tưởng về văn-chương, nghệ-thuật triết lý, những, *Carnets* hay những *Journal* như của thi-văn-hào Baudelaire hay Valéry, của họa sĩ Delacroix, nhạc-sĩ Gluch hay Gounod... Vì những điều họ biên lại khiến tôi

hiểu rõ hơn tác-phẩm cùng đường lối của họ, và giúp tôi rút kinh nghiệm từ những khổ-tâm, hào hứng, nỗ-lực của họ trong công cuộc khám-phá và sáng-tạo. Tôi vẫn nghĩ rằng, đó là những tài-liệu tối-cần cho cả các nhà phê-bình, để phán đoán vững chắc chớ không phỏng đoán và xuyên tạc.

Ngoài ra, còn có những sách chỉ tập hợp những kỷ-niệm nào vượt khỏi mức chủ-quan, mà nêu ra những vấn-đề chung. Ở đây, cái « tôi » của người viết được đặt khuất sau những suy tưởng lý thú hay phong phú như « kỷ-niệm thời thơ ấu và thanh niên, Souvenirs d'enfance et de jeunesse » của nhà bác-học Renan, hoặc những thắc mắc cao siêu và cảm động của một niềm tin cầu ánh sáng như « Notes intimes » của bà Marie-Noël.

Sau hết, hồi-ký và nhất là nhật ký, dễ đọc hơn sách trường-thiên. Ít khi cần theo liền một mạch, có thể mở coi bất cứ quảng nào, đương chuyện nọ nhảy sang chuyện kia, việc này ý khác chỉ thu gọn trong một đoạn hay vài trang, đỡ làm sốt ruột và thay đổi luôn, như thế cũng vui hơn là quanh quẩn trong một đề tài. Mà lời lẽ thường tự-nhiên như câu nói, ít phải văn hoa.

Tới đây, Tư ngắt lời tôi :

— Đã biết như vậy, có lẽ bố viết đi thì hơn là bàn suông.

— Ấy, nói thì dễ, nhưng nếu làm, thì chắc đâu đã khỏi bịnh chủ quan ? Còn những việc liên hệ đến nhiều người chung quanh, đến những bể trong mặt trái của các thời đã qua, thì hãy để cho lắng xuống, đợi mình nguôi đi, viết ra ngay thì cũng sợ hấp tấp, dễ sai lầm tuy chẳng muốn bất công. Và chăng càng sống càng thấy thực-tế phức-tạp, mình chỉ nhìn được phần nào và khía cạnh mà thôi, quá lẹ tay múa bút, là bất-kính đối với cuộc đời, không dám.

Vì Tư cũng chấp nhận quan-điểm, tôi hy vọng rằng lời viết của Tư cẩn trọng, nên ngỏ ý đem gửi bạn L.C. đăng những đoạn có thể phổ biến :

— Bố không ngại, cứ để mặc chúng tôi. Sẽ bỏ những gì nặng mùi, tỉ như những chuyện si mê nhớ nhung của bố, những..... và những..... Chỉ lấy ra những đoạn nào không mắc những lỗi tẩy đình đã kể. Thử liều một cái, như tôi đã liều cho in thơ.

Rõ rành thế thôi, để tỏ vẻ tôn trọng chủ-quyền của bạn, chớ từ chối được tôi thì nghe chừng cũng khó.

Tư chưa hết băn khoăn, vì Tư thì có tên tuổi gì mà mong ai đọc hộ ? Đăng báo, phải tìm đầu đề cho cả loạt bài, chẳng lẽ gọi là Hồi-ký của Tư, e nhạt nhẽo lắm.

— « Hồi-ký của một con lừa Mémoires d'un âne » của bà De Ségur còn được thưởng thức. Nhưng phải rồi, cũng cần giới thiệu anh với độc-giả. Chẳng đưa tên thật là T. X. L. ra đâu mà lo. Chỉ nói đại khái

anh Tư là một người có nhiều đặc tính, nhiều sáng-kiến vì từ nhỏ đã biết lấy pháo buộc đuôi trâu rồi đốt, cho trâu lồng, đổi nghề như chong chóng...

Tư xua tay và toan giật lại tập vở :

— Thôi, có xem thì xem qua rồi trả, in làm gì, coi bộ muốn mang tôi ra cho thiên-hạ mua cười.

Tôi phải đổi giọng, hứa chỉ nói đại-khái rằng anh Tư vốn người học nhiều, hay nghĩ, dẫy tính xấu nhưng được vài tính tốt, từng trải sống nhiều mà vẫn tìm quanh ý-nghĩa cuộc đời v.v.. Thực ra, chẳng thầy giới thiệu, độc-giả cũng sẽ xét được là anh thuộc hạng người nào. Còn như tôi chưa đọc mà đã nêu ra vấn-đề phổ biến, là vì tôi chuyện trò với anh trong bao nhiêu năm, nên thừa biết những cảm xúc và ý kiến anh ; anh có ghi lại, chắc cũng không thay đổi nhiều ; mà anh viết gọn ghẽ dễ hiểu.

— Nếu quả thật bổ định trích ra, thì mỗi lần phải cho tôi coi trước để liệu. Và cần sửa gọt hộ những đoạn lủng-củng, nhiều chữ không chính...

Ông nào đưa văn cho đọc mà chẳng dặn đò lấy lệ như thế ?

Đ.T.

ĐÃ IN XONG :

tập thơ **HÒA-ÂM**

của ĐOÀN-THÊM

● NAM CHI TÙNG THƯ *xuất bản*

● KIM LAI ẤN QUÁN *ấn hành*

Bản thường giấy vergé : 40đ
Bản đặc biệt giấy kim ngân : 100đ

Có bán tại các nhà sách lớn đô thành và các tỉnh.

Bản đặc biệt xin hỏi tại : Kim - Lai Ấn - Quán số 3 đường Nguyễn Siêu — Saigon.

PHƯƠNG ĐÔNG

Sao em không tìm về Phương Đông
Thuyền lá phong lan rượu biển bềnh bồng
Lời biếc em về hai bên cỏ sắc
Tiếng hát nhị hồ ru em dìu dặt
Lụa Trữ La buồn lót bước em đi !
Sao em không tìm về Phương Đông
Nghe chim Hư vô vỗ cánh âm thầm
Nghe trái uyên nguyên lên cành hữu thể
Giấc ngủ Trang Chu chập chờn Thượng đế
Biển cả thời gian trắng sóng huyền hư
Tôi vẫn tìm về Phương Đông
Phương Đông nghìn xưa ngun ngút bụi hồng
Phương Đông nghìn sau thì thầm gió thổi
Tôi vẫn tìm về Phương Đông
Một Phương Đông hôm nay cuồng phong dữ dội
Một Phương Đông hôm nay cháy lửa mặt trời
Một Phương Đông chảy máu trái tim người
Ôi Phương Đông, Phương Đông
Những loài dơi đen bay đầy mặt đất
Đôi cánh kinh hoàng che trang Thánh thi.
Tôi về Phương Đông
Khi đỉnh linh hồn sao đêm chợt tắt
Khuôn mặt thiên thần bóng tối mang đi
Những luống cày khô đau niềm sỏi đá
Nỗi buồn áo cơm mọc kín như rừng
Sa mạc tương lai, mỏi mòn Châu Á :
Con lạc đà gầy gánh nặng trên lưng
Tôi sẽ tìm về Phương Đông
Không phải bằng chuyến phi thuyền bay quanh quỉ đạo
Mà bằng niềm tin yêu thiết tha
Bằng đuôi mắt phong lan xanh màu dị thảo
Bằng gót em buồn lụa trắng Trữ La
Bằng luống cày tươi thơm hồng sữa ngọt
Phơi phới mùa xuân nắng ấm chan hoà.
Ôi Phương Đông, Phương Đông !
Tôi vẫn chờ về Phương Đông,
Một Phương Đông biển thủy hoa nở
Một Phương Đông chan chứa mặt trời
Một Phương Đông nguyên vẹn Trái tim Người !

THANH THUYỀN

9

Án khảo chứng tích

✱ NGUYỄN-PHƯƠNG

Xin xem Bách Khoa từ số 168

1.— Nghĩa của sử liệu

2.— Khả năng quan sát của tác giả.

Biết được ý nghĩa của sử liệu, sử gia chưa có thể dùng được điều mình hiểu biết, vì chưa chắc điều đó có đúng sự thật lịch sử hay không. Nói rằng chưa chắc, vì vẫn còn có chỗ để hoài nghi, Thật thế, đọc lên một sử liệu sử gia có thể thấy chữ là vậy đó, nghĩa là vậy đó, nhưng biết đâu tác giả đã không có đủ khả năng đã nói ra điều mình muốn nói, hay là không có đủ điều kiện để nói ra điều mình đã nói, ví dụ không có những thuận tiện để quan sát chẳng hạn. Muốn đánh tan hoài nghi chính đáng nầy, sử gia phải dò xem tác giả sử liệu có sai lầm cách nào khi để lại chứng tích hay không, bởi vì sai lầm có thể lọt vào bất cứ ở đợt nào trong cả tiến trình hình thành của một sử liệu bút ký.

Chúng tôi nói riêng về những sai lầm ở những sử liệu bút ký, vì ở loại di tích, sự sai lầm không mấy khi xảy ra. Đào lên một ngôi mộ cổ, gặp được một bộ xương người sơ khai, người ta không thấy khả năng sai lầm nào ở nơi chính ngôi mộ, hay ở nơi chính bộ xương Có sai lầm chăng, là khi các nhà cổ học cố gắng cắt nghĩa các bộ xương hay ngôi mộ đó, và bấy giờ lại là vì thiếu khả năng quan sát như trong trường hợp bút ký.

Thật thế khả năng sai lầm của một tác giả khi để lại một sử liệu thật là đáng kể. Một tác giả có thể sai lầm ngay trong khi quan sát. Ông (hay Bà) còn có thể sai lầm khi tổng hợp các quan sát và còn có thể sai lầm nữa khi diễn lại hình ảnh đã quan sát được, nhất là khi đem tả nó ra bằng lời nói hay câu văn.

a) *Sai lầm khi quan sát* : Chúng ta

biết rằng bất cứ biến cố nào được ghi lại trong lịch sử, đều là những chuỗi dài của những quan sát nối kết lại nhờ thời gian, không gian, hay những tương quan tình cờ. Chính trên nền tảng của những chuỗi quan sát như thế mà kiến thức lịch sử được cấu tạo và trí khôn cũng dựa vào đó để phán đoán. Nếu quan sát không đúng, thì phán đoán cố nhiên cũng không đúng và kết luận sẽ sai lạc. Muốn cho việc quan sát được đúng, điều kiện cần thiết là các cơ quan quan sát phải lành mạnh, nhưng thế cũng chưa đủ, các cơ quan quan sát đó còn được áp dụng cho thích hợp vào đối tượng bị quan sát, và đồng thời ý chí phải bắt trí khôn chăm chú vào để có thể nhận định việc xảy ra. Trong việc này, tưởng tượng cũng giữ một vai vì nó phải diễn lại hình ảnh của đối tượng bị quan sát. Đôi khi nó diễn lại một cách trung thành, nhưng đôi khi không được giống vì hoặc là nó đã bỏ rơi một số yếu tố, hoặc nó thêm vào một số yếu tố khác. Tưởng tượng thường bỏ đi hay thêm vào như vậy, là bởi nó là một năng-lực vừa tái tạo vừa sáng tạo. Nó có việc phải làm mỗi khi người chứng muốn phúc trình lại cho mình, hay cho kẻ khác, điều mình đã có quan sát, và muốn cho nó khỏi làm chướng ngại việc phúc trình này, nó cần thiết phải ở trong tình trạng lành mạnh. Bao giờ một trong những điều kiện vừa nói của việc quan sát bị thiếu, thì sai lạc có thể xen vào. Cận thị, điếc, mệt, đều là những nguyên nhân làm cho việc quan sát bị khuy khuyết. Ở xa, ít ánh sáng, hoặc tiếng nói nhỏ, cũng gây nên những hậu quả tương tự, và sự vô ý cũng vậy. Thường khi người chứng biết trước một việc quan trọng sắp xảy ra, và nhận thấy mình có bổn phận phải phúc trình cho đúng, bấy giờ việc quan sát có may mắn được đúng đắn hơn. Nhưng, trong trường hợp đó, nếu người chứng lo lắng quá, hay mong ước cho việc mau xảy ra quá, hay sợ sệt quá, thì tâm thần bị xao động, dễ tạo nên những điều kiện không thuận lợi cho việc quan sát.

b) Sai lầm trong việc tổng hợp các quan sát. — Một điều có lẽ ít ai nghĩ đến đó là cách hành động của các cơ quan quan sát. Hỏi có phải con người mục kích một lượt hay không ? Thưa không. Con người mục kích một cuộc sát nhân, hay một trận chiến tranh, hay một cơn hỏa hoạn chẳng hạn, không phải là thấy các biến cố đó như một toàn khối mà trái lại là mục kích cả một loạt những việc xảy ra, mỗi việc như vậy đã được ghi lại bởi một lần quan sát của các cơ quan. Muốn có một ý-kiến về mỗi biến cố, người chứng phải điểm lại cả loạt các quan sát đã nhận được, và khi điểm lại như vậy, phải cố sức sắp đặt các quan sát đó, tổng hợp lại cho có đầu có đuôi. Công việc tổng hợp này của trí khôn là một công việc hết sức tế nhị và đã có thể làm cớ cho nhiều sai lầm lọt vào ít ra trong những chi tiết nhỏ. Hơn nữa, bấy giờ còn có đủ thứ động cơ can thiệp vào để khiến cho hình ảnh tổng hợp không được đúng hẳn với sự thật, như thiên kiến, đam mê, thù ghét, v.v... Thử lấy ví dụ hai bà mẹ chứng kiến một cuộc gây lộn giữa hai đứa con. Hai bà đồng thời mục kích cùng một sự việc khách quan, hai bà cùng

đều có những đợt quan sát giống hệt nhau, vì hai bà cùng thấy, cùng nghe như nhau, nhưng đến khi tổng-hợp các quan sát riêng rẽ lại để có một ý kiến, chắc chắn kết quả của việc tổng hợp này sẽ không giống nhau. Tình trạng của hai người thuộc về hai đảng phái khác nhau cũng vậy.

c) Sai lầm trong mỗi lần diễn lại. Trước khi đem quan sát đã được tổng hợp lại đó của mình để phô diễn cho kẻ khác, người chứng phải quay lại cho mình xem cuốn phim riêng để có thể nhớ hết toàn chuyện của nó. Việc này, cố nhiên người chứng có thể làm đi làm lại bao nhiêu lần cũng được, nhưng ở đây có một nguy hiểm, là mỗi lần quay lại như vậy, sai lầm lại có thể xen vào nữa. Tại sao ? Tại vì khi chứng nhân cố gắng để nhớ toàn chuyện, chứng nhân lại có thể quên đi nhiều chi tiết. Trí nhớ, như ai cũng biết, thường mất dần hiệu lực với thời gian. Những hình ảnh quan sát không kỹ hay không đầy đủ, sẽ bị xóa nhòa trước, rồi đến những hình ảnh khác, như những chi tiết mà chính chứng nhân không thích, những nét có hại cho chứng nhân, hay có lợi cho kẻ thù mà chứng nhân không thích : Trong lúc đó thể nổi lên rõ rệt hơn những chi tiết, hay những nét mà chứng nhân thích. Rồi vì những lý do tâm linh hay những lý do khác, các hình ảnh quan sát được có thể xáo trộn nhau, chi tiết ở chỗ nầy được đem sang chỗ khác, và sự xáo trộn như vậy xảy ra chẳng những về chỗ, mà còn về thời gian, về nhân vật, về sự việc...

d) Sai lầm trong khi truyền đạt.—Về mặt nội trạng, mà việc quan sát một biến cố đã phải trải qua nhiều nguy hiểm sai lầm như thế, còn nói gì khi chứng nhân muốn đem việc mình đã quan sát được để thông đạt cho kẻ khác, hoặc bằng lời nói, hoặc bằng văn tự hoặc bằng hội họa. Lý do là vì bây giờ nhân chứng phải hệ lụy đến nhiều điều kiện hơn. Ai có lần đã phải cố gắng diễn tả những quan sát của mình đều có thể nhận thấy người ta dễ dàng sai lạc trong việc đó là bao nhiêu.

Động cơ có hiệu lực nhất trong việc làm cho công cuộc diễn thuật thành không đúng đắn, đó là sự gò bó của ngôn ngữ. Ngôn ngữ là để diễn thuật, nhưng nó không bao giờ lột hẳn được ý kiến. Mà muốn dùng ngôn ngữ để diễn thuật, trước tiên cần phải có ngôn ngữ đã mới được, nhưng hỏi ai trong chúng ta tự hào được là có đủ ngôn ngữ diễn tả tất cả mọi ý kiến ? Ở đây, cũng cần phải nhớ đến trình độ giáo dục, trình độ kiến thức của từng nhân chứng để đánh giá điều họ diễn ra. Không cần phải nói là trong tiến trình này một phần ý kiến bị bỏ đi, một phần chi tiết bị giảm bớt, một phần hình ảnh không được phát hiện. Muốn hiểu sự khó khăn nói đến ở đây, cứ nhìn vào cách trẻ con, hay dân quê thuật những chuyện họ thấy thì đủ biết.

Ngoài ngôn ngữ, những ngăn trở của việc diễn thuật, là thành kiến đam mê, v.v... như đã nói trên. Rồi còn là thái độ của người thuật đối với người nghe, hay là tình trạng của chính người thuật ngay trong khi thuật chuyện. Còn một động cơ phá hoại sự diễn thuật đúng đắn nữa, đó là sức dẫn dụ của

kẻ khác. Một người có thể dụ dỗ dẫn dần một người khác đến nỗi có thể mớm cho người đó những quan điểm của mình, và rồi, khi người khác đó thuật lại câu chuyện, người đó có thể thuật theo quan điểm của người đã mớm cho.

e).— Một vài nhận xét.

— Không nên tiên quyết rằng một người thường có tính cách nghiêm nghị hễ nói ra điều gì là đáng tin điều ấy, và cũng không nên khẳng định rằng một người thường có lương tâm, hễ nói ra một điều gì sai, thì đó nhất thiết phải là một sai lầm hữu ý. Kinh nghiệm cho biết rằng những người như thế vẫn có thể phạm vào nhiều sai lầm vô ý.

— Việc diễn thuật trực tiếp, nghĩa là do chính người chứng kể lại, mà còn dễ gặp phải sai lầm như vậy, thì hỏi những mẩu chuyện do những người nghe lại lần thứ hai, thứ ba thuật, sẽ dễ sai lầm hơn biết bao ?. Thật thế, trong tiến trình của việc tiếp vận như vậy, một biến cố tất nhiên phải mất đi nhiều về phần nội chất, và sẽ vướng thêm nhiều về phần ngoại lai.Cuối cùng, câu chuyện, như nó hiện hình ra, sẽ không còn giống như sự thực của lúc đầu nữa. Vì vậy về bất cứ một chứng tích lịch sử nào, sử gia phải cẩn thận dò xét hiệu lực của chứng nhân trong việc truyền chuyển.

— Dầu cho khả năng sai lầm là như thế, nhưng khi sử gia đã chắc được rằng nhân chứng là một người tĩnh trí, cẩn cù trong việc quan sát, ý thức về vấn đề đúng đắn, và đáng tin trong khi diễn thuật, thì đến cả những biến cố rất quan trọng, và đến cả những trường hợp người chứng đó là người chứng độc nhất, sử gia cũng có quyền tin rằng chứng tích của người đó là chắc chắn. Nhưng hỏi bao giờ sử gia có thể nói được là một nhân chứng có tính cách đáng tin ? Đoạn dưới đây sẽ trả lời câu hỏi này.

3.— Tính cách đáng tin của người chứng

Người chứng đáng tin nói đây không phải là người chứng có khả năng như vừa bàn đến ở trên mà thôi, mà chính là người chứng không chủ trương lừa dối độc giả. Vậy để phân biệt ai là đáng tin, ai không, chúng tôi xin xét ba trường hợp : người chứng trực tiếp, người chứng gián tiếp và người chứng độc nhất.

a).—Người chứng trực tiếp. — Cứ sự thường chúng ta cho rằng một chứng tích là đáng tin, bao giờ trong bản tính của chứng tích, hay trong tính cách của nhân chứng không có gì đáng hồ nghi là sai lạc. Nhưng xét đoán như thế, mới chỉ là xét đoán một cách tiêu cực. Để cho chắc chắn, sử gia cần phải đánh giá một cách tích cực hơn, nghĩa là phải chứng minh rằng nhân chứng có những đặc điểm ấy, đặc điểm khác, nên không sao có ý lừa dối được, hoặc là chứng tích ở vào một trường hợp riêng nào đó, nên không sao có thể có những sai lạc hữu ý xen vào.

Sở dĩ sử gia phải có những chứng cứ tích cực như thế, là vì nhân chứng có thể nói dối một cách hết sức khôn khéo khiến cho những ai không chú ý khó mà cảm thấy ngờ vực. Thật vậy, người cầm bút cũng như bao nhiêu người khác, có thể dối vì tham lợi, vì

hổ thẹn, hay vì sợ hãi. Hơn nữa, ở Tây phương vào thời cổ, Plato, ở nhiều đoạn trong quyển *Nhà Nước* (Republique) đã cho phép nói dối để tránh những tai hại lớn hơn, rồi sau đó, các học giả như Philo, Quintilianus, đã nghĩ rằng nói dối vì lợi hoặc là vì túng thiếu, đều là hợp lý. Và ở Việt-Nam chúng ta không phải chúng ta có câu tục ngữ «xấu thì che, tốt thì khoe» đó sao? Như thế, hỏi có lạ gì nếu sử gia gặp được đây đó những sự thật lịch sử bị vo tròn bóp méo? Đó là chưa nói đến những trường hợp xuyên tạc lịch sử vì những mục đích cao hơn, như mục đích luân lý, mục đích giáo dục, mục đích ái quốc, v.v...

Sau đây, xin nêu ra một số những trường hợp có thể giúp sử gia xác nhận một cách tích cực sự đáng tin của một người chứng.

Một chứng tích phải được coi là thật:

— Bao giờ thực chất của câu chuyện không cho phép chứng nhân nói láo, vì nói láo sẽ không có tí lợi nào, đang khi nói thật cũng không gây thiệt hại gì; lý do là bởi bản tính con người vẫn kính nể sự thật, và chỉ những khi người ta nhìn thấy viễn ảnh một mối lợi nào đáng kể, người ta mới nghĩ đến việc làm ngược lại với bản tính đó (nemo gratis mendax: không ai nói láo mà không có lý do).

— bao giờ chỉ nói thật mới là cách có lợi cho người chứng, còn nói láo sẽ bị thiệt hại rõ ràng, ví dụ một người khi làm chứng trước tòa án mà biết rõ nếu mình nói láo rồi sao người ta cũng khám phá ra và sẽ bị phạt nặng là đàng khác, khi đó không ai dại gì mà nói láo;

— Bao giờ người chứng bắt buộc phải nói thật vì tính cách công khai của câu chuyện, ví dụ khi tuyên bố giữa đám đông về một chuyện mà ai cũng đã biết rõ, nhất là khi nói láo sẽ có hại cho một số người đang đứng nghe; việc càng quan trọng và càng có đông người nghe, càng đáng tin hơn;

— Bao giờ người chứng nói thật thì chớ, chứ nói láo chắc chắn sẽ mất chức vị, mất nghề nghiệp.

— Bao giờ nội dung của câu chuyện không có lợi gì cho người chứng, hay cho đảng phái của họ và đảng khác, không có dấu vết gì cụ thể khả dĩ hỗ nghi rằng người chứng đã nói láo.

Ngoài ra, có những trường hợp bắt buộc chúng ta tin một số chứng tích là thật, mặc dầu tác giả của chứng tích đó đã nói láo và về sau không giấu diếm việc đó. Dựa vào nguyên tắc «không ai nói láo mà không có lý do» chúng ta có thể nghĩ rằng những người như thế hẳn không có lợi gì sẽ không bỏ công nói láo. Lại có những trường hợp một người chứng trong đời sống đã tỏ ra có một tinh thần tôn giáo cao và hết sức vô vị lợi, nên chúng ta sẵn sàng tin tưởng vào chứng tích của họ ngay từ đầu. Nhưng vẫn có những lý lẽ không thể căn cứ vào để dễ dàng nói rằng một chứng tích là thật, như khi chúng ta thấy người chứng «có vẻ thật thà» hay là «chứng tích cho chúng ta một bộ mặt đáng tin». Cái vẻ, cái bộ mặt đó không đủ, vì nên nhớ rằng những người có ý lừa dối đều cố tạo cho mình, hay cho chứng tích mình để lại, một bề ngoài đơn phác ngay thật.

Sau hết, một điều nữa nên lưu ý về mục này, là một câu chuyện có đầu có.

đuôi, có đầy đủ chi tiết, chưa phải là dấu đủ để kể rằng chuyện đó là đúng sự thật. Thường thiên hạ cho những chuyện như thế không phải là chuyện bịa, nhưng thiết tưởng nào có cần gì phải bịa, nó chỉ vay mượn mỗi chỗ một ít, mỗi thời một ít để chắp nối lại đó thôi. Dầu vậy, trừ trường hợp vừa nói, phần nhiều, một chuyện có đầu đuôi và nhiều chi tiết vẫn có thể cho ta nghĩ rằng nó đã phát xuất tự một người có may mắn mục kích hay là nghe chính người mục kích thuật lại.

b) Người chứng gián tiếp. Cứ sự thường, những nguồn tin về quá khứ đến với chúng ta sau khi đã qua những chứng nhận giám tiếp, nghĩa là qua những người không được nghe tận tai thấy tận mắt. Nhiều khi, một mẩu chuyện khi được chuyển đến chúng ta, đã chịu cả một dọc dài những ảnh hưởng của nhiều cá nhân khác nhau. Để trị giá những nguồn tin như vậy, con đường chắc chắn hơn cả là nghiên cứu tính cách đáng tin của cả loạt người chứng đó, bắt đầu từ con người mách cho chúng ta, cho đến con người đã trực tiếp quan sát sự việc. Nhưng nghiên cứu cả một chuỗi người như thế là một việc vừa phức tạp, vừa tốn thì giờ và khó khăn. Sử gia chỉ nên dùng cách đó nếu không còn có cách nào khác để đi đến sự thật lịch sử. Sau đây, chúng tôi đem ra một số những nguyên tắc dắc dẫn sử gia trong công việc xét người chứng gián tiếp.

Để tin hay không tin, một chứng nhân gián tiếp trước tiên nên phân biệt xem người chứng gián tiếp đó là một người hay nhiều. Khi chỉ có một người chứng, sử gia phải tìm cho biết quá khứ và tư cách của người đó, xem có phải là một người nhẹ dạ dễ tin hay không. Nếu không thể biết được tư cách, thì phải dò xét liên lạc giữa người đó với biến cố được thuật lại, vì liên lạc này với những khía cạnh của nó, sẽ nói lên một phần nào tính cách đáng tin của câu chuyện. Thủ tục khảo sát ở đây, cũng giống như trong trường hợp người chứng trực tiếp. Nếu là một văn kiện, thì hãy xét liên lạc giữa người viết với tài liệu người đó dùng.

Trong trường hợp có một dọc dài những người chứng gián tiếp, sử gia phải lặp lại thủ tục như đã áp dụng với người chứng gián tiếp độc nhất, và nếu người nào cũng đủ điều kiện, thì bấy giờ chứng của họ là đáng tin. Có một luật chung nên nhớ là tính cách đáng tin có thể bớt dần dần ngược chiều với số người chứng gián tiếp, nhưng nếu những người đó là những chứng nhân đáng tin chân lý lịch sử vẫn không mất giá trị.

c) Người chứng độc nhất. Về người chứng gián tiếp độc nhất, chúng ta vừa thấy rằng dầu là độc nhất cũng có thể đáng tin, nếu có điều kiện đầy đủ. Ở đây sẽ xét thêm về một số khía cạnh chung của vấn đề. Nên ghi nhận rằng, đối với sử gia, trong trường hợp nầy, cân ngạn ngữ của pháp trường « nhất chứng phi, nhị chứng quả », không thể đem ra áp dụng triệt để, trái lại nên nhớ những điểm sau đây :

— Khi là người chứng độc nhất, tính cách lão luyện của người chứng không được kể là đủ nếu chỉ dựa vào những

căn bản tiêu cực. Nói cách khác, sử gia không được tin tưởng quá vào những chứng tích như thế, nếu chỉ vì lẽ rằng không có một chứng tích nào khác chống lại. Những lúc như vậy sử gia phải đòi nơi người chứng những tư cách rõ rệt khả dĩ bảo đảm sự đúng đắn của chứng tích. Ví dụ gặp một kẻ lạ ngoài đường đem tới cho chúng một tin hay, chúng ta không có lý hồ nghi rằng người lạ đó nói sai hay có ý xấu, nhưng cũng không có chứng gì để bảo đảm cho điều người lạ nói, và cố nhiên là chưa nên tin.

— Có những nhà chép phương pháp sử, như các ông Langlois và Seignobos, chủ trương rằng một sự kiện, muốn cho được đáng tin, cần phải có hai người chứng mới đủ, nếu không thể tìm được nhiều hơn. Họ nói rằng : « Có một nguyên tắc áp dụng chung cho tất cả mọi khoa học lấy quan sát làm nền tảng, đó là không được kết luận điều gì khi chỉ mới có một quan sát mà thôi, mà phải dựa vào sự tăng bổ của nhiều quan sát mới có thể quả quyết được. Lịch sử, với phương pháp sưu tầm tin tức chưa được hoàn thiện của nó, càng không có quyền áp dụng luật trừ của nguyên tắc này bằng bất cứ một khoa học nào khác ». Nói thế xét ra không đúng, vì chúng ta không thể kể một quan sát như một người chứng. Một người chứng gọi là có đủ tư cách để bảo đảm cho chứng tích của mình, chính là một người chứng, mặc dầu là độc nhất, đã biết quan sát một cách đầy đủ, nghĩa là nếu quan sát một lần chưa rõ thì đã biết quan sát thêm ít lần nữa. Người chứng độc nhất, không phải là người chứng chỉ quan sát có một lần mà thôi. Cũng vì hiểu người chứng độc nhất như chúng tôi vừa cắt nghĩa, nên thiên hạ Đông cũng như Tây, vẫn công nhận rất nhiều sự kiện do những người độc nhất lưu lại, như các chuyện của Caesar, của Thucydides và phần nhiều các tập nhật ký.

NGUYỄN-PHƯƠNG

Kỳ tới : 4 Dinh giá chứng tích

● Phải cần bốn người để làm thành món xa-lát : một tên hoang phí để làm dầu, một kẻ hà tiện để làm dấm, một đấng hiền triết để làm muối và một người điên để làm tiêu.

François Coppée

ĐÃ PHÁT HÀNH

Sứ Mệnh Văn Nghệ Hiện Đại

● Tiểu Luận Văn học của A. Camus

● Bản dịch của Trần-Phong-Giao

GIAG-ĐIỂM XUẤT-BẢN in lần thứ hai

xuân của chúng mình

● *Hoàng Lộc*

Em nép vào anh truyền hơi thở lạ
Hồn rất ngoan hương cỏ dại say nồng
Mẹ yên bình ven ngưỡng cửa mùa xuân
Cầm tay chúng mình rưng rưng muốn nói
Anh vì mẹ xin vườn cây xanh lá
Em vì anh thèm mặc áo tương lai
Vui lên em hạnh phúc lớn theo đời
Hoa đám cưới dâng tình anh diệu vợi
Con tàu xuân mang nụ cười hiền hậu
Tóc mây vươn còn đọng ý học trò...
Anh nhìn em — nhìn phố thị — làng quê
Niềm yêu dấu đại dương vùng tuổi nhỏ
Cánh đồng nguyện nuôi cao rừng ngát lúa
Chiến trường im mang rẫy bắp nương khoai
Đất mẹ hôm nay bỗng rộng không ngờ
Anh chợt hiểu lòng sông mừng bỏ ngỏ
Anh chợt thấy giữa mùa xuân lịch sử
Người nối người tấm gió biển yêu thương
Đàn trẻ thơ đùa giỡn bướm sân trường
Em bên lên thầm hộn anh rất nhẹ
Sớm thêu mơ chim mùa nâng cánh dại
Chiều bao dung nắng thắp nụ hoa vàng
Anh chiều em khép tỏ một vầng trăng
Đêm rạng rỡ cho nàng xuân kết lá
Cho lợp sáng những ngôi nhà thành phố
Cho ngời thêm từng lời hẹn bình minh
Con tàu băng ngang xứ sở chúng mình
Em sung sướng trong lòng anh xuân biếc...

Ta mãi buồn khi nhìn qua sự thật :
Mẹ ta ngồi ôm rét cuối ngày đông
Quê hương xưa ôi khôn khổ vô chừng
Và em nữa cũng vời xa tiếng gọi...

Ta vẫn dành cho em mùa ngóng đợi
Nắng xuân hồng rung súng thép trên tay...

HOÀNG LỘC
(thơ anh bây giờ)

THOMAS EDWARD LAWRENCE

(1888 — 1935)

Một ông vua không ngôi ở Á-Rập tự đầy đọa thân để nhắc nhở các chính khách phải giữ chữ tín trước hết

Người hỡi, bao giờ người hiểu rằng sự thất bại làm cho người cao cả lên ? *Goethe*

« Ở một nơi nào đó có một cái tuyệt đối, chỉ có nó là quan trọng thôi : mà tôi kiếm nó không ra. Do đó tôi có cảm tưởng rằng tôi sống không có mục đích. *T.E. Lawrence.*

• **NGUYỄN-HIẾN-LÊ**

T.E. LAWRENCE

Đọc tác phẩm của các học giả Tây phương nghiên cứu về Triết học Đông-Phương ta thường tìm được nhiều ý nếu không phải là mới mẻ thì cũng lý thú. Họ như những nhà du lịch phương xa, nhận thấy ở bản xứ những đặc điểm mà chính thổ dân vì quen quá rồi, không lưu ý tới.

Chẳng hạn xét về bảy đức chính theo quan niệm của đạo Nho, tức những đức : nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, dũng và thành, chúng ta chỉ bàn đi bàn lại về đức nhân, cho nó là quan trọng nhất. Mà nó quan trọng thật : có thể nói rằng nó gồm cả sáu đức kia, nhưng vì quá chú trọng tới nó mà ta gần như quên hẳn những đức kia đi, nhất là đức thành và đức tín.

Vì vậy khi đọc bài La sincérité chez les Orientaux de civilisation confucéenne *của Linh mục Cras đăng trong tạp chí Sud Est Asiatique tôi thấy vui*

vô tình gặp được một gia bảo đã bỏ quên một xó trong kho từ mấy chục năm. Vị học giả đó đại ý cho rằng không có một hệ thống siêu hình học hay luân lý học nào mà đề cao đức thành *bằng đạo Nho, một đức quan trọng vào bực nhất gồm tất cả những qui tắc chính về đạo đức mà lại bao quát được những ảnh tượng nguy nga nhất về sự vật trong một nhãn giới siêu hình. Mà lời của Khổng-Tử « Thành giả, tự thành giả » có một âm vang rất mới mẻ ở thế kỷ XX này nó làm cho ta phải đặt hết tâm trí vào đó, và trong tâm hồn ta dậy lên vô số tư tưởng và hoài vọng.*

Tư tưởng của ông rất xác đáng, và đọc xong bài đó, tôi nghĩ đến một đức nữa cũng thường bị bỏ quên, nhất là thời này : đức Tín. Tín *liên hệ mật thiết với* Thành *nên ta thường nói* Thành Tín. *Có thành rồi mới có Tin, mà thiếu* Tín *thì tất không thể* Thành *được.*

Đổng Trọng Thư đời Hán đã đặt đức tín *ngang hàng với bốn đức nhân, Nghĩa, Lễ, Trí (năm đức đó gọi là ngũ thường, tức năm đức mà mọi người phải có) và như vậy là ông đã phát huy được một phần học thuyết của Khổng-Tử, vì tuy không nói rõ, nhưng Khổng-Tử đã coi đức* Tín *là một đức rất quan trọng :*

« Quân tử chủ trung tín » (Luận-Ngữ — *Học nhi I*)

« Nhân nhi vô tín, bất tri kỳ khả giã » (Luận-Ngữ — *Vi chính II*)

Đại học *cũng có câu :*

Dữ quốc nhân giao, chĩ ư tín ».

Cả những kẻ không thực hành đúng đạo Nho, chủ trương bá đạo, dùng chính sách độc tài như Thương-Ưởng tuy bỏ Nhân *mà vẫn phải trọng* Tín.

Chiến quốc sách *chép Thương-Ưởng được Tần Hiếu Công phong chức Tả thứ sử tức như chức Thủ tướng ngày nay để lo việc chính trị trong nước (359 trước Tây lịch) Thương Ưởng muốn biến pháp, nghĩa là thay đổi chế độ, làm một cuộc cải cách triệt để nhưng sợ dân không tin, chưa dám thi hành, mới nghĩ ra một kế, đem một cây gỗ dài ba trượng đặt ở cửa Nam chợ Hàm-Dương rồi ra lệnh ai vác được cây gỗ đó sang cửa Bắc thì được thưởng 10 nén vàng.*

Dân chúng nghi ngờ (công việc dễ như vậy sao mà thưởng hậu như vậy ?) còn trù trừ không hiểu ông muốn gì. Ông tăng số tiền thưởng lên 50 nén. Một người xông vào vác đại đi xem sao. Các người khác ba theo để coi. Rút cục Thương-Ưởng giữ lời hứa, khen người đó là biết vâng lệnh trên, rồi thưởng vàng và bảo :

— Ta không bao giờ thất tín với dân.

Từ đó mọi người đều tin Thương-Ưởng, nhờ vậy mà ông thực hành được biến pháp.

Từ việc xử thế, xã giao hằng ngày đến việc trị dân—nhất là trong việc trị dân — không có đức Tín thì mọi việc phải hỏng và không một xã hội nào có thể tồn tại được. Ta cứ thử tưởng tượng giá trị của đồng bạc mỗi ngày một khác, lên xuống không nhất định ; buôn bán với nhau thì kẻ nào cũng nuốt lời ; tới giờ làm việc mà các công sở và tư sở không có một nhân viên nào cả ; hẹn nhau tới ăn cơm hoặc làm công việc mà rồi không tới... tóm lại là nếu không ai có thể tin ai được nữa thì còn gì là quốc-gia, là xã hội. Nếu tạo hóa cũng không có đức Tín : thủy triều lên xuống không theo một luật nào, mặt trời mặt trăng không hiện đúng giờ đúng ngày, bốn mùa không đều đều thay phiên nhau qua lại, mà cái bao tử cũng không đúng giờ thầy đói, thì vạn vật chắc không phát sinh được.

Đức Tín quan trọng làm vậy, đạo Nho đề cao nó là phải quá. Cho nên gian hùng như Tào Tháo là cùng mà cũng phải giữ lời hứa để cho Quan Vân Trường đi tìm Lưu Huyền Đức, mặc dầu biết rằng Quan mà đi thì sau này rắc rối cho mình. Còn Quan Vân Trường sau vụ Huê Dung tiếu lộ, vì lòng tri ân Tào Tháo mà phải thất tín với Gia-Cát-Lượng thì đành tự nạp thân cho Gia-Cát-Lượng xử tội, mặc dầu tội đó là tội tử hình.

Tới những nhà nho vô danh, hễ có tư cách một chút cũng đều coi trọng đức Tin. Tôi biết một cụ đã hứa với một ông bạn ngày nào đó tới chơi thì đúng ngày đó, dù mưa gió, bão táp cũng lội hai ba cánh đồng chiêm mà tới cho được, chỉ trừ khi nào đau ốm mới sai người lại tạ lỗi bạn. Những lời hứa như vậy ngày nay chúng ta cho là lời xã giao có khi vừa thốt ra đã quên rồi, thì các cụ cho là những lời danh dự.

Câu « nhất ngôn ký xuất, tứ mã nan truy » quả thực là đúng, đối với những người chịu ảnh hưởng của đạo Nho.

Xét lịch sử phương Tây, về thời cổ thì chúng ta không dám biết, nhưng trong vài ba trăm năm nay, thì chúng tôi thấy đại đa số nhà cầm quyền của họ không coi trọng đức Tin. Một chính khách Ai-cập đã phàn nàn rằng chính phủ Anh đã sáu chục lần nuốt lời hứa, gạt gẫm Ai-Cập mà không chịu trả độc lập cho Ai-Cập. Anh đã bao nhiêu lần nuốt lời hứa với Miến-Điện, Ấn-Độ Mã-Lai và vô số cựu thuộc địa khác nữa ? Rồi Pháp đã bao nhiêu lần nuốt lời với chúng ta, với Syrie, Liban, Maroc... ? Gần đây họ đương sa lầy ở Algérie, Tunisie, vung biết bao nhiêu tiền, đổ biết bao nhiêu máu ở hai xứ đó, nguyên do cũng chỉ tại họ không có đức tin. Chẳng riêng gì Anh, Pháp hầu hết các nước Âu, Mỹ đều cho chính trị chỉ là những mánh khóe để lừa gạt nhau, và những hiệp ước họ long trọng ký với nhau chỉ có giá trị một tờ giấy lộn ; mà ngay khi họ hạ bút xuống ký thì cả hai bên đều nghĩ thầm, đều tin chắc rằng khi nào hiệp ước không còn có lợi cho họ thì họ sẽ không thi hành nữa.Họ sẽ có một

thứ luân lý bè đảng vì tư lợi chứ chưa có một thứ luân lý quốc tế vì công ích.

Có lẽ, vì nghĩ « sống với chó sói thì phải tru với chó sói» nên một số chính khách phương Đông chúng ta ngày nay cũng lấy cái tật « hứa phượu » của bạn đồng nghiệp của họ ở phương Tây. Biết bao nghị sĩ khi ứng cử thì hứa Trời hứa Đất, đắc cử rồi thì mười điều hứa chẳng thực hiện được đến một, mà họ đã chẳng lấy vậy làm xấu hổ còn tự đắc là khôn khéo nữa chứ!

Vì nhận thấy rằng cái mà người Trung-Hoa thời xưa gọi là « lời nói của con người » (chữ Tín gồm chữ Nhân *với chữ Ngôn) thời này y như những tấm giấy bạc giả, cho nên đọc xong tiểu sử của Thomas Edward Lawrence, tôi bồi hồi, vừa thương cho ông, vừa phục ông là cái lương tâm còn sót lại của Âu-Mỹ, mà chép lại mấy trang dưới đây để độc giả suy ngẫm.*

☆

Thomas Edward được thế giới tặng cho cái huy hiệu là « ông vua không ngôi của Ả Rập » (hoặc « ông vua bí-mật của Ả Rập »), là « khách phiêu lưu kỳ dị nhất của thế kỷ XX», là « nhà chinh phục tài giỏi nhất của thế kỷ XX »...; tôi cho rằng nếu gọi ông là người quân tử của phương Tây, thì có lẽ vong hồn của ông được an ủi hơn. Những phút vẻ vang của ông không phải là cái lúc ông làm đại tá trong quân đội Anh, và làm một ông vua không ngôi ở Ả Rập, mà là cái lúc ông bứt bỏ những lon cùng huy chương để trả lại Anh Hoàng với những lời phẫn uất, đại ý nói rằng : Ông đã thay mặt chánh phủ Anh hứa vài điều với Fayçal (một thân vương Ả Rập), chính phủ Anh đã không giữ những lời hứa đó thì rất có thể rằng một ngày kia ông phải cầm khí giới chống lại với quân đội Anh để bênh vực Ả Rập, như vậy thì ông không thể nào đeo những huy chương của Anh được.

Trong lịch sử nhân loại, có lẽ chưa có một viên sĩ quan nào dám có một thái độ ngạo nghễ như vậy đối với quốc vương của mình.

Thomas Edward Lawrence sinh ngày 15-8-1888 ở xứ Galles (Anh) có một người anh và ba người em trai. Thân phụ ông, Thomas Robert Lawrence không làm gì cả, chỉ săn bắn, câu cá, chơi thể thao, chụp hình sống nhờ một số lợi tức nhỏ, nên phải rất tiết kiệm. Thân mẫu ông, Sarah Jennes, tính tình nghiêm khắc, dạy lấy các con. Nhờ ảnh hưởng của mẹ mà ông có một nghị lực gang thép, một lương tâm rất ngay thẳng, một lối sống rất khắc khổ và một lòng ham hiểu biết mọi sự. Gia đình ông gần như một nhà tu : trừ vài bà cô hay dì đã lớn tuổi, còn tuyệt nhiên không có phụ nữ trẻ tới chơi.

Ông thông minh — năm tuổi đã đọc và viết khá thông thạo — nhưng không phải vào hạng kỳ đồng. Óc mẫn tiệp, nhớ mau và dai, nhất là có một sức chịu đựng rất bền : năm 21

tuổi, có hồi cưỡi lạc đà đi trong sa mạc Ả-Rập luôn ba ngày, mỗi ngày đi được 180 cây số ; cũng vào khoảng đó, ông đi bộ hơn hai tháng ở Syrie, được gần 1.800 cây số. Sở dĩ được vậy là nhờ ngay từ hồi nhỏ ông đã tập làm mọi việc lặt vặt trong nhà và ham một môn thể thao : đạp xe máy.

Năm 1896, ông lại học ở châu thành Oxford, rồi năm 1908 vô trường Jesus College để chuyên về sử, được học bổng của chính phủ.

Ông rất ham đọc sách, thường nằm sấp trên giường, chung quanh la liệt sách vở, khi nào buồn ngủ thì gục đầu lên trang sách rồi tỉnh dậy tiếp tục đọc.

Mới 13 tuổi, ông đã thích tìm hiểu về kiến trúc cổ, đạp xe máy một mình đi khắp nước Anh để coi các di tích. Ông có thể đạp xe máy một ngày được 160 cây số. Ai cũng phục ông là một lực sĩ tí hon, vì ông nhỏ người, thấp, mà sức rất mạnh,

* * *

Có hai sự kiện quyết định đời của ông. Sự kiện thứ nhất là hồi 17 tuổi ông hay được một chuyện này nó làm ông đau khổ suốt đời và thay đổi hẳn tâm trạng của ông : mấy anh em ông chỉ là những đứa con hoang.

Thực ra thân phụ ông tên là Thomas Robert Chapman, gốc gác quí phái ở Irlande, trước cưới một người vợ đẹp nhưng tính tình quạu quọ và lẳng lơ. Bà ta sanh được bốn đứa con gái mà đều không phải là con của chồng. Ông chồng nhắm mắt làm thinh rồi tằng tịu với Sarah Marden, nữ phó ở trong nhà. (1)

Một ngày nọ, ông bỏ nhà cửa, sản nghiệp, dắt Sarah Marden theo, đổi tên Chapman ra Lawrence rồi qua xứ Galles ở với nhau, cắt đứt mọi liên lạc với vợ và với quá khứ. Sarah Marden, cũng đổi tên ra Sarah Jenne. Nàng là con một người thợ máy, có học chút ít, mạnh khỏe, can đảm. Hai người sống chung với nhau, hòa thuận, vui vẻ, mà không đến nỗi túng thiếu lắm, nhờ tài quán xuyến, đức cần kiệm của Sarah. Nhưng họ không làm hôn thú được vì Thomas không xin ly dị được với người vợ trước.

Hay được tin đó Lawrence bỗng có cái mặc cảm của một đứa con hoang, hết tôn kính cha mẹ, bết tin những bài luân lý trong gia đình và trường học rồi đâm ra khinh cả cái xã hội mà ông cho rằng chỉ có cái bề ngoài là đàng hoàng còn bề trong thì thối nát, ghét cả cái thế giới bất công trong đó ông sống, ghét cả cái việc giao hoan vì ông cho rằng nó là nguồn gốc của mọi sự khổ não ở đời, có khi còn là nguồn gốc của mọi sự tủi nhục nữa.

Chán đời quá, ông không chịu nổi không khí trong gia đình, trốn cha mẹ, anh em, cũng từ bỏ cả dĩ vãng như cha, đổi tên, tăng tuổi xin nhập ngũ trong đội Pháo binh của

(1) Trong các gia đình quý phái thời xưa người ta thường nuôi một người đàn bà hơi có học để săn sóc con cái, tiếng Pháp gọi là *gouvernante* (nữ phó). Địa vị của gouvernante chỉ hơn địa vị của người tớ một chút.

Hoàng gia. Khi thân phụ tìm ra được tung tích của ông, (1) — có người nói là chín tháng sau, có người bảo chỉ vài tuần sau — phải vội vàng « chuộc » ông về.

Ông miễn cưỡng về nhà, nhưng không thấy đời sống trong gia đình vui vẻ nữa — mặc dầu ông vẫn yêu những người thân. Tính tình ông hóa ra lầm lì, ít nói, buồn bực. Cha mẹ ông biết vậy, cất cho ông một phòng nhỏ ở một góc vườn để ông đóng cửa đọc sách.

Sau thân phụ ông nghĩ ra một cách : cho ông đi du lịch để thay đổi không khí. Ông nắm ngay lấy cơ hội đó, xin qua Pháp chơi.

Trước sau ông qua Pháp ba lần : (2) lần thứ nhất vào tháng 8 năm 1906, lần thứ nhì vào tháng 8 năm 1907 và lần thứ ba vào năm 1908, lần nào ông cũng chỉ mang theo ít quần áo, một số tiền nhỏ và một chiếc xe máy. Lần thứ nhất ông đi với một người bạn, thăm miền Normandie và Bretagne, nghiên cứu các lâu đài cổ, tới đâu cũng vẽ bản đồ và ghi chép để làm tài liệu cho một luận án sau này. Lần thứ nhì ông đi với người anh tên là Robert (có sách nói rằng cả hai lần đó ông đều đi một mình), thăm miền Anjou và Bretagne.

Lần thứ ba hình như đi một mình và cuộc du lịch đã lưu lại một ấn tượng rất sâu trong tâm hồn ông.

Tới Baux ở miền Nam nước Pháp, lần đầu tiên ông thấy Địa Trung Hải lấp lánh hiện lên sau một hàng cây, như một phiến lam ngọc rực rỡ. Ông cảm xúc mãnh liệt, tưởng chừng trong không khí phảng phất có mùi những hương liệu từ phương Đông bay qua, và văng vẳng có những tiếng náo nhiệt của những đô thị thời cổ vọng lại : Smyrne, Constantinople, Tyr, Sidon, Beyrouth, Tripoli ... những tên sang sảng đó đưa ông vào cõi mộng và ông mơ tưởng tới ngày được qua thăm phương Đông huyền-bí, cái phương Đông ở bên kia bờ Địa-Trung-Hải nó đã thu hút ông từ khi ông đọc sử Hy-Lạp, sử La-Mã, sử Thập tự quân, nhất là cuốn *Travels in Arabia deserta* (Du lịch trong sa mạc Á-Rập) của Ch Doughty.

*
* *

Sự kiện thứ nhất ảnh hưởng lớn đến đời ông, tức sự phát giác ra rằng mình chỉ là một đứa con hoang, không được ông nhắc tới trong các tác phẩm của ông. Điều đó rất dễ hiểu. Trái lại, sự kiện thứ nhì, tức cái mộng mà ông ấp ủ từ hồi nhỏ, mộng phát động một phong trào quốc gia, thì ông chép lại kỹ lưỡng trong cuốn *Les sept piliers de la Sagesse*. Ông viết ở trang 661 bản tiếng Anh in năm 1936 :

« *Ngay từ hồi bé, được đọc cuốn Super Flumina Babylonis, tôi đã nẩy ra ý muốn một ngày kia được làm trung tâm một phong trào quốc gia nào đó* ».

---

(1) Tiểu sử của Lawrence có nhiều chỗ mập mờ vì có nhiều điều mà chính Lawrence cũng muốn giấu.

(2) Đó là theo Benoist Méchin trong cuốn *Laurence d'Arabie* (Claire fontaine). Có sách nói chỉ có hai lần.

Rồi ít hàng sau :

« *Lớn lên chút nữa học trường City School ở Oxford, tôi đã mơ mộng làm biến đổi châu Á, bắt nó phải có một hình thức mới hợp với thời đại này* ».

Nghĩa là ông quyết tâm ngay từ hồi nhỏ, phát động một phong trào quốc-gia ở châu Á.

Nhiều người ngờ rằng ông chưa chắc đã thành thực khi viết những hàng đó, vì hai lẽ : lẽ thứ nhất ông viết sau thế chiến thứ nhất, nghĩa là sau khi chiến tranh Á-Rập-Thổ đã kết liễu, lúc đó ông muốn tô vẽ gì cho cái tuổi thơ của ông mà chẳng được ; lẽ thứ nhì là người ta khó tưởng-tượng được một đứa trẻ mới trên mười tuổi mà đã có chí lớn như thế : cái gì đẹp quá thì khó mà đúng được.

Có thể rằng Lawrence đã tô thêm những nét quá rõ lên tuổi thơ của ông ; nhưng ta cũng phải nhận điều này : nếu hồi nhỏ ông chưa có chí-hướng rõ rệt như vậy thì ít nhất cũng đã có một xu hướng nó thúc đẩy ông tới những hành động thời tráng niên của ông ; nếu không thì làm sao ta giảng được lòng ông say mê cuốn *Arabia deserta* của Doughty, say mê chiến thuật của Thập tự quân cũng những đồn lũy thời Trung-Cổ. Rồi làm sao hiểu được sự quyết tâm sống một cuộc đời kham khổ ngay từ hồi nhỏ : ba năm liền, khi còn đi học, ông ăn toàn trứng, sữa, rau cỏ, trái cây y như dân Ả-Rập ; và cũng như dân Ả-Rập, có hồi ông tập nhịn đói luôn ba ngày để chịu đựng những nỗi thiếu thốn trong sa mạc. Làm sao hiểu được ông thờ ơ với Đại-Tây-Dương mà thích riêng có Địa-Trung-Hải, như trong đoạn trên chúng tôi vừa kể. Quả thực là có một sức huyền bí hướng ông về miền Ả-Rập, sức huyền bí đó hồi nhỏ có lẽ ông không cảm thấy, lớn lên mới nhận ra sau khi phân tích tâm trạng của mình, rồi chép lại trong cuốn *Les sept Piliers de la Sagesse*.

* * *

Được trông thấy Địa-Trung-Hải rồi ông đã trông thấy con đường cho đời ông. Ông nhất định qua phương Đông. Trở về Anh, ông viết thư cho Doughty, tác giả cuốn *Arabia Deserta* để tỏ bày chí hướng của mình và hỏi thăm về Ả-Rập. Doughty tưởng ông chỉ là một du khách tài tử, có vẻ không khuyến khích ông, bảo rằng mình chỉ mới biết miền Syrie thôi, mà ở đó, tháng bảy và tháng tám, trời nóng ghê gớm, đêm cũng như ngày, đi bộ không nổi đâu. Nhất là xứ đó dơ dáy, không có nước sạch để uống, thế nào cũng mắc bệnh.

Lawrence đọc thư, chỉ mỉm cười. Ông đã nhất định đi thì không ai ngăn cản ông được. Ít tháng sau, ông tìm ra được một cơ hội để đi Beyrouth.

Trước khi đi, ông học ít tiếng Ả-Rập với một mục sư ở Oxford, gốc gác Syrie.

Ông mang theo một cái máy chụp hình, ít quần áo và ít tiền rồi xuống tàu.

Trong khoảng hơn hai tháng ông đi bộ non 1.800 cây số để coi các lâu đài, thành quách cũ ở Nazareth, Harosheth, Athlit, Haïfa, Acre, Ká Arn, Tyr,

Sidon, Beyrouth, Lattaquié, Alep, ở Syrie, Liban, Palestine. Có lần bị một tên cướp Thổ-Nhĩ-Kỳ đánh và cướp hết đồ, hết tiền, ông phải lại các nhà thờ xin ở nhờ một ít lâu rồi lại tiếp tục cuộc hành trình một mình, tới đâu xin ngủ trọ đó, ăn như người Ả-Rập, sống theo lối Ả Rập, tập nói tiếng Ả-Rập. Lại có lần ông phải co quắp ngủ dưới chân tượng Ferdinand de Lesseps, ngay trên cái đập, sóng mỗi đợt dâng lên là vỗ vào chân ông. Nhơ lang thang như vậy mà ông biết được nhiều về kiến trúc các thành quách cổ, và về các dân tộc Ả Rập mà ông bắt đầu yêu mến như đồng bào của ông vậy. Họ làm ông nhớ lại những kỵ sĩ thời Trung-Cổ ở Châu-Âu, và ông thấy cuộc đời nghèo nàn, khắc khổ, nay đây mai đó của bọ có cái gì quyến dũ ông lạ lùng.

Ông chen vai thích cánh với những người Ả Rập áo dài lụng thụng đi chân đất trong những ngõ hẻm thăm thẳm ở Beyrouth, Damas ; ông leo lên núi nhìn bãi biển cát đỏ chạy dài tới Tripoli ; ông tắm trên bờ suối Adonis, dưới một ánh sáng chói lọi, thứ ánh sáng mà ở quê hương ông và ngay cả ở miền Nam nước Pháp, ông chưa từng được thấy, một thứ ánh sáng nó rung động, cuồn cuộn trên mặt biển, trên sa mạc, thấm vào từng tia máu trong cơ thể ông.

Ông say mê sống chung với dân bản xứ, gõ cửa những căn nhà tồi tàn nhất để xin tá túc ; giỡn với những đứa nhỏ mắt đen lay láy, bên cạnh những bầy gà và dê, ông cũng ngồi xổm trên đất uống sữa dê với chúng ; cũng rót một tia nước nhỏ trong một cái bình sành để rửa mặt, rồi đêm tối, ông cũng nằm lăn trên đất ngủ chung với thổ dân, cũng đắp chung những chiếc mền đầy rận với họ.

Cảnh những đoàn lạc đà chậm rải bước trên sa mạc, những thiếu nữ Ả-Rập đội bình lại giếng để lấy nước; cảnh đêm trăng tĩnh mịch, xa xa vẳng lên tiếng hát từ nghìn xưa của những dân tộc chất phác đó ; cảnh mặt trời lặn trên đồi cát, rực rỡ như xà cừ, tất cả những cảnh đó làm ông say mê, quên hẳn quê hương, quên cả gia đình. Tiền thân ông chắc đã sinh ở đâu đây, trên bán đảo Ả-Rập này.

Và lạ thay ! ông qua đây mới đầu là để nghiên cứu lịch sử Thập-tự-quân ; và bây giờ ông không mấy để ý tới những vị anh hùng thời cổ đó nữa, chỉ thấy thích khảo sát tình hình và đời sống của dân Ả-Rập. Mới có hơn một tháng mà tâm hồn ông sao thay đổi mau như như vậy ?

Tháng chín năm đó (1909) ông trở về xứ, tự nhủ rằng lần đó chỉ mới là lần sơ kiến với bán đảo Ả-Rập ; sau này sẽ trở lại lâu hơn.

Năm sau, nhờ những tài liệu thu thập được trong cuộc du lịch đó, ông soạn xong luận án về *Khoa kiến trúc quân sự của Thập tự quân*.

Năm 1911 ông theo một phái đoàn của viện Tàng cổ Anh qua đào di tích ở Carchemire, trên bờ con sông Euphrate. Lần này ông ở luôn ba năm rưỡi, nói theo tiếng Ả Rập, được nhiều người A Rập coi ông như bạn thân. Làm sao họ không mến ông được ? Ông thân mật với họ, bá vai gác đùi nằm với họ, ăn uống như họ, sống

như họ, bàn bạc với họ về những vấn đề của họ, những lo âu, ước nguyện của họ, giúp ý kiến cho họ.

Lần lần hiểu cách sống, cách suy nghĩ và tâm lý của họ rồi, ông thấy rằng đầu thế kỷ XX, các dân tộc A Rập muốn vùng vẫy để thoát cái ách của Thổ Nhĩ Kỳ ; khắp nơi, từ các châu thành bên bờ biển tới các ốc đảo giữa sa mạc, đâu đâu họ cũng mong mỏi được tự do, độc lập. Họ tin cậy ông, hỏi ý kiến ông về cách hành động, ông không dám xúi họ bạo động, vì không có quyền gì trong tay mà cũng ngại sẽ gây những khó khăn cho sự bang giao giữa chính phủ Anh và chính phủ Thổ, gây sự nghi ngờ cho các quốc gia khác như Đức, Ý, Pháp. Nhưng ông thường đàm đạo với các nhà cách mạng A Rập, gián tiếp giúp ý kiến cho họ. Mà trong thâm tâm ông cũng mong có cơ hội giúp họ thoát khỏi ách của Thổ.

Nhưng còn vấn đề này phải giải quyết nữa. Đế quốc Thổ đã như một con bệnh hấp hối rồi, thế nào cũng không tồn tại được lâu nữa. Khi nó sụp đổ thì nó sẽ thuộc về nước nào ? Nga, Đức hay Pháp ? Pháp có ưu thế hơn cả vì văn hóa Pháp được truyền bá từ mấy thế kỷ nay ở Beyrouth và Damas. Nhưng để cho Pháp thì Ả Rập sẽ khó mà mạnh được vì dân tộc Pháp không có tinh thần tổ chức, mạo hiểm bằng người Anh — ông nghĩ vậy — mà nhất là thiệt cho Anh. Rút cục ông nghĩ Anh nên lãnh cái nhiều vụ « giải thoát Ả-Rập, và khi giải thoát rồi thì cho Ả Rập được độc lập mà liên kết với Anh. Ông nghĩ tới Anh, mà thực là ông nghĩ tới chính ông vậy. Nhiệm vụ giải thoát đó v Anh, tức là về ông, chứ về ai ?

Chính trong thời gian ở bờ sông Euphrate, ông soạn một tiểu thuyết nhan đề là : *Seven Pillars of Wisdom* (1) (Hiền minh thất trụ) để kể những cuộc mạo hiểm của ông trong các châu thành Ả Rập : Caire, Smyrne, Constantinople, Beyrouth, Alep, Damas và Nedine. Cuốn đó viết xong rồi đốt đi vì ông cho là còn non nớt, chưa suy nghĩ kỹ.

Tháng năm năm 1914 ông trở Anh, chưa đầy một tháng thì có tiếng súng nổ ở Sarajevo. Trừ một số người trong giới ngoại giao ở Âu Mỹ, khắp thế giới không ai ngờ rằng vụ ám sát thân vương Ferdinand lại làm cho nhân loại đổ máu trong bốn năm trường.

Nhưng cũng chính tiếng súng đó đã mở cho ông một cuộc đời mới, đã đem lại cho ông cái sứ mạng mà trời đã giao phó cho ông từ khi ông mới sanh ? — như ông nói — cái sứ mạng mà mấy năm nay ông đã chuẩn bị để thực hiện cho được. Ông tin rằng dân chúng Ả Rập thế nào cũng nổi dậy đuổi Thổ đi mà chỉ có ông là giúp họ thành công được thôi.

(*còn tiếp*)

NGUYỄN HIẾN LÊ

---

(1) Tiếng Pháp là *Les sept piliers de la Sagesse*. Nhan đề đó do một cô ngứ Ả Rập đại ý rằng : Đức hiền minh đã dựng một ngôi nhà và đã đục bảy cái trụ cho ngôi nhà đó.

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẤT-ĐẠM
135. Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ
(ex Charner)

Téléphones : 21.902 — (3 Lignes)
22.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)

Téléphones : 385 et 548
B.P. 122

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B. N. C. I. et ses filiale possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

V — GIÁO-NGHĨA CĂN BẢN

của TRIẾT LÝ ZEN (*)

● ĐOÀN-VĂN-AN

QUA các bài trước, chúng ta đã hiểu qua về tính chất và lịch sử truyền bá của triết lý Zen ở các nước Ấn-Độ, Trung Hoa, Nhật-Bản và Việt-Nam, những nước mà theo quan niệm thông thường, người ta thường cho là nguồn gốc, là đại diện của của phái Đại thừa Zen ngày nay. Trong bài này chúng ta sẽ lần lượt nghiên cứu đến những giáo nghĩa, những chủ điểm và những triết lý đặc thù của Zen.

Trước khi đi sâu vào vấn đề chúng ta cần hiểu rằng : Triết lý Zen có một phạm vi rất rộng rãi. Zen không những chỉ là một hệ thống tư tưởng, một triết thuyết, một tôn giáo, mà còn bao gồm cả các khía cạnh luân lý, đạo đức, xã hội, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật v.v... Chỉ đứng riêng về phương diện tôn giáo chúng ta cũng đã thấy : Zen bao hàm rất nhiều ý nghĩa như « Thể nghiệm nội dung » (Personal experience), « Tu đạo kinh quá » (The process of disciplinary training), « Giáo lý hình thức » (The doctrinal aspects of Zen) v.v...

Triết lý Zen có một phạm vi rộng rãi bao quát như thế, nên rất khó lòng mà trình bày một cách tổng quát và đầy đủ các khía cạnh được. Vì thế ở đây chúng ta chỉ nên tìm hiểu đến những giáo nghĩa căn bản, những tinh chất thuần túy tôn giáo của triết lý mà thôi.

Trước hết, đứng về phương diện tôn giáo chúng ta thấy : tính cách tôn giáo giữa Đông phương và Tây

---

* **L.T.S**: Loạt bài « **Triết-lý Zen** » của công Đoàn-Văn-An, tác giả quyển Triết học Zen khởi đăng trên Bách-Khoa từ số 167 tới số 160 (1-9-63) thì nhằm đúng thời kỳ giới nghiêm lần thứ nhất, nên bài « Lịch-sử Triết-lý Zen ở Nhật-Bản » bị kiểm duyệt một số câu và *không được đăng tên tác giả* rồi những bài về Zen cũng bị ngưng đăng hẳn. Bắt đầu từ số này Ô. Đoàn-Văn-An sẽ lại tiếp tục trình bày về Triết-lý Zen để đáp lại thịnh tình của một số bạn đọc Bách Khoa vẫn viết thư về tòa soạn hỏi về loạt bài này.

phương khác nhau rất nhiều. Người Tây phương thường dựa vào nguyên ngữ của chữ Latin, cắt nghĩa chữ tôn giáo (religion) là « nối liền lại với nhau » (To bind together). Họ quan niệm tôn giáo là những quy tắc, những giáo điều đưa con người gần với đấng Tạo hóa (God). Cho nên theo họ, tôn giáo phải đặt trọng điểm vào vấn đề tín ngưỡng (faith), không thể thiếu tín ngưỡng được. Vì có tín ngưỡng mới có thể nối liền, thông cảm giữa 2 đối tượng : người tin và người được tin, tức là tín đồ và đấng Giáo chủ.

Tính chất của các tôn giáo Đông phương, nhất là Phật giáo và Zen thì khác với quan niệm trên. Các vị Thuyền sư Nhật Bản thường cắt nghĩa chữ tôn giáo là giáo nghĩa của tôn. Tôn ở đây, theo quan niệm của các vị Thuyền sư ấy là chỉ cho «bổn gia» (honke=original essence), hoặc là « căn bản » (konpon = the fundamental truth). Căn cứ vào ý nghĩa nầy chúng ta thấy : trong chữ tôn giáo không có nghĩa nào là nối liền lại với nhau cả. Và vì thế Phật giáo, nhất là triết học Zen không đặt trọng điểm vào vấn đề tín ngưỡng, không xem tín ngưỡng là quan trọng.

Tôn giáo đã là bổn gia, là căn bản của mỗi người, hay ít nhất cũng là phương tiện đưa con người trở về với bổn gia, căn bản ấy (1), nên tôn giáo là một yếu tố cần thiết của nhân loại, nếu nhân loại muốn trở về với những gì mình đã có. Chữ « trở về » ở đây theo danh từ chuyên môn của đạo Phật là Quy-y. Quy y có nghĩa là nương tựa hay trở về với sự thật với căn bản, với Bản - lại diện-mục của mình, và chuyên tâm thành ý với những tiêu điểm sẵn có ấy.

Điều này chứng tỏ rằng : đạo Phật nhất là Zen không chú trọng nơi phần tha lực (helf from without), mà chỉ chú trọng ở phần tự lực (one's own exertion), tự tín (self-reliance) mà thôi. Mục đích của tôn giáo, theo đạo Phật là đưa con người đến đạo quả Giải thoát (deliberance from worldly passions) và Giác ngộ (spiritual awakening). Để đạt đến đạo quả Giải thoát Giác ngộ này, mỗi người phải tự vận dụng năng lực của mình, chứ không thể nương tựa nô lệ vào kẻ khác. Zen là một phương pháp tu tập để rèn luyện năng-lực ấy của con người, tức là rèn luyện khả năng tự lực giải thoát.

Nhưng Zen là gì ? — Phần định nghĩa của chữ Zen chúng ta đã thấy trong bài « Tinh-chất đặc biệt của Triết-lý Zen », trước, nên ở đây chỉ cần đi sâu vào phần nội dung mà thôi. Về nội dung chúng ta có thể nói : Zen là một phương pháp thể nghiệm, vượt ra ngoài những suy nghĩ tầm thường, những kiến thức phân biệt và những quan niệm nhị

---

(1) Theo phái Zen « bổn gia » « căn bản» tức là Bản lai diện mục, Tự tánh thanh tịnh tâm, hay Phật tánh sẵn có của mỗi người. Vì chỉ có những cái nầy mới thật là đích thật bản hữu của mình, ngoài ra tất cả đều giả tạm như huyễn.

nguyên. Vì những thứ suy nghĩ kiến thức và quan niệm ấy đã không ích gì, mà còn chướng ngại cho Zen nữa là khác. Người tu hành muốn đạt đến mục đích của Zen cần phải vận dụng toàn thể khả năng trực giác nội tại của mình. Sở dĩ như thế là vì giáo nghĩa căn bản của Zen là đặt tại vấn đề thể nghiệm cá nhân (personal experience), và thể nghiệm cá nhân tức là giác ngộ. Tính chất độc đáo của triết lý Zen là ở đó.

Chữ thể nghiệm cá nhân trong triết lý Zen thường có nghĩa : mở rộng chân-trí chân-nhãn của cá nhân mình để thông đạt thấu suốt những hiện tượng sai biệt ở ngoài vũ trụ. Nó gồm có một tính chất tâm lý cao độ, vì thế cũng gọi là chứng ngộ hay giác ngộ: Những trạng thái tâm lý này không phải do ai tạo ra, mà chính là do tự mình thật hành rồi chứng nghiệm thể đắc lấy, cũng như tự uống nước rồi biết cao độ của nước, nóng và lạnh như thế nào (2).

Theo triết lý Zen, muốn chứng nghiệm thể đắc như thế thì cần có một trí thức siêu việt ; trí thức nầy là xây dựng bởi sự sống, bởi kinh nghiệm thực tế của cá nhân. Cũng bởi lẽ ấy nên Zen không phải hoàn toàn là một hệ thống tư tưởng hay triết lý, cũng không phải hoàn toàn là một sự hiểu biết hay trí thức. Ví dụ như khi ta uống nước nóng, ta biết là nước nóng ; nhưng « cái biết nước nóng » ấy không phải là bản chất của nước nóng. Zen cũng như thế. Chúng ta không thể nào hiểu được Zen, nếu chúng ta còn pha trộn vào đó những kiến thức phân biệt, mà không chú trọng ở phần kinh nghiệm trực giác. Cũng bởi lẽ đó nên triết lý Zen thường phủ nhận những kiến thức phân biệt, hay chỉ nhận kiến thức phân biệt là những phương tiện hoặc điều quan trọng thứ hai (secondary importance) để đưa đến sự thể hiện của kinh nghiệm cá nhân mà thôi.

Điều nầy cũng rất dễ hiểu, nếu căn cứ vào lời dạy của Ngài Bồ-Đề Đạt - Ma (Bodhidharma), người truyền bá và sáng lập lên phái Zen ở Trung-Hoa. Ngài dạy : « bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền », nghĩa là cách thức truyền thừa và đạt ngộ của Zen là « dùng tâm để ấn tâm », chứ không căn cứ vào ngôn ngữ, văn tự và giáo nghĩa. Nói một cách khác, theo Zen thì ngôn ngữ, văn tự và giáo nghĩa chỉ có giá trị tương đương như ngón tay chỉ mặt trăng mà thôi. Người ta phải xa lìa ngón tay để nhìn thấy mặt trăng.

Để hiểu thêm về ý nghĩa này, thiết nghĩ cần nhắc lại câu chuyện sau đây: Một hôm ở trong thuyền thất, 2 Ngài Văn-Thù-Bồ-Tát và Duy-Ma Cư-sĩ đang ngồi đàm luận với nhau về đạo lý chân thật của Phật-pháp, bỗng nhiên hai Ngài im

---

(2) Danh từ « lãnh noãn tự tri » trong Phật giáo là để chỉ cho ý nghĩa « thể nghiệm cá nhân » của triết lý Zen. Người đời có uống nước mới biết nóng lạnh, cũng như người tu hành có thật hành Zen mới mong đạt đến những kết quả siêu việt của Zen.

lặng, trầm tư mặc tưởng, không nói thêm một lời nào nữa. Điều nầy chứng tỏ cả 2 Ngài đều đạt đến chỗ cùng cực vắng lặng của tâm linh ; ở trong trạng thái tâm linh đó, hai ngài đã thông cảm hiểu biết nhau, cùng nhau thông suốt vấn đề chứ không cần dùng đến lời nói nữa. Có lẽ dựa vào câu chuyện nầy nên một vị Tổ sư khác cũng đã nói : « Trong Zen, im lặng là tốt, nói là không tốt » (In Zen, silence is good and talk is not).

Câu chuyện giữa Ngài Văn-Thù Bồ-Tát và Duy-Ma Cư-sĩ trên chứng minh rằng : muốn đạt đến chỗ cùng cực của tâm linh là phải kinh nghiệm cá nhân, bằng trực giác, chứ không phải bằng tư tưởng hay kiến thức phân biệt. Zen của Phật-giáo là đào luyện cho ta những kinh nghiệm và trực giác ấy, bằng những thực tập cá nhân và bằng những thể hiện nội tại.

Đến đây chúng tôi sực nhớ ra một câu chuyện mà chúng tôi được đọc trước đây không lâu, câu chuyện ấy như sau : Ngày kia, có một người đến hỏi một vị Thần học trứ danh là Ông Barth rằng : Thưa Ngài, có thật Chúa-Cứu-Thế có thể cứu vớt cho chúng tôi được không ? » Vị Thần-học trứ danh ấy liền trả lời với người kia rằng : « Chính ông là người chưa được cứu vớt đấy ». (You are not yet saved). Câu chuyện nầy cũng có một ý nghĩ như trên.

Trong triết học Zen, các vị Thuyền sư thường nhắc đi nhắc lại cho chúng ta rằng : Muốn chứng ngộ vào tánh linh của mình hay chân lý của vạn pháp, mỗi người phải vận-dụng khả năng của mình và bằng kinh nghiệm cá nhân của mình, chứ không thể trông chờ vào kẻ khác. Nói một cách khác, phương-pháp tu hành của Zen là phát huy những đức tánh nội tại, tăng cường khả-năng tự lực (one's own exertion), chứ không phải hướng ngoại tìm cầu đặt mình vào quyền năng của tha-lực (help from without).

Nhưng theo Zen, kinh-nghiệm cá nhân là gì ? — Để trả lời câu hỏi này thiết nghĩ cần nhắc lại câu chuyện của Ngài Pháp-Diễn Thuyền sư ở đời Tống (960-1127) của Trung Hoa sau đây : Một hôm, Ngài Pháp Diễn Thuyền-sư trong khi đang chuyên tâm tu tập Thuyền-quán để cầu đạo quả Giác ngộ thì Ngài được nghe một vị Thuyền-sư khác nói rằng : « Zen cũng như sự hiểu biết các trạng thái nóng lạnh của nước, cần phải tự mình thể nghiệm hiểu biết lấy ». Nghe thế, Ngài Pháp-Diễn Thuyền-sư liền hỏi lại rằng: « Các trạng thái nóng lạnh của nước tôi đã biết. Nhưng « biết mình » (self-knowing) là gì ? Vị Thuyền sư ấy không thể trả lời được, tỏ ra rất ân hận, vì chưa phá được màn bí mật của vô minh.

Ở Nhật-Bản cũng có một vị Thuyền-sư tên là Hà-Dã Vụ-Hải Kono Mukai), trú trì tại chùa Nam Thuyền ở tỉnh Kyoto cũng có một câu chuyện về việc tu Thuyền như sau : Ngài Hà-Dã Vụ-Hải khi còn ngồ trong lúc tập sự tu Thuyền,

Ngài đã chuyên tinh tu tập theo phương pháp trầm tư mặc tưởng (meditation) ; trải qua nhiều năm, Ngài chuyên tinh tu tập như thế, mọi người kể cả những người đồng sự với Ngài rất thán phục. Nhờ sự tinh tần tu Thuyền ấy nên cuối cùng Ngài đã được trạng thái yên-tịnh, vượt ra ngoài những quan-niệm, ý-thức và phân biệt. «Ngài đã đi nhưng không biết mình đi, thấy nhưng không biết mình thấy » (iite iku koto o shirazu, mite miru koto o shirazu : He walks, but he does not know he is walking. He sees, but he does not see).

Một hôm, Ngài Hà-Dã Vụ-Hải trong khi đi kinh hành xung quanh vườn chùa, lòng đang chìm đắm trong trạng thái trầm tư mặc tưởng, nên không nhìn thấy cái hồ nước chắn ngang trước hướng Ngài đi. Ngài cứ thản nhiên thong thả đi như thể, hình như không thấy nghe gì cả, cho đến khi xuống hồ, nước đã ngập lên đến nửa người mà vẫn không biết. Những người chung quanh thấy thế liền la lên những tiếng kinh ngạc, vội vàng xuống hồ cứu Ngài lên. Khi đó, ý thức phân biệt quay trở lại, Ngày nhận thấy mình mẩy ướt lạnh toàn thân. Về sau Ngài thường kể lại câu chuyện ấy cho đệ tử nghe và nói tiếp : « Ta đã tu tập Thuyền quán như thế để cầu đạo giải thoát đấy ! ».

Đối với triết-lý Zen, trạng thái tuyệt đối của kinh-nghiệm cá nhân là như thế. Trạng thái nầy thường được diễn-tả qua nhiều danh từ khác nhau như «Vô niệm» (Void of all ideas and thoughts), « Vô-tướng» (Void of all shapes), « Vô » (Void) hoặc là « không » (Emptiness). Dựa vào cách thức diễn đạt qua những danh từ nầy : hình như trạng thái tuyệt đối của kinh-nghiệm cá-nhân là đang còn có phân biệt, có tư-tưởng. Nhưng kỳ thật đây là những trạng thái không còn có phân biệt tư tưởng nữa ; nó đã vượt ra ngoài các ý niệm phân biệt về hình thức, thể tánh, hữu thể, vô thể, và cũng vượt ra ngoài cả cái « vô » cái « không » ấy nữa. Cũng bởi lẽ đó, nên ở đoạn trên chúng ta đã thấy : kinh nghiệm thấu triệt của Zen là thoát ly ra ngoài những kiến thức phân biệt, những tư tưởng thông thường vậy.

Có điều chúng ta cũng nên nhớ rằng : Dù Zen là một phương pháp thể nghiệm cá nhân, một trạng thái tâm lý phát sanh bởi trí huệ con người, và dù chủ đích của Zen là bất lập văn tự, giáo ngoại biệt truyền, nhưng những người tu tập theo phương pháp Zen vẫn ham thích nghiên cứu học hỏi, và những vị Thuyền sư từ đời nọ qua đời kia vẫn tiếp tục truyền bá giáo lý của Zen. Đây là lý do đã tạo cho Zen thành một hệ thống triết học, một nền văn hóa phong phú lưu lại đến ngày nay. Và đây cũng là lý do đã làm cho chúng tôi phải mượn ngôn ngữ văn tự để giới thiệu Zen trong loạt báo nầy.

Trở lại với vấn đề « Zen là gì ?», chúng tôi thấy cần giải thích vấn đề ấy qua hai phương pháp truyền thọ của phái Zen sau đây :

1.— Phương pháp truyền thọ trực tiếp (Direct method of presentation) : Phương pháp truyền thọ trực tiếp này là căn cứ vào trực giác, dựa vào kinh nghiệm bản thân của người tu Zen, chứ không do dự, không phân biệt người đối diện (tức là người cầu đạo) là ai, thuộc vào hạng người nào, nghĩa là không loại trừ một ai cả trong việc truyền thọ Thuyền pháp.

Cách thức truyền - thọ bằng phương pháp trực tiếp này có rất nhiều cách. Chúng tôi xin giới thiệu ra đây một vài cách để làm thí dụ. Trong bộ « Lâm-Tế.Lục » ở trang đầu có ghi chép một câu chuyện như sau :

« Một hôm, có một người đệ tử hỏi vị Bổn sư là Ngài Lâm - Tế rằng : « Bản chất của Phật-giáo là gì, xin Thầy từ bi chỉ giáo cho con ». Ngài Lâm-Tế nhìn đệ tử một hồi lâu, im lặng không nói gì, bỗng nhiên Ngài thét lên một tiếng rất lớn (nhất át = one thundering roar). Người đệ tử thất kinh, mê mơ tan vỡ, và ngay lúc đó trí tuệ vụt hiện, thầu đạt được ý nghĩa sâu xa qua tiếng thét lớn ấy. Sau khi đã hoát nhiên thầu đạt, người đệ tử lễ tạ Thầy, tỏ niềm hân hoan cực độ của mình, cũng bằng sự im lặng không lời ấy ».

Căn cứ vào câu chuyện trên chúng ta thấy : từ nơi câu hỏi của người đệ tử đến cách trả lời của vị Thuyền sư, không có một ngăn cách phân biệt, cũng như không có một khái niệm ý tưởng nào cả, nếu không thể nói là đệ tử hỏi một đường, Thầy trả lời một nẻo. Tuy nhiên, nếu vượt qua tấm thức phân biệt bởi những quan niệm thông thường thì chúng ta có thể cảm-thông được một phần nào ý nghĩa vi diệu của cách thức trả lời, cũng như cách thức diễn đạt niềm hân-hoan ấy của hai vị Thuyền sư trên.

Ngoài ra, cũng đồng một câu hỏi : « Bản chất của Phật-giáo là gì ? » một vị Thuyền sư khác lại trả lời bằng cách đưa cái quạt đang cầm trong tay lên cao và không nói thêm một tiếng nào cả. Người đệ tử chẳng hiểu gì cả. Thuyền sư cũng không dạy gì thêm, chỉ đưa cái quạt trỏ ngay trước mặt đệ tử mà thôi. Rồi một chỗ khác cũng một câu hỏi tương tợ như thế, một vị Thuyền sư khác đã không trả lời gì, lại còn lấy cây tích trượng (Priest's staff) đang cầm trong tay đánh lên trên vai người đệ tử nữa (1).

---

(1) *Kể ra những câu chuyện này, chúng tôi lại liên tưởng đến một bài khảo luận về Zen của một nhà văn nọ. Ông trích dịch thật nhiều sách vở báo chí ngoại quốc và những câu chuyện nói về « Đạo Phật Zen » Thí dụ :*

1.— Một môn đệ hỏi Thầy Zen một câu hỏi quan trọng : « Đạo Phật là gì ? và Thầy tu ấy liền bước xuống ghế, rồi tát tai môn đệ.

2.— Một Thầy tu Zen hỏi một con chó : « Mi có muốn biết con đường đưa đến giác ngộ hay không ? », rồi Thầy đưa chân đá vào con chó, chó sủa ầm lên.

3.— Những Thầy tu đạo Phật Zen đốt tượng Phật, giết mèo, bắt tôm cá v.v..

(xin xem tiếp chú thích trang bên)

Những câu hỏi và cách thức trả lời của các vị Thuyền sư trên thật là bất tư nghị. Với trí thức phổ thông của chúng ta, dù chúng ta có cố gắng dùng mọi cách để lý luận giải thích, nhưng những lý luận giải thích ấy cũng không làm sao diễn đạt được ý nghĩ sâu kín của nó. Chúng ta không thể nào đi sâu vào những trạng thái giác ngộ của các vị Thuyền sư đã tự mình thể nghiệm lấy trọng đời sống tu tập, trong kinh nghiệm cá nhân và trong những sở đắc riêng của họ. Dũng phương pháp ấy để truyền thọ thì gọi là trực tiếp truyền thọ.

Phương pháp trực tiếp truyền thọ này là hoàn toàn dựa vào kinh nghiệm bản thân, tự mình chứng đắc lấy, chứ người ngoại cuộc nhất là những người chưa có kinh nghiệm tu hành không có một trình độ chứng đắc thì không thể nào thấu hiểu được. Để diễn tả thêm về ý nghĩa nầy, chúng tôi xin trích dẫn ra đây một đoạn văn của một học giả Âu Tây, ông R.H. Blyth để làm thí dụ :

« Consider the lives of birds and fishes. Fishes never weary of the water ; but you do not know the true mind of a fish, for you are not a fish. Birds never tire of the woods : but you do not know their real spirit, for you are not a bird. It is just the same with the religious, the poetical life : if you do not live it, you know nothing about it » (2).

Nghĩa là :

« Cứ nghiệm xét nơi loài chim loài cá thì rõ. Cá không bao giờ nhàm chán nước, nhưng anh không biết tâm niệm thật của loài cá, vì anh không phải là một con cá. Chim không bao giờ mệt mỏi vì rừng cây, nhưng anh không biết cảm nghĩ thật của loài chim, vì anh không phải là một con chim. Điều ấy hoàn toàn giống như tôn-giáo (Zen), đời sống thi vị và nghệ thuật : Nếu anh không sống theo nó (tôn giáo hoặc Zen) thì anh không thể hiểu gì nó cả. »

ĐOÀN-VĂN-AN

Kỳ tới : 2 / *Phương - pháp truyền thọ gián tiếp.*

Nhà văn trên trích dịch những câu chuyện ấy và những câu chuyện tương tợ như thế trong các loại sách vở bằng tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Tàu, tiếng Tây của những học giả trứ danh về Zen như D.T. Suzuki, Piere Pégon, Hu-Shih, và những tạp chí danh tiếng như France-Asia v.v...

Chúng ta không rõ những câu chuyện đã trích dịch trong bài khảo luận ấy có giúp ích gì cho sự hiểu biết về Zen của người đọc và người viết chăng ? Hay là chỉ để đưa đến kết luận mà nhà văn ấy đã tự đưa ra : « Đạo Phật Zen chống luận lý học ; Đạo Phật Zen không tôn thờ đức Phật như là giá trị tối thượng . . . »

(2) *Trích trong quyển « Zen in English, Literature and Oriental Classics » của Bác sĩ R.H. Blyth, một học giả người Anh nổi danh về Zen và thi ca cùng văn hóa Nhật-Bản.*

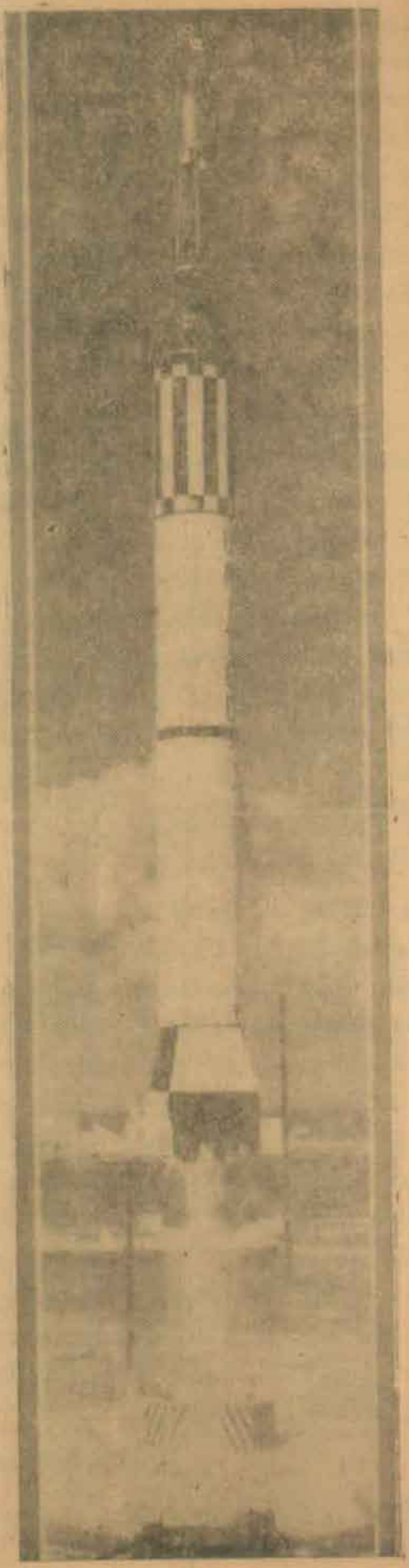

6 NĂM PHÁT TRIỂN HỎA TIỄN

Võ-Quang-Yến

Bước qua năm thứ 7 kỷ-nguyên không gian, vào lúc con người đã vượt được trọng lực để ra khỏi quả đất nay mai sẽ lên viếng thăm chị Hằng, tưởng nên nhìn lại xem tiền triển trong môn khảo cứu không gian đã đi đến đâu. Đặc-biệt trong bài này chúng tôi chỉ bàn đến một vấn đề quan trọng về bậc nhất là hỏa tiễn. Từ năm 1957 là năm chiếc vệ tinh nhân tạo đầu tiên « bíp bíp » vang trong bầu trời, cuộc phát triển các hỏa tiễn đã vô cùng mạnh lớn và kỳ lạ vì những điểm được thay đổi, hoàn hảo thêm không phải là những điểm lúc ban đầu đã trưng bày nhiều hứa hẹn.

Nhiên liệu cổ điển và cách mạng.

Bàn đến hỏa tiễn, điểm được gợi ra trước tiên là nhiên liệu. Xin nói ngay nhiên liệu không có phát triển bao lăm trong 6 năm vừa qua. Người ta còn nhớ lúc ban đầu, khi Mỹ đang còn loay hoay với những vệ tinh tí hon thì Nga đã bắn được những chiếc Sputnik nặng đến 500kg. Mọi người bảo

ngay đây là Nga nhờ đã kiếm ra được một nhiên liệu mới, một nhiên liệu cách mạng. Thật ra, không phải hoàn toàn đúng như vậy. Một định luật bảo rằng tốc độ của hỏa tiễn trong khoảng trống là bằng tốc độ khí được phun ra (nếu tỷ lệ nhiên liệu là 63% toàn hỏa tiễn). Với những nhiên liệu cổ điển, những bột nổ, thuốc súng, tốc độ khí phun là 2km/s (2 cây số mỗi giây đồng hồ). Tốc độ này chỉ vượt quá được với những hỏa tiễn dùng nhiên liệu lỏng : dưỡng khí (oxi) lỏng + rượu (mêthanol hay êthanol) Những chiếc hỏa tiễn V_2 đầu tiên của Đức dùng nhiên liệu lỏng đã đạt được 2,1 km/s. Vì tốc độ những phi thuyền nằm vào khoảng 8 km/s, người ta tính ngay phải có bốn tầng mới đưa được hỏa tiễn lên tốc độ ấy. Đằng khác, đem thay thế dưỡng khí và rượu bằng những hóa chất khác, người ta hy vọng đạt đến 3 km/s. Sau khi xem xét tất cả những nhiên liệu mà môn hóa học có thể cống hiến, người ta tính nếu đem đốt khinh khí (hydri) lỏng trong dưỡng khí lỏng hay, tốt hơn, trong khí ôzôn (gồm có 3 nguyên tử dưỡng khí), thì có thể đưa tốc độ lên đến 4 km/s. Nhiều phòng thí nghiệm cũng đã có thử với những hợp nhất của bori, lithi hay Lêrili. Kết quả đã quá sức tưởng tượng : tốc độ có thể nhân đôi. Nhưng những chất nổ này chưa ra khỏi phòng thí nghiệm được.

Bên Hoa-Kỳ, kế hoạch Centaur của hãng Pratt và Whitney đã dự định dùng nhiên liệu lỏng từ năm 1959 và tính chiếc hỏa tiễn đầu tiên sẽ ra đời 2 năm sau, tăng trọng lượng vệ tinh từ 1850 kg lên đến 3950 kg. Vì sao mà trọng lượng vệ tinh tăng lên được nhiều vậy ? Người ta biết hễ tốc độ hỏa tiễn lên được gấp đôi thì số tầng chia ra làm 2, từ đây tỷ lệ giữa trọng khối vệ tinh và trọng khối toàn hỏa tiễn sẽ tăng lên bằng số bình phương, nghĩa là từ 1/10.000 lên 1/100. Nếu luôn dùng một hỏa tiễn giống nhau thì lẽ tất nhiên trọng-lượng vệ tinh tăng lên rất nhiều. Nhưng dần dà mãi chiếc Atlas Centaur chỉ ra đời hôm 8-5-1962 và rủi ro nổ cháy 40 giây sau lúc khởi hành. Các kỹ sư hãng Pratt và Whitney liền quyết định xét lại tất cả chương trình làm việc. Họ nhận định ngay duyên do sự thất bại là tại cuộc khảo cứu căn bản không được thấu đáo. Khinh khí là một nhiên liệu khó dùng, bốc hơi ở 252 độ dưới O, nghĩa là phải vận dụng ở gần điểm O tuyệt đối. Mà ở nhiệt độ ấy, người ta chưa biết rõ tính chất của khinh khí cũng như chưa biết cách tích trữ, chuyển vận. . . . Ngoài ra cũng nên biết khinh khí rất nhẹ (tỷ trọng 0,07), nghĩa là thùng chứa choáng rất nhiều chỗ trong hỏa tiễn.

Cuộc thất bại của chiếc Centaur I đã làm náo động dư luận các giới khoa học kỹ thuật và chính trị Hoa-Kỳ. Nhiều nhà chuyên môn đã đề nghị bỏ hẳn kế hoạch. Nhưng một phái khác mạnh hơn chủ trương đẩy mạnh cuộc khảo cứu, cho chương trình không gian lấn

bước tất cả các kế hoạch khác và qua tháng 11-1962, cơ quan NASA ghi vào chương trình năm 1963 các hỏa tiễn Centaur II, III, IV, V và 4 hỏa tiễn Centaur khác cho năm 1964. Nhưng như tuồng cuộc khảo cứu về khinh khí đã gặp nhiều khó khăn vì đến nay chưa một hỏa tiễn Centaur nào ra đời được. Trong lúc chờ đợi một nhiên liệu mới, một cách đẩy cách mạnh, các chuyên gia còn đang phải dùng những nhiên liệu cổ điển. Trong số này, chất được nghe nói đến nhiều nhất là kêrôsen. Kêrôsen là một loại dầu xăng hảo hạng, đem đốt trong dưỡng khí lỏng, có thể hiện tốc độ khí phun 2,7 km/s. Thật là một nhiên liệu tốt nhưng vì khó tích trữ nên thường người ta hay dùng hydrazin (N^2 H^4) và nitri têtrôxit (N^2 O^4). Tốc độ khí phun không kém gì kêrôsen mà chuyện tích trữ thật là dễ dàng nên không những dễ dùng ở mặt đất mà còn ở không gian xa xăm. Người ta còn nhớ chiếc Mariner II đã có mang theo hydrazin trong vệ tinh. Nhưng nhìn chung lại, tiến triển thật không được bao lăm bên phía nhiên liệu.

Ngành luyện kim góp phần quan trọng.

Tuy nhiên, tỷ lệ các trọng khối đã hạ xuống được nhiều. Xin nhắc lại tỷ lệ các trọng khối là chỉ tỷ lệ giữa trọng khối của vệ tinh và trọng khối của toàn hỏa tiễn. Vệ tinh là mục đích của cuộc bắn, nghĩa là vệ tinh càng lớn được chừng nào thì càng hay chừng ấy. Hỏa tiễn chỉ là một dụng cụ để đưa vệ tinh ra khỏi quả đất, vậy nên kiếm cách rút nhẹ lại, nhường chỗ cho nhiên liệu. Như trên đã thấy, tốc độ của hỏa tiễn bằng tốc độ khi phun nếu nhiên liệu chiếm 63% trọng lượng của hỏa tiễn. Khi tăng nhiên liệu lên được 87%, tốc độ sẽ lớn gấp đôi. Nếu nhiên liệu đạt được 95% thì tốc độ sẽ lớn gấp ba ! Ngành luyện kim trong những năm sau nầy đã thành công lớn trong vấn đề nầy vì đã hiến được những hợp kim chỉ nhẹ có 4% toàn hỏa tiễn. Với tốc độ khí phun 3 km/s, người ta tính cũng có thể đạt được tỷ lệ các trọng khối 1/100 (chống với 1/10.000 trước kia).

Những tiến triển còn lớn lao hơn trong lĩnh vực sức đẩy. Theo lý thuyết thì muốn tăng sức đẩy lên bao nhiêu cũng được. Sức đẩy là tích số của tốc độ khí phun và trọng khối nhiên liệu đem đốt trong một giây. Vậy chỉ việc cho tăng lưu lượng nhiên liệu tất nhiên tăng được sức đẩy. Nhưng bên phần thực hành còn phải phải xét đến nhiệt lượng đã gây ra. Khi người ta bảo một hỏa tiễn khởi-hành với một năng xuất 20 triệu CV, nghĩa là độ 15 triệu kw, phải hiểu ngay 3 tỷ calo đã được gây ra : vấn đề chịu đựng nhiệt lượng cùng phương sách cho thoát ra ngoài là một trở ngại lớn. Cuộc khảo cứu cần phải theo dõi từng phần trăm giây cách phát triển của hiện tượng ở mỗi bộ phận của phòng đốt nhiên liệu. Từ đây các

chuyên gia kiếm cách thay đổi hình dáng các bộ phận, học hỏi điều kiện cho nhiên liệu vào phòng cùng khảo sát vật liệu bao bọc làm sao cho hiệu suất được tối đa. Vấn-đề vật liệu bao bọc có lẽ quan trọng về bậc nhất : hợp kim vừa cần phải ít dẫn nhiệt vừa chịu đựng được nhiệt độ lớn. Một hợp kim loại này không những cần ích cho hỏa tiễn mà còn được áp dụng trong nhiều ngành kỹ nghệ. Ta thấy ngay cuộc tăng gia sức đẩy của hỏa tiễn cũng còn tùy những tiến triển của ngành luyện kim. Các chuyên gia Hoa kỳ hy vọng chiếc hỏa tiễn Saturn sẽ đạt được sức đẩy 690 tấn. Sau này chồng chất nhiều Saturn lại với nhau làm thành những hỏa tiễn loại Saturn Advanced, sức đẩy còn lên cao hơn nữa.

Nhưng sức đẩy của một hỏa tiễn không phải là trọng lượng của hỏa tiễn ấy. Thường sức đẩy ít nhất cũng phải lớn hơn trọng lượng hỏa tiễn 30-40.% và hiệu số của hai số lượng ấy dùng để gia tốc hỏa tiễn. Những chiếc hỏa tiễn Atlas nặng 130 tấn và sức đẩy là 163 tấn. Lực gia tốc lúc ban đầu rất yếu : 33/130g - 2,5 m/s^2. Nhưng hỏa tiễn càng bay lên thì lại nhẹ dần vì một số nhiên liệu bị đốt đi và lực gia tốc tăng lên 6% mỗi giây. Tuy nhiên, đến nay cách đốt nhiên liệu lúc ban đầu chưa được hoàn hảo và thường người ta phải đã mất 10% nhiên liệu khi hỏa tiễn mới đạt được 1% tốc độ sau cùng ! Muốn trách cuộc tổn hao nầy, cần phải tăng tỷ lệ sức đẩy/ trọng lượng, nghĩa là hỏa tiễn cần phải nhẹ so với sức đẩy đạt được. Như tuồng Nga đã áp dụng từ lâu phương pháp này nhờ đã đạt được sức đẩy lớn. Còn bên phía Mỹ thì người ta sẽ rút nhẹ các hỏa tiễn Atlas lại, từ 130 xuống 117 tấn. Lực gia tốc sẽ là 46/117g (so với trước kia 33/130g). Còn các chiếc Saturn thì với trọng lượng 480 tấn và sức đẩy 640 tấn, sẽ có một lực gia tốc 160/480g - 0,4g. Chiếc hỏa tiễn tương lai của Pháp Diamant sẽ nặng 18 tấn với một sức đẩy 28 tấn : lực gia tốc (10/18g) sẽ còn lớn hơn 0,5

Hệ thống hướng dẫn con đường bay

Một kết cầu quan trọng của cuộc tăng gia sức đẩy là sự chính xác của cuộc bắn. Lấy hai ví dụ cực độ : một hỏa tiễn nặng 90 tấn với hai sức đẩy 100 và 180 tấn. Trong trường hợp đầu, nếu sai lệch 1% trong sức đẩy thì lực gia tốc sẽ thay đổi đến 10% còn trong trường hợp thứ nhì thì chỉ 2%. Người ta còn nhớ cách đây 5 năm hỏa tiễn đang còn là một dụng cụ để bắn vệ tinh lên bất cứ một quỹ đạo nào. Chiếc Vanguard I chỉ được kiểm soát khoảng 100m/s trong tốc độ sau cùng. Từ 1959, những nhà chuyên môn Nga đã điều chỉnh được tốc độ các Lunik từng m/s. Và hiện nay độ chính xác còn lên quá m/s nhờ tiến triển trong hai giai đoạn : sắp đặt chương trình và hướng dẫn cuộc bay.

Trước kia một hỏa tiễn bắn lên không trung thì bay cho đến lúc nào hết nhiên liệu. Ngày nay mỗi một hỏa tiễn có một chương trình

NHỮNG HỎA TIỄN CỦA MỸ

Hỏa tiễn	Vệ tinh	Nhiên liệu	Sức đẩy (t)	Đường kính (m)	Bề cao (m)	Trọng lượng vệ tinh (kg)
Thor Delta	Echo I Telstar Relay Tiros Syncom Ariel Explorer OSO	Oxi lỏng + kêrôsen Axit nitric + đimêthylhydrazin đặc	68 3,5 1,27	2,44	2,74	
Thor Agena B	Echo II Discoverer	Oxi lỏng + kêrôsen	75	2,44	2,32	
Atlas D	Mercury Ranger Mariner OAO	Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + kêrôsen	166,5 166,5 36,3	3,05 3,05	22 27,7	900 182
Atlas Agena B	Rebound Advent OSO	Axit nitric + dimêthylhydrazin	7,2			
Titan II	Gemini XLR87 Gemini XLR91		195 45,4	3,05	27,4	
Centaur	Surveyor Mariner	Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + hytri lỏng	166,5 13,6	3,05	30,5	590
Saturn Saturn B	Voyager Apollo — —	Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + hytri lỏng Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + hytri lỏng	680 40,8	6,6	38	
Saturn Advanced	Apollo —	Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + hytri lỏng	3400 450	10	82	27.200
Nova	Apollo —	Oxi lỏng + kêrôsen Oxi lỏng + hytri lỏng	5450 2200	15,2	85	45.400

(trích NUCLEUR)

định trước. Ở mặt đất người ta theo dõi hỏa tiễn, vẽ lại con đường bay và so sánh với con đường bay đã vạch. Làm được vậy là nhờ những máy quan sát con quay mà những trục so với không gian không khi nào thay đổi. Đắng khác những máy đo lực gia tốc cũng đạt được độ chính xác 1/50 000. Từ chỗ vẽ được đường bay của hỏa tiễn, người ta nhờ máy tính điện tử tức thì tính được độ sai mà hỏa tiễn cần phải sửa chữa. Tuy nhiên độ chính xác trong chương trình cuộc bay chỉ có hạn. Nhiều yếu tố đủ loại luôn luôn can dự để làm lệch đường bay của hỏa tiễn. Đặc biệt trọng lực của quả đất thay đổi từng chỗ, từng lúc ngay ở trên một vùng nhất định trọng lực cũng thay đổi theo chu kỳ, tùy theo cáchthuyên chuyển của vật chất trong ruột quả đất. Ảnh hưởng của cuộc thay đổi trọng lực nầy rất lớn trên con đường bay của hỏa tiễn. Vì vậy, muốn điều khiển hỏa tiễn ở cao độ xê xích vài chục thước và với tốc độ trong khoảng cm/s, cần phải cho kèm theo chương trình cuộc bắn một chương trình hướng dẫn cuộc bay. Khi hỏa tiễn đã đạt gần được tốc độ vệ tinh, hỏa tiễn được lực ly tâm chống đỡ và cuộc sửa chữa con đường bay phải được điều khiển từ từ trên hằng ngàn cây số. Ví dụ muốn hỏa tiễn đạt tốc độ 7845 m/3, chương trình cuộc bắn phải định sao cho hỏa tiễn bay lên với tốc độ sau cùng khoảng 7844 m/s. Sau đây dần dần sửa chữa cho tốc độ đổi qua 7845 m/s. Vì cuộc sửa chữa này kéo dài trên con đường bay hằng ngàn cây số, cần phải có một dãy trạm quan sát nằm trên mặt đất, ngay dưới con đường bay của hỏa tiễn. Phía Nga tiện lợi được về phần địa thể : hệ thống kéo dài ra quá Bay-konow. Phía Mỹ thì có hệ thống Mis-tram, bắt đầu từ Canaveral (tên mới Cap Kennedy) bao quanh Eleuthera, San-Salvador và rồi đây sẽ kéo dài ra đến đảo Ascension.

Nhưng mộng của các chuyên gia hàng không không gian là cho được vào hỏa tiễn một máy động cơ tương tự máy xe hơi để tùy ý thay đổi tốc độ. Theo lý thuyết không có gì khó khăn : chỉ việc cho thay đổi lưu lượng nhiên liệu vào phòng đốt cháy là lặp lại được nguyên tắc của phòng đốt trong máy xe hơi. Nhưng về mặt thực hành thì chuyện kiểm soát lưu lượng hai chất lỏng là khó nhất. Sau đây, vì kiểm soát chất lỏng chảy vào nên cần phải thay đổi thể chế các máy bơm, thành thử máy móc trở nên phức tạp. Như tuồng hãng Space Technology Laboratories Inc đã bắt đầu vượt qua được những khó khăn và chiếc máy đầu tiên đã vận dụng được trong 582 giây (xin biết thời gian cần để hạ xuống cung trăng là hai phút). Máy này sẽ được đặt vào những vệ tinh Surveyov và, năm 1968, vào những phi thuyền LEM đem hai phi hành gia Mỹ lên cung Quảng.

Cách đây mấy năm hỏa tiễn đang còn là một dụng cụ dễ nổ, ngày nay hỏa tiễn đang sắp sửa hoàn hảo thành một máy bay dễ dàng.

VÕ QUANG YẾN

Giới hạn

nguyễn-thị-hoàng

Ngày mai tôi bỏ đi
Xa vòng đua thứ nhất
Cuộc đời không cham dứt
Bằng một lần phân ly

●

Tôi bắt đầu vẽ lại
Những vòng cung ái tình
Thêm một lần tuổi dại
Chết theo hồn băng trinh

●

Từ tâm hồn dấy loạn
Đam mê phá ngục tù
Cho đi không giới hạn
Trái tim mình thâm u

●

Tôi đi tìm giới hạn
Trong khung cửa cuộc đời
Bít bung vùng tội lỗi
Con đường về tương lai

●

Bao giờ em chết đi
Không người yêu thương khóc
Và sau cơn đam mê
Tôi trở về cúi gục
Linh hồn hay thể xác
Trong mỗi lần yêu đương ?
Thiên thần hay quỉ ác
Trên những làn môi hương ?

●

Trên thiên đường sáng láng
Em có thấy gì không
Trong tay đời hữu hạn
Tôi đói khát vô cùng

●

Giữa vòng dây định mệnh
Tôi sa lưới cuộc đời
Con thuyền mơ vô định
Không bao giờ ra khơi

●

Tôi ở lại vì em
Như chim bằng gãy cánh
Sa cơ còn kiêu hãnh
Thất thế vẫn uy quyền

●

Ngày mai tôi chưa đi
Xa vòng đua thứ nhất
Cuộc đời chưa chấm dứt
Đớn đau và đam mê

N.T.H.

Phen gặp-gỡ cuối cùng giữa con cháu Đại-Minh và Mãn-Thanh

VƯƠNG-HỒNG-SỂN *dịch Pháp-Văn*

ĐÂY là một bài dịch thoát, lựa rút trong một bổn truyện lý thú tôi vừa mua được tự bên Pháp về. Không dám dành làm của riêng, và chẳng nệ tài sơ, xin gởi lên báo để cùng nhau thưởng thức.

Câu chuyện nhắc lại từ khi nhà Đại Minh mất, nhà Mãn Thanh lên thay. Ngót bảy-mươi-chín năm, từ 1644 đến 1723, mười ba ngôi lăng tẩm các tiên đế Đại Minh, chôn tại vùng tây bắc thành Bắc Kinh, vẫn chịu cảnh nhang tàn khói lạnh, thiếu quan bộ lăng trông nom săn sóc. Sức bực vua Khang Hy là một đấng minh quân tót chúng, sáng suốt nhứt nước Tàu tự cổ chí kim, ở ngôi sáu chục năm dài (1662-1722), mà cũng thờ ơ lãnh đạm với việc nầy. Năm 1723, Khang Hy truyền ngôi cho Ung Chánh hoàng đế (1723-1735). Thoạt tiên, Ung Chánh tức vị, bèn đ ộng lòng trắc ẩn, nên hạ chỉ sai lựa một người đức hạnh dòng Minh Thái tổ (Châu Nguyên Chương), phong làm « Marquis de la Grâce Etendue » (Hoài-Ân-hầu hoặc Ân-trường-hầu) (1), cho giữ hương hỏa nhà Đại Minh,

---

1.— Marquis de la Grâce Etendue. *Tôi dịch « Hoài-Ân-Hầu » hoặc « Ân-Trường hầu » cho dễ nghe dễ nhớ. Danh từ đúng là phải đợi thấy nguyên văn chữ Hán, chớ dựa theo văn ngoại quốc rồi dịch lại thì sai suyễn là thường: Như đã nói, cốt chuyện nầy tôi mượn trong chương « Dernière rencontre » (Buổi gặp cuối cùng) rút trong bộ « La Cité Interdite » (Tử-Cấm-Thành), nguyên-văn Ăng-lê của Maurice Collis, hai nhà văn Marc và François Laugier chuyển ý qua văn Pháp. Dịch đi rồi dịch lại, màu lờ đã mất, cơm cháo không ra hồn, tôi cũng chẳng đủ tài, xin báo trước để chư tôn khỏi lầm.*

coi phụng tự bài vị và lăng tẩm Minh đế. Tiếc thay Ung Chánh chỉ làm được một việc « nửa chừng tốt » ! Vì thiếu đức độ một vì minh quân thiên tử «hải hà chi lượng », nên Ung Chánh cấp cho Châu hầu một tước hàm vô bổng lộc, có tiếng mà không có miếng, khiến mỗi năm đến kỳ tế tự, Châu hầu chỉ được quan tỉnh cấp pháp chút ít đủ làm phi lộ đi Bắc Kinh và vừa đủ sắm sinh lễ vật nhang đèn, đạm bạc cúng ông bà tổ tiên ngày giỗ.

Nhưng nhà Mãn Thanh đâu phải tồn tại mãi. Đến khi sụp đổ (1912), thì dòng Minh Thái tổ vẫn còn, và tước « Hoài-Ân-hầu », nhờ vô bổng lộc, nên không ai tranh giành, vẫn truyền tử lưu tôn, mãi đến năm đảo chính, vẫn còn tồn tại. Năm ấy (1912), cách mạng nổ bùng trên đất Trung hoa lạc địa. Thanh-đế nhường ngôi cho Chánh phủ Cách mạng và lúc ấy ông vua chót dòng Mãn Thanh là Tuyên Thống (Hsüan T'ung) vừa sáu tuổi đầu. Tuy bị ép buộc thoái vị, nhưng Tuyên Thống vẫn được Chánh phủ Cách mạng Trung Hoa biệt đãi, cho giữ y đế hiệu, cho ở lại một phần trong tòa cung điện nguy nga « Tử Cấm thành » (2), thêm được cấp một số tiền khá rời rộng, với phận sự là phụng sự tôn miếu và coi sóc hương hỏa bài vị các tiên đế Đại Thanh.

Trong cảnh chợ chiều tạm bợ, chỉ mành treo chuông nầy, Tuyên Thống còn diễm phúc là chưa mất hẳn hoàng-đế-vị, tuy ngôi cửu ngũ không còn. Tuyên Thống có một quan Thái Phó, (thầy dạy vua) chăm nom việc học, và ông « précepteur » ấy là một người Ăng lê tên là Reginal Johston.

Đầu năm 1924, thì Tuyên Thống còn ung dung an ngự tại thành Bắc Kinh, trong Thành Nội, Cấm cung. Nhưng cũng từ đây, cảnh tranh tối tranh sáng của « cây đèn hết dầu Mãn Thanh », sẽ lần lần sụp tối, tuy chưa tắt hẳn nhưng không chói lọi như xưa nữa rồi. Sau năm 1924, Tuyên Thống sang qua ẩn mình nơi tô địa Anh quốc, ngụ tại thành Thiên Tân (Tientsin). Từ đây, Tuyên Thống từ bỏ đế vị, lấy tên là hoàng Phổ Nghi (Pu Yi). Trong bốn sách Pháp hạ một câu « đối với thế gian, từ đây ông xưng tộc danh là Pu Yi : xưng Pu Yi nghe được rồi, có sao kèm tên thánh Henri, biến nên Henri Pu Yi nghe kỳ kỳ chướng chướng !(3)

Tháng tám năm 1924, Thái phó Johston đọc trong báo « Triều đình công báo » (4) một tin vắn tắt : « Ngày nầy tháng nầy, Hầu tước họ Châu có đến dâng lễ vật tế mộ phần tổ tiên dòng Đại Minh tại Thập tam lăng », và nhơn dịp nầy « Hầu tước không ngớt xưng tụng ân huệ dào dạt của Thanh triều ». Johston nghĩ ra một kế, muốn cho sau nầy sử xanh ghi lại

---

2.— *Tử-Cấm-Thành.— Tử là sắc đỏ tía, vì xưa thành vua sơn màu như vậy. Dịch Cité Interdite thì mất nghĩa* màu đỏ tía, *dịch Cité Pourpre thì không còn nghĩa* cấm thành, *dịch đủ hai nghĩa thì danh từ chuyển ra văn Pháp mất gọn, khó vậy thay.*

3.— *porter dans le monde son nom personnel de Pu Yi, étrangement précédé du prénom de Henri* (*texte intégral*).

4.— *La Gazette de la Cour.*

buổi tao phùng hy hữu giữa hai vua mất ngôi, một đàng là dòng Minh-Thái-tổ có huyết thống Trung-hoa, một đàng là dòng du mục Đại-Thanh Mãn-đế, cả hai chưa từng biết nhau, vì Châu-hầu bấy lâu chỉ tiếp xúc với hàng quan tỉnh cấp phát tiền phi lộ hành hương là cùng, chớ làm gì được vào triều nội bái yết Thanh Thiên Tử lần nào.

Hoàng Phố-Nghi ưng tiếp Châu hầu trong một buổi tư yết định vào ngày 7 Septembre.

Johston ghi tiếp trong quyển sổ tay : Đến ngày đã định (mồng bảy tháng chín dương lịch 1924), tôi (Johston) đang ở tại nhà riêng xóm Prospect Hill, bỗng gia nhơn đem vào một danh thiếp (5) :

CHÂU-NGỌC-TUYÊN
Đại-Minh tộc-biểu
Hoài-Ân-Hầu
tiểu-tự BÌNH-AN
ngụ Dương-khẩu-lộ, tiểu-lộ Bắc
ĐỒNG-TRỊ-môn

Kế đó Châu hầu bước vào : đây là một vị quan nhơn, vóc người khoẻ mạnh, dáng dấp khả ái dễ gây cảm tình, nhưng cũng đuợm được chút gì thiệt thà quê kịch. Hầu tước mặc áo thụng lụa đen, dài khỏi gối, hai tay phủ khuất trong tay áo rộng đầu đội mũ nhọn, mới trông, giống chiếc nắp một lọ cổ. Y-mão này tức triều phục theo điển chế Thanh triều bậc tước hầu tước bá. Châu hầu khúm núm hết sức lễ phép, tạ rằng không lịnh hoàng thượng ân triệu, không bao giờ Hầu dám làm nhọc tôn nhan.

Johston ghi thêm :Đúng ra Châu hầu có vẻ một người đạo mạo quân tử, dầu ít học nhưng trí thông minh có thừa. Hỏi về đường tử đức, Hầu thưa năm nay tuổi đã bốn mươi ba, con được hai trai ; một chín tuổi, một đứa lên tư, nhưng rắn đầu, mắt nết, chưa đáng con nhà.

Johston xin hẹn ngày đến tạ lễ. Hầu một hai nài nỉ xin cho miễn, viện có nhà ty tiện không xứng đáng buổi cung nghinh. « Xin Thái phó biết cho : chính bộ triều phục nầy, chính chiếc mão đang đội nầy, nói thật vốn là của mượn, về đây là trả liền cho chủ, làm gì bữa ấy có của quí để thù lễ cùng quan. » Hầu tước thoạt mở áo ngoài, Johston thấy quả Hầu mặc bên trong một bộ y phục rất là thảm não.

Bước ra cửa, Hầu còn dặn lại người nhà Johston nên khuyên Thái phó bỏ ý định trả lễ, e có điều sơ sót thêm phiền. Xem cách Hầu từ chối, quả hết dạ thành tâm, lại có phong độ y như câu « bình phong tuy bể, cốt cách vẫn còn » không khác.

5.— Chu Yu-Hsün, descendant de la maison impériale Ming, marquis de la Grâce Etendue, portant le nom additionnel de Ping-Nan et demeurant route de Yang-Kuan, petite rue, au nord de la porte de Tung-Chih ».

Bản sách trích lục bài nầy là :

« La Cité Interdite par Maurice Collis, traduit de l'anglais par Marc et François Laugier » Edition Calmann-Lévy, 3, rue Auber-Paris.— 1946 ».

Sau buổi hội kiến duy nhứt của hai vua mất ngôi nầy, Johston sai người mang lễ vật qua tạ ơn Châu hầu, khi về gia nhơn thuật lại gặp Hầu tước ngoài ngõ, ngồi trên chiếc ghế long chân xiêu vẹo tồi tàn, Hầu mặc y phục cũ nát, nhưng nghi dung khác tục, lâng lâng dũ sạch phong trần.

Đoạn sau quyển sổ tay Johston bàn về các vua Thanh, tuy dòng Mãn tộc từ bên kia dãy Trường thành kéo bộ đội qua xâm chiếm lãnh thổ Trung Hoa nhưng mãi về sau tộc tính anh hùng mã thượng của dòng du mục đã không còn, mỗi mỗi đều bắt chước người Hán tộc, khí phách tổ tiên đã mất.

Bản tuyên ngôn của Chánh phủ Cách mạng Trung-Hoa ép Thanh đế xuống Ngôi, cáo rằng : « Đã đánh đuổi quân thù bộ lộc Mãn đã lui ra khỏi nước, từ đây là bắt đầu một chánh phủ quốc gia độc lập vinh quang. »

Năm 1912, ông Tổ Cách Mạng của Trung-Hoa là Sun Yat Sen (Tôn Dật-Tiên) đứng tuyên cáo trước lăng Minh Thái-Tổ nhắc công trạng quân dân cách mạng là « đã trả được quốc thù, rửa xong quốc hận, đánh lui Mãn-tộc ra khỏi lãnh thổ Trung-Hoa ». Bữa ấy, Tôn mặc đại phục kiểu Âu-châu, đầu đội nón lễ cao vành (chapeau haut-de-forme). Nghi lễ, Tôn giữ đúng lệ cổ, cách thức tuyên cáo, Tôn noi theo cổ tục Khổng-giáo, nhưng vô tình hay cố ý, Tôn không mời con cháu họ Châu dự lễ tế tự Minh Thái-Tổ, tức tổ-khảo họ này, bỏ sót người tộc-biểu Đại-Minh, Hoài - Ân - Hầu, Châu Ngọc-Tuyên là đáng tiếc. Hay thâm ý của Tôn họa chăng chỉ biết triều Đại-Minh là một triều-đại chính - thống tượng-trưng nước Trung-Hoa buổi trước, nay cáo tri là báo với quốc hồn, với một chánh phủ cựu, chí như con cháu Châu tộc trước đã không đủ tài, làm hư việc nước thì nay cũng mất quyền, trở lại chỉ là một công dân ? Theo Johston, các vua chúa đời Đại-Minh, không có ông nào minh quân sáng suốt bì được hai vua Mãn-Đế : Khang-Hy (1662-1722) và Càng-Long (1736-1796).

Nhà Mãn-Thanh bạc đãi Hoài-Ân-Hầu nhà Đại-Minh : chỉ biết phong tước hàm nhưng không gia ân bang bổng lộc cho thật xứng đáng, sau Chánh phủ Cách mạng Trung - Hoa cũng xử y một cách với phế đế Đại-Thanh. Tuyên-Thống năm 1924 lui về ẩn dật tại Thiên-Tân thị cảnh cơ-hàn cũng chạy theo gót ông hoàng mất ngôi này. Và một khi mất đế vị, mất nghề làm vua, trong tay Phổ Nghi không còn một nghề gì khác để nuôi lỗ miệng. Thậm chí đến cái tước « hoàng tử chính cống », nực cười thay, lúc nầy không khác một miếng bánh vẽ, cũng không phương đổi ra tiền.

Một điểm son để lại khuyên đời, làm gương cho hậu thế sáng soi, lại là gương Châu Ngọc-Tuyên, gương con cháu dòng vua cũ Đại-Minh Hán-Tộc. Châu-Hầu đối với phế đế nhà Thanh trước sau như một, áng tin trung làu làu. Ngày hay tin Phổ-Nghi tỵ nạn tại Thiên-Tân, Hầu mượn một số tiền, đáp tàu đến nơi, tìm gặp chỗ ẩn Phổ-Nghi, sụp trước bệ cửa, quì lạy đủ lễ rồi lên xe về xứ, âm thầm

một mình mình biết, và bất chấp dư-luận. Cử chỉ nầy gỡ gạc nhiều cho Châu tộc buổi chiều tàn và thơm lây đến tổ tiên đời trước. Hàn vi vui chịu, không một tiếng than ; phụ cấp tế tự « cho như giả ngộ », cũng không vì đó xin xỏ thêm mà cũng không một lời oán hận. Chỉ nhớ ơn vua Thanh cho tiếp tục hương khói, cho gìn giữ mộ phần, bấy nhiêu đã nhiều rồi, kêu cầu bộc lộ chi cho nhẹ thế ? Nhà Thanh sụp đổ, ai reo mừng, ai chỉ trích, ai mặc ai, Châu-Hầu vẫn tôn thờ phế đế Thanh một mực. Hỏi sau nầy mấy ai được vậy ? Phổ-Nghi về sau chạy theo quân Nhựt, rồi Nhựt bại, Phổ-Nghi làm ô danh Thuận-Trị Khang-Hy; nhưng Châu-Hầu giữ sạch tiếng thơm, nêu cao khí phách một dân tộc mấy ngàn năm văn hiến, đượm nhuần triết lý cao siêu Nho - Thích - Lão, xem thường danh lợi bạc tiền, vui với « Nghệ-thuật sống Đông-Phương », ai nói tích Bá-Di Thúc-Tề đã mất ?

VƯƠNG HỒNG SỂN

Chôn vùi rồi chăng ?

tặng DƯƠNG KIỂN

Thức giấc cùng mặt trăng
Mùa thu lên đầu ngõ
Mai sớm trông ra ngoài bến sông
Sương mù trên lưng ngựa
Con đường chia xa thôi
Nhìn nhau lưu tiếng lụa
Bay trong hơi gió dài . . .

●

Trong mắt nàng đen sâu
Tiếng triều xa dìu dặt
Con cò bay lêu đêu
Trên cánh đồng lúa trắng
Bàn tay xuôi lưng thuyền
Hư vô trùng tiếng vọng
Nơi đây còn riêng anh ?

●

Ôi chôn vùi đời ta
Êm đềm trong huyệt cát
Mây bay theo tiếng đàn
Suốt mùa không dám hạ
Bến sông nhìn rưng rưng

●

Còn gì không mùi tóc ?
Còn gì không bóng chàng ?
Chiều hoe trên phố nhỏ
Lòng xa xăm chập chùng
Không bao giờ lại nữa
Tàn theo mùa hát ca ?
Bên thềm con dế mẹ
Đưa con trở lại nhà . . .

●

Giọt thầm rơi lệ xuống
Đĩa sáp tròn như hoa
Tuổi ta ngầm nỗi thẹn
Ôi mắt ta nghi ngờ !
Sông bao giờ xuống biển ?
Đêm bao giờ thôi mưa ?

PHAN-DUY-NHÂN
(Ngậm ngải tìm trầm)

LẠC MÙA XUÂN TUỔI NHỎ

Nắng ngoài nội trôi về trong mắt nhỏ
Em mùa xuân đôi cánh mỏng ôm trời
Bước chim sẻ tung tăng bờ tóc cỏ
Tay sương mù ve vuốt gió trên môi

Chiều hôm qua mùa đông vừa tạ thế
Tiễn ma đi dăm chiếc lá rơi buồn
Em ngồi hát môi hồng thơm tiếng mẹ
Điệu tình ca nhen vội lửa tâm hồn

Anh trở lại nhìn quê hương đổi mới
Phù sa yêu bồi sông nhớ bây giờ
Ven đồi đó ngày xưa anh vẫn tới
Đuổi chuồn chuồn và bắt bướm ngây thơ

Lối mòn ơi, xin hôn làn nắng ấm
Tuổi mười ba mười bốn của anh đây
Tiếng mẹ chảy như trăng vàng tháng tám
Giọng ru buồn âm hưởng tới hôm nay

Bờ cỏ mượt cùng bạn bè vui sống
Những trời xanh-mây-trắng với sân chùa
Xuân mười sáu, nắng hanh vờn áo mộng
Ướt mái đầu trang điểm chuỗi hoa mưa

Vườn kỷ niệm anh về thăm một buổi
Cây hồn xanh, trái nhớ rụng quanh rào
Gió thời đại phút này không thấy thổi
Mà mùa xuân tuổi nhỏ lạc phương nao ?

TẦN-HOÀI DẠ-VŨ

XUẤT XỨ DANH TỪ NHÂN SĨ

● ĐÔNG HỒ

NGHĨ thiệt là lạ lùng. Không thể nào là một tình cờ. Văn tự và cách mạng phải có một nhân duyên tiền định. Không là duyên tiền định mà sao văn tự và cách mạng cứ gắn liền nhau.

Sau đêm hối hộp, 1 tháng XI, 1963, đêm Giao thừa của Cách-mạng, đêm to lớn của lịch sử, sáng hôm sau, nhân dân sung sướng nghe qua luồng sóng điện, lời tuyên-cáo thành công của Hội đồng Quân-nhân cách-mạng.

Trong tuyên cáo, mục B, đối nội, tiết thứ 4 có câu :

« Để sửa soạn cho một định chế dân chủ trong tương lai, Quân đội sẽ mời *các nhân sĩ, các đại diện từng lớp xã hội* tham gia công tác ».

Tuyên cáo này có đăng trên các báo. Căn cứ theo câu văn trong bản tuyên cáo đó thì khi nhớ đến nhân sĩ, tác giả nghĩ đó là một thành phần biệt lập, đứng ngoài thành phần các đại diện tầng lớp xã hội. Cho nên câu đó đã nêu rõ : « *Các nhân sĩ,* (dấu phẩy) rồi mới đến : *các đại diện tầng lớp xã hội* ».

Đến chiều hôm sau, trên bích chương dán khắp nẻo Thủ đô, bản hiệu triệu của Trung tướng, Chủ tịch Hội-đồng Quân nhân cách mạng, về việc « một hội đồng nhân sĩ được triệu tập » có chỉ định : « Thành phần hội đồng này *gồm đại diện của toàn thể các tầng lớp xã hội, các đoàn thể nhân dân trong nước* ».

Rồi đến bốn hôm sau nữa, sắc lịnh số 2, ngày 6. XI-63, thiết lập Hội đồng nhân sĩ lại ghi rằng :

« Điều 1.— Nay thiết lập một

cơ quan mệnh danh là « *Hội đồng nhân sĩ* » có tính cách tư vấn giúp Chính phủ lâm thời...

Điều 2.— Hội đồng nói trên *gồm một số nhân sĩ, được chọn lựa trong các giới tiêu biểu cho mọi xu hướng quốc gia, và hoạt động nghề nghiệp .»*

Như vậy là phân minh. Kể từ hiệu triệu kia và sắc lệnh này, nhân sĩ đã đứng gồm chung vào trong « toàn thể các tầng lớp xã hội, các đoàn thể nhân dân trong nước, các giới, và các nghề nghiệp ».

Cụ thể là đến ngày 19. XII. 63 nghị định bổ nhiệm Hội đồng nhân sĩ lại ghi rõ :

« Điều I.— Nay bổ nhiệm những vị có tên dưới đây làm hội viên Hội đồng nhân sĩ ».

Tiếp theo là công bố phương danh của 60 vị nhân sĩ, gồm đủ các thành phần xã hội, đại biểu cho các nghề nghiệp, có cả nữ nhân sĩ. Như vậy đến đây, không ai chối cãi được nữa, danh từ nhân sĩ đã có một nghĩa hết sức rộng rãi rồi.

Căn cứ theo các phần tử hội viên được bổ nhiệm vào Hội đồng nhân sĩ và căn cứ định nghĩa danh từ thì cơ quan tổ chức này, nếu được mệnh danh là « *Hội đồng nhân dân* » hay là « *Hội đồng đại diện nhân dân* » thì chánh danh hơn. Nhưng mà chánh danh với không chánh danh mà làm chi. Đó là công việc của những thầy đồ mọt sách.

Trên thực tế, bây giờ ai cũng phải đương nhiên nhận thấy : thương mãi, kỹ nghệ, bác sĩ y sĩ, Tây-y Đông-y, luật gia, giáo sư, văn sĩ, họa sĩ, ký giả, học giả, công chức, quan lại, chính khách, đảng trưởng, tôn giáo, nông công, tất cả bao nhiêu hội viên đại diện cho tất cả giai cấp xã hội, đoàn thể các giới tập hợp chung dưới một Mái nhà nhân sĩ. Danh từ nhân sĩ, chẳng những tiêu biểu cho một cái gì bao gồm rộng rãi, mà lại còn tiêu biểu cho một cái gì đoàn kết qui tụ, tượng-trưng cho một nỗi niềm phấn khởi, một không khí vui vầy của đất nước, của dân tộc. Tiếng Việt quả thật tài tình và biến hóa không ngừng.

Tôi phải kể dài dòng, để giúp cho những ai sau này làm từ-điển, đến danh từ « *nhân-sĩ* » thì nên dừng lại lâu lâu mà ghi cho rõ đầu đuôi. Xin đừng căn cứ trên nghĩa một : nhân là người, sĩ là học trò mà định-nghĩa thì nát hết sách vở thánh hiền. Phải nên xét đến tính cách biến chuyển, và khả năng phi thường của tiếng Việt.

Như vậy là rõ : Tứ ngày I-XI-63 về trước thì danh từ nhân sĩ có một nghĩa hẹp mà từ 6-XI-63 về sau, danh từ nhân sĩ đã có một nghĩa rộng rãi hơn nhiều.

Chẳng những thế mà thôi, danh từ nhân sĩ sau ngày cách mạng bỗng trở nên một danh từ «vờ đết». Chữ nghĩa đã theo nhân vật, theo hoàn cảnh mà vọt lên hàng đầu xã-hội. Chữ nghĩa đã được thời thế trang sức vào mà nên thanh giá.

Nếu hàng nghìn hàng vạn danh-

từ khác trong tự điển mà có tri-giác, có thất tình, — sao ta dám chắc là không có — thì tất chúng sẽ phải ghen tức với người anh em đồng bào giầy mực của chúng đã được thiên hạ săn đón nồng nàn đến như vậy.

Nghĩ thiệt là lạ lùng. Tôi không hiểu vì tình cờ hay vì có ý định mà, trong bản tuyên cáo của Hội-đồng Cách-mạng, có nêu lên danh-từ *nhân sĩ*, khiến cho sau khi đó, nhân sĩ trở thành minh tinh sáng chói như vậy. Vì phỏng, tác-giả bản tuyên cáo kia viết rằng : « Quân đội sẽ mời các *nhân vật*, (hoặc các *nhân tài*), các đại diện tầng lớp xã hội v.v... » Câu văn cũng vẫn có nghĩa đầy đủ và thông lắm.

Nếu danh từ *nhân vật* hoặc *nhân tài* thay cho danh từ *nhân sĩ* chỗ đó, rồi đến khi sắc lịnh thiết lập Hội-đồng, căn cứ theo thành phần thực tế mà gọi là « Hội-đồng nhân dân » chẳng hạn, thì hôm nay « làng nhân sĩ » có náo nhiệt như cảnh tượng hiện nay hay không ? Văn tự quả là có nhân duyên với Cách-mạng.

Bởi lẽ xuất xứ hai tiếng *nhân-sĩ* rất mơ hồ nên mới gây nên tình-trạng. Chớ nếu nó đã có mặt trong các từ-điển, có mặt trong các dụng ngữ thường đàm như tiếng *nhân vật*, tiếng *nhân dân*, tiếng *nhân tài* thì đã chẳng có chuyện. Xuất xứ của nó tuy mơ hồ, mơ hồ chớ không phải tất nhiên là không có.

Trong các sách từ-điển Hán-Việt, các sách từ-nguyên, từ-hải, từ-uyên của Tầu cũng đều không có. Nó là một Hòa - ngữ. Nó theo người Nhật du nhập vào nước ta khoảng đầu thế chiến thứ hai, khoảng 1940-41.

Khi mới đến, danh từ này cũng lơ thơ ít thông dụng. Có lẽ người Nhật khi đó dùng để gọi các nhà chí sĩ mà họ lựa chọn để làm quân cờ cho họ. Ví dụ như các cụ Trần-Trọng-Kim, cụ Dương-Bá-Trạc cụ Nguyễn-văn-Sâm chẳng hạn. Nhưng đến khi người Nhật bỏ đây mà đi, qua thời kỳ Việt-Minh cướp được chính quyền, đến người Pháp trở lại, 1946-1947, thì hai tiếng *nhân sĩ* mới thật là được phổ biến. Danh từ này, bây giờ nghe nói rất nhiều ở Hà-Nội. Nó cũng được trang sức bằng màu sắc thời thế: nó cũng theo tình trạng chính-trị, tâm-lý xã-hội lúc đó mà được nâng lên hàng đầu thời sự.

Chẳng là bây giờ, có một lớp trí thức tân học, hấp thụ văn-hóa Pháp, có bằng cấp to lớn, địa vị sang trọng, hoặc làm các nghề tự do, hoặc là công chức cao cấp, được ưu đãi của nguyên chính quyền Pháp. Khi Pháp bại trận, lớp trí thức này hợp tác với Nhật cũng có, mà không hợp tác với Nhật cũng có. Nhưng khi Việt-Minh lên nắm Chính quyền thì tất cả đều đứng lên hợp tác tham gia, bởi vì, trong nhất thời đột ngột, họ chỉ biết có một chính quyền đó là chính-quyền duy nhất có chính nghĩa, đáp ứng được với nguyện vọng quốc-gia của họ là chống ngoại-xâm, thoát nô lệ, để mưu độc lập tự chủ cho dân tộc. Đến cuối năm 1946, tình thế bỗng trở nên gay go. Các đảng phái không đồng chính kiến sát phạt nhau quyết liệt. Pháp trở lại chiếm

Sàigòn rồi Hà-Nội. Các đảng phái quốc-gia hoặc phân tán, hoặc xuất bôn. Người Pháp lần lượt tái lập mọi cơ cấu hành chánh cai trị cũ. Việt-Minh không đương trường chống cự được, phải rút về hậu phương áp-dụng du-kích kháng chiến.

Những nhà trí thức nói trên đó hoặc vì duyên cớ này, hoặc vì duyên cớ khác, không tản cư theo Việt-Minh về hậu phương, họ ở lại Thành. Bầy giờ người Pháp rất cần đến sự hợp tác của họ, một là vì họ là người cũ, đào tạo trong văn hóa Pháp, tin cẩn được, hai là muốn tái lập trật tự an ninh để chống với Kháng chiến bưng biền, cũng phải có mặt họ để tăng thêm uy tín. Những chức thủ hiến bộ trưởng, Pháp sẵn sàng để dành cho họ.

Nhưng mà danh nghĩa, thân thể, phẩm giá, nhân cách của họ đâu có cho phép họ thay đổi dễ dàng như vậy được. Chạy ra bưng, theo kháng chiến, thì họ không theo được. Mà ở lại thành, hợp tác với Tây, thì họ không có mặt mũi nào hợp tác được, mặc dầu chính quyền Pháp cố tìm đủ mọi cách lôi kéo họ. Xử trong tình trạng, trong cảnh ngộ đó, họ thủ chủ nghĩa bất để kháng mà cũng bất hợp tác. Họ không hoạt động gì cả. Ở rút trong nhà, giữ một thái độ tiêu cực. Ở trong nhà, họ làm gì không biết, nhưng mọi người loan truyền rằng họ ở nhà trùm chăn !

Họ « trùm chăn » là phải. Lớp người trí thức này lớn lên thì nền đô hộ ngoại thuộc tương đối đã ổn định. Theo thời, họ đi học chữ Pháp, họ hấp thụ văn hóa ngoại lai. Nhưng mà họ vẫn thường nghe nói lớp người cần vương trước họ, lớp cha anh họ đã giữ khí tiết chống đối xâm lược, đã từng hi sinh cho đại nghĩa, sát thân thành nhân. Bị vũ lực cơ giới đàn áp, thề hệ trước đành chịu thất bại. Thất bại nhưng vẫn giữ được vai trò lịch sử. Thất bại nhưng vẫn để lại cho thề hệ sau, cho lớp con em một gương tinh thần bất khuất.

Lớp con em này, hàng ngày ôn lại hành vi xuất xử của cha anh mà tự lấy làm hổ thẹn cho mình. Họ cho rằng đời họ đã lỡ rồi thân thề. Biết làm sao. Họ đành vậy.

Thời cuộc may mắn bỗng đâu đưa đến cho họ. Cách mạng 1945 là dịp tốt cho họ chuộc tội trót đã lỗi lầm. Họ cố gắng giữ chút khí tiết, di sản của tổ tiên để lại. Họ không biết đánh giặc nhưng họ không đành theo giặc để mà phản bội tổ quốc, phản bội dân tộc, nhất là phản bội truyền thống Nho-sĩ của thề hệ cha anh. Họ trùm chăn, hành vi đó vô thưởng vô phạt. Đời nếu không yêu thương họ nữa, đời cũng không nỡ khinh ghét họ.

Từ đó, mới có từ ngữ « nhân sĩ trùm chăn» phát sinh ở Bắc, rồi lan dần vào Nam, thay cho từ ngữ « nhân sĩ lừng khừng » trong Nam sẵn có.

Hạng nhân sĩ trùm chăn ngoài Bắc và trí thức lừng khừng trong

Nam khi đó tuy không hoạt động gì, mà kẻ được là đứng hàng đầu thời sự : Quan trên trông xuống người ta trông vào.

Văn tự và Cách mạng quả là có nhân duyên. Cứ có một cuộc Cách mạng là có một danh từ được gắn liền theo.

***

Danh từ *nhận sĩ* vắng đi khá lâu. Suốt thời kỳ họ Ngô đương quyền, không nghe ai nói đến nhân sĩ cả. Có lẽ trong thời kỳ đó, ngoài những người giòng họ gia đình tại vị, không còn có ai xứng đáng là nhân sĩ nữa chăng. Hoặc có lẽ là ở dưới thời bạo quyền hà chính, không một người nào dám tỏ ra mình là nhân sĩ ?

Rồi bỗng một sớm, Cách mạng thành công, các tướng lãnh tự nhiên sao mà chợt nhớ đến hạng người nhân sĩ. Nhắc đến một câu sơ qua mà cả một phong trào nổi lên, bao nhiêu giai cấp đứng dậy, làm sống một lớp người, đối với xã hội tưởng như là không còn có tích sự gì. Nhân sĩ bỗng ý thức được vai trò quan hệ của mình giữa giai đoạn nghiêm trọng của đất nước, quyết đem tài đức giúp đời, đảm nhận nhiệm vụ mà người xưa đã gọi bằng năm tiếng rất đẹp là « trị quốc bình thiên hạ ».

Đã hai tháng nay, danh từ nhân sĩ nổi bật trên nền trời Cách mạng, Văn tự và Cách mạng quả là có nhân duyên tiền định.

Duy có một điều nhận xét và so sánh thú vị này. Năm 1946-1947, đối với thời cuộc, các nhân sĩ khi đó giữ thái độ tiêu cực, lẩn tránh bao nhiêu, thì năm 1963-64 này, đối với thời cuộc, các nhân sĩ hôm nay càng tỏ thái độ tích cực, hăng hái tham gia bấy nhiêu. Nhân sĩ năm xưa nằm trùm chăn thật kín, thì nhân sĩ năm nay, tung chăn đứng dậy, chạy hết ra ngoài.

Cảnh tượng lạc quan đó đủ chứng tỏ cho thấy là chính quyền năm xưa là chính quyền phi nghĩa ám muội mà chính quyền năm nay, chính-quyền do Hội đồng Quân nhân lãnh đạo, do Cách mạng tạo nên, là chính quyền có chính nghĩa minh bạch, khiến cho mọi người nô nức đón mừng mà không còn ai dè dặt nữa.

ĐÔNG HỒ

● Nhân quan đổi thay khi người ta trở nên người cầm đầu Chánh phủ.

Léon Blum

● Chánh phủ có một cánh tay dài và một cánh tay cụt ; cánh tay dài dùng để lấy và chỗ nào cũng với tới ; cánh tay cụt dùng để cho, nhưng chỉ tới những ai đứng rất gần.

Ignazio Silone

Nguyện cầu

• huy lực

Bốn giờ sáng đêm đêm
Hẻm vắng lặng yên ru giấc ngủ êm-đềm
Ông lão già
Mái tóc sương sa
Ở cạnh nhà tôi đã vùng trở dậy
Ông ngồi trước bàn thờ con
Ngọn nến vàng run rẩy
Tay lần chuỗi hạt trai tay chuông mõ từng hồi

Người con ông
Chết hồi năm mươi ngoài Việt-Bắc xa xôi
Cả đời nó chỉ ước mong
Cưới cô bé làng bên má hồng tóc phủ
Nó nằm xuống ôm khẩu súng dài yên ngủ
Như ôm người vợ xinh không bao giờ cưới trong đời

Tiếng chuông nức-nở ngân dài
Đầy nước mắt « con ơi »
Và cứ bốn giờ sáng xóm tôi
Mọi người xôn xao nhức buốt
Tiếng khóc tiếng chuông não-nề xé ruột.

Một đêm
Mộng mị chiến-tranh tan giấc ngủ êm-đềm
Tôi vừa chợp mắt
Tiếng khóc nát lòng vang lên quặn thắt
Hồi chuông ngân vọng lê-thê
Tôi nhớm dậy
Nhân danh kẻ ra đi với giấc mộng nhỏ chưa về
Mời những ai thiết-tha tự-do hòa-bình thịnh-vượng
Xin đến Việt-Nam
Chiếc gác nghèo tối tăm bụi mù gió chướng
Để nghe tiếng chuông tiếng khóc nước non này
Hãy mở rộng tâm hồn, bỏ súng đạn trong tay.

Ngày hôm sau tôi lang thang khắp Sàigòn.
Tìm vào một ngôi Chùa con
Trong nhang nến lung-linh mờ-ảo
Tôi trốn cuộc sống đau thương
Đầy tiếng khóc tiếng chuông vô cùng ảo-não.

H.L.

nguiễn-ngu-í
phụ trách

Bách-Khoa phỏng vấn giới nhạc sĩ

TRẦN-VĂN-KHÊ

Sinh năm 1921 tại Bình-Hòa-Đông (nay là làng Đông-Hòa, tỉnh Mỹ-Tho). Trong gia đình, bên nội và ngoại đều biết nhạc, cha là Trần-Văn-Chiêu tức Bảy Triều chuyên đàn kìm, đàn độc huyền và đàn cò, : chế ra dây Tố-Lan ; cô là Trần-Ngọc-Viện chuyên đàn tranh, bầu gánh Đồng-Nữ. học nhạc có trong gia đình, nhất là với cậu là ông Nguyễn-Tri-Khương. Biết đàn tranh, đàn kìm, đàn cò, và đánh trống nhạc. Ngoài ra biết đàn qua loa : tì bà, mandoline, guitare và piano.

Cựu học sinh trường Trung học Trương-Vĩnh-Ký (1934-1941) trường Đại học Y-Khoa tại Hà-Nội (1941-1944) trường chánh trị Ba-Lê, trường Đại-học văn khoa Ba-Lê, Nhạc học viện Ba-Lê (1949-1958) có bằng P.C.B. (Lí Hóa Sinh) bằng thứ nhứt trường Thuốc.

Tiến sĩ văn khoa Đại học Ba-Lê (1958) (môn Nhạc học : Musicologie).

Cựu nhạc Trưởng trường trung học Trương-Vĩnh Ký (1937-39), trường Đại học Hà-Nội (1941-1944). Giải nhì quốc tế về nhạc dân tộc (Budapest, 1949).

Phần thưởng lớn của Hàn lâm viện dĩa hát tại Pháp (1960). Hiện làm tùy viên Trung tâm nghiên cứu Khoa học tại Pháp (Ban Nhạc học).

Phó giám đốc Trung tâm học nhạc phương Đông.

Phó chủ tịch quốc tế Trung tâm âm nhạc xã hội học.

Nhân viên ban chấp hành Hội đồng quốc tế Âm nhạc.

Hội viên của: Hội Nhà văn Pháp (Société des gens de lettres en France)

Hội Á Châu (Société asiatique)

Hội Nhạc học Pháp quốc (Société française de Musicologie)

Hội Nhạc học quốc-tế (Société internationale de Musicologie) Thụy-Sĩ.

Hội đồng quốc tế nhạc dân tộc (International Folk Music Council), Anh-quốc

Hội đồng dân tộc Nhạc học (Society of Ethnomusicology Mỹ-quốc)

Đã viết bài về nhạc Việt cho các nhà xuất bản Fasquelles, Gallimard, Larousse (Pháp), Unione Tipografico Editrice Torinese (Ý) đăng vào Bách-Khoa tự điển về âm nhạc.

Đã trình bày nhạc Việt tại các trường đại học, đài phát thanh và đài vô tuyến truyền hình ở các nước Pháp, Thụy-Sĩ, Anh, Bỉ-Tư, Nhật-Bản, Maroc.

Đã diễn thuyết về nhạc Việt và tham dự các đại nhạc hội quốc tế ở Pháp, Anh, Hoa-Kì, Ý, Bỉ-Tư, Nhật-Bản, Do-Thái, Bỉ...

● Biết qua nhạc Tây-phương để thưởng thức, tìm hiểu để mở rộng kiến văn thì tôi tán thành. Chớ *phổ-biến nhạc Tây-phương thật rộng rãi* thì tôi không đồng ý. Lo phổ-biến nhạc Tây-phương trong lúc nhạc Việt đi đến chỗ bế tắc, người dân Việt lần lần đi ra căn bản nhạc Việt, chẳng khác nào khuyến khích người Việt học tiếng Pháp để đọc sách của Corneille, Racine hay Camus, Sartre, học tiếng Anh để đọc Shakespeare hay Pearl Buck, trong khi phần đông chúng ta đang mù chữ và mù tiếng Việt.

Mỗi dân-tộc có một ngôn ngữ riêng, một nhạc ngữ đặc biệt. Mà ngôn ngữ cũng như nhạc ngữ có một ngữ pháp riêng. Không thể vì ngữ pháp của một ngôn ngữ có tánh cách khoa học, mà đem nó áp dụng cho tất cả các ngôn ngữ khác.

● Quay về vốn cổ, để tìm đặc tính của dân tộc, lấy đó mà làm căn bản nghệ thuật. Một khi có căn bản vững chắc, thì công việc phóng tác, cải tiến sẽ không làm mất dân tộc tính. Người ngoại-quốc yêu nghệ thuật không chê là chúng ta chạy theo sau họ, bắt chước họ một cách mù quáng, mà dân tộc ta không từ khước những nhạc phẩm tuy mang hình thức mới mà nội dung và căn bản bắt nguồn trong truyền thống muôn đời của đất nước.

Ba-Lê, Thu 1963 (*) *Bạn Ngu-Í*

I. — Tôi chuyên về môn Nhạc-học (musicologie), áp dụng những phương pháp khoa-học của phương Tây để nghiên cứu âm nhạc cổ truyền của phương Đông ; mà trước hết âm nhạc cổ-truyền của nước Việt.

Tại nước Pháp, chỉ có trường Đại-học Ba-Lê và Strasbourg dạy khoa Nhạc-học. Muốn vào học, sinh viên phải có bằng « Dự bị Đại-học» (Propédeutique), tốt nghiệp Âm-nhạc-viện, hoặc phải thi vào Nhạc học viện. Có bằng tốt nghiệp Âm-nhạc-viện hay là thi vào Nhạc học viện mà được trúng tuyển, sinh viên có thể thi bằng tốt nghiệp Nhạc học viện (Diplôme de l'Institut de Musicologie). Có bằng Dự bị Đại-học, sinh viên có thể thi văn bằng « Âm-nhạc sử », một trong 4 văn bằng cần thiết để được bằng cử nhân Văn chương. Có cử nhân hay bằng tương đương thì sinh viên có thể thi tiền sĩ về Nhạc học (Đệ tam cấp, Đại học hay Quốc-gia).

Khi vào Nhạc học viện, người sinh viên phải có những hiểu biết căn bản như : Kí âm pháp đền bực viết ám tả âm nhạc những bài có hai ba bè, đại cương lịch sử âm nhạc, đại cương lịch sử văn hóa. Vào đây, sinh viên học thêm hòa âm sơ đẳng, phân tách hòa âm (Analyse harmonique), lịch sử âm nhạc, nhạc-khí học (organologie). Về phần thực hành thì sinh viên phải học phép chuyển cách chép nhạc ngày xưa ra cách chép nhạc ngày nay, phải đọc được những bản chép nhạc của người Hi-Lạp, La-Mã, và người Âu từ thời Trung cổ nếu sinh viên muốn chuyên về ngành : Cổ nhạc, (option ancienne), phải biết châu các giao hưởng khúc lại thành hai phần cho đàn dương cầm, nếu sinh viên chuyên về ngành «Kim thời» (option moderne), phải biết sắp loại các nhạc khí, hay nhận ra những đặc điểm căn bản về nhạc ngữ, nếu sinh viên chuyên về ngành « nhân chủng » (hay là ngành « dân tộc học » : ethnomusicologie).

Sinh viên phải biết cách trình bày và sắp loại các tài liệu (fiches de documentation). Ngoài ra, những người thi tiền sĩ phải biết hai hoặc ba sinh ngữ (Pháp, Anh, Đức) và một hoặc hai tử ngữ (La-Tinh, Cổ Hi-Lạp, hay là chữ Phạn, chữ Hán).

Khi ra trường nhạc học giả mới chuyên về một môn, một ngành hay một thời đại trong âm nhạc sử. Có người chuyên về âm nhạc sử (histoire de la musique) thời Trung-cổ hay về thế kỉ thứ XVI, XVII, tại một nước nào đó ở Âu-Châu : nước Đức, nước Ý chẳng hạn. Trong ngành « dân tộc nhạc học » (ethnomusicologie), nhạc học giả có thể chuyên về nhạc của một dân tộc hoặc một truyền thống nhứt định.

Hiện nay, tôi chuyên về ngành dân tộc nhạc học, và nghiên cứu các truyền thống âm nhạc ở Viễn-

(*) Bài trả lời này, chúng tôi nhận từ lâu, nhưng tòa soạn để dành đăng sau rốt (Nguiễn-Ngu-Í chú).

Đông, và nhất là âm nhạc cổ-truyền ở nước Việt.

***

II.— Tôi sanh trưởng trong một gia đình mà bên nội bên ngoại đều biết nhạc cổ truyền. Từ thuở bé, nhờ nghe thân phụ tôi là Trần-Văn-Chiểu, tức Bảy Triều và cậu tôi là Nguyễn-Tri-Khương hòa đàn mà nhạc thấm vào người nên lúc lên 6, tôi đã biết đàn kìm và đàn cò. Tôi còn nhớ lúc xưa, cứ mỗi lần Cô sáu Ngọc ở ngoài Vàm Rạch Gầm vào Chợ Giữa (Sầm-Giang) để ca Tứ-đại, cha tôi đàn phụ họa theo dây Tờ-Lan do người chế ra, tôi không tài nào ngủ được. Trẻ con không phép thức khuya, mà tôi vẫn núp sau tấm vách lá nghe từ chữ nhằn tiếng ngân. Lớn lên, nhứt là sau khi cha mẹ tôi qua đời, cô tôi là bà Trần-Ngọc-Viện nuôi tôi và dạy tôi đàn tranh, dạy cách nhằn mổ, nhằn vuốt, nhằn lật trong các bài hơi bắc, hơi ai, hơi xuân. Cậu tôi, ông Nguyễn-Tri-Khương, dạy tôi đàn theo nhạc lễ và đánh trống nhạc. Trong các dịp Tết, đám giỗ, đám khao hay những đêm trăng, ở nhà cậu tư của tôi, ông Nguyễn-Tri-Lạc, thân phụ của anh Nguyễn-Mĩ-Ca, thường có những buổi hòa nhạc. Người lớn người nhỏ đều biết đàn. Cô tôi, bà Trần-Ngọc-Viện, lại có lập một gánh hát cải lương, gánh Đồng-Nữ, nên tôi có dịp đờn cho mấy chị tập tuồng, nghe và học lóm chú mười Đờn, « Thầy hai thầy tuồng ». Trong truyền thống cổ-nhạc, mỗi lần đi hòa đờn hay nghe hòa đờn là mình học thêm. Tôi đã học cách đờn chuyển của bác chín Kỷ, cách đàn cò và đánh trống nhạc với anh tư Huyện ngày anh sang Pháp thu thanh cho dĩa hát Pathé. Nay tôi vẫn còn ghi lại cách đánh trống ma chay mà anh tư Huyện dạy tôi từ năm 1949. Thành ra tuy theo Tây học, tôi vẫn có một căn bản nhạc cổ truyền. Lúc ở trường Trung-học Trương-Vĩnh-Ký, tôi đã có ý cải tiến cổ nhạc Việt bằng cách lập một giàn nhạc cổ gồm có đàn cò, đàn kìm, ống sáo nhưng cũng có đàn ghi-ta, đàn vi-ô-lông ; mỗi cây, đàn theo một chiết phần dưới sự chỉ huy của một nhạc trưởng. Khi gặp các bạn như Lưu-Hữu-Phước, Phạm-Duy, các bực đàn anh như Võ-Đức-Thu, Lê-Thương, tôi thấy đồng ý với các bạn, các anh ấy ở chỗ tìm một nhạc ngữ mới, phù hạp với đời sống và nguyện vọng của người Việt thời nay. Tôi đã đi sâu vào ngành Tân nhạc, đã học chút ít kí-âm-pháp Âu-Tây, đã «bạo gan» nắm lấy giàn nhạc của trường Đại-học Hà-Nội để giới thiệu tại các nhà hát lớn Hà-Nội, Sàigòn, tại hội chợ Triển-lãm Sàigòn bài « *La marche des Etudiants* — sau nầy là bài *Tiếng gọi Sinh viên* rồi *Tiếng gọi thanh-niên* (1) — bài *Người xưa đâu tá*

(1) Theo chỗ tôi được biết thì bài này—Quốc ca của nước Việt cộng-hòa — có một lịch-sử khá lí kì. Năm 1942, Lưu-Hữu-Phước có đặt một bài hành-khúc cho một nhóm cách mạng ở hải ngoại, tên là « Quốc-dân hành-khúc ». Bài hành-khúc này ra mắt quốc dân với lời Pháp, dưới cái tên « *La marche des Etudiants* ».(Sinh-viên Hà-Nội thời ấy gồm có: Việt, Miên, Lào). Rồi sau đó mới đặt lời Việt

—— >

(hay là bài *Kinh cầu nguyện*) và mấy bài loại lịch sử của Lưu-Hữu-Phước như *Bạch đằng giang*, *Chi-Lăng*, *Hội-nghị Diên-Hồng*. Tôi đã tập nữ sinh trường Đồng-Khánh ở Hà-Nội và trường Ao Tìm Sàigòn trình bày vở ca kịch « Tục lụy » của Khái-Hưng và Thế-Lữ do Lưu-Hữu-Phước phổ nhạc. Tôi đã thâu thanh cho hãng dĩa ORIA nhiều bài hát của Thẩm-Oánh, Lê-Thương, Võ-Đức-Thu, Phạm-Duy. Tôi đã trình bày tại Budapest, Luân-Đôn, Ba-Lê cùng với những bài cổ nhạc, những bài hát của Lưu-Hữu-Phước, Phạm-Duy, Lê-Thương và nhạc-phẩm *Bóng hoàng hôn* của Võ-Đức-Thu. Tôi đã nghĩ rằng Tân-nhạc là sự tiến hóa tự nhiên của nhạc Việt trong sự gặp gỡ, đụng chạm giữa hai nền Văn hóa Á-Âu. Nhưng rồi vì bịnh nặng, tôi phải nằm trong các dưỡng bệnh viện trên ba năm trời. Tôi có dịp và có thì giờ suy nghĩ, xem xét lại công việc tôi đã làm, con đường tôi đã theo. Tôi được học thêm nhạc lí Tây-phương, phân tách nhạc Việt một cách tỉ-mỉ hơn. Tôi thấy rằng có lẽ tôi đi chưa đúng con đường phục vụ âm nhạc Việt. Tôi đang đi xa cái chân giá trị của nhạc cổ truyền. Tôi muốn đưa nhạc Việt vào một con đường mới mà một phần tôi chưa tìm hiểu thấu đáo cổ nhạc Việt, một phần tôi chưa rành Âu-nhạc.

Và nhạc mới do sự phối hợp của hai nền nhạc cổ kim sẽ đi đến đâu ? Tôi hoang mang chỉ nhận thấy mang máng rằng lời nhạc mà thuở ấy người ta gọi là cải cách, ngoài công dụng của nó trong cuộc cách mạng dân tộc, chưa có một giá trị nghệ thuật đáng kể. Trong 4 năm trời, từ 1954 đến 1958, tôi đi sâu vào công việc nghiên cứu, học tập cổ nhạc Việt, tìm cái hay, cái đặc tính của cổ nhạc Việt để một mặt hoàn thành luận án tiến sĩ Văn chương (khoa Nhạc học), một mặt giới thiệu lời nhạc cổ truyền ấy cho những người yêu nhạc trên thế giới. Trong Nhạc học viện, tôi đã học hòa âm và phân tách hòa âm, với bà Dommel-Diény, lịch sử âm nhạc với bà S. Corbin và giáo sư Jacques Chailley, dân tộc học và nhạc khí học với ông André Schaeffner, nho học với giáo sư E Gaspardone, những đặc điểm về ngũ âm giai, cách chuyển hệ, và tiết tấu với ông C. Brailoiu.

Từ năm 1958 đến nay, những hoạt động của tôi không ngoài ba công việc chánh : *giới thiệu nhạc Việt, tham dự các Hội nghị quốc tế, nghiên cứu và viết những tiểu luận về âm nhạc.*

---

với câu mở đầu bất hủ « *Này sinh-viên ơi ! Đứng lên đáp lời sông núi* » và với cái tên « *Tiếng gọi sinh-viên* ». Thời chánh-phủ Trần-Trọng-Kim, một người bạn của Lưu, đảng viên Việt Nam quốc-dân đảng, tự tiện đổi tên là « *Tiếng gọi thanh niên* », với lời — có đổi đi một ít — của ca khúc « Tranh đấu » của bài « Quốc dân hành khúc ». Trước ngày toàn dân khởi nghĩa không bao lâu, Lưu mới có thể cho xuất bản « *Quốc-dân hành khúc* » với lời của Hoàng-Mai-Lưu, gồm 3 ca khúc: *Tranh-đấu, Khải-hoàn và Kiến-thiết*! (Lời chú của Ngu-Í Nguiễn-Hữu-Ngư).

1) Tôi giới thiệu nhạc Việt bằng cách diễn tấu cổ nhạc Việt trong những buổi hòa nhạc, truyền thanh hay truyền hình trong các nước Pháp, Anh, Thuy-Sĩ, Ba-Tư, Ấn-Độ, Nhật-Bản, bằng cách thu thanh vào dĩa hát, bằng những cuộc tuần du diễn thuyết về cổ nhạc Việt trong các âm nhạc viện, các trường Đại học, tại Pháp, Anh, Hòa-Lan, Thuy-Sĩ, Nhật-Bản.

2) Tôi đã tham dự các Đại nhạc hội quốc tế tại Budapest (Hung-Gia-Lợi, 1949) Exeter (Anh quốc, 1950) Ba-Lê (1958-1960-1962). Bath (Anh quốc, 1960), Téhéran (Ba-Tư, 1961) Đông Kinh (Nhật-Bản, 1961) Nữu-Ước, Princeton, Yale, Hoa Thạnh-Đốn (Mĩ quốc, 1961) La-Mã (Í Đại-Lợi, 1962), Jérusalem (Do-Thái, 1933).

3) Về công việc nghiên cứu và viết tiểu luận về âm nhạc thì tôi đã may mắn đem nhạc Việt góp mặt với nhạc các nước trong những quyển Bách Khoa tự điển về âm nhạc của nhà xuất bản Fasquelles, Gallimard, bên Pháp, Unione Tipografico Editrice Torinese bên Í. Hiện tôi đang dự bị cho nhà xuất bản Larousse một bài về âm nhạc Viễn-Đông mà trong đó lẽ tất nhiên nhạc Việt cũng sẽ được đề cập tới. Tôi đã viết bài về sân khấu nước Việt trong quyển « Les-théâtres d'Asie » (Sân khấu các nước Á-Châu) do ông Jean Jacquot của Trung tâm nghiên cứu Khoa học ở Pháp chủ trương, trong quyển Bách Khoa từ điển về Lịch sử kịch trường trên thế giới do nhà xuất bản Gallimard chủ trương. Tôi đã đăng những bài khảo luận về nhạc Việt trong các tạp chí Arts Asiatiques (Nghệ thuật Á-Châu), Revue de musicologie. (Tạp chí về nhạc học) ở Ba-Lê, France-Asie (Pháp-Á) ở Tokyo, Bulletin de la Société des Etudes Indochinoises (Tập san của Hội nghiên cứu các vấn đề ở Đông Dương) tại Sàigòn. Tôi đang hoàn thành bản sơ khảo về hệ thống ngũ âm giai và phép chuyển hệ trong âm nhạc Việt, mỗi lần đi tham dự một Đại hội nghị hay diễn thuyết tại một trường Đại học, một bảo tàng viện là tôi phải luận về một vấn đề khác nhau trong cổ nhạc Việt mà tôi đã có nói cho bạn nghe rồi trong các lá thơ hải ngoại.

Hiện tôi đang dạy nhạc Việt, lí thuyết và thực hành tại Trung tâm học nhạc Đông phương ở Ba-Lê, nghiên cứu nhạc Việt cho Trung tâm nghiên cứu Khoa học Pháp ; bên nầy, môn nghiên cứu âm nhạc được coi là một môn nghiên cứu khoa học. Tôi vừa đi diễn thuyết ở bên Thuy-Sĩ về lại chuẩn bị tham dự Đại hội Jérusalem (Quốc gia Do Thái), diễn thuyết về nhạc Việt tại trường quốc gia âm nhạc viện Ba-Lê, trường Đại học Poitiers, Cơ quan văn hóa ở Tunis, và viện Đại học Bruxelles (Bỉ).

III— Việc làm của tôi đã trả lời câu hỏi của bạn rồi. Nhưng thái độ của tôi không tuyệt đối « *chỉ nên* » phục hưng hay cải tiến nhạc Việt, hoặc « *chỉ nên* » phổ biến nhạc Tây

phương. Vả lại tại sao chỉ phổ biến nhạc Tây phương ? Người dân Việt cũng cần có dịp thưởng thức những lối nhạc vô cùng sâu sắc của các truyền thống Trung-Hoa Nhật-Bản, Triều-Tiên, Ấn-Độ, Nam Dương. Người dân Việt cũng nên biết qua các lối nhạc của mấy nước láng diềng: Lào, Cam-Bốt, Miền-Điện hay lối nhạc đại thể của các nước Âu-Mĩ. Biết qua để thưởng thức, tìm hiểu để mở rộng kiến văn thì tôi tán thành. Chớ *phổ biến nhạc Tây-phương cho thật rộng rãi* thì tôi không đồng ý. Lo phổ biến nhạc Tây phương trong lúc nhạc Việt đi đến chỗ bế tắc, người dân Việt lần lần đi xa căn bản nhạc Việt, chẳng khác nào khuyến khích người Việt học tiếng Pháp để đọc sách Corneille, Racine, hay Camus, Sartre, học tiếng Anh để đọc văn của Shakespeare hay Pearl Buck trong khi phần đông chúng ta đang mù chữ và mù tiếng Việt.

Mỗi dân tộc có một ngôn ngữ riêng, một nhạc ngữ đặc biệt. Mà ngôn ngữ cũng như nhạc ngữ có một ngữ pháp riêng. Không thể vì lẽ ngữ pháp của một ngôn ngữ có tánh cách khoa học, mà đem nó áp dụng cho tất cả các ngôn ngữ khác. Thử lấy một ví dụ cụ thể : trong ngữ-pháp Anh, tiếng tĩnh từ đứng trước tiếng danh từ. Nếu vì lẽ ngữ-pháp Anh tiện lợi, chúng ta áp dụng luật nói trên cho tiếng Việt hay tiếng Pháp, chúng ta phải viết « một cao người » hay « un grand homme » để cho hạp với « a tallman » của người Anh, thì « một cao người » hay « un grand homme » không có nghĩa là « một người cao » hay « un homme grand ». Trong nhạc ngữ cũng thế. Hòa âm là nền tảng của Âm - nhạc Tây - phương nhưng nếu đem các luật hòa âm Tây-phương mà dùng để sáng tác nhạc Việt, chúng ta có thể đi đến chỗ lố bịch như viết « một cao người » thay vì « một người cao ». Thành ra, phổ biến nhạc Tây-phương để quần chúng có thể thưởng thức tài nghệ chúng ta trong lúc chúng ta bắt chước người Tây-phương trong cách tầu nhạc hay sáng tác nhạc thì không thành vấn-đề. Phổ biến nhạc Tây-phương cho thật rộng rãi để « nâng cao trình độ thẩm mĩ » của đa số quần chúng như nhiều người theo Tây học thường nghĩ, thì, theo thiển kiến, là một việc không hợp lí và không hợp thời. Không hợp lí vì mỗi dân tộc có một quan niệm thẩm mĩ riêng, một truyền thống riêng, một sự ưa thích riêng. Nói cho can mà nghe, dầu biết rằng món thịt bò « bít tết » bổ hơn món cá kho, bạn thử đem hết tài hùng biện để phổ biến sao cho « bít tết » thay thế được cá kho thì chừng đó có lẽ nhạc phương Tây sẽ đi sâu vào sự hiểu biết và ưa thích của quần chúng Việt. Vả lại, tại sao phải biết thưởng thức nhạc Tây phương mới có được một trình độ thẩm mĩ khá cao ? Đành rằng nhạc Tây phương có một truyền thống vững chắc, nhạc Tây phương sâu sắc, nhưng cạnh bên truyền thống Tây phương, còn bao nhiêu truyền thống khác cũng vững chắc, cũng sâu sắc, như truyền thống Ba-

Tư, Ấn-Độ, Nhật-Bản, Trung-Hoa v.v..., mà hiện nay các nhạc giới Âu Mĩ bắt đầu để ý và tìm hiểu, mà người dân Việt và người nhạc sĩ Việt chưa hề biết đến bao giờ. Không hợp thời, vì lo phổ biến nhạc Tây phương cũng như nghĩ đến việc trồng thêm một giồng hoa đẹp trong vườn mà nhạc Việt đi đến chỗ bè tắc cũng như nhà đầy của qui đang cháy. Thử hỏi trong tình trạng đó, bạn chữa lửa hay bạn trồng hoa ?

Cổ nhạc Việt có một truyền thống, nhưng hiện nay là một cụ già mang bịnh trầm trọng, có thể gần hấp hối, cụ già ấy còn bao nhiêu điều hay để thuật lại cho đám con cháu. Tân nhạc Việt, hay nhạc Việt viết theo đại thể Tây phương, là một đứa trẻ chập chững vừa biết đi. Tìm cho nó một con đường cũng như nghĩ việc cho nó học để trở nên một luật sư hay một kĩ sư. Trong nhà bạn có một cụ già đau nặng, và một đứa trẻ vừa mới biết đi, bạn lo chạy thuốc cho cụ già đấy kinh nghiệm ấy hay là bạn lo tìm trường học cho đứa trẻ, để mặc kệ cụ già ?

Tôi sanh trưởng trong gia đình mang truyền thống cổ nhạc. Cũng như các bạn trẻ đồng lứa, tôi hướng về Âu nhạc để tìm một lối thoát cho nhạc Việt. Tôi vẫn biết rằng cổ nhạc Việt hợp với người Việt thời xưa. Người Việt thời nay, sống trong một xã hội mới, không còn những xúc cảm, những phản ứng như người Việt thời xưa. Nhứt định khư khư tồn cổ là đi ngược với trào lưu tiến hóa của nhân loại. Phải tìm một nguồn sinh lực mới cho nhạc Việt nói chung, nhưng tìm ở đâu và tìm cách nào ? Đó là cả một vấn đề mà tôi sẽ giải bày khi trả lời câu hỏi thứ 5 của bạn.

Hiện giờ, tôi đã tự nhận thấy rằng đã đi chưa đúng con đường nên tôi quay về nghiên cứu cổ nhạc và chương trình làm việc của tôi là tuần tự *sưu tầm, khai thác, phổ biến, chấn hưng, rồi cải tiến vốn cổ*

Tôi quay về vốn cổ từ năm 1952, lúc mà mọi người đều nghĩ đến việc « cải cách » âm nhạc, chỉ trừ một vài người như Nguyễn-Xuân-Khoát, Nguyễn-Hữu-Ba. Ngày nay, một số đông nhạc sĩ từ Bắc chí Nam đã thấy sự ích lợi của việc khai thác vốn cổ. Nhưng vẫn còn chưa đủ. Tôi hiến cả cuộc đời của tôi vào việc khai thác và phổ biến cổ nhạc, vì theo tôi đó là một công việc cần thiết và cấp bách.

Trào lưu chung trên thế giới là dung hòa Âu-Á. Nhưng sự dung hòa đó thường đưa đi đến một sự phối hợp nhất thời, và đẻ ra những đứa con lai mà không ai thừa nhận. Loại nhạc ngoại lai lại được các giới thương mãi tung ra thị trường với một lối quảng cáo ồ-ạt bằng điện ảnh, vô tuyến điện, hay vô tuyến truyền hình. Mà nhạc cổ, một lối nhạc có căn bản, có truyền thống, có chân giá trị thì bị bỏ vào trong một xó. Đó là

nạn chung cho các dân tộc, nhứt là các dân tộc Á Phi. Nạn ấy nguy hiểm như một bịnh truyền nhiễm. Không lo ngừa thì trong chẳng bao lâu, trên thế giới, ta không còn thưởng thức được bài Nam ai, Nam bằng của nước Việt bài Ý-lan của Trung Hoa, bài Rokudan của nước Nhật mà chỉ nghe những làn Sàigòn mambo, Shanghaï cha cha cha hay Tokyo twist.

Quay về vồn cổ, khai thác vồn cổ để giữ những « bảo vật » của mỗi gia đình âm nhạc hầu có chút gì để khoe với người trong những dịp trao đổi văn hóa. Bạn thử nghĩ trong một cuộc trao đổi văn hóa giữa nước ta và nước Pháp, nhạc-sĩ Pháp độc tấu dương cầm một nhạc phẩm của Debussy, nhạc sĩ Việt độc tấu đương cầm một nhạc phẩm của Ravel thì « trao đổi » ở chỗ nào ? Ví dầu nhạc sĩ Việt có độc tấu dương cầm một nhạc phẩm của Võ-Đức-Thu hay của bà Nguyễn-Văn-Tị đi nữa, cuộc « trao đổi », ấy cũng kém hào hứng vì nước Pháp đưa ra một bảo vật chính cống, còn chúng ta đưa ra một nữ trang tương tợ hoặc đồng loại với bảo vật của người Pháp : (xin nói ngay là công việc của những nhạc sĩ như các ach Võ-Đức-Thu, Nguyễn - Xuân - Khoát hay bà Nguyễn-Văn-Tị không phải là vô ích. Trong xã hội ngày nay, thường chúng ta tuy khuyến khích người Việt trau giồi tiếng Việt, nhưng cũng cần có người biết ngoại ngữ để tiện việc giao dịch quốc tế. Chúng ta cũng cần có những nhạc sĩ đủ tài năng sáng tác theo đại thể của người Âu Mĩ, để cho nhạc phẩm của họ được dân chúng Âu Mĩ yêu nhạc thưởng thức dễ dàng hơn. Nhưng họ chỉ có ích trong công việc ngoại giao, chớ nhạc phẩm của họ không thể đi sâu vào quần chúng Việt).

Quay về vồn cổ, để tìm đặc tính của dân tộc, lấy đó mà làm căn bản nghệ thuật. Một khi có căn bản vững chắc thì công việc phóng tác, cải tiến sẽ không làm mất dân tộc tính. Người ngoại quốc yêu nghệ thuật không chê là chúng ta chạy theo sau họ, bắt chước họ một cách mù quáng, mà dân tộc ta không từ khước những nhạc phẩm tuy mang hình thức mới mà nội-dung và căn bản bắt nguồn trong truyền thống muôn đời của đất nước. Trong tình thế hiện tại, tôi chủ-trương khai thác và phổ biến dân ca, cổ nhạc, để bảo vệ một kho tàng có thể bị tiêu tan, chọn lọc những bảo vật tiêu biểu cho tinh hoa dân tộc dùng trong việc trình-bày văn hóa nước nhà cho người ngoại quốc và làm căn bản cho một nền nhạc Việt sâu sắc và phong-phú hơn.

IV. — Như tôi đã nói, tôi không chống lại việc phổ biến nhạc Tây phương vì bảo vệ truyền thống không phải là bế môn tỏa cảng, không tiếp nhận văn hóa các nước khác. Nhưng theo ý tôi việc phổ-biến nhạc Tây phương dầu có nên đi trước việc phổ biến nhạc cổ-truyền của các nước láng diềng hay

các nước Á-Châu, vẫn phải đi sau công việc khai thác và phổ biến vốn cổ của nước nhà.

Và như thế tôi xin miễn bàn về những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất để huấn luyện nhạc sĩ và để cho quần chúng hiểu được và ưa được nhạc Tây phương.

V.— Muốn trả lời câu hỏi nầy cho đầy đủ, chắc phải viết đến mấy bài báo. Ưu điểm và khuyết điểm của cổ nhạc, của tân nhạc là cả một đấu đề. Đường lối và điều kiện để chấn hưng cổ nhạc là cả một chương trình. Tôi chỉ vắn tắt đưa ra vài ưu điểm hoặc khuyết điểm chánh của tân nhạc và cổ nhạc theo ý tôi, để đi sâu hơn vào việc chấn hưng cổ nhạc.

Quần chúng hiện nay đòi hỏi một lối nhạc mới phù hạp với đời sống mới. Tân nhạc đã đáp lại được phần nào nguyện vọng ấy. Đó là ưu điểm chánh của tân nhạc.

Khuyết điểm chánh là tân nhạc chưa ra ngoài phạm vi bài hát nhỏ và vì sự thiếu căn bản của các nhạc sĩ trẻ tuổi, mà đi lần đến một loại nhạc ngoại lai, thiếu tánh chất nghệ thuật.

Khuyết điểm chánh của cổ nhạc là sự thất truyền và tinh thần thủ cựu, không cầu tiến của các nhạc sư.

Thất truyền vì các nhạc sư ngày xưa hay « giấu nghề ». Dạy học trò bao giờ cũng sợ học trò hơn mình, thành ra mỗi nhạc sư giữ lại cho mình một bài hay, một ngón nhằn độc để chết rồi đem xuống mồ. Thành ra từ đời Phạm - Đình - Hổ (cuối thế kỉ thứ XVIII) mà các đào nương đã không biết hát các luật dương kiểu, âm kiểu, các điệu Hà - nam, Hà - bắc, rồi đến ngày nay, các điệu xưa còn mấy đào nương hát được ? Cứ mỗi một đời qua là có một số bài bản mất đi, mà không người đặt ra bài bản mới.

Thất truyền vì người học đàn, không học cho đến nơi đến chốn, chỉ biết qua loa đã tự lấy làm mãn nguyện. Trong Nam có rất nhiều nhạc công đàn cổ, đi đâu chơi ch biết vài bài Bắc và bài Vọng cổ là đủ rồi, mà vài bài Bắc ấy, hay bài Vọng cổ đâu có phải là cả truyền thống cổ nhạc ?

Vì thủ cựu, không cầu tiến nên không ai sáng tác bài mới hay có sáng tác bài mới như thầy kí Quờn hoặc cậu tôi là ông Nguyễn-Tư-Khương trong Nam, như ông Cả Soạn hay ông Nguyễn-Quang-Tốn ngoài Trung, thì không được người hưởng ứng. Lại có những người thủ cựu như Hoàng Yến, viết bài lên án những ai đã « cả gan » dám đặt bài mới trong khi chưa thuộc hết bài cổ.

Nhạc cổ truyền có ưu điểm chánh ở chỗ nó (dân ca và cổ nhạc) bắt nguồn tự dân tộc, phù hạp với tiếng nói, câu thơ của người Việt, với quan niệm thẩm mĩ của người Việt, dựa trên một truyền thống mà tổ tiên ta đã kết tạo từ mấy ngàn năm và lưu lại đến ngày nay, một truyền thống có căn bản lí-thuyết, đầy kinh nghiệm thực hành.

Nhạc Việt cổ truyền dầu có chịu ảnh hưởng nhạc Trung-Hoa, nhạc Chàm — và gần đây nhạc Âu — vẫn còn giữ được đặc tánh của nó.

Nếu ta nhìn nhận rằng nhạc cổ truyền có một chân giá trị nghệ-thuật, rằng truyền thống cổ nhạc vì những lí do chánh trị, kinh tế đang đi vào chỗ bế tắc, tôi thấy có bổn phận phải nghĩ đến việc phục hưng và cải tiến nhạc Việt. Cũng như muốn tìm một phương thuốc, phải biết rõ căn bịnh, chúng ta thử xem tại sao cổ nhạc càng ngày càng suy và có cách nào cứu vãn tình thế chăng.

Tại sao cổ nhạc đi đến chỗ bế tắc ?

Chúng ta chịu ảnh hưởng của nền văn minh Trung-Hoa, nên trong văn hóa nước Việt nói chung, có nhiều tĩnh chất tịnh hơn động.

Dân tộc Việt hoặc phải chống ngoại xâm, hoặc phải chịu đô hộ, nhứt là dưới thời Pháp thuộc, chẳng những ít có dịp phát triển truyền thống nghệ thuật mà còn chịu ảnh hưởng của dân tộc thống trị. Nhạc công, nhạc sĩ, từ xưa đến nay, chẳng những không thể mưu cầu sinh sống bằng âm nhạc lại còn bị khinh rẻ Đến cuối triều Lê mà con nhạc công, nhạc sĩ, kịch sĩ, không có quyền ứng cử ở khoa trường. Người nhạc sĩ chuyên-nghiệp trong truyền thống cổ nhạc thường có mặc cảm : hoặc tự ti đối với những người trong các nghề khác, giai cấp khác trong xã hội, cả đối những người nhạc sĩ chuyên nghiệp trong truyền thống Âu-Mĩ ; hoặc tự tôn cho rằng không ai hiểu được cái thâm thúy của cổ nhạc và xứng đáng cho mình truyền nghề. Thầy dạy thì giấu nghề. Học trò thì không thể bỏ cả cuộc đời học một loại nhạc để rồi không nuôi nổi thân mình lại bị người trong xã hội khinh khi là phường đàn con hát. Những câu như Xướng ca vô loại » hay « Nữ đa cấm tắc dâm » là những bức tường ngăn cản bao nhiêu người học nhạc ?

Các nhạc sư học theo lối truyền khẩu, thường rất thủ cựu, không nghiên cứu, không cầu tiến nên sự hiểu nhạc chỉ ở bề mặt thực hành mà không đi vào bề sâu của lí-thuyết và so với các nước cùng một « gia đình âm nhạc » với ta như Trung-Hoa, Triều-Tiên và Nhật-Bổn — nhất là Nhật-Bổn — chúng ta bị kém họ rất xa.

Xem sơ qua vài nguyên nhân của sự bế tắc trong cổ nhạc Việt, thấy nguyên nhân ấy ăn sâu vào nền tảng của xã hội nước ta, chúng ta thấy rằng không phải một vài cá nhân, có thiện chí hô hào, cổ động cho cổ nhạc, tìm cách nghiên cứu hay phổ biến cổ nhạc mà đủ. Công việc phục hưng cổ nhạc là công việc của một chánh phủ, của một cơ quan văn hóa có đủ phương tiện về mặt hành chánh và tài chánh. Công việc đó phải được toàn dân hưởng ứng, mà muốn có toàn dân hưởng ứng chúng ta phải gây nên, một phong trào. Công việc đó thành bại cũng còn tuỳ nhiều điều kiện

khách quan như tình hình chính trị được ổn định, đời sống xã hội được cải thiện v.v..

Thí dụ như điều kiện chính trị và xã hội đã được như chúng ta mong mỏi, ta sẽ làm gì để cho truyền thống cổ nhạc đừng mất đi ?

Có người nghĩ rằng muốn bảo vệ truyền thống chỉ cần sưu tầm, thâu thập tài liệu, thu thanh các làn điệu cổ, quay phim giữ lại những điệu múa v.v... Công việc đó rất có ích, nhưng truyền thống không phải là các bài nhạc loại « đồ hộp » ấy. Truyền thống là một sức sống do người thế hệ này trao lại cho người thế hệ sau. Chúng ta thấy rằng hiện nay trong truyền thống cổ nhạc, thiếu người học cũng như thiếu người dạy chỉ vì điều kiện kinh-tế xã-hội. Người nhạc công, nhạc sĩ cổ truyền không thể sinh sống bằng âm nhạc. Thành ra công việc phục hưng nhạc cổ truyền phải bắt đầu bằng

1°) *Công việc cải thiện đời sống nhạc công, nhạc sĩ.*

Phải giúp nhạc công nhạc sĩ cổ-truyền có thể hiến cả cuộc đời trong việc học nhạc, dạy nhạc và tấu nhạc. Bằng cách nào ?

a) Lập những ban nhạc cổ truyền để tấu nhạc trong nước với sự giúp đỡ của chánh quyền và tư-nhân. Nhạc công được lãnh lương đều như một công chức tấu nhạc và dạy nhạc. Những ban nhạc ấy đầu tiên được thành lập ở các đô thị lớn và lần lần ở các làng mạc hay ngược lại tùy theo điều kiện của mỗi địa-phương.

b) Tổ-chức những nhạc hội để các ban nhạc địa phương tranh tài, đoạt giải, hoặc đem cái hay cái lạ của mỗi vùng đến trình bày cho dân chúng những vùng khác thưởng thức.

c) Tổ-chức lại những chương-trình phát thanh trong đó phần dân ca cổ-nhạc không kém phần tân-nhạc hay nhạc quốc-tế.

c) Về mặt quốc-tế, mở rộng các cuộc trao đổi văn-hóa để nhạc công nhạc sĩ Việt có dịp diễn tấu tại các nước ngoài. Thanh niên có thể nhờ đó mà được khuyến khích phần nào trong việc tập trau giồi cổ nhạc.

2°) Đi đôi với việc cải thiện đời sống nhạc công nhạc-sĩ, là *công việc tổ-chức giáo-dục âm-nhạc.*

a) Giáo-dục nhi-đồng và học-sinh trong các trường tiểu-học, trung-học.

b) Giáo-dục quần chúng bằng đài phát thanh, những buổi hòa nhạc tại công viên, những buổi nói chuyện về âm nhạc.

c) Cải tổ chương trình đào luyện nhạc-công, nhạc-sĩ. Người nhạc-công nhạc-sĩ cổ truyền cũng phải có một căn bản văn-hóa, một sự hiểu biết đầy đủ về nhạc-sử, văn-hóa sử, có một kĩ thuật diễn tấu khá cao để bên trong có thể giúp vào công việc giáo dục âm nhạc ở các trường, bên ngoài tham gia các nhạc hội và các cuộc trao đổi

văn-hóa. Như thế thì người nhạc-công, nhạc-sĩ cổ truyền sẽ không tự ti mặc cảm và thanh niên thấy tương lai tốt đẹp phần nào của người nhạc-công cổ truyền mà để tâm học nhạc cho đến nơi đến chốn.

3o) Đời sống nhạc-công được cải thiện, quần chúng được giáo-dục, ta cũng phải nghĩ đến *việc tổ-chức sinh-hoạt âm-nhạc.*

Tổ-chức những buổi hòa nhạc trong nông thôn hay ở các đô-thị, khuyến khích sự thành lập các giàn nhạc tài-tử trong các trường, các xí nghiệp, phát giải thưởng trong những kì đại-nhạc-hội để khuyến khích những nông dân, công nhân sáng tác và trình bày những điệu dân ca, dân vũ phù hạp với đời sống mới, nhạc-công, nhạc-sĩ sáng chế hay cải tiến nhạc khí, trình bày những nhạc phẩm mới mà cấu tạo theo cổ truyền, thành lập một cơ quan toàn quốc về âm nhạc để qui định về lí-thuyết, danh-từ kĩ-thuật, phương-pháp giáo-khoa dùng trong âm-nhạc Việt.

Tôi chỉ phác họa sơ chương-trình phục hưng âm-nhạc, bạn cũng thấy rằng không một tư nhân hay một đoàn thể nào có thể thực hiện được chương trình ấy. Ngoài ra các phương-pháp sẽ được áp dụng thì tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp mà thay đổi. « Tuần-tự nhi tiến », chúng ta lo việc tìm hiểu vốn cổ nước nhà, tìm học cái hay cái đẹp của nước ngoài (không phải chỉ nhạc Tây-phương mà cả nhạc các nước Á-Phi, mỗi nhạc sĩ sẽ chuyên về một vùng như những học giả bên nầy) để có thể áp dụng những cái tốt của người mà không làm tiêu diệt cái vốn mà tổ tiên ta đã trao lại cho chúng ta.

Trong phạm-vi bài trả lời cuộc phỏng vấn, tôi không thể đi vào chi tiết. Có dịp tôi sẽ thảo luận sau với các bạn về những biện-pháp có thể đem ra để chấn-hưng nhạc Việt.

Công việc cải tiến nhạc khí, qui định kí âm pháp, hay sáng tác những nhạc phẩm mới theo lề lối cổ truyền là những con dao hai lưỡi, nếu không thận trọng, chúng ta có thể làm hại cho nền nhạc cổ truyền trong khi chúng ta có ý định muốn vun bồi vốn cổ.

VI.— Tương lai của nhạc Việt, theo tôi, sẽ tốt đẹp, vì sức sống của dân tộc ta rất mãnh liệt. Chỉ một chuyện phổ nhạc những câu thơ lục bát, dân tộc ta đã có hàng trăm lối, (hát ru, hát vi, hát cò lả, trống quân, bao nhiêu cách hò, hát chèo, hát quan họ, ngâm thơ, hát láy v.v...) hàng ngàn làn điệu Dạo đàn trước khi tấu nhạc, thêm những chữ chuyển, những cái láy, cái luyến, tô điểm từ tiếng nhạc bằng cách nhấn, cách rung, cách ngân, cách đổ hột, những cái ấy làm cho một điệu nhạc tùy người, tùy vùng, tùy lúc, mà có những hình thức khác nhau. Cách nhịp trống của ta cũng vô cùng phong phú.

Vốn cổ đó, chúng ta chưa tìm hiểu và khai thác hết. Nhưng viễn ảnh tốt đẹp của nhạc Việt không làm cho tôi quên được hiện tại rất đáng ngại :

Cổ nhạc đang suy

Tân nhạc đang hỗn độn

Nhạc theo đại thể Âu Châu còn ấu trĩ. Chúng ta thiếu : nhạc công có kĩ thuật tinh vi ; nhạc sĩ có căn bản văn hóa nghệ thuật ; học già để tâm suy tầm nghiên cứu.

Nhất là chúng ta thiếu một chánh sách rõ rệt về việc phục hưng truyền thống, giáo dục quần chúng, đào tạo diễn viên và thiếu sự đoàn-kết và đồng tâm giữa các nhạc sự nhạc sĩ, thiếu sự trao đổi văn hóa hay tài liệu nghiên cứu giữa người Việt trong toàn quốc. Bao giờ những khuyết điểm đó được bồi bổ, chúng ta mới mong thấy nhạc Việt tiến mạnh và tiến mau.

* * *

Mấy câu hỏi ban đưa ra bao quát nhiều vấn đề, không thể trả lời cho thật đầy đủ trong phạm vi bài nầy. Nhưng cũng không thể chỉ nêu ra những ý kiến, trình bày những biện pháp mà không giải-thích. Có lẽ tôi đã quá dài dòng. Nhưng từ lâu, nhiều bạn xa gần gửi thư riêng hỏi thăm tôi về công việc tôi đã, đang và sẽ làm, về thái độ của tôi đối với cổ nhạc, tân-nhạc Việt hay Âu nhạc ; nhân bài nầy, tôi có dịp trả lời chung cho các bạn ấy.

Việc gì cũng tùy lúc, tùy thời, tùy hoàn cảnh. Chắc các bạn hiểu rằng dầu ở đâu và làm việc gì, tôi cũng thiết tha đến vấn đề bảo vệ và phục hưng cổ nhạc.

Tôi đã nghiền ngẫm từ lâu những ý kiến tôi phát biểu trong bài nầy. Nếu các bạn ở trong một cơ quan chính phủ hay một đoàn thể tư nhân, nhờ hoàn cảnh thuận tiện hơn tôi, có thể đem ra áp dụng, tôi rất vui mừng và thấy nhạc Việt có cơ gặp mưa thuận gió hòa và sẽ đơm hoa kết trái.

TRẦN-VĂN-KHÊ

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu THIÊN-THAI

MẠCH NHA, KẸO GƯƠNG, CÓ NHẬN GỞI RA NƯỚC NGOÀI

192, đại lộ Quang Trung ● *Quảng-Ngãi (Trung-Việt)*

Chủ nhân : Bà NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG

Tổng kết cuộc phỏng vấn giới nhạc sĩ

● *NGUIỄN-NGU-Í*

THẾ là sau giới Văn và Họa, giới Nhạc đã thành thật bày tỏ quan niệm, ý nghĩ, nhận xét và nguyện vọng của mình, để đúng ngày mừng Kỉ niệm bảy năm, *Bách-Khoa* có cái vui thấy mình hoàn thành cuộc đưa bạn đọc viếng thăm ba cái thế giới đặc biệt của vòm trời Nghệ thuật nước nhà : cái thế giới của chữ nghĩa, cái thế giới của nét màu, cái thế giới của âm thanh.

Hôm nay, tổng kết cuộc phỏng vấn về Nhạc, chúng tôi thấy cần nhắc lại hai điều : định nghĩa danh từ « nhạc sĩ » và những câu hỏi để gợi ý, hầu tránh cho các bạn — nhất là các bạn mới của Bách-Khoa — một vài thắc mắc.

Chúng tôi đã đứng về phía người thưởng thức mà dành cho tiếng « nhạc sĩ » một định nghĩa rộng, theo quan niệm thông thường của mọi người, nghĩa là gồm những người sáng tác nhạc, người tấu nhạc, người điều khiển ban nhạc, cũng như người nghiên cứu nhạc ; và chúng tôi đã hỏi các nhạc sĩ cả kim lẫn cổ.

Chúng tôi cũng đã nêu lên một số câu hỏi để gợi ý như sau :

1) Bạn chuyên về nhạc gì ? Nhạc Tây phương hay nhạc Việt, nhạc mới hay cũ, cổ truyền hay cải cách ? Về ngành nhạc nào, và xin giải thích cho biết qua về ngành đó.

2) Bạn bước vào ngành nhạc trong trường hợp nào? Và tập luyện ra sao ? Xin cho biết về những hoạt động nghệ thuật của bạn (sáng tác, tấu nhạc, điều khiển ban nhạc, nghiên cứu về nhạc...)

3) Theo ý bạn chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?

4) Nếu chỉ nên phổ biến nhạc phương Tây, thì có những sự khó khăn gì ? Và có những cách gì tiện lợi và hiệu nghiệm nhất

— để huấn luyện nhạc sĩ,

— để cho quần chúng hiểu được và ưa được.

5) Nếu bạn chủ trương phục hưng hoặc cải cách, thì theo đường lối nào, và cần điều kiện gì? Nhạc cổ Việt-Nam hay nhạc mới gọi là « cải cách », hiện nay có những ưu điểm, khuyết điểm gì?

6) Ý kiến về tương lai nhạc Việt hoặc tương lai nghệ thuật nhạc tại Việt-Nam.

∴

Có ba mươi bảy nhạc-sĩ đã vui lòng hưởng ứng cuộc phỏng vấn của chúng tôi.

Để các bạn có một ý niệm về « thành phần » 37 nhạc sĩ này, chúng tôi xin tạm chia làm bốn hạng : hạng phụng sự nhạc cổ truyền của đất nước, hạng xuất thân từ lò nhạc Tây-phương, hạng đeo đuổi theo Tân-nhạc, và hạng nhạc học giả.

Về nhạc cổ, có 9 người ; về nhạc Tây phương, có 9 ; về Tân nhạc, có 17 ; nhạc học giả, có 2.

(Xin nhắc lại với các bạn là việc chia như thế chỉ là chia tạm, chớ chẳng có tánh cách đóng khung. Vài người ở trong ngành nhạc cổ truyền mà hiểu rành nhạc Tây-phương, sử dụng nhạc khí Âu-Mĩ, sáng tác Tân-nhạc. Nhiều người chuyên về nhạc Tây-phương nhưng vẫn học hỏi và tìm hiểu nhạc cổ. Lắm bạn nổi tiếng trong giới Tân nhạc mà chẳng xao lãng việc nghiên-cứu nhạc Tây phương cũng như nhạc cổ truyền. Các nhạc học giả thường chơi được nhạc Tây, nhạc ta).

Và trong số 37 người, có 4 nhạc-sĩ ở hải ngoại và 3 nhạc-sĩ thuộc về phái nữ ; cả ba đều ở trong ngành nhạc Tây-phương và đều là giáo-sư tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch nghệ Sài-Gòn. Chúng tôi rất tiếc là không nhận được ý kiến của một nữ nhạc-sĩ có tuổi, có tiếng, có công đào tạo một lớp nhạc sĩ cho ngành nhạc Tây-phương, và đã từng khiến giới Nhạc quốc-tế chú ý đến Âm-nhạc Việt, do những bản nhạc lớn của bà sáng tác căn cứ ở nhạc điệu cổ điển của dân-tộc ta ; chúng tôi muốn nói đến bà Thái-Thị-Lan, (tức bà Nguyễn-Văn-Tỉ), hiện còn ở Mĩ. Một sự « vắng mặt » khác đáng tiếc nữa là sự « vắng mặt » của anh Nguyễn Văn-Giệp : người nhạc-sĩ rất sốt sắng trong việc giới thiệu nhạc Tây-phương cho công chúng nước nhà từ thời tiền chiến, linh hồn của « Quán Nghệ-sĩ » ở chốn ngàn năm văn vật vì bịnh hoạn chưa kịp trả lời cuộc phỏng vấn, thì đã hóa ra người thiên cổ. Trường hợp của nhạc-sĩ Ngô-Duy Linh cũng đáng nhắc đến : người giám đốc trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Huế này, vì muốn trả lời thật cặn kẽ, lấy mỗi câu hỏi gợi ý làm một đề tài cho một thiên tiểu luận, mà đành « không có mặt » vì bận công-vụ và gặp nhiều khó khăn bất ngờ trong nhiệm vụ vào giờ phút chót.

Trong cuộc phỏng vấn này, chúng tôi có cái may mắn được gặp những bậc chuyên về cổ nhạc cả ba miền : Bắc, Trung, Nam, những bạn đã khai đường mở lối cho ngành Tân nhạc cũng như những bạn trẻ bước chân vào giới này chưa được bao lâu, còn về ngành nhạc Tây phương, thì có những bạn còn học hỏi tìm tòi ở quê người, có những bạn đã về nước đem áp dụng những

điều thâu thập trong việc dạy dỗ con em. Nhờ thế mà ý kiến chúng tôi nhận chẳng những được đầy đủ mà còn được nhiều mặt.

Về sáu câu hỏi nêu lên, chúng tôi đã nói rõ trong lời mở đầu cuộc phỏng vấn, chúng chỉ để *gợi ý* mà thôi, chớ việc tỏ bày ý kiến của các nhạc sĩ không hề chỉ hạn chế trong mấy hàng « gợi ý » đó. Cho nên một số nhạc sĩ trong những bức thư trả lời hoặc trong khi trò chuyện, đã bàn đến những vấn đề khác, như nền « Âm nhạc cải cách » thời phôi thai ; giáo dục âm nhạc đại chúng qua đài phát thanh, trường Âm nhạc, Việt-Nam nhạc hội ; giáo dục âm nhạc cho người mù ; hiện trạng ngành xuất bản Tân nhạc ; tương lai của nhạc sinh; việc trình diễn Tân nhạc ; nhạc tâm lí học ; nhạc soạn cho thanh thiếu nhi ; Âm nhạc ở học đường... Khiến cuộc phỏng vấn nhờ đó mà thêm phần phong phú.

Trước khi đi hẳn vào việc tổng kết, chúng tôi xin cảm tạ các bạn nhạc sĩ xa gần đã sốt sắng góp ý, và xin các bạn thứ lỗi cho nếu vì lí do kĩ thuật, mà ảnh một số các bạn không được rõ hoặc bị lốm đốm trắng, đen hay bài các bạn bị cắt, xén đôi nơi.

*
* *

Chúng tôi xin theo các câu hỏi gợi ý cùng những ý kiến các nhạc sĩ góp thêm mà sắp đặt thứ tự những vấn đề đã được giải bày.

A — Nhạc cổ điển, cổ truyền hay quốc nhạc

Ngành nhạc này gồm những loại sau đây :

1.— dân ca,

2.— nhạc thính phòng (còn gọi là nhạc tài tử),

3.—nhạc sân khấu ca kịch,

4.— nhạc tế,

5.— nhạc tôn giáo,

6.— Nhạc ca vũ,

7.— Quân nhạc.

Nhạc cổ truyền là cái gốc của dân tộc, cái kho tàng quí báu cần phải gìn giữ, phát huy, bồi bổ : đây là ý kiến chung của tất cả nhạc sĩ, tân cũng như cổ, sáng tác hay nghiên cứu.

1.— Ưu điểm.

Vốn là tiếng nói chân thành của dân tộc, cổ nhạc đã hòa với cuộc sống nội tâm của nòi giống từ thuở xa xưa nên dễ hiểu và dễ gây xúc động. Nó thân thuộc với người Việt như lũy tre xanh như mùi nước mắm, như tiếng chuông chùa, như đàn trâu bì bõm dưới ruộng nương.

Nó lại bắt nguồn từ dân tộc, phù hợp với tiếng nói, với thẩm mĩ quan của ta, nên vẫn giữ được bản sắc riêng của nó, mặc dầu từng chịu ảnh hưởng của hai dòng nhạc Ấn - Hoa từ trước và của Âu-Mĩ gần đây.

Khi trình diễn, nhạc cổ điển của ta đặc biệt ở chỗ rung, nhấn, vuốt, mổ, khiến nhạc ta có « chất sống ».

2.— Khuyết điểm.

Nhưng cạnh các ưu điểm kể trên, khuyết điểm khá nhiều.

Không có một lối kí âm chính xác và thống nhất, nên bài bản để lại tùy cách ghi âm và tùy người đờn mà ở vào tình trạng : chung một gốc, mà cành, nhánh có chỗ chẳng giống nhau.

Về khuyết điểm này, đã có những cá nhân (như Nguyễn-Hữu-Ba), những đoàn thể (như ban giáo sư trường Âm Nhạc và Kịch nghệ Huế) để công tìm kiếm một phương pháp kí âm khoa học, tương đối hoàn hảo hơn vài lối đã có, nhưng chưa được phổ biến và chưa được mọi người công nhận. Nhưng có người cho rằng khoa học hóa lối kí âm cổ nhạc là giết mất chất sống, có người lại cho rằng đó là con dao hai lưỡi.

Ta chưa có một phương pháp giảng dạy. Phần nhạc sử, nhạc lí. . . có thể cho là không có ; nếu có, thì lại căn cứ vào lời truyền khẩu vu vơ. Còn phần thực hành, thì ta dạy theo lối truyền ngón. Thành cũng một bài mà qua vài thế hệ thầy đờn, đã xa nguyên bản ; đó là chưa kể cùng một bản, cùng một thời, mà từ địa phương này qua địa phương khác, người ta đờn có điểm khác nhau.

Thêm vào đó, các nhạc sĩ xưa có tật « giấu nghề », giấu một ngón đờn hay, giấu một bài đặc biệt, rồi cứ thế mà kho tàng cổ nhạc dần dần bị hao mòn đi.

Trong khi ấy, tinh thần thủ cựu ngăn giữ công việc sáng tác bài bản mới làm cho cái vốn cũ không sao phong phú thêm được ; thỉnh hoặc có vài người đặt ra bản mới, thì lại chẳng được người trong giới tán đồng.

Lúc hòa đờn chung với nhau, nhạc sĩ ta thường thiếu tinh thần đồng đội, nên thường đờn không « ăn » với nhau, có khi người ta tìm cách phá nhau nữa.

Và nếu lớp nhạc sĩ xưa quá thủ cựu, thì lớp nhạc sĩ nay lại chẳng thức thức thời, cho nên không chịu học hỏi, nghiên cứu thêm — trong phạm vi quốc nhạc cũng như trong phạm vi nhạc quốc tế — để biết rõ và tiến theo trào lưu âm nhạc thế giới. Do đó mà nền cổ nhạc chẳng được phát triển, bành trướng và có thể nói là đi vào chỗ bế tắc.

3.— Để phục hưng và cải tiến nhạc cổ truyền.

Tìm đến cội rễ, ta thấy dân tộc Việt phải luôn luôn chiến đấu để được sống còn : chống với thiên nhiên, chống với ngoại xâm, chống với lớp người thống trị, lại trải qua lắm kì loạn lạc, đao binh, cho nên Nghệ thuật có phần không được chú trọng bằng những quốc gia may mắn, được hưởng thái bình nhiều hơn. Âm nhạc cũng chịu chung một số phận, và những ai theo nghiệp cầm ca trước kia đã phải chịu thiệt thòi lắm nỗi. Sánh về bề rộng cũng như bề sâu, chúng ta về mặt này còn thua các nước láng diềng đồng văn : Trung-Hoa, Triều-Tiên, Nhật Bản.

Rồi làn sóng nhạc Âu Mĩ tràn vào với nền văn minh vật chất, Âm nhạc ta vốn mang tánh chất *tĩnh* nhiều hơn động nên thế hệ trai trẻ rẻ rúng, coi thường.

Vì thế mà nay muốn phục hưng và cải tiến nền cổ nhạc, thiện chí vài nhóm người không đủ, mà cần phải có bàn tay của Chánh phủ để vào. Đủ phương tiện, đủ quyền hành, mới mong gây được một phong trào khiến

mọi người trong nước để ý và hưởng ứng.

Chương trình để bảo vệ và phát huy truyền thống nền quốc nhạc gồm mấy việc sau đây :

Sưu tầm — tuyển chọn — phổ biến — cải thiện đời sống nhạc sĩ.

a) Sưu tầm : thu thập các bài bản trong toàn quốc, thu thanh các điệu hát, hò xưa, quay phim những điệu ca vũ cổ, tìm kiếm tất cả những tài liệu về cổ nhạc rải rác trong dân gian, trong các thư viện.

b) Tuyển chọn : thành lập một « Hội đồng nhạc sư » để nghiên cứu các bài bản đã sưu tầm, rồi biểu quyết để chọn bản làm mẫu mực.

c) Phổ biến : nếu chưa tìm được một phương pháp kí âm lí tưởng, thì « Hội đồng nhạc sư » nói trên sẽ dùng lối kí âm nào tương đối chính xác và giản dị hơn hết để ghi lại những bài bản đã được thống nhất nói trên, và chỉ có những bài bản này là được đưa ra phổ biến ở các trường Âm-nhạc trong nước, ở đài phát thanh, ở các học đường, ở các buổi trình diễn ở công viên, ở các buổi diễn thuyết về âm nhạc.

Ở học đường, âm nhạc phải được coi là một môn học chánh, chớ không phải một môn phụ như bây giờ, và bắt đầu dạy các em ngay từ lớp mẫu giáo ; chương trình phải có thể thực hành, chớ có quá xa vời như chương trình nhạc Tây phương hiện nay ở bậc Trung-học. Sách giáo khoa về Nhạc hiện thiếu rất nhiều, khuyết điểm này cần sớm được lấp.

Ở đài phát thanh, chương trình dành cho dân ca cổ nhạc nếu kkông hơn thì cũng ngang với phần dành cho Tân-nhạc hoặc nhạc ngoại-quốc.

Thành lập những ban nhạc cổ truyền để hòa nhạc tại các công viên, trong các buổi nói chuyện về cổ nhạc, tìm dịp cho các ban nhạc này trình diễn ở các nước ngoài.

Tổ chức những cuộc thi công-cộng để cho cá nhân và các ban nhạc thi thố tài năng. Những nhạc sĩ hoặc những ban nhạc trúng tuyển sẽ được nâng đỡ một cách thiết thực để trau giồi nghệ thuật đến nơi đến chốn.

d) Cải thiện đời sống nhạc-sĩ : muốn công việc phục hưng và cải tiến quốc nhạc có cơ thành công, muốn gây được một phong trào hướng về cổ nhạc, thì nước phụng sự cho âm-nhạc phải sống được với nghề mình. Bằng không thì với gương một số nhạc sinh tốt nghiệp mà phải thất nghiệp, với cảnh các nhạc sư có tiếng tăm sống trong túng thiếu, các giáo sư dạy nhạc ba tháng sau mới được lãnh lương của... Chánh-phủ, thì còn ai dủ can đảm hiến cuộc đời mình cho việc học nhạc, tấu nhạc và dạy nhạc ?

Vì thế mà chánh quyền cũng như các đoàn thể, nên lập những ban nhạc cổ truyền để trình diễn, và các nhạc sĩ được trả lương như công-chức vậy.

B — Tân nhạc hay âm nhạc cải cách

Danh từ «Tân nhạc» hay « Âm nhạc cải cách » không được vài người trong giới nhạc sĩ xuất thân từ lò nhạc Tây-phương cho là ổn. Họ bảo : *Tân* nhạc

là nhạc *mới*, ta nghĩ ngay đến hai tiếng *musique moderne* của Pháp Người ta hiểu đây là một thứ nhạc cổ truyền mà *mới* sáng tác đây, đối với cổ nhạc (*musique classique*). Nhưng sự thật không phải thế. Còn như gọi là « Nhạc cải cách » thì đúng cách đây trên hai mươi năm, khi lối nhạc này xuất hiện. Đáng lí ra — theo các nhạc sĩ này — phải gọi là « *nhạc Việt Âu hóa* » hay « *nhạc Việt soạn theo thể Âu-Mĩ.*»

Chúng tôi xin ghi lại ý kiến « nói miệng » này để các bạn trong ngành « Tân nhạc » xét lại, mặc dầu có bạn cho rằng : có khác cũ, có sửa đổi lại.

« *Âm nhạc cải cách* » được mọi người biết đến vào năm 1938, khi các bản nhạc soạn « theo phương pháp kí âm Tây phương, có nhạc điệu nà ná hơi Bắc, hơi Nam, nhịp nhàng theo loại khiêu vũ Âu-Tây » của Dương-Thiệu-Tước và Thẩm-Oánh trình bày trên sân khấu Hà-Thành để giúp hội Ánh-sáng đã được hoan nghinh nhiệt liệt và gây thành phong trào từ Bắc chí Nam, và rồi Lê-Thương, Đặng-Thế-Phong, Hoàng-Quí, Văn-Cao, Lưu-Hữu-Phước... tiếp tay làm cho phong trào đã rộng lại thêm sâu. Rồi sau biến cố lịch sử năm 1954, bốn tiếng « Âm nhạc cải cách », được thay thế bằng hai tiếng « *Tân nhạc* », gọn gàng hơn mà cũng có vẻ mới mẻ hơn. Và từ những bài hát ngắn, nó đã đóng góp một số trường ca, bản đại hòa tấu và bài nhạc thuần túy, mang ít nhiều tinh thần dân tộc cùng nét nhạc cổ truyền.

1 — Ưu điểm

Như trên có nói, cổ nhạc ta vốn *tĩnh*, vì chịu ảnh hưởng mà theo nếp sống Trung-Hoa. Rồi từ khi cuộc sống *động* của Tây phương do Pháp đem lại làm xáo trộn xã hội ta, thì dân chúng — nhất là lớp trẻ — đòi hỏi một lối nhạc mới hợp với đời sống hơn, hợp với tâm tình, chí hướng của họ hơn. Tân nhạc đáp đúng điều đòi hỏi đó.

Do đó mà những bài hát thanh-niên và lịch sử đã góp phần đáng kể trong công cuộc thức tỉnh lòng yêu nước và lên đường giải phóng quê hương.

Nền nhạc Việt đã nhờ Tân nhạc mà trẻ lại và phong phú thêm : một luồng gió mới đã thổi qua, một nguồn sinh khí mới đã trỗi dậy.

2 — Khuyết điểm

Tân nhạc đã được hai mươi lăm tuổi đời rồi, mà đến nay vẫn còn quanh quẩn trong khuôn khổ các bài hát ngắn, loại sáng tác không đòi hỏi nhiều cố gắng, nhiều tìm tòi. Tuy nhạc thuần túy và các bản nhạc lớn : hòa tấu khúc, hợp tấu khúc, trường ca, trường thi phổ nhạc cũng được trình diễn, nhưng số lượng của chúng quá ít oi và chưa được chú ý.

Phần đông các nhạc sĩ Tân nhạc hậu chiến đã tỏ ra quá dễ dãi với chính mình : học đã thiếu căn bản, mà lại muốn được hoan nghinh, nên chạy theo thị hiếu một thời và nông nổi của lớp trẻ, sáng tác theo các điệu nhạc khiêu vũ thịnh hành ở nước người, khai sanh một thứ nhạc ngoại lai, hoặc đầu Ngô mình Sở, hoặc mô phỏng theo người, vụng về, hay khéo léo.

Ngành này lại thiếu hẳn tinh thần đoàn kết. Đã chẳng giúp đỡ nhau trong cuộc sống và trong nghề nghiệp

thì chớ, người ta lại còn phá nhau, dèm nhau nói xấu nhau khiến uy-tín của giới bị thiệt thòi phần nào, và chưa thể bênh vực quyền lợi mình một cách hữu hiệu. Do đó mà làm chùn chân lớp trẻ muốn bước vào nghề.

Và dưới chế độ cũ, giới sáng tác bị bắt buộc theo những đường lối vạch sẵn, những đề tài chỉ định, thành nguồn cảm hứng nghèo nàn, nhạc phẩm thiếu sinh khí và thiếu phần mới lạ.

3 — Những đề nghị về nguyện vọng.

Từ ngày những bản nhạc « cải cách » chào đời đến nay, trình độ thưởng thức những bài ca Tân-nhạc của đại chúng đã lên khá cao. Nhưng trình độ này cần được nâng cao hơn nữa. Bằng cách dẫn dắt đại chúng hiểu biết và thích nghe những bài hát lớn, loại nhạc bán thuần túy. Muốn được thế, về mặt trình diễn, thay vì trình bày một bài ca một cách thô sơ, thì ta nên soạn thêm phần hợp ca, soạn một phần đặc biệt cho mỗi nhạc khí trong ban nhạc, để gây thích thú và mới lạ cho người nghe khi trình diễn.

Các nhạc sĩ trẻ cần học thêm kĩ thuật của Tây-phương và quay về dân ca, cổ nhạc nước nhà để tìm nguồn cảm hứng. Nhiều bậc đàn anh đã đi con đường này và một số nhạc phẩm của họ vừa thích hợp với tâm hồn người Việt mà vừa được giới nhạc nước ngoài tán thưởng.

Được tự do sáng tác, là nguyện-vọng thiết tha nhất, nhưng được thấy một hội ra đời — hội ái hữu hay hội nghiên cứu — cũng là ước mong tha thiết không kém của anh em Tân-nhạc. Đã có hai, thì phải có ba, nguyện-vọng thứ ba là được thấy mở những cuộc thi sáng tác âm nhạc có tính cách quốc tế (như bên ngành Họa chẳng hạn).

C — Về nhạc Tây-phương

Nhạc Tây phương gồm có hai loại :

1) Nhạc tạp thể,

2) Đại nhạc,

và đã đến với chúng ta cùng tám mươi năm đô hộ của Pháp. Nhạc quân hành, nhạc khiêu vũ, rồi nhạc cổ điển, nhạc vui nhẹ. Dĩa hát, màn ảnh, đài phát thanh giúp cho việc phổ biến hai loại nhạc sau này càng rộng, càng sâu trong giới trí thức, giới thanh-niên ở đô thị, nhất là sau đệ nhị thế chiến.

Trường quốc gia Âm nhạc thành tập ở Sài-Gòn từ bảy năm nay và ở Huế từ năm 1962 đã được các nhạc sĩ tốt-nghiệp ở Pháp điều khiển và giảng dạy. Nhạc Tây phương chiếm một phần quan trọng trong chương trình và thu hút một số môn sinh đáng kể, nhiều hơn ngành quốc nhạc.

Điều này đã khiến những ai thiết-tha với nền truyền thống âm nhạc nước nhà phải lo ngại.

Vì thế, trong những câu hỏi gợi ý, chúng tôi có nêu câu :

Theo ý bạn, chỉ nên phổ biến nhạc Tây phương cho thật rộng rãi hoặc chỉ phục hưng hay cải cách nhạc Việt ?

Các nhạc học giả cùng các nhạc sĩ hai ngành Tân, Cổ nhạc không tán-thành việc phổ biến rộng rãi nhạc Tây phương. Một là vì nền quốc nhạc đang gặp lúc suy vi, đang ở trong tình trạng có thể gọi là bế tắc, thì điều quan tâm bậc nhất của ta là quốc nhạc ; vả lại nó là chủ, nó là cái gốc, bất cứ lúc nào ta cũng có bổn phận tài bồi, phát huy, phổ biến nó. Hai là bởi nhạc Tây phương chỉ là một thứ nhạc khách mà ta đón tiếp để hiểu biết, học hỏi thêm cũng như những nhạc khách khác có một truyền thống sâu sắc : Trung-Hoa, Triều-Tiên, Nhật Bản, Nam-Dương, Ấn-Độ, cũng như nhạc những nước lân cận ta : Miên, Lào, Thái, Miến... mà ta cần nghiên cứu và giới thiệu với đồng bào.

Vả lại, nhạc Tây phương mà có được phổ biến rộng rãi đến đâu thì kết quả cũng vẫn bị hạn chế. Chỉ một số ít người hiểu và ưu chuộng. Chớ còn quảng đại quần chúng thì đã sẵn có một thẩm mĩ quan riêng, một sở thích riêng, khó có thể thích thú được.

Chính các nhạc sĩ theo học nhạc Tây phương từ thuở nhỏ, du học lâu năm và về nước, lãnh vai trò giảng dạy loại nhạc này, đã học hỏi, nghiên cứu nhạc Tây phương không phải vì nhạc phương Tây, mà vì nhạc Việt. Họ mong những kinh nghiệm thu thập được, những cái hay cái đẹp, cái mới cái lạ thấu hiểu hay khám phá sẽ giúp họ vun bồi, phát huy cái vốn cũ âm thanh của dân tộc để nó dồi dào, khởi sắc hơn.

Một số sáng tác lớn của bà Thái-Thị-Lan (tức bà Nguyễn-Văn-Tị), Võ Đức Thu... trước kia và của Nguyễn-Khắc-Cung, Nghiêm-Phú-Phi...sau này, hoặc mượn ý nhạc ở một bài dân ca hay điệu một nhạc cổ, hoặc giữ được nét nhạc thuần túy Việt, đã hùng hồn chứng minh điều nói trên. Và đó cũng là trường hợp của hai ông Nguyễn Phụng và Ngô-Duy-Linh, giám đốc hai trường quốc gia Âm nhạc Saigon và Huế, đang nghiên cứu cổ nhạc, đang học đờn ta để có thể làm tròn nhiệm vụ khó khăn của mình.

« *Cổ kim hòa điệu* » là một thí nghiệm nhiều hứa hẹn của lớp người học nhạc Tây phương để mong làm giàu cho nhạc Việt : soạn những bản nhạc lớn trong đó có những đoạn đờn ta hòa với đờn Tây, có những đoạn chỉ có một thứ đờn lên tiếng.

« *Thi nhạc giao duyên* » ở đài phát thanh cũng là một thí nghiệm đáng chú ý của anh em Tân nhạc và nhạc Tây phương : giọng ngâm thơ trầm bổng, có tiếng sáo, tiếng tiêu nâng đỡ, có tiếng đờn nhẹ nhàng đệm theo, để đưa hồn người nghe phiêu diêu tận chốn trời mây diễm ảo.

D — Ngành nhạc học

Những bạn theo ngành này áp dụng những phương pháp khoa học Âu-Mĩ để « nghiên cứu âm nhạc cổ truyền của phương Đông, mà trước hết nhạc cổ-truyền của nước Việt ».

Ở nước Pháp, chỉ có hai trường đại học dạy môn này : một ở Paris, một ở Strasbourg. Và theo chỗ chúng tôi biết đến nay, chỉ có hai người theo con đường này : anh Trần-văn-Khê và anh Lê-văn-Hảo, cả hai hiện đang ở Pháp và đều có bài trả lời.

Đặc biệt là anh Trần-văn-Khê đã khảo cứu về nhạc cổ điển, còn anh Lê-văn-Hảo đang tìm đến dân ca, hai khía cạnh lớn của nền nhạc Việt cổ truyền ; đáng để ý thêm, là anh Lê văn Hảo là một nhà *dân tộc học*, anh chú trọng đến phong tục nhiều hơn đến âm nhạc, trong khi anh Trần-văn Khê lại chú ý đến âm nhạc nhiều hơn đến phong tục vì anh là một nhà *dân tộc nhạc học*.

Ở quê người, có điều thiệt thòi đáng kể : không thể điều tra, quan sát tại chỗ để có những tài liệu đầu tay, nhưng lại có những điều thuận lợi cũng đáng kể : nhiều tài liệu, nhiều thư viện, nhiều nhạc viện, nhiều bạn đồng hành, nhiều bậc thày, nhiều dịp tiếp xúc, học hỏi, đổi trao, dùng được tài liệu của cả hai miền Nam, Bắc...

Con đường nhạc cần thiết và hữu ích này, tiếc thay bộ hành vẫn mãi lưa thưa.

* * *

E — Hiện tình nhạc Việt ta ra sao ?

Nhìn chung, khó mà lạc quan :

— *cổ nhạc* : bế tắc, mòn mỏi ;

— *tân nhạc* : ngưng trệ, lộn xộn ;

— *nhạc theo thể thức Âu Mĩ* : còn lựng chựng ở bước đầu và chưa đi sâu (mà cũng khó đi sâu) vào dân chúng. Người trong giới chưa chịu sống trong đồng tâm nhất trí, trong đoàn kết tương thân. Chánh quyền chưa có một đường lối nào rõ rệt để cho nhạc Việt chuyển mình và lướt tới.

G — Tương lai nhạc Việt

Âm u, theo các bạn này; *hơi hứa hẹn*, theo các bạn nọ ; *còn tùy*, theo các bạn kia, *sẽ tốt đẹp*, nếu..

Cái nếu đó, không ngoài hoặc miền Nam nước Việt ta sống đời dân chủ, tự do thật sự, hoặc nước nhà được thống nhất. Bằng không, thì — như một bạn mới nói cách đây không lâu — thời này là thời của Quân sự, của Chánh trị, thì Văn nghệ dành đứng qua bên. Mong rằng các bạn không đồng ý với người bạn nọ, tức là không đồng ý với người phụ trách cuộc phỏng vấn này.

4-1-64

NGUIỄN-NGU-Í

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu NGUYỄN-VĂN-TẬP

BÁN KIỂNG, BÔNG, CÂY GHÉP

●

241, *đường Nguyễn-Trãi* CHỢ LỚN

hai ngọn la hiên

phát thạch

Khi hai đứa đợi nằm bên dốc nắng
Mắt anh nhìn rặng núi cuối tầm xa
Màu núi xanh lam đượm buồn vắng lặng
Bởi mây trời thả bóng nhẹ nhàng qua

●

Rồi anh trỏ : « Hòn La-Hiên, Phát ạ
Làng anh nằm dưới chân núi La-Hiên
Bây giờ ... Phát ơi ! thật là khó tả
Anh nhớ làng, nhớ núi... nhớ vô biên...»

●

Suy nghĩ giây lâu, gật gù anh tiếp :
« Phát nhé ! ngày nào trở lại quê hương
Anh sẽ ngẩng trông núi rừng điệp điệp
Nghe tâm tư say mở hội thiên đường

●

Anh sẽ lên đỉnh La-Hiên-bằng, để
Nhìn con sông Cà-Lồ chảy băng băng
Đưa khối nước về hạ lưu bám rễ
Cho cánh đồng ngọt mọng lúa ba trăng

●

Và anh sẽ lên hòn La-Hiện-nhọn
Như hồi thơ đọc truyện Máu truyện Vàng
Mơ thấy cả thần linh ra tiếp đón
Chén rượu, cuộc cờ.. rộn rịp ca xang...»

●●●

Anh vĩnh biệt tôi ngay từ tối đó
Giữa đêm khuya phục kích giặc ven đường
Lời hấp hối tôi vẫn còn nhớ rõ :
«Sao chúng mình bỗng nói chuyện quê hương?»

Từ buổi ấy, còn riêng tôi xuôi ngược
Với tháng ngày kháng chiến nhặt tin quân
Qua dốc nắng, làm sao quên anh được ?
Tôi lại nhìn núi hẹn một mùa xuân

●

Nhưng, một mùa xuân mười năm chưa đến
Mỏ anh xanh cỏ dại giữa rừng sâu
Tôi khốn lớn ra con thuyền không bến
Hơn mười năm chưa biết đậu nơi đâu

●

Đêm nay đây giữa xóm nghèo phố lạ
Thương anh và nhớ hai ngọn La-Hiên
Có phải không anh : Núi-Rừng — Chi-Cả
Ngoài tầm tay vụng dại đứa em hiền ??

XI-63
P.T.

●

CHƠI VƠI | *hữu phương*

Bao nhiêu mưa trút xuống mình
Một đêm ớn lạnh rung rinh nẻo tàu

Nhìn lên thấy trọn phía sau
Một vùng thăm thẳm ngất sầu cô liêu

Thân người đã quá nghiêng xiêu
Dẳng co với số hầm hiu mà buồn

Chiều ơi ! dừng lại kẻo hồn
Thời gian mỏn mỏi, tôi còn ngửa nghiêng

Chắp tay quên cả ước nguyền
Năm canh biển rộng bóng thuyền chơi vơi

H,P.

GIÃ BIỆT

Mối dây chót đã về tàu
chân tôi đạp nước rạt rào lối sông
em còn dừng mắt theo trông
dòng xuôi chiều xuống cuộn hồng phố kia

Nóc cao vàng đỏ chen đi
đường trăm ngả đó lưu ly nẻo tàu
nghe ngàn sóng dậy phía sau
tôi nhìn ngoảnh lại thấy màu nhớ thương

biết mình về với trùng dương
thoáng bay qua một làn hương buổi nào
xa rồi hương cũng lên cao
em còn chi nữa ? xanh xao nét gầy !

tôi còn biển rộng chờ đây
tay ôm sóng gió lấp đầy khoảng không
thôi xin bỏ lại saigon
bao nhiêu thương tiếc mỏi mòn theo sau

CÁT BỤI

xót thân đá trụi chênh vênh
chút rêu sao kín phận mình lẻ loi
thịt da ai chẳng bồi hồi
mang thân cát bụi ngậm ngùi, hỡi ơi !

tôi đi vào cõi đời đời
bỏ quên ngó lại bóng trời xế mau
nhìn hư vô lắm nghẹn ngào
băn khoăn khoảng rộng trăng sao ngỡ ngàng
mỗi thân chết đuối giữa đàng
xin ai làm dấu cho ngàn kẻ sau

hữu phương

Cô PHƯƠNG THẢO

1963 Sinh hoạt văn học có gì lạ ?

ĐẦU năm 1963, không khí sinh hoạt văn học bỗng được khua động ồn ào bởi cuộc bút chiến giữa ông Mỹ-Tín và ông Hiếu-Chân về vở Thành Cát Tư-Hãn của Vũ-Khắc - Khoan. Ban đầu, liên tiếp trong nhiều số báo Văn-Đàn, Mỹ-Tín chỉ trích nội dung vở kịch của Vũ-Khắc-Khoan mà ông xem là mô phỏng những loại tư tưởng xúc-phạm tín ngưỡng, phủ nhận lịch-sử của Nietzche, của Sartre... với lời giới thiệu chữ nhỏ ở trên, bày tỏ một mối nghi vần về sự vở kịch ra đời trùng hợp thời gian Mông-Cổ — một nước Cộng-Sản — kỷ niệm Thành Cát Tư-Hãn. Sau đó, Hiếu-Chân, bạn chí tình của họ Vũ, nhảy vào vòng chiến trên tờ Tự-Do, tỏ lời bênh vực vở kịch đồng thời chỉ trích thái độ chụp mũ chính trị của tờ Văn-Đàn.

Khí thế của cuộc giao đấu, thoạt tiên, có vẻ sôi nổi, hấp dẫn. Nhưng vì căn bản không phải là cuộc tranh luận văn học thực sự, nên nó sớm thành rời rạc, nghễnh ngãng, mặc dầu đã được tạp chí Văn - Học chiêu mộ anh hùng hào kiệt trợ-đấu, cố tình kéo dài một cuộc giao phong đã lạc chiến trường. Rốt cuộc, không kèn không trống, mỗi bên lần lượt rút lui với những ảo tưởng thắng trận và nhiều bực dọc trong lòng. Cuộc bút chiến ấy, nổ bùng vì những danh nghĩa chính trị, tín ngưỡng, lịch sử, nghệ thuật . . . nhưng trong thực chất là những tình - cảm cá nhân. Nói một cách khác, đó

cũng là sự va chạm nội bộ : Mỹ-Tín và Vũ-Khắc-Khoan đều là giáo sư ở trường Quốc-Gia Kịch-Nghệ. Văn-Đàn cùng với Tự-Do là hai tờ báo bắt nguồn từ một cơ sở tổ chức, cùng chung những mối liên hệ tinh thần.

Dù sao, khi màn đã hạ, người ta còn giữ được vài cảm tưởng tốt đẹp về ông Mỹ-Tín, một người chịu khó đọc sách và chịu ghi chép, về ông Hiếu-Chân, một người hết lòng với bạn, không bỏ quên bạn những phút nguy nàn. Hơn nữa, nếu ông Mỹ-Tín không phải là kẻ... đa sự, và ông Hiếu-Chân không phải là người... nóng nảy, vội vàng, thì cái không khí văn-nghệ đầu năm 63 làm sao có được những phút thức tỉnh rộn ràng quá đỗi hiếm hoi như thế ?

*
* *

Nhưng sau một tiếng hí dài, con ngựa văn-nghệ vẫn không nhảy thoát ra khỏi gian chuồng chật hẹp.

Bởi lẽ, từ lâu, chân cẳng của nó đã bị buộc chặt cả rồi !

Người ta không có gì phải ngạc nhiên khi thấy sinh hoạt văn học nghệ-thuật, sau một va chạm nhất thời, lại tiếp nối cái truyền thống uể-oải của tám, chín năm về trước, cố tình kéo dài một cái không khí bình thường nhạt nhẽo cố hữu. Vẫn những tập thơ nói về ái tình vẫn những tập truyện nói về tình, ái, bên cạnh một số dày dứt cá nhân không có lối thoát tích cực, quay tìm sinh tồ trong việc đào xới dĩ vãng, lục soát tâm tư, quanh quẩn suy nghiệm về những cuộc đời chật hẹp của một vài kẻ dư nhàn, thụ động ở chốn phồ phường. Tất cả sinh hoạt còn nguyên mạng nhện của những ngày qua, nói lên một cái thế « cùng » hết sức nặng nề : hầu hết cây bút đều lẩn trốn khỏi thực tại.

Sự lẩn trốn ấy, vào khoảng đầu năm 63, được tô đậm bằng một loại tiểu thuyết diễm tình, lãng mạn, qua các hình thức tác phẩm hay là tuần san. Những loại truyện dài tiêu cơm, đầy sự éo le gay cấn, cũng được ấn hành dồi dào hơn trước. Tinh thần giải trí trở thành một cái tiêu chuẩn khá cao để mà giới thiệu tác phẩm. Người đọc nhận thấy, qua bản thư mục sách mới hằng tháng, nhan nhản những câu « *Truyện tình giải trí* » bên cạnh loại giải trí khác : phiêu lưu, quái đản... với những tác giả quen thuộc, từ lâu gắn liền với các trang trong của những tờ báo hàng ngày.

Và tinh thần « truyện tình giải trí » cũng là một cái tác phong văn nghệ rõ nhất suốt cả thời kỳ Phật Giáo đấu tranh. Vô tình hay là hữu ý, một số tác giả, chủ báo, con buôn, đã khéo lợi dụng tình thế đấu tranh quyết liệt để tung ra ngoài thị trường những loại tiểu thuyết diễm tình với một nội dung hời hợt, giả tạo và những hình thức lòe loẹt, quyến rũ. Đó là thời kỳ của những lá thư màu tím, màu xanh, những cô áo đỏ, áo vàng, những vòng tay, vòng chân chờ đợi, những yêu, những loạn, tình tứ, trái ngang, xen lẫn những lời

triết lý rẻ tiền, tâm lý hạ cấp. Loại tiểu thuyết ấy đã giúp cho một số người hoang mang trước cuộc đấu tranh của mọi tầng lớp chống lại bạo tàn một lối giải thoát êm đềm. Và bên cạnh những lửa tự-thiêu của các Tăng-Ni đáng kính, bên cạnh những dòng máu đỏ tươi của các sinh-viên, học-sinh, — một lớp tuổi trẻ anh-dũng — loại tiểu-thuyết ấy đã quyến rũ được một số độc-giả lưng chừng thích sự mơ-mộng hơn là đấu tranh, quay lưng lại với thực-tại sôi-sục căm thù. Nhìn những xác chết và những dòng máu ngoài đường rồi quay lại nhìn sạp báo, tiệm sách, nghe những bản nhạc tình tứ lẽi thời của Đài Phát-thanh, người ta dễ cảm nghĩ rằng chế-độ tàn bạo đã phản ứng lại một cách quyết liệt sự đấu tranh của nhân dân, ngoài mặt chính-trị gian-dối, quân-sự, dã man còn cả một mặt văn-hóa sâu độc rộng rãi. *Mặt văn-hóa ấy, xét trên bình-diện ý-thức, là những nhật báo không còn liêm sỉ, hằng ngày trắng-trợn xuyên-tạc sự thực, và trên bình diện tiềm-thức, là loại tiểu-thuyết diễm tình lẻ-loẹt mà bọn cầm quyền gián tiếp khuyến khích bằng cách để mặc cho những con buôn đầu cơ và những tác giả cùng chia xẻ ý-thức hệ của chúng thủ lợi.*

Những loại tác-phẩm thiên về ái-tình dễ-dãi, gay-cấn, có bìa in những tranh-ảnh khêu gợi hay hình ca-sĩ đỡ đẫu, tuy gọi bán chạy, cũng cần giới hạn trong loại hạng độc giả nào, thuộc tầng lớp nào, ở chốn phồ phường. Người ta có thể tóm tắt những điểm tiêu-biểu của một công trình loại ấy : mặt bìa phải rất hấp dẫn, bên trong nằm vào đoạn giữa phải có ngoài chuyện yêu-đương là lẽ sống chết, những điều ngang trái có vẻ « xúc phạm thuần-phong mỹ-tục » để vào đoạn cuối tìm một kết-thúc có vẻ luân-lý. Đó là một thứ luân-lý dọn màn rất hợp vệ-sinh, khả-dĩ cứu-rỗi được cái tự-thẹn của một số hạng độc giả muốn tự nhắc nhở là mình lương-thiện khi đọc gần đến trang chót, và cứu gỡ được cho cái lương tâm — nếu quả thực còn — của các tác giả.

Nhưng về nội dung, nhận xét như thế vẫn còn thiếu sót : rải rác trong các trang sách phải dặm thêm vào những mảnh triết lý thời thượng và tâm lý vụn để gây cho các độc giả một cái ảo tưởng gian dối về cái phẩm chất của sách và về trình độ trí thức của họ.

Hơn lúc nào hết sách báo ngày nay đã được phân hóa rộng rãi và mỗi lớp hạng độc giả đòi hỏi một món ăn riêng hợp với khẩu vị của mình. Chính sự phân hóa khá rộng rãi ấy, cộng thêm thái độ lừa lọc vì nỗi kinh tế hẹp hòi, vì những tình hình chính trị làm cho mệt mỏi, khiến người đọc sách không có nhu cầu nhất định và những lái sách chuyên nghiệp từ xưa nay bỗng ngỡ ngàng, thúc thủ. Một chủ nhà xuất bản lớn đã phải kêu lên ; « Làm sao mà biết độc giả muốn gì ? » Tiếng kêu than ấy giải thích khá gọn vì sao các nhà xuất bản từ

chồi in những sáng tác văn-nghệ, nhất là những sáng tác phẩm đứng đắn, ngoại trừ một vài trường hợp ân trả nghĩa đền, trường hợp phục tùng thượng cấp, trường hợp lấy tiền nhuận bút bằng một số sách (tính theo giá bán ở ngoài thị trường) trường hợp lời ăn lỗ nhịn (nghĩa là chỉ tính nhuận bút theo một tinh thần hết sức văn-chương, nếu sách báu được).

Trước đây khá lâu, sự bế tắc này đã được một cái tổ chức mệnh danh văn hóa của chính quyền cũ ra tay khai thông bằng cách in giúp cho các tác giả. Rốt cuộc chỉ có những kẻ bà con quyến thuộc của tổ chức ấy chịu đưa sách tới, những loại biên khảo lẩm nhẩm, ngớ ngẩn, thù tạc, và sự phát hành cũng không gây nên một tiếng vang nào rõ rệt hơn sự va chạm của chiếc lá khô ở trên mặt đường bụi bặm. Cũng có một vài tác giả văn-nghệ đứng đắn — một thứ ngoại lệ — được cơ quan ấy in giúp. Cuối cùng, với lòng tri ân trĩu nặng hai vai, tác giả nhận được một mớ ấn phẩm in bằng một thứ kỹ thuật cổ lỗ đặc biệt, và khi đem sách ra bán ở ngoài thị trường thì hỡi ôi! đã có tác phẩm của mình bán trước từ lâu, và bán theo một tinh thần của giấy ki-lô! Tất cả hoạt động gọi là văn hóa và văn chương ấy đã được một vị chủ sự của cơ quan ấy tỏ lời nhận xét như sau: «Nếu một mai đây cơ quan của tôi có một tấm biển in bằng chữ lớn đàng trước: « Tại đây có bán thịt chó » thì cũng không làm cho ai ngạc nhiên thêm một chút nào».

Ông Nguyễn-Hiến-Lê, một nhà xuất bản có nhiều kinh nghiệm thực tế, trước đây ước mong tình hình sẽ được cải thiện qua câu dịch lý khá phổ biến này: « Cùng tắc biến, biến tắc thông ». Sự *tắc biến* ấy, đến năm 63, đã được thực hiện một cách rõ ràng, trong hai hiện tượng đáng kể:

a) *Hiện tượng thứ nhất* là những người Tàu Chợ-Lớn đã ngưng bớt việc đầu cơ thịt heo, thịt bò, nước mắm.. để bắt tay thật mạnh dạn vào việc sách vở, văn chương. Trong mấy ngàn năm lịch sử dân tộc Việt-Nam mới được chứng kiến một sự kiện lạ như thế: một số gian thương người Tàu khuynh đảo sinh hoạt sách vở bằng một kỹ nghệ *bán xôn* rất là qui mô. Tưởng nên phân biệt hai loại bán xôn hiện tại: một loại, tạm gọi *bán xôn thụ động* thuộc về người Việt, chỉ một tình trạng nhà sách lâm vào trường hợp bế tắc, phải mở một con đường máu thoát thân, là phá giá hẳn những ấn loát phẩm của mình và đành chịu biến cửa hàng thành một cơ sở bán xôn ảm đạm để cò vớt lấy một phần vốn liếng đã thành chữ nghĩa trơ trẽn. Một loại bán xôn khác hẳn, tạm gọi *bán xôn chủ động*, thuộc về kế hoạch kinh tế của những người Tàu Chợ Lớn. Loại bán xôn này sẵn tinh thần « xôn » từ trong trứng nước, nghĩa là nó được quan niệm, in ra để mà bán xôn, theo một kế hoạch như thế, trên một cơ sở phát hành như thế. Đặc tính của những tác phẩm loại này là bìa in

màu lòe loẹt, giá để rất cao để bán rất hạ, nội dung gồm ba loại chính : Loại dịch tác phẩm nước ngoài, loại truyện ái tình, võ hiệp đã từng đăng báo hàng ngày, loại linh tinh gồm đủ các môn do mua ki-lô của các tiệm sách người Việt phá sản đem về thay bìa cắt xén, sửa sang cho hấp dẫn hơn. Loại bán xôn này đã làm suy sụp không những sáng tác văn nghệ mà cả công trình biên khảo giáo khoa, đồng thời đánh ngã cả những tác phẩm dịch thuật đã có từ trước. Chủ tiệm người Tàu thuê dịch sách ngoài bằng một giá thật rẻ mạt để cung ứng cho thị trường tiêu thụ theo một giá cả phải chăng, nhờ họ có sẵn nhà in, có sẵn giấy vụn, có sẵn nhân công luôn luôn sợ hãi thất nghiệp, chịu làm bất cứ giá nào, giờ nào. Tất nhiên sự dịch thuật ấy chỉ được thực-hiện theo một tinh thần mô phỏng hoàn toàn, nhiều khi chép lại một bản dịch nào đã có tiếng tăm từ trước và chỉ sửa đổi lời văn cho lưu loát hơn, nghĩa là không cần đúng với nguyên tác. Chẳng hạn trước kia tác phẩm *Tâm Hồn Cao Thượng* của Hà-Mai-Anh, dịch ở quyển Les grands cœurs của Edmond de Amicis, bán ra khá chạy thì đến ngày nay có một tác phẩm như thế, na ná như thế, trong cái thế giới bán xôn. Không chỉ dịch những tiểu thuyết, người Tàu còn thuê dịch cả những sách giáo khoa, và trong điều kiện học sinh thiếu sách, thiếu tiền, loại sách giá rẻ này được tiêu thụ đáng kể.

Tình trạng bán xôn thụ động buồn bã bao nhiêu thì sự bán xôn chủ động vui vẻ bấy nhiêu. Lần lượt, ở năm 63, các tiệm bán xôn mọc lên khá nhiều ở khắp khu vực thành phố và nhiều gian hàng từ trước đến nay nép dưới mái hiên vỉa hè bây giờ nghiễm nhiên vào hẳn trong nhà, bành bao, no đủ một cách lòe loẹt. Từ con đàng Võ-Di-Nguy ở Phú-Nhuận đến con đàng Lê-Văn-Duyệt, Phạm - Ngũ - Lão, Cao-Tắng v.v... ở Saigon mỗi ngày tiệm sách bán xôn lại thêm mở rộng, chứng tỏ bàn tay chi phối sinh hoạt sách vở của những chủ hiệu người Tàu càng ngày càng mạnh, trước những vẻ mặt nhăn nhó của những chủ tiệm người Việt.

Một điều thực đáng quan tâm là những chủ tiệm người Tàu điều-khiển sinh hoạt sách vở là những người không đọc được sách Việt, đừng nói đến sự thưởng thức văn chương. Họ chỉ làm việc qua hạng trung gian, mách mối, qua một loại người « chỉ điểm », và ai cũng hiểu dễ dàng là họ không có quan tâm một xu nhỏ nào đến sự xây dựng tinh thần độc giả, đến việc phát-triển văn hóa, xây dựng văn học. Những danh từ này mà nhiều kẻ trong chúng ta đây vẫn còn nói đến một cách trang trọng, thiết tha thì các chủ tiệm bán xôn có thể coi rẻ hơn là loại giấy vệ sinh. Những kẻ không biết sách vở quyết định vận mạng sách vở, âu đó cũng là một cái đặc tính hiển nhiên rất hợp thời đại, không riêng gì trong phạm vi chữ nghĩa.

Tuy vậy trong sự làm ăn, người

Tàu cũng gặp một ít khó khăn là những sách vở mà họ in ra không phải hoàn toàn được tiêu thụ hết. Bởi không hiểu được quần chúng muốn gì, họ chỉ dò chừng khiêu-thích độc giả bằng cách tung ra hàng loạt tác phẩm, rồi sau thời-gian mở cửa đợi chờ, họ có thể nghiệm trên cái kết quả thực tế đã thâu lượm được, quyển nào là đáng in lại, hoặc ít hoặc nhiều, quyển nào là đáng ghi tâm khắc cốt để khỏi dại dột tái bản. Sau một thời gian sàng sảy như thế, tủ sách của họ lại lâm vào một tình trạng ứ đọng nặng nề khiến họ lại phải tìm cách thoát ra những vỉa hè khác, hoặc mở rộng thêm sinh hoạt bán xôn trên các xe lửa, xe buýt, ở các bến xe lục tỉnh, bến xe Cao Nguyên và Miền Trung.

Những sách người Tàu tung ra bán xôn hoàn toàn là sách viết theo tinh thần giải trí dễ dàng, chú trọng nuông chiều thị hiếu quần chúng, do đó những loại văn phẩm đứng đắn hay là có vẻ đứng đắn, tất nhiên không được họ đếm xỉa tới một mảy may nào.

b) *Thực trạng xuất bản như trên đã làm phát sinh một hiện tượng khác, hiện tượng những người sáng tác đứng ra xuất bản lấy tác phẩm mình hoặc trở thành nhà xuất bản.* Một số tác giả tương đối đứng đắn viết ra không được những nhà xuất bản tiêu thụ nên đã tự túc trong sự trình diện tác phẩm của mình ra ngoài quần chúng. Hiện tượng này đã thấy xuất hiện trong những năm qua, ngày nay lại càng phổ biến nhiều hơn. Với những điều kiện hạn chế của sự phát hành cá nhân, số sách in ra thường được rút gọn trong một tỉ số rất thấp để khỏi ngưng đọng trên các thị trường. Do đó nhiều sách tuy ấn hành xong đã lâu mà chỉ có mặt quanh quẩn ở vài thị trấn khá lớn, trong vài tiệm sách có uy tín nhất, hoặc quen biết nhiều đối với tác giả. Cũng có những sách thuộc loại bán chạy vì khiêu động được thị hiếu hạ cấp của số quần chúng trẻ tuổi và nhờ có những phương tiện quảng cáo rộng rãi nên các tác giả dành lấy cho mình độc quyền xuất bản và dám phát hành với một tỉ số rất cao. Ngoài ra, một số tuần báo, tạp chí, sẵn có độc giả và những phương tiện ấn loát, quảng cáo, cũng biến thành nhà xuất bản, như trường hợp tờ Kịch-Ánh, Văn-Nghệ, Tiểu-Thuyết tuần san...

Nhưng nổi bật nhất trong năm là những nhà văn trở thành những nhà xuất bản, lối tiểu qui mô như trường hợp nhà xuất bản Thời-Mới, Phù - Sa, Giao - Điểm, Sáng-Tạo... Trước hết họ phải giải quyết tình trạng bế tắc của tác phẩm mình, sau đó họ có thuận tiện khá rõ là trên một chừng mức nào họ đã biết được quần chúng ưa thích loại gì và họ có thể căn cứ vào sự tiếp xúc với một số độc giả để điều chỉnh lại quan niệm xuất bản. Họ khỏi phải mua tác phẩm của họ đã đành, mà họ cũng khỏi chi tiền ra trước đối với những tác phẩm nào không phải của họ, bởi vì cùng trong một giới sáng tác nghèo túng, người ta thông cảm với nhau tương

đổi dễ dàng. Những tác giả một sớm một chiều trở thành ông chủ xuất bản — một loại ông chủ tự túc, vất vả — chỉ khởi sự nghiệp bằng một số vốn rất là ít ỏi. Chính cái số vốn khá mỏng manh ấy ngăn tránh cho họ khuynh hướng làm ăn qui mô, một trong khá nhiều nguyên nhân gây ra thất bại lớn lao. Họ cho xuất bản một số rất ít, bằng lòng với một số lời rất nhỏ và dành cho nhà phát hành một món hoa hồng rất cao. Những nhà phát hành này vốn là những nhà xuất bản chuyên nghiệp cũng chỉ mua lấy một số hết sức hạn chế, tuy đã có sự tín nhiệm ở cái năng khiếu lựa chọn của người xuất bản. Như vậy không ai đi vào một cuộc phiêu lưu nào hết. Mọi sự trở lại bắt đầu, bị gạt lui lại cái thời tiền sử của sự ấn loát phát hành. Sinh hoạt văn nghệ, tự cho xứng với danh ấy, là một mò mẫm, sờ soạng, một cái « tắc-biển » nhu mì như một cô gái nhà lành.

Tất cả sự kiện xảy ra trong ngành xuất bản cho thấy tình hình càng ngày càng khó khăn hơn vì luật đào thải càng rõ rệt hơn, đòi hỏi muốn được tồn tại, phát triển phải có khả năng thích ứng cao hơn và phức tạp hơn.

Nhưng chính hiện tượng thứ hai trên đây lại làm phát triển một hiện tượng khác, đó là dịch thuật. Một phần vì sức sáng tác bị khô héo dần do sức phản ứng tiêu cực của các nhà văn đối với tình hình nên những người làm văn học cũng như một số độc giả quay tìm chất sống trong những tác phẩm nước ngoài. Một phần công tác xuất bản đòi hỏi phải có ít nhiều liên tục cũng như uy tín trong các ấn phẩm khiến các chủ nhân xuất bản phải hướng về sự dịch thuật. Ngoài ra, trong chính quyền cũ có lập một ngành phiên dịch nhưng công cuộc ấy không đem lại kết quả gì đáng kể bởi vì những người chủ chốt thiếu cả kiến thức hợp thời cũng như thiện chí làm việc, do đó số sách lựa chọn dịch thuật không có một hệ thống nào hợp lý, không có một chủ điểm nào rõ rệt, một ý hướng nào tiến bộ. Còn loại sách dịch của các tư nhân thì không kể những số sách đã thành cổ điển ở các nước ngoài như *Những kẻ khốn nạn*, *Không gia đình*, *Rô-Bin-Sơn* . . . thuộc ngành bán xôn, chỉ mới lẻ-tẻ một số tác phẩm của Sartre, Camus . . ., một loại thời thượng thật ra cũng đã quá thời đối với văn nghệ thế giới. Do sự phát-triển chậm chạp của ngành văn học xứ sở, khuynh hướng dịch thuật có rõ hơn trước, nhưng vẫn bị sự hạn chế của cái trình độ thưởng-thức, trình độ tiêu thụ, nên chưa cho thấy một viễn ảnh nào hứa hẹn.

*
* *

Đó là một vài nét lớn ở trong sinh hoạt văn học của năm 63. Tình hình nặng nhọc, mệt mỏi, văn nghệ lẳng trẳng, rời rạc, chỉ có một thiểu số nào muốn tự cứu rỗi mở một lối nhỏ giữa những gai góc mà đi lặng lẽ. Cũng vì những sự hạn-chế phức tạp như vậy cho nên điểm qua những sách xuất bản

năm 63, người ta không thấy một công trình nào xứng đáng, ở trong phạm vi tiểu thuyết, có một tổng-hợp tương đối tiêu biểu giữa phần tư tưởng và phần nghệ thuật. Riêng phần biên khảo văn học hay có liên quan đến những hoạt động văn hóa, văn học, có ba tác phẩm nổi bật : *Tiểu thuyết hiện đại* của Tràng Thiên, *Lược khảo văn học* và *Chủ-nghĩa thực dân* của Nguyễn - Văn-Trung. Những tác phẩm này có một cái nhìn tổng hợp và có một số nhận xét tinh tế, tiến bộ, vượt hẳn những tác phẩm cũ cùng loại.

Tuy những nét chung là vậy, nhưng tình hình văn học của năm 63 phải được nhận xét qua ba giai đoạn riêng biệt : Giai đoạn trước ngày Phật-giáo đấu tranh, trong ngày Phật giáo đấu tranh và sau ngày 1/11/63.

Suốt khoảng thời gian Phật-giáo tiếp đến sinh viên học sinh, đấu-tranh, ngoại trừ một vài tác phẩm yêu đương nhảm nhí cố tình tạo sự sôi nổi, còn thì nhìn chung sinh hoạt văn học nghệ thuật xuống thấp rõ rệt. Trước những cái chết cao cả của các Tăng-Ni, lương tri con người choàng tỉnh, và nơi bề sâu tâm não nhiều người, những gì của lòng hướng thiện, hướng chân bị che mờ đi cũng được lộ hiện, đòi hỏi ít nhiều một sự đồng tình, một sự tôn trọng. Cái chết của nhà văn Nhất-Linh, tuy có một số bàng quan đối với thời cuộc chỉ xem như là dấu hiệu tuyệt-vọng, một sự thoát ly tiêu cực, nhưng đặt vào trong cảnh ngộ cụ thể lúc ấy, với những tương quan của nhà văn ấy đối với xã hội, cái chết có một giá trị tố cáo chế độ, phủ nhận chế độ thật là lớn lao. Một người tưởng như mệt mỏi là Vũ-Hoàng-Chương, vẫn còn tiềm ẩn nhiệt tình cao quí để cho hồn thơ chối dậy với lửa tự thiêu, bất chấp cả sự đe dọa, khủng bố của lưới mật vụ, công an giăng bủa tràn đầy. Trước sự trạng ấy những loại văn nghệ quen thuộc trước kia, trở thành lạc lõng, vô duyên, và người cầm bút còn chút tự-trọng tối thiểu phải đè đặt lại, kiểm điểm tư cách sáng tác của mình. Sự chùn lại ấy, trước cái cao trào quần chúng đấu tranh chống lại bạo tàn, gián tiếp nói lên một sự phê phán, đối với mọi mặt sinh-hoạt văn học nghệ thuật. Đó là thời kỳ một người sáng tác truyện dài nhật báo ăn khách vào bậc nhất nhì đã phải thú nhận : « Lúc này những chuyện mình viết đã thành nhảm nhí, trơ trẽn ». Đó cũng là thời phần lớn những sách xuất bản gởi về các nơi — Lục tỉnh, Miền-Trung — phải bị ứ đọng, bị gởi trả lại. Sinh hoạt văn học nghệ-thuật không theo kịp đà tiến hóa, gặp khi xã hội vọt nhảy, đành phải im lặng cúi đầu.

Sau ngày 1/11/63 văn học lại càng không đuổi theo kịp những biến chuyển mới. Những sáng tác phẩm chậm lại, những ấn loát phẩm thưa dần, tất cả sinh hoạt văn hóa nhường cho báo chí một ghế độc-tôn. Theo một số người tòng sự tại phòng kiểm duyệt thì trong hai

tháng, sau ngày 1/11/63 tổng số những người nạp bản giảm xuống rất nhiều. Tất cả cho báo chí hằng ngày, nào giấy, nào mực, thợ in, máy móc và luôn cả những độc-giả. Thật chưa lúc nào báo chí sôi nổi đến thế. Đi đâu cũng nghe nói đến mở báo, xin báo, đọc báo. Những vấn đề dân sinh, dân chủ lại được có dịp bàn bạc, phát triển, song song, với những đòi tư của các nhân vật quen biết, cũng như bao nhiêu bí mật hậu của họ Ngô-đình cũng được khai thác, tạo thành truyền thuyết. Sự xôn xao ấy về mặt nhật báo, xét trên căn bản, là một triệu chứng đáng mừng vì nó nói lên phần nào tinh thần sốt sắng góp phần xây-dựng và lòng người dân muốn dò thăm những phản ứng của chính. quyền mới cùng cũng những nỗ lực của họ. Trong sự dồn nén lâu ngày, báo chí một phút cởi mở, có thể đi quá giới hạn của mình. Tuy vậy những nhà cầm quyền yêu dân quí dân, chắc không vì những mặc cảm cá nhân mà đặt quyền lợi tinh thần lớn lao, lâu dài của quần chúng mình xuống dưới nỗi niềm công phẫn trước những lệch lạc nhất thời. Trên một nhận thức thật sự dân chủ có lẽ không ai sợ rằng quần chúng đi quá giới hạn mà chỉ lo rằng quần chúng không dám đi đến giới hạn mà họ có thể đến được.

Chỉ mới một tháng phát triển, báo chí đã rũ sạch được khá nhiều cái vẻ nhất trí bí thảm, tối tăm, của chế độ cũ. Người đọc không thể đòi hỏi quá nhiều và quá vội vàng về những khả năng của nó. Tuy vậy, nhìn chung, mặc dầu có một băn khoăn dân chủ rõ rệt, báo chí vẫn chưa thoát khỏi những nề nếp cũ đã thành lỗi thời trong những sinh hoạt trang giữa (mà trước đây không bao lâu họ thấy nhảm nhí, trơ trẽn) và nhất là trong tiểu xảo, thủ đoạn lừa bịp lôi cuốn khách hàng ở ngay trong đầu. Người ta bắt buộc phải nghĩ rằng những mánh khóe gian dối để kiếm độc giả chỉ nên tồn tại trong một hoàn cảnh chính trị gian dối để cai trị dân ; ngoài ra không có thủ đoạn khôn ngoan nào vượt qua được sự thực. Tưởng đã đến lúc những vị chủ báo xứng đáng với nghề nghiệp mình lấy cái lập trường vì dân chân chính và cái tư cách xây dựng thẳng thắn làm một sức mạnh, làm một lẽ sống cho tờ báo mình. Sau một biến cố chính trị, trình độ nhận thức của quần chúng được nâng cao-vọt hẳn lên trước khi bị cái sinh hoạt bình thường hạ thấp bớt lại. Người ta không thể cứ dùng phương thức cũ kỹ để đối đãi với quần chúng của mình. Trình độ quần chúng đã vượt mức cũ, những người làm báo phải nhận thức đúng những đòi hỏi mới. Một ngày không xa, chắc rằng quần chúng sẽ đào thải dần những gì không hợp nhu cầu tiến hóa của họ, trong đó có những tờ báo không chịu lấy sự quan tâm sinh hoạt nhân dân làm một lý tưởng.

Trong ngày mồng 31 tháng 7 của năm 63, một tuần trước khi từ giã cõi đời, nhà văn Nhất Linh có đến

gặp mặt anh em văn nghệ ở Hội Bút Việt. Ông có quay sang hỏi một văn-hữu chuyên viết phê-bình:

— Văn nghệ, báo chí bây giờ sống ra làm sao ?

— Thưa, đa số sống bằng quảng cáo, nịnh bợ và ve vãn người đọc. Nói chung, sống bằng gian dối, lừa bịp. Còn ngày xưa, các anh sống bằng những gì, và sống thế nào ?

Ông Nhất Linh đã trả lời lại, trước nhiều anh em văn nghệ :

— Chúng tôi sống bằng cảm nghĩ chân thành của mình, và sống đầy đủ...

Từ thời kỳ ấy đến nay bao nhiêu mươi năm đã trôi qua rồi ở trên cuộc đời dân tộc. Tuy sự mạ kền có tiến bộ nhiều và đồ mạo hóa có gia tăng hơn nhưng những hóa phẩm thực chất không ngừng phát triển. Những hàng thực chất cuối cùng vẫn được quý chuộng hơn đồ giả mạo, đó cũng là một chân lý mà mỗi biến cố chính trị càng làm cho sáng tỏ hơn.

Ngày nay, tình hình chính trị đã đem lại những thuận lợi hơn trước. Người ta chờ đợi ở người cầm bút một tinh thần mới, phù hợp với giai đoạn mới. Chắc không còn ai ngăn cản được họ nói thực, và văn nghệ sĩ vốn từng tha thiết sự thực, sẽ có nhiều dịp tìm hiểu xã hội, phóng sự sinh hoạt, phát triển luận đề, đào xới sâu hơn và thoải mái hơn trong những khía cạnh nhân sinh. Người ta mong rằng những văn nghệ sĩ sẽ thoát khỏi được tình trạng ê ẩm rũ liệt của bao năm qua và chính quyền mới không có những mỏi mặc cảm sợ hãi sự thực dễ dàng tìm thấy ở trong bất cứ người nào của chính quyền cũ.

Được sự cảm thông như thế, văn học cũng như nghệ thuật của năm 64 sẽ phồn thịnh hơn, giã từ được cái quang cảnh tiêu điều của những lá úa, cây cằn, quang cảnh sầu thảm của những giọt lệ ưu tư, quang cảnh lỗi thời của những nhân vật xuẩn động nhiều hơn suy tính, ăn chơi nhiều làm việc, chịu đựng nhiều hơn đấu tranh.

Chúng ta vui vẻ đợi chờ kết quả khả tốt đẹp ấy. Nhưng liệu các nhà văn học nghệ thuật có chịu chia xẻ cho ta niềm vui vẻ ấy, hay là vẫn giữ thái độ hững hờ, vì sự thay đổi xã hội đã gây cho họ những thứ mặc cảm lạc-loài, mặc cảm của kẻ thụ hưởng mà không đóng góp ?

CÔ PHƯƠNG THẢO

● Anh có biết rằng trong một quốc gia, không có quá năm chục hay sáu chục cái đầu nguy hiểm, và trong những cái đầu ấy trí tuệ cân xứng với tham vọng ? Biết cai trị là biết những cái đầu đó để chặt chúng đi hoặc để mua chuộc chúng.

Honoré de Balzac

Thương về xứ Huế

Hò ơi !
Ta mãi « thương về xứ Huế » thời quá khứ,
Thương câu : « Khô héo lá gan cây đĩnh Ngự,
Đầy vơi dòng lệ nước sông Hương »
Bà Hoàng Phi quạnh quẽ trắng canh sương
Viết bài thơ muôn dặm gởi quân vương...

Hò ơi !
Ta mãi « thương về xứ Huế » hoàng đô cũ,
Rồng phượng uy-nghi được mấy mùa ?
Ta nhớ năm nao ngày « thất-thủ »,
Cửa thiền rộng mở độ chuông trưa.
Ta nhớ đêm nao giờ máu đỏ,
Thịt xương ai vùng dậy vững tay cờ.
Đêm nao nằm nghe pháo nổ,
Ra hiên ngưỡng vọng trăng xưa...
Trăng bi hùng nghìn trùng rực rỡ,
Hồn oan khiên thét vỡ giấc hoa mơ !

Hò ơi !
Ta mãi « thương về xứ Huế » chiều mưa hạ,
Trong mưa ta gặp người Cố-nhân...
Người mặc áo vàng, son hay màu xanh mây lá ?
Mười năm qua ta thấy ngỡ-ngàng.
Rồi không bắt tay mà từ giã,
Cùng nhìn nhau mà bâng-khuâng...

Hò ơi !
Sao ta vẫn cứ nhớ thương về xứ Huế...
Phú-văn lâu gờn gợn mãi câu hò.
Chừ đây xin có bài ca nhỏ,
E ấp gởi về trao cố đô.
Ta nhớ tháng Năm, ngày lệ ứa,
Ta thương bến cũ mấy con đò ?

Hò ơi ! thương nhớ nào nguôi được,
Ai biết oan hồn về ngả mô ?
Ta với Cố-nhân đồng chứng kiến :
Huế hùng ! Huế lực ! Huế phong-ba.

Đà-Nẵng, một đêm tháng Năm, Quí-Mão (1963)

Vũ-Hân

NHÓ' BUỒN THÁNG SÁU (*)

hoài hương

Người ta buồn
Vì một cành hoa héo
Sao không buồn
Vì những người chết trẻ ? !

☆

Người hiểu lầm nhau.
Tin từ đó lan ra,
Máu chảy, lòng đau
Nước mắt đổ chan hòa.

☆

Cây bồ đề đứng vững
Không vì đất phì nhiêu
Với thời gian, sừng sững
Che chở vạn tình yêu.

☆

Mẹ tôi như người xưa
Tháng tháng lại lên chùa
Lần tay lên tràng hạt
Đếm từng bữa già nua...

☆

Cứ mỗi lần đau khổ
Tôi tìm tới Người xưa
Nghe lời kinh dạy dỗ
Tôi lớn đến bây giờ

Trên đài sen muôn thuở
Nước mắt ngài long lanh
Thương con người lầm lỡ
Để máu chảy sao đành.

☆

Tôi biết rồi tất cả
Nên quì xuống van xin
Lời người còn nhẹ dạ
Lòng dục là căn nguyên

☆

Xin Ngài tha thứ hết
(Ngài tha thứ lâu rồi)
Và những người lỡ chết
Sẽ theo ngài lên ngôi.

☆

Mỗi năm còn Tháng Sáu,
Tôi vẫn nhớ đinh ninh.
Mong đời thôi đổ máu,
Cho đỡ buồn chúng sinh.

H.H.

(*) Bài thơ này cùng một số thơ của Hoài Hương, và các bạn thơ khác đã bị kiểm duyệt, nay chúng tôi chọn đăng lại. Nguyên đầu đề là «*Nỗi buồn tháng sáu*».

BA MÓN NỢ TINH THAN
của HỒ-HỮU-TƯỜNG

● *NGUIỄN-NGU-Í*

TRONG một cuộc gặp gỡ gần đây, chúng tôi vừa đứng về phương diện một người bạn lâu năm, vừa đứng về phương diện một người cầm bút, mà góp ý với anh trong việc hoạt động Văn-hóa của anh sau này.

—Anh đã quyết làm việc cho Văn hóa, thì tôi thấy anh có ba món « nợ » cần phải trả :

« Một là món nợ « *theo Bình-Xuyên* ».

« Hai là món nợ « *rời bỏ chủ-nghĩa Marx* ».

« Ba là món nợ « *tìm một ý-thức hệ mới* ».

Phòng khách đã chật, mà người lại đông, tôi phải nói lớn hơn bình thường. Anh xích lại khít tôi, chăm chú.

— Một số ít anh em hiểu anh vào « Mặt trận Thống-nhất toàn lực Quốc.gia » là mượn cái thế của các giáo-phái và của Bình-Xuyên để lật ông Diệm, rồi đi đến một Quốc-kế hội nghị v.v., nhưng phần đông đồng bào — nhất là giới trí thức và sinh-viên, đặc biệt là người miền Bắc di cư — bất bình anh ra mặt ; họ tiếc và tức cho anh. Họ nói : Thà anh làm mưu sĩ cho một kẻ gian hùng hay cho một tên ngu độn, họ còn hiểu và còn có thể tha thứ cho anh, chớ còn vào giờ chót chạy theo ủng hộ một tay côn đồ, thì họ chịu không hiểu anh và tức tối vô cùng. Lời buộc tội của Tòa-án dưới chế độ cũ, lời tường thuật và phẩm bình của các báo lúc bấy giờ lại càng khiến dư luận công phẫn đối với anh hơn nữa.

« Tôi nghĩ anh cần lên tiếng.

« Để lỡ chứng bịnh đau tim có làm anh chết không kịp trối với án tử hình chưa gỡ, Lịch sử dễ bề «xét» trường hợp và sự chọn lựa của anh ».

Cái đầu trắng gần hết tóc ấy nghiêng về phía tôi.

— Tôi xin cám ơn số ít bạn bè đã hiểu giùm vì sao tôi gia nhập vào «Mặt trận Thống nhất toàn-lực quốc-gia». Còn đối với đa số đồng bào tức và tiếc sao tôi đã « theo Bình-Xuyên », thì nhờ anh nói lại rằng tôi còn trong cái thế chưa thể phân trần. Đồng bào thương, thì tôi nhờ. Đồng bào không thương : tôi đành chịu.

Trầm ngâm một chặp, anh tiếp:

— Tôi xin tặng anh một giai thoại này. Khi bọn chúng tôi chạy xuống Rừng-Sát, anh bạn già Nguyễn-Thế-Truyền xuống tìm chúng tôi, đòi chia sẻ phận. Anh Ẩn và tôi phải cản ngăn và giải thích gần hết hơi, ảnh mới chịu về. Chúng tôi nói : ảnh đã già, chịu cực như chúng tôi không nổi, và lại chẳng ích chi, sự thất bại rõ ràng ra đấy, chết chùm thêm uổng ; sao bằng trở về, tìm cách khác để chống đối lại « họ ». Anh Sửu cũng vậy, anh Sửu đã vào Quốc-hội, đã công khai chống đối lại, và bị bắt, bị tù, bị tội. Sau này, ảnh nhắn ra chúng tôi, phải chi đừng « đuổi » ảnh về thành, thì bắt quá là mang cái án tử hình, rồi ra Côn-Đảo nghỉ mát ; đằng này, ảnh không được cái « vinh dự » ấy, mà lại còn bị đưa lên khám, xuống hầm, tra đi tần lại, khiến thân già xơ xác; cho nên ảnh « oán » chúng tôi lắm và « ganh » chúng tôi « được » cái án tử hình !

Chúng tôi cùng mỉm cười.

— Anh rời bỏ chủ nghĩa Marx từ 1939 — chớc đà hai mươi bồn năm trời ! — mà phần đông vẫn tưởng anh là người của Đệ Tứ quốc-tế. Điều « không biết » này tai hại cho anh lắm, chẳng những cho cá-nhân anh, mà cả cho thế chế trung lập mà anh nêu ra và cổ võ hồi mười năm trước. Tưởng anh nên nói rõ anh đã « thanh toán » với chủ nghĩa Marx bằng cách nào, vừa để người ta hiểu anh, vừa để số người ở bên kia đang chán chường với chế độ và cũng để cho số người ở bên này đang bị cái thuyết ấy cuốn lôi..., họ nghĩ lại và có một thái độ dứt khoát ; anh giúp lớp hậu tiến khỏi đi lại những đoạn đường anh đã đi qua. Và nhơn tiện, anh cho biết những cuộc gặp gỡ, những ý kiến đổi trao, những nhận xét của anh đối với những nhân vật cầm đầu miền Bắc : những Hồ-Chí-Minh, Phạm-Văn-Đồng, Võ-Nguyên-Giáp, Trường-Chinh, Trần-Văn-Giàu, Dương-Bạch-Mai, Lê Duẩn..., cùng những nhân vật đặc biệt miền Nam nay đã không còn : Nguyễn-An-Ninh, Phan-Văn-Hùm, Tạ-Thu-Thâu.

Anh thở dài.

— Với các anh Thâu, Hùm, Ninh, thì chưa cần ; với những

nhân vật Đệ Tam còn sống đó, thì còn sớm. Tôi đã thanh toán với chủ nghĩa Marx bằng cách nào ? Mười năm về trước, tôi đã gom góp sáu bài tôi viết đăng báo từ năm 1946 đến 1953, cho cái tên là : *Nợ tinh thần*, với một bài « Thay lời tựa » để trả lời câu hỏi trên một cách giản-dị. Quyển sách tư tưởng nhỏ này đã được phép xuất bản — tự nhiên là có bị cắt, xén —, nhưng sắp chữ vừa xong trương chót, thì cuộc xung đột Diệm — Bình-Xuyên bùng nổ, ân cảo của « Nợ... » kia đành nằm chờ đó.

— Anh cho biết tên sáu bài của « *Nợ tinh thần* ».

— Đó là « *Nội ngoài đề* », tôi viết ở Hà-Nội, năm 1946 ; *Tân-Xuân-Thu, Văn hóa mới*, hay *Lại nói về Tân-Xuân-Thu* ; *Xuân Thu cũ và Xuân-Thu mới nhìn ngang bộ Đông-Châu liệt quốc* (ba bài này tôi viết ở Sài-Gòn, vào năm 1949) ; hồi kí *Tù trong tù* (tôi viết ở Paris, cuối năm 1949), và truyện ngắn triết lí « *Con thần lần chọn nghiệp* », viết năm 1953, ở Sài-Gòn. Để sáu bài này kề nhau, với bài « Thay lời tựa » ở đầu, thì những bạn nào cứ tưởng tôi còn nằm trong chủ nghĩa Marx sẽ không nỡ « đè » tôi dưới ngọn Ngũ-Hành-Sơn ấy.

Anh im lặng một hồi rồi nhìn tôi:

— Tôi sẽ nói nhà-tôi cố xuất-bản cuốn « *Nợ tinh thần* ». Nhưng sách thì phải kiểm duyệt, mà báo thì không. Vậy nếu anh em ở Bách Khoa mà muốn giúp tôi và giúp những ai chưa hiểu tôi, hay hiểu lầm tôi..., thì nhờ anh em « xuất

Ảnh chụp tại Cô-Đào ngày 2-8-61. Hà-Hiểu-Trường, Nguyễn-văn-Thành và Trần-Văn-Ấu

bản » lần cái « Nợ... » ấy trên Bách-Khoa vậy.

Tôi hứa sẽ chuyển ý anh lại anh chủ trương biên tập, và nói :

— Sáu bài anh nói ấy vốn đăng rải rác nhiều nơi, lại cách khoảng năm, ba năm, khi ở Bắc, lúc ở Nam. Các bạn có tuổi cũng ít người đọc đủ, và hẳn có lắm bạn tuy có đọc đủ mà muốn xem lại thì chẳng biết tìm đâu ; còn bạn trẻ thì chắc là ít ai biết. Nay đăng lại tất cả, với lời nói đầu của anh, thì những bài ấy lại có thêm một giá trị khác, tôi nghĩ rằng tòa soạn Bách Khoa sẽ làm vui lòng anh ; huống chi lại còn làm hài lòng độc giả. Hơn nữa . . .

Thấy tôi ngừng lại, anh cười cười :

— Bộ anh sắp tiết lộ một điều « bí mật quốc gia » hay sao mà đắn đo vậy ?

Tôi nắm tay anh :

— Anh em ở Bách-Khoa nghĩ rằng : anh em để cho thiên hạ Hồ-Hữu-Tường nhà văn, Hồ-Hữu-Tường nhà báo, Hồ-Hữu-Tường học giả, Hồ-Hữu-Tường chánh trị gia, mà chỉ muốn « giành » Hồ-Hữu-Tường nhà tư tưởng.

— Hồ-Hữu-Tường nhà tư-tưởng...Thì các anh em Bách Khoa nghĩ gì về cái đệ.. ngũ nghiệp này của tôi ?

Thấy anh tỏ vẻ nóng bức, tôi càng thong thả mở lời.

— Cái gì của anh « còn lại mai sau », anh em thấy đó là phần tư tưởng. Anh đã định hiến thân cho Khoa học, rồi anh dấn thân vào Chánh trị, anh đã tổ chức, đã hành động, đã lí thuyết, đã đấu tranh, thành công một ít, mà thất bại cũng nhiều, anh lại có dịp đi đây đi đó, tiếp xúc với người, lại có dịp nằm dài một chỗ mà trầm ngâm về Triết học, về Tôn giáo, về cuộc Đời, lại có dịp dựa kề cái Chết để gặp mình với mình..., thì con người không bằng lòng cái Duy tâm, Duy thần, Duy vật, say mê chui vào một hệ thống tư tưởng, rồi chẳng mù quáng làm nô lệ như ai, mà can đảm thoát ra, luôn luôn khao khát kiếm tìm một ý thức hệ để Nòi giống Việt nầy được trường tồn, để Dân tộc Việt nầy được vinh quang, để Nhân loại nầy có thể sống trong êm, ấm, con người thông minh như anh, học hỏi sâu, cọ sát nhiều, hành-động và suy tư cũng lắm, con người anh như thế, thì tư tưởng để lại là điều đáng kể.

« Nhất là anh em cảm thông anh ở điểm : anh đã xót xa đến tận cùng cái thân phận của nước mình, đã nhược tiểu lại ở nhằm một vị trí đặc biệt, nên như cánh hoa trước gió, hết làm món hàng trong tay kẻ ác này, lại làm con cờ trong tay kẻ mạnh khác, ở vào cái thế con khỉ con muốn ra khỏi hang tăm tối, nhưng quanh mình là hùm, beo, rắn rít bao vây..., anh đã để cả cuộc đời nghĩ cách cho khỉ con thoát khỏi nanh hùm nọc rắn đặng không còn sống đời đớn hèn, tủi nhục.

Tôi thôi nói.

— Anh có nói : những tư tưởng *để lại*...

— Để lại. Vì anh để tư tưởng « *phiêu phiêu trên mây từng mây* » (tôi nghĩ đến động từ *planer* trong tiếng Pháp), phải có một khoảng thì giờ cho hạng người tìm cách nối liền cái trên mây kia với cái mặt đất nầy.

— Nghĩa là anh em cho tôi « *utopique* ».

— Không đâu. Những chữ không tưởng, viễn vông, ảo mộng là ở cửa miệng những kẻ sống thời Các-Mác, Lê-Nin. Chớ ở thời loài người sắp viếng Cung Trăng này! Cái « không tưởng » của anh thợ sơn Hitler lúc nằm trong ngục thất, mơ ngày làm bá chủ châu Âu! Cái « viển vông » của tướng De Gaulle mất nước, lưu vong trên một đất khách chằng mấy ưa mình, nghĩ đến ngày giải phóng và phục hưng nước Pháp! Cái « ảo mộng » của một chàng Kennedy hứa với người vợ trẻ : « Chúng mình sẽ sanh con ở tòa Bạch-Ốc » ! Bảo rằng anh « *phiêu phiêu trên mây tầng mây* » không phải là một lời chê, mà chỉ là một điều nhận xét. Anh làm có thể đờ, sai, hỏng. Nhưng anh suy tư, thì chắc là chín, sâu, mới, lạ. Và người đồng thời có thể cười anh, có thể không hiểu hay chưa hiểu anh. Nhưng tư tưởng của anh vẫn long lanh đẹp, đẹp vì cao xa, đẹp vì vị tha, và để dành cho thời gian trả lời. Anh đã mất một Triều-Sơn, anh lại mất một Nguyễn-Phan-Châu, thì tôi nghĩ sau này, anh nên tìm độ mươi bạn trẻ không ràng buộc, có chí, có lòng, có học, để anh nói rõ cái « *Mơ* » : *làm sao cho người trở nên NGƯỜI* của anh, rồi các bạn ấy sẽ mỗi người mỗi ngả, tùy hoàn cảnh, phương tiện, khả năng mà thực hiện từng giai đoạn một giấc « Mơ » kia, như mươi con sông cùng hướng về biển cả, mà chảy theo mười nẻo khác nhau.

Anh không đáp, và có lẽ tôi bắt gặp ở mắt anh một thoáng mơ màng.

Một chặp, anh lên tiếng :

— Thôi, mình hãy bàn đến cái « nợ » thứ ba. Cái nợ « tìm ý thức hệ mới »... Trong ba cái « nợ » mà anh em nêu lên, tôi thấy cái « nợ » thứ ba này mới nặng, và cần trả sớm ngày nào hay ngày nầy. Lúc ở Côn Đảo, trong những cơn điên, tôi có những phút linh cảm (illuminé) lạ lùng, chúng giúp tôi chẳng ít trong việc trả món nợ thứ ba.

« Tôi cũng đã nghĩ về điều này, và tôi có nhờ nhà-tôi viết lại một số việc làm và ý nghĩ của tôi, như thế người đọc để hiểu hơn và thấy rõ những biến chuyển trong tâm hồn và trong tư tưởng của tôi. Đã là bạn đời, lại trước kia là đồng chí hoạt động bên tôi, nên nhà-tôi có thể làm việc này ; tôi sẽ cung cấp tài liệu cho nhà-tôi. Ngoài ra, tôi mong có dịp viết xong « *Trầm tư của một người tội tử hình* ».

— Thế nay, anh đã «trầm tư trên giấy » những vấn đề gì ?

— Được năm vấn đề : *Cái nghiệp tiên thiên. Về vũ trụ. Về hòa bình. Về nạn đói kém. Về nạn nhân mãn.*

À, tôi có ý này. Nếu Bách-Khoa sẵn lòng cho tôi giãi bày tư tưởng — trong đó cũng có một ít nỗi lòng — thì sau « *Nợ tinh thần* », tôi mong được thấy đăng lại bản thuyết trình một biện pháp để : chấm dứt nạn binh lửa ở Việt-Nam, ngăn ngừa thế giới chiến tranh lần thứ ba, đem lại hòa bình trên quả địa cầu, xây dựng *thái bình* cho nhân loại suốt một thời, và mở đầu cho một nguơn (1) *thanh bình* cũng bản đi chúc văn hóa thứ nhất của tôi tức là cuốn « *Tương lai Văn học Việt Nam* », mà hai lần xuất bản, ở Hà Nội, năm 1946, và ở Sài-gòn, năm 1949, đều bị bỏ, khi ít, khi nhiều.

Tôi chận anh :

— Lại một bằng chứng của tánh tự phụ của anh, thời tiền... tử tội !

Anh nhìn tôi.

— Anh quên rằng anh đã nói với tôi điều đó !

— Hồi nào ?

— Mười bảy năm về trước. Một mùa thu. Ở Hà Nội. Trên một căn gác nhỏ. Tôi ở phòng Nam-bộ tìm đến thăm anh. Một tay anh đang đưa cái nôi có thằng cu mấy tháng, một tay anh sửa ấn cảo mấy trang đầu cuốn sách này do nhà Minh-Đức đưa lại. « *Kính tặng X.T., người độc giả vị lai của quyển sách này* ». Lời để tặng in đầu sách làm tôi ngạc nhiên. Hỏi anh X.T. là ai, anh chỉ đứa con trứng nước đang ngủ ngon lành trong nôi. Và vồn kể nhiều « ý dư », anh hạ mục kính xuống, nói : « Mà X.T. cũng là tên tắt của đứa con trai lên tám, hiện chẳng biết lưu lạc phương nào ở miền Nam. Di chúc này, để hai ba mươi năm sau, chúng đọc và mong rằng chúng sẽ hiểu... » Tự phụ và kiêu ngạo như thế là cùng !

Anh cười với tôi, rồi tiếp.

— Rồi sau đó, đến « *Trầm tư của một người tội tử hình* ». Như thế, bạn đọc theo tôi từ « *Nợ tinh thần* », thuyết trình về Trung lập chế, qua « *Tương lai Văn-hóa Việt-Nam* » đến « *Trầm tư của một người tội tử hình* » sẽ thấy rõ quá trình tư tưởng của tôi : dĩ vãng, rất ít ; hiện tại, một vài ; và tương lai, gần như là tất cả... Vì như các anh đã nhận xét, tư tưởng tôi — dầu có cái gởi trên mặt giấy trên mười lăm năm — đến giờ vẫn còn « phiêu phiêu trên mây từng mây ». Xin nói mau rằng, đây chỉ là một nhận xét, chớ không phải là lời tự phụ hay ngạo... kiêu chi !

Chúng tôi lại cười.

Tôi nhắc lại một lời mong mỏi của anh chủ bút trong cuộc viếng thăm anh tuần trước.

— Tôi rất quí cái thái độ trí thức của Bách-Khoa và mến cái tình anh em đối với tôi từ lúc ra Côn-Đảo cho đến nay. Tôi cho rằng có mặt với anh em ba năm trước với chút ý mọn góp vào cuộc phỏng vấn về truyện ngắn hay dưới sự vô danh :

---

(1) Một thời gian dài năm bảy trăm năm.

« *Một độc giả Bách-Khoa ở Côn-Đảo* » chỉ là một lời chào thân hữu. Nên tôi đã hứa sẽ viết một hồi kí về thời mới sống ở Côn-Đảo để có mặt với anh em trong sổ Kỉ niệm 7 năm. Nhưng ở đây không yên tĩnh bằng ở Côn-Đảo, bịnh mất ngủ và đau tim chưa cho phép tôi cầm bút lại. Vậy, nếu anh em thương tình mà chẳng để tôi mang thêm một món nợ nữa, thì xin anh em trích đăng hồi kí « *Tù trong tù* », cũng là chuyện tù Côn-Đảo, cũng có chút kỉ niệm các anh Thâu, Hùm, Ninh, cũng có đời tư tưởng của tôi, một phần tư thế kỉ trước.

...tôi đứng lặng nhìn anh lững thững vào trong...

19-12-63

Nguiễn-Ngu Í

TÙ TRONG TÙ

HỒ-HỮU-TƯỜNG

ĐẾN ngày nay, vẫn thấy khó mà cắt nghĩa tại sao tôi đã chọn con đường ở tù. Tôi nói chọn và biết rằng tôi đang tỉnh trí và dùng chữ không sai đâu nhé ! Tháng sáu năm 1939, một người bạn, ở xa về, đến tìm anh Thâu và tôi để nói :

— Tôi biết, mà chính anh cũng biết nữa, là chiến tranh thế giới sắp bùng nổ nay mai. Anh ó bổn phận là nên lánh đi xứ khác. Ở trong xứ, khó mà qua cơn dông tố. May lắm là được ở tù. Ra nước ngoài, họa may còn làm cái gì vĩ đại được.

Anh Thâu nghe theo, xin giấy thông hành sang Xiêm, rồi đến Tân-Gia-Ba, ý định sang Âu-châu. Nhưng anh bị bắt trả về xứ, rồi ở tù.

Tháng tám năm ấy, có người giục tôi nữa :

— Chắc chắn là có chiến tranh rồi. Anh nên tụ tập anh em, chiếm cứ một vùng sơn lâm hiểm trở cho qua hồi dông tố. Mà biết đâu chừng, gặp thời thế thuận tiện, một tên Từ-Hải bá chiếm một phương hãi tần cũng làm được cái trò gì đó ?

Tôi lại từ khước, cũng như tôi đã từ khước lời người nói trước. Vì tôi đã chọn : chọn việc ở tù. Chẳng những chọn mà thôi, tôi còn lo dự bị nữa. Tôi lãnh dạy một tuần đến bốn chục giờ để có một số tiền kha khá, giao cho vợ tôi làm lo nuôi một mẹ già và bốn đứa con dại. Tôi cũng không quên lo chứa một mớ sức khỏe để ở tù ! ở một kì tù mà tôi biết rằng dầu tòa mà kêu án bao nhiêu cũng không có nghĩa gì, và chừng nào giặc dứt mới được ra. Sáng, thì tôi cùng ba bốn anh em bạn lên Thủ-Đức

bơi lội ; trưa, nhà tập thể dục ; chiều vào hồ Chợ-Lớn bơi lội. Trong vài tháng, ngực nở, bắp thịt cứng, cân lên mấy kí và sức tăng lên nhiều. Nhờ vậy, tôi lướt qua cơn dông tố mà ba phần tư anh em, vì yếu đuối, vượt qua không nổi, phải gởi xương ngoài đảo.

Không chịu lánh đi nước ngoài, không chịu chiếm một vùng sơn lâm làm Từ-Hải, đã chọn con đường ở tù, thì tất nhiên phải vào khám. Tôi vào khám ngày 29-9-1939.

Người chưa biết ở tù, tưởng đâu trong tù có một chế độ giống nhau, hoặc cũng ngang nhau cả.

Họ nghĩ như vậy, không khác nào các thợ vẽ, vẽ mười điện Diêm vương ghê tởm như nhau. Đó là một quan niệm sai lầm. Tù có bực, thứ, đẳng, cấp bao bọc nhau như vỏ trứng bọc tròng trắng, tròng trắng bọc tròng đỏ, tròng đỏ chứa cái ngòi vậy. Bởi biết thế, cho nên đối với một bực thứ tù nào, cần phải trù liệu một lối sống tinh thần tương xứng để chịu đựng.

Về khoản này, tôi xin mở cái dấu ngoặc mà khuyên ai là người ứng cử vào khám đường nên để ý. Nếu bị ở tù, nhứt là bị kêu án không hẹn ngày thả ra, thì cần nhất là có một lối sống tinh thần để quen cái khổ đi. Tinh thần ít lung lay thì thể xác chịu đựng lâu được. Lúc đó ở Côn-đảo, phần đông người chết là người kém một sinh hoạt tinh thần để an ủi mình. Có nhiều anh được tin nhà cho hay việc buồn, như ở nhà vợ đi lấy chồng khác chẳng hạn, nên tinh thần suy sụp quá, rồi sanh đau, mấy ngày lại chết. Và khi viết bài này, tôi vốn có ý đem lại một kinh nghiệm về lối tổ chức đời sống tinh thần ở khám đường. Xin khép dấu ngoặc.

Trong mười tháng đầu, ở tại khám lớn Sàigòn, chế độ có thể tương đối gọi là dễ hơn cả. Chúng tôi có quyền lãnh sách ở nhà mang vào. Tôi liền tổ chức một lối sinh hoạt tinh thần theo điều kiện ấy. Nhờ anh Hùm chỉ dẫn, tôi liền học chữ Hán, đọc báo Tàu, sách Tàu. Nhưng công việc ấy chưa đủ thâu hút hết sự chăm chỉ, tôi liền nhắn ở ngoài gởi vào các quyển sách toán cao cấp. Không biết sự thông minh có cho phép như thế chăng, nhưng tôi tự hẹn bắt chước theo gương một nhà toán học nọ : đánh giặc bị cầm tù, mà trong tù phát minh ra một thứ toán học mới. Đến nay, thấy rõ ràng lời hứa ấy chưa được trọn giữ, nhưng kết quả rất hay là lúc nọ tôi quên phứt rằng thời gian đã qua mau chóng.

***

Đến cuối năm 1940, đời tù tội của chúng tôi sa xuống một bực, nói một cách khác, chúng tôi bị khép vào một vòng trong nữa. Ấy là chúng tôi bị đưa ra Côn đảo. Còn ở khám lớn, chúng tôi còn được thăm viếng, thơ từ và quà bánh. Mà dẫu có lúc bị cấm không được các của quí ấy, thì ngày ngày còn ngóng nghe được dư âm của cuộc sống « ngoài đời » nó dội vào. Hay là, ban đêm, nghe từ đâu đưa lại một giọng trong trẻo nhịp nhàng, trầm bổng : « Đậu xanh, bún tàu, bột khoai, nước dừa, đường cát, hơ...ơ » mà mình lắng tai đón rước như nghe

giọng hát hay của một danh ca, hay là như lời âu yếm của người yêu. Ra Côn đảo, mất những cái ấy tất cả. Biển rộng mênh mông ngăn cách ta với ngoài đời. Đó là một cảnh đoạn tuyệt não nùng, mà kẻ yêu đời phải đau đớn chịu, chẳng khác vì khách đa tình phải đớn đau khi rứt cối tình yêu. Còn khốn một nỗi nữa, là bấy lâu làm con nhà học trò, yêu nhu mì, chuộng đạo lí, thích việc phải, mà ra Côn đảo phải chung đụng với kẻ cướp sát nhơn, hung dữ và làm việc trái phép một cách tự nhiên như là khát đi uống nước...

Thật sự, Côn đảo là một nhà tù to rộng, mênh mông, có đến hơn ba chục cây số vuông mà bức tường cách ta với ngoài đời là biển rộng. Trong vòng cảnh tù nầy, còn một nhà tù nữa gọi là banh (1) : banh là nhà tù trong nhà tù đó. Nhưng chưa hết. Trong banh lại có khám. Bị cấm cố vào khám, ấy là bị ở thêm một lần tù, trong vòng nhà tù, ở giữa cảnh tù. Và bị cấm cố vào khám mà có khi mình còn bị còng dính vào một nơi nữa, tức là ở tù dưới thêm một bực nữa. Có người nói :

— Ở tù trong vòng to của Côn đảo, ấy là ở tù ông. Bị nhốt vào banh, ấy là ở tù cha. Trong banh mà bị cấm cố vào khám, thì xuống bực tù con rồi. Còn rủi bị còng chơn mà ăm cơm vắt, ấy là làm tù cháu.

Khi bước xuống tàu, nhiều anh nuôi hi vọng được làm tù ông. Làm tù ông tuy là leo núi đốn củi nặng nề, đêm khuya lặn biển cạy san hô lạnh lẽo, bắn đá lăn rất nguy hiểm tánh mạng, nhưng vòng nhà tù rộng, không khí nhiều. Có khi hái được nắm lá non làm rau, đập được con rắn mối hay con cóc gì đó nướng làm thịt, ăn thì cơ thể cũng bổ chút nào đó. Có vậy mới gọi là tù ông chớ ! Nhiều anh bạn xây đắp cuộc đời của mình ở Côn-đảo không khác gì cô gái sắp về nhà chồng toan tính cách lập gia đình riêng của mình vậy. Có người, đã ở tù một lúc trước rồi, cãi lại :

— Bọn mình là chính trị phạm, tụi nó không cho ra ngoài đâu—anh ấy dùng tiếng ra ngoài, nghe như là không phải ở tù vậy. Tụi nó sợ mình tuyên truyền tổ chức tù thường, Tôi chắc bọn mình phải ở banh, đươn đát, làm đồ mây, làm đồ ốc, uốn đòi mồi.

Thế là dư luận chia ra làm hai phái. Phái lạc quan tin rằng chúng tôi sẽ được làm tù ông như bọn sát nhân và kẻ cướp mà dong ruổi khắp Côn-đảo. Phái bi quan tin rằng mình chỉ được làm tù cha, bị giam trong banh và ngày ngày làm việc thủ công. Nhưng không có ai nghĩ rằng mình phải bị cấm cố vào khám, còng chơn và ăn cơm vắt. Bởi vì hai hình thức sau này chỉ là để trừng phạt những người vào tù rồi mà còn làm thêm lỗi nữa, mà chúng tôi đã làm tội lỗi gì ?

* * *

Nhưng mà cả hai phái trên đều sai cả. Chúng tôi chẳng được làm tù ông, cũng không được làm tù cha. Vừa đến nơi, chúng tôi bị xua đến banh ba, chia ra từng nhóm mà cấm cố vào khám cả. Mặc dầu chưa làm thêm một

(1) Dịch âm tiếng *bagne* của Pháp.

chút lỗi gì, chúng tôi bị xô xuống bực tù con ngay. Bây giờ phái lạc quan cũ bỏ tin tưởng của mình mà theo phái nghịch, và cả thảy tin rằng chờ họ làm gấy tờ xong, thì bọn mình được những việc thủ công gì đó cho đỡ buồn. Nhưng đấy chỉ là một hi-vọng.

Cách tấn công của kẻ chỉ huy nhà tù nghĩ cũng có kế hoạch. Lúc mới ra, chúng tôi chưa bị đánh đập gì và trưa, cửa khám lại được mở một lớp ngoài, các lớp đóng kín mít, chỉ khóa lớp trong thôi, cái lớp song sắt, để cho chúng tôi có không khí thở. Khi ăn cơm, chúng tôi cũng chưa bị thúc hối. Kế rồi lần lần, từ khoản, người ta rút hẹp lại.

Bắt đầu là trưa, các cửa đóng kín mít lại cả, rồi thúc hối ăn cho mau, thúc hối cho đến mỗi bữa cơm, từ mở cửa cho bước ra ăn, cho đến khi lùa vào đóng cửa lại, chúng tôi chỉ được mười lăm phút. Rồi từ ấy, đến phút mười hai, mười ba gì đó, thì ngọn roi đánh tưới trên đầu của những người chậm chạp, cố thúc hối. Và khởi sự xét khám, bỏ ra ngoài tất cả cái gì vụn vặt cần cho đời sống của mình, đến những cái chiếu thắt thành con cờ để đánh chơi...

Bây giờ cả thảy mới hi vọng, và cho rằng có lẽ sống như vậy mãi mãi, cho đến khi mãn.

Rồi mỗi người mới nghĩ đến việc tổ chức sự sanh hoạt tinh thần của mình để sống cái đời tù con triền miên nầy. Những người biết chữ Nho trong khám tôi hợp nhau lại mà làm cả một bộ từ điển, lấy que cứng khắc vào vách vôi, muốn tra cứu, thì để ý nhìn xéo theo tia sáng rọi thì đọc : được, bằng không nói ra, thì cũng chẳng ai biết có nó nằm trên vách và trước mắt bao giờ. Các bạn thích khoa học, thì mở cuộc nói chuyện để thuật với nhau những thuyết khoa học mới nghe chơi. Cũng có cả một văn đoàn bốn năm anh em, thỉnh thoảng « xuất bản miệng » những bộ tiểu thuyết, làm thơ, hay phê bình, thảo luận về văn chương.

Nhưng đa số anh em thì thích học, học thuốc, học ngoại ngữ, mà nhứt là chữ Hán. Học chữ Hán cần phải nhìn mặt chữ nhiều và tập viết mới thuộc, nên khi ra ngoài ăn cơm xong vào khám, nhiều người lén kẹp vào hai ngón chơn một cục đá san hô. Ngoài ấy các đường trong banh lót bằng đá san hô vụn, trộn với cát. Đá san hô trắng mà mềm, viết trên xi măng xám và cứng thì cũng như phấn viết trên bảng đen vậy. Một cục bằng ngón tay, viết lâu mòn lắm. Rồi một hôm kia khám kế một bên bị xét, một cục đá san nhỏ còn sót lại, giấu không kịp.

Người ta túm lấy, hỏi của ai, và hăm sẽ trừng phạt chung nếu không có người nhận. Hỏi hồi lâu, thấy không có kẻ nhận, anh Thạch ra nhận, để tránh sự trừng phạt chung. Người ta hỏi đem viên đá vào làm gì, anh đáp rằng để tập viết chữ Nho. Thế mà anh bị đòn cả trăm roi. Một anh khác đứng gần đó thấy vậy nóng lòng quá, nói với anh Thạch, xúi chạy đi để tránh đòn.

Nói một câu ấy mà cũng bị một trăm roi. Còn ở khám tôi, có anh Soái, cũng vì một viên san-hô mà bị

đánh phun cứt đầy cả. Ngày ấy cả khám tôi nhịn uống nước, vì phần nước uống mỗi người có một lon thôi, nay phải hi sinh lấy cái đó mà rửa khám, bằng không, ngồi đứng nằm ở đâu bây giờ khi mà cứt của anh Soái, rưới đầy xi-măng ? Từ ấy không ai dám lén đem đá san-hô vào khám nữa.

Sống trong cảnh ấy, làm sao mà tổ chức đời sống tinh thần ? Câu hỏi này, đối với nhiều người cũng là khó giải được. Lúc ấy tôi ở chung một khám với anh Ninh. Trước kia, mặt dầu quen biết và làm việc chung với nhau bảy tám năm, tôi vẫn chưa được anh ấy thân. Anh lớn hơn tôi mười tuổi, tánh nghiêm nghị và có tên tuổi ; còn trong bọn, tôi chỉ là con nít ưa đùa giỡn, mà vì ít người biết, nên nói chuyện ít gìn giữ lời. Đã cách nhau về tuổi tác, khác nhau về tánh tình mà anh Ninh còn thêm cho tôi là tay mưu sĩ, hay vẽ chuyện nên sanh lắm trò thành không ưa. Đến lúc này, đêm nào anh Ninh cũng ngồi xếp bằng như tượng Bụt, day mặt vào vách mà suy nghĩ, không biết suy nghĩ gì, trong khi cả khám nằm im lìm, ngồi như vậy đến 2, 3 giờ khuya mới ngủ. Tôi cũng nằm im lìm như thiên hạ, nhưng lại không ngủ, và cũng suy nghĩ như anh.

Mấy hôm sau, anh mới hay tôi cũng thức khuya nên hỏi duyện cớ. Tôi thành thật nói cho anh biết rằng từ tháng sáu năm 1939, tôi đã chánh thức đứng ngoài hàng ngũ của Đệ-Tứ Quốc-Tế, và trong những đêm thức khuya như thế này, tôi suy nghĩ để xét nét lại từng tư tưởng một, những lí thuyết mà tôi đã theo dõi hơn mười năm rồi, cùng luôn tiện vạch đường lối về sau. Anh Ninh nghe tôi nói vậy thì lấy làm thú vị.

Từ ấy, đêm nào khuya khuya, khi ai nấy ngon giấc cả thì anh nhẹ nhẹ lại cào chơn tôi, giục ngồi dậy để trao đổi những cái đã suy nghĩ được của mỗi chúng tôi. Một tình bè bạn nhuốm lên đánh át cái không ưa cũ, và càng ngày gắn bó hai bạn vong-niên. Ấy là tôi có được người bạn đường để đẳng phi trên vòm tư-tưởng

Nhờ sự đẳng phi trên vòm tư tưởng ấy, xét nét lại cả những hệ thống triết học, tôn giáo, tư tưởng, mà tôi quên rằng thời gian qua mau hay là quên chú ý đến những khổ cực nặng nề của đời tù con.

Phần của tôi đã là như thế, phần của các bạn đồng cảnh ngộ cũng chẳng khác gì. Ngày họ lo học tập. Người chưa biết đọc viết, thì ê a dõi theo những lớp mở lòng. Một số đông thì học thêm chữ Hán, học nghề thuốc Bắc, đọc mạch Lư-San, Trần-Tư-Viên nghe vanh vách. Vài nhà văn hợp nhau lập một cái hàn lâm viện nho nhỏ mà dựng lại một bộ tự điển tiếng Việt. Lại cũng bày ra cái lối viết tiểu thuyết miệng để nghe chơi. Nhưng đến tối cả trăm người dồn trong một khám nhỏ nên hơi mệt mỏi mới bày ra những cuộc nói chuyện chung cho bớt ồn.

Mỗi người nằm phăng trên xi măng im phăng phắc để nghe một người nói mà thôi. Trong thiếu thốn của tù tội, người ta thích nghe, nhất là nghe nói những chuyện ăn uống mà nhất là nghe tả tỉ mỉ, cách xào nấu thế nào cho thật

ngon cũng như nghe Nguyễn-Tuân tả uống trà thế nào mới có thú vị. Thỉnh thoảng lại nghe những chuyện Tàu chơi. Vì có một đôi anh rất thần tình, thuộc lòng những bộ chuyện Tàu không sót một chữ. Trong cảnh tù tội mà khi nghe một vị tiên xuất trận vừa bước ra là ngâm một bài thi, thì cái thú vị của một bài thi thật là vô cùng...

Những cuộc nói chuyện ban đêm này làm cho người tù kéo dài qua ngày tháng mà các thày chú cũng khỏi rầy vì những tiếng ồn ào. Không dè, đó cũng là cái cầu để dẫn qua đời tù cháu. Việc đó bởi duyên do như thế này. Trong tù có một đôi con chiên ghẻ, vì một điếu thuốc, một cái bánh, mà bán đứng tất cả bằng cách mách với nhà cầm quyền rằng, trong khám có những cuộc huấn luyện chính trị. Điều đó, tôi nhận rằng có, nhưng người ta huấn luyện một cách kín đáo, chớ không phải những cuộc nói chuyện ban đêm. Còn đàng này, mấy vị chúa ngục, không hiểu tiếng Việt, nào có biết ất giáp gì, họ tưởng rằng ban đêm cả thảy im phăng phắc để nghe một anh nói chuyện lột da ếch xào măng như thế nào, hay nói chuyện Tôn Hành-Giả phò Đường tăng đi thỉnh kinh, đó là những buổi huấn luyện chánh trị nên họ chướng mắt lắm.

Một hôm, nhìn ngang các lỗ song sắt, thấy ánh sáng màu xanh đỏ phục lưng trời, và tiếng máy tàu bay chuyển rung đất. Lúc ấy chúng tôi không hiểu là chuyện gì. Bây giờ mới hiểu là quân Nhựt cất cánh sang Tân-Gia-Ba hay Phi-Luật-Tân gì đó. Nhưng trong tù lúc ấy, chúng tôi nào có biết gì, nên qua đêm sau vẫn làm y như cũ. Thế rồi, trong yên lặng của đêm khuya, nghe những tiếng đánh đập chửi mắng, kêu khóc suốt mấy giờ đồng hồ, cuộc nói chuyện dừng lại. Ai nấy hồi hộp, không hiểu sẽ xảy ra việc gì? Sáng hôm sau, rổn rảng, người ta mang cây sắt và còng chơn đến còng chân tất cả và mỗi lần ăn, mỗi người chỉ được một vắt cơm lạc mà thôi. Bị còng chân được sáu hôm thì, thình lình, người ta lùa tất cả tù nhân của năm khám, gồm bốn trăm năm chục người, ra hàng ba rồi cho kéo đi. Trong đám đông, tôi thấy dạng anh Hùm. Trong khi đi, tôi bươn bả, nhiều khi chen lấn mà đến nắm tay anh.

Nhưng chuyến này, tôi đến nắm tay anh Hùm đây, không phải vì những mĩ cảm đâu. Mà chính tôi biết trước rằng mình sắp sống một quãng đời tù cháu, nếu được gần gụi anh là người thích tư biện, ấy là được một người bạn rất quí: rồi họa may, nhờ cuộc đời tư biện này mọi sâu thâm thẳm vào những cái tế nhị, ngóng nhìn những cái cao viễn, thì cả hai chắc sẽ được một đời sống bên trong dồi dào, và nhờ đó mà đem hai cái xác của anh Hùm và của tôi, về được.

Đến banh hai, khi vào khám, chúng tôi bị lột cả, mỗi người chỉ còn một cái quần ngắn không che đầu gối và một cái áo cụt tay lại phủ không kín cái rún. Tôi sắp sửa quên chiếc chiếu cũ hơn một năm rồi, rách nát.

Kẻ trước người sau, chúng tôi xỏ chân vô còng, tất nhiên tôi ở bên cạnh anh Hùm, Từ ấy ngày ngày, mỗi bữa cơm, thì chúng tôi uống nước trước khi ăn, và mỗi người lãnh một vắt

cơm lạt to bằng trái cam lớn, cầm ngồi ăn bên cạnh thùng xi của bao nhiêu người « làm » đầy rồi, mà không có nắp đậy. Đêm ngủ lạnh thấu xương, vì là mùa rét. Mà lạnh lại không dám run, vì hễ cựa mình, là khoen còng bị động, ngã đập lên ống chơn đau điếng phải giựt mình thức dậy.

Từ vào tù, tôi đã chọn một nếp sống. Hễ bị khổ bao nhiêu, thì tôi tìm nghĩ đến việc xa vời bấy nhiêu. Tôi tin rằng nhờ mê say với tư tưởng mà quên việc khổ hạnh. Lắm lúc, tôi có cái ý nghĩ buồn cười này là biết đâu chừng các nhà tu theo thiền học bày ra lối khổ hạnh, để rồi mượn đó mà giục tư tưởng bay bổng cho được cao. Còn nay mình không tu ép xác, mà cực như thế nầy, tội gì không thừa cơ hội mà tư tưởng chơi cho bõ.

Bởi nghĩ như vậy thế, nên nằm cạnh anh Hùm, ngày và đêm, tôi chỉ giở những triết lí, lí thuyết mà nói cho anh nghe để cho anh phê phán, tôi đưa ra cái luận điệu :

Marx tổng hợp những thành tích của khoa học vào thế kỷ XIX mà lập thuyết của mình trên nền triết học của Đức, kinh-tế học Anh và xã-hội chủ-nghĩa Pháp. Nay một trăm năm đã qua, khoa học và tư tưởng con người tiến tới không ngừng. Trong mỗi ngành của khoa học đều có liên tiếp những cuộc cách mạng vĩ đại, mà phạm vi tư tưởng loài người còn rộng thêm nhờ Đông Tây xáo trộn nhau. Vậy cần lập thuyết mới cho kịp thời ».

Tôi còn nhớ điệu bộ của anh Hùm, khi hỏi tôi :

— Theo như sức học của tôi cần phải học thêm về khoa học, để đủ mà hiểu được các vấn đề khoa học hiện-đại, là bao nhiêu lâu ?

Tôi cùng tính với anh, xét qua chương trình các môn phải học. Chúng tôi đồng ý rằng cần phải đến mười năm nữa. Rồi anh tính lấy tiền ở đâu mà mua sách, mà sanh sống, cùng cách sống mọi ngày để học thêm. Sau cùng anh nói với tôi :

— Sau khi học như vậy mười năm, tôi sẽ đủ sức mà xem xét vấn đề của anh đặt khi nãy đó có trúng cách chăng. Chừng đó, nếu ta thấy những cuộc cách mạng trong khoa học đã vượt qua khỏi học thuyết của Marx nhiều quá, thì vấn đề anh đặt ra khi nãy đó có trúng chăng. Chừng đó nếu ta thấy rằng những cuộc cách mạng đã vượt qua khỏi học thuyết của Marx nhiều quá, thì vấn đề anh đặt ra khi nãy là trúng cách rồi. Và trách-nhiệm của mỗi nhà tư tưởng là nên lập thuyết lại. Bằng không lấy thái độ đó, chẳng hóa ra là không theo một học thuyết khoa học, mà chỉ thờ một tôn giáo sao ? Còn như mình thấy rằng, các học thuyết khoa học vẫn còn ở trong lĩnh vực của học thuyết của Marx, ấy là học thuyết nầy chưa lỗi thời, thì cũng nên bỏ quách cái luận điệu khi nãy, vì vấn đề đặt không trúng cách.

Lời anh Hùm thốt ra trong lúc ấy, cũng là lời tôi tự nói với tôi từ 1939 khi mà những hoài nghi to tát làm cho tôi không còn đầy đủ những liều lĩnh để hành động. Lúc ấy, tôi cũng tự hẹn nghiên cứu lại mười năm. Sẵn dịp này tôi xin cắt nghĩa tại sao năm 1945,

tôi lại tuyên bố rằng trong năm năm tôi nghỉ làm chính trị. Là vì năm ấy tôi chỉ mới trải qua năm năm suy nghĩ các vấn đề chưa được cạn xét, và kì hạn hãy còn năm năm nữa. Điều nầy, tôi chưa cắt nghĩa cho ai. Đối với những người không biết giá trị của tư tưởng, tôi đã làm vờ để cho họ nghi rằng tôi đã học được ở đâu đó khoa lí số của Phạm-Lãi, Trương - Lương, Khổng-Trình gì đó, nên bấm đốt biết rằng chừng ấy « vận » mình đã đến, mới ra làm. Ấy là để trào lộng chơi và cũng để cho qua câu chuyện.

Nay đã cuối năm 1949, mãn cái thời hạn mà tôi đã hẹn với tôi. Những người đã nghe tôi hứa nghỉ làm chính trị trong mấy năm, phỏng có mấy kẻ tin lời. Mà tổng số rất ít những người tin, phỏng có bao nhiêu người nhớ và nhơn dịp Tết nầy (2) đặt câu hỏi :

— Nay đã mãn hạn rồi, thằng ấy có làm chính trị lại chăng ?

Số người đã tin tôi, tôi vẫn biết tin là rất ít. Trong số ấy, kẻ đã vì bận rộn của đời sống hằng ngày mà quên rất nhiều. Có lẽ chẳng còn ai nhớ lời hẹn ấy làm gì. Nhưng lòng tôi, tôi nào quên cho được ? Trong khi tôi viết những dòng này, hơi lạnh bắt đầu mùa đông của Paris nhắc tôi nhớ lại cảnh tù tội nằm bên cạnh anh Hùm. Anh có bảo tôi trình cho anh xem thử một vài điều đã thấy, ví dụ một triết học.

Tôi vắn tắt thuật rằng : cái mà tôi suy nghĩ không phải là một triết học. Nó là siêu triết học, quán thống tất cả các triết học và đưa lên một từng nữa. Thực tế vốn hiển mình cho ta xem từng bực, từng lớp, từng tròng,

có những vòm ngăn cách hẳn nhau, cũng như ở tù có nhiều bực thứ vậy.

Người ở trong một cái tròng nào đó thì bị cái vòm của tròng đó hạn chế tư tưởng, chi phối nhận thức, và triết học chỉ là một hệ thống tư tưởng trong một cái vòm nào đó. Lâu lâu, nhờ súc tích nhiều mà ta vượt qua một lớp thực tế khác, ấy là làm một cuộc cách mạng lí thuyết. Có trải qua tròng thực tế nào thì mới thấy cái vòm ấy, kẻ chưa đến chỉ thấy lẩn quẩn cái vòm cũ của mình, và nghe ai nói gì ở vòm khác, thì cho là quái... Anh Hùm ngăn tôi lại :

— Thôi đừng đi xa nữa, tôi nghe có vào tai mà hiểu chẳng được đâu. Hãy đợi sau đã.

Dáng điệu ấy ngày nay tôi hãy còn nhớ.

Trong mười năm qua, có lúc tôi có đem cái mình lượm được mà đón hỏi ý kiến của người khác. Tôi có trình cho anh Ninh xem, anh Ninh nay là người thiên cổ rồi. Tôi có hỏi sơ anh Hùm về triết học. Anh Hùm là người có nhiều cảm tình hơn hết, mà vội vàng ngăn lại, bảo là chối tai.

Gần đây, tội chỉ đem cái định nghĩa của một danh từ mà làm một bài thơ bằng văn xuôi, bài thơ mà tôi gọi là « Tương lai văn hóa Việt-Nam ». Tiếng gọi đàn này không được ai hưởng ứng cả và vang lại chỉ lời chê của ông Thanh-Ba, phê cho rằng quá xa xôi, viển vông. Mới có định

---

(2) Tết Canh Dần, 1950 (chú thích của B K)

nghĩa mà còn như vậy, phỏng đem trình cả bao nhiêu điều suy nghĩ trong trong 10 năm, thì sẽ nghe được những cái gì ?

Nay là đầu năm 1950.

Làm chính trị lại chăng ? Làm biết có người nghe chăng ?

Hay là trình ý kiến của mình cho thiên hạ xem trước, nhưng phỏng có người nào để ý nghe ?

Tôi thành thật nghĩ như vậy, vì tôi thấy cả thế giới tranh nhau mà tìm kế giết hại lẫn nhau, mỗi khi tìm được một khí giới lợi hại như bom nguyên tử thì vui mừng, hãnh diện, hình như đã tìm được cây thang bắt lên cõi Thiên đàng, chẳng ai tha thiết tìm cách làm cho người càng cao quí đẹp đẽ hơn, cho « người » trở nên NGƯỜI.

Paris, cuối năm 1949
(Sách Tết « Xuân Vĩnh viễn » năm Canh Dần 1950)

HỒ-HỮU-TƯỜNG

Cần gấp

Có người cần mua lại hoặc xin sao lại 3 tác phẩm này của **Hồ-Hữu-Tường** : *Kinh tế học nhập môn, Xã hội học nhập môn* (Tân-Việt, Hà-Nội, 1946) và *Vấn đề Dân tộc* (Minh-Đức, Hà-Nội, 1946) xin liên lạc với : NGUIỄN-NGU-Í.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :
2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON
Tél. : 23.741 — 23.742

★

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane Protoxyde d'Azote — Argon etc...**

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électrique.
Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

TRỞ LẠI VẤN ĐỀ :
IM LẶNG HAY LÊN TIẾNG

● NGUYỄN-VĂN-TRUNG

HOCHHUTH

với vở kịch «người đại diện Chúa»

L.T.S. *Trong Bách-Khoa số 168, ông Nguyễn-văn-Trung đã giới thiệu vở kịch của Hochhuth « người đại diện Chúa » hiện đang gây nhiều dư luận sôi nổi, nhiều bút chiến và cả bạo động ở một vài Thủ-đô bên Âu-Châu. Nhân dịp tác giả sang Paris để dự những buổi trình diễn vở kịch tại rạp Athénée, một vài nhà báo đã tới phỏng vấn Hochhuth về những ý định thực-sự của tác giả khi xây dựng vở kịch. Những lời phát biểu của tác giả « người đại diện Chúa » trích dịch lại sau đây sẽ giúp bạn đọc hiểu thêm vở kịch đó.*

TRƯỚC khi dân chúng Paris được xem vở kịch của Hochhuth do Peter Brook và François Darbon dựng cho rạp Athénée trình diễn, và được đọc chính tác phẩm do nhà xuất bản Seuil dịch, vở kịch Hochhuth đã gây nhiều « sóng gió » trên báo chí, trong rạp và cả ngoài đường phố ở Bá-Linh, Luân-Đôn, Bâle. Người ta đã vì thiên kiến nên hoặc từ chối, đã đảo tác giả hoặc hiểu lầm tác phẩm. Không phán đoán *chính* tác-phẩm, tìm hiểu vấn đề thực sự tác giả muốn nêu lên, mà chỉ phán đoán con người tác giả về tuổi tác, tôn - giáo, dụng ý chính trị . . .

Đặc biệt là người ta hiểu lầm tác-giả về mấy điểm quan trọng sau đây :

Phải chăng tác giả *chỉ* nhằm tố cáo thái độ im lặng của Piô XII như là một nguyên nhân chính trong vụ tàn sát dã man người Do - Thái của Hitler và phải chăng tác giả cũng nhằm đổ một phần trách nhiệm cho Vatican để làm giảm bớt tội đồng lõa của dân tộc

Đức khi viết vở kịch « người đại diện Chúa » ?

Trong câu trả lời Nicole Zand (báo le Monde Selection hebdomadaire 19-25 /12/63) Hochhuth đã giải bầy chủ đích của mình khi viết vở kịch trên.

« Tôi là người theo Ky-tô-giáo và vở kịch của tôi đượm tính chất tôn-giáo một cách thật sâu sa từ nền tảng của nó. Tôi chỉ nhằm phê bình Giáo-Hoàng ở một điểm độc nhất : thái-độ *im lặng* của ngài, và chỉ về điều đó mà thôi. Tôi cho rằng nếu một người trách nhiệm 500 tín đồ với tư cách là đại diện của Chúa Kitô và cũng được đông đảo những người không công giáo coi như một đấng đại diện về tinh thần rất lớn lao trên thế giới thì người đó không có quyền im lặng và giữ im lặng trước cảnh bọn quốc xã tàn sát người Do-Thái.

Piô XII có lỗi vì ngài đã có thể làm gương nếu ngài lên tiếng, còn việc lên tiếng đó có đưa đến một tác dụng nào không là một vấn đề khác. Nhưng ít ra về một điểm, sự can thiệp của ngài chắc chắn đưa tới một kết quả tốt : Ngài đã có thể báo cho bao gia đình ở Âu-Châu biết bằng cách nói cho họ hay : Đừng tin vào lời người ta nói về vấn đề cưỡng bách làm việc ở Đức ; hãy tìm mọi cách để trốn thoát khỏi hình thức tù đày đó » và như thế, tất nhiên là có nhiều gia đình Thiên Chúa giáo giúp đỡ người Do-Thái vì *biết rõ* những gì chờ đợi họ khi họ bị bắt đưa sang Đức.

« Có những tấm hình chụp những người Hòa-Lan bị đi đầy ; những hình đó chứng tỏ rằng các gia đình Do Thái không hay biết gì về những trại tập trung : người ta thấy họ đi tới nhà ga, về mặt buồn sầu thật nhưng cũng với một cách chịu đựng thôi, chứ không phải kinh hãi, lo sợ, vì có người còn đem cả đồ chơi trẻ con theo...Giáo Hoàng đã có thể báo cho biết trước điều đó.

Và chính sự im lặng của ngài là một tội ác. Đồng Minh đã nhiều lần thúc dục Giáo Hoàng can thiệp : ngày nay người ta kể với tôi rằng, mùa hè 1943, ở trường các hồng y, Giáo Hoàng đã lên án một cách rất rõ rệt việc tiêu diệt dân Do Thái. Thật rất đáng khen, nhưng người ta quên thêm rằng không một ai, trừ mấy người thân cận của Giáo Hoàng, biết bài diễn văn trên và cả tờ Osservatore Romano cũng không đả động gì tới bài diễn văn đó, do đó, bài diễn văn kết án đã không thể có một tác dụng thực tiễn nào.

Khi Đồng Minh dội bom Rome, Giáo Hoàng đến ngay tức khắc những khu phố bị tàn phá để an ủi những nạn nhân, nhưng khi người ta dồn những người Do Thái trên toa tàu ở ga Termini, ngài đã không tới ! »

Nicole Zand hỏi tiếp : Nhưng thực sự phải chăng tất cả chúng ta cũng có lỗi ?

— Đúng thế. Vở kịch được đặt tên là « Der Stellvertreter » bằng tiếng Đức « The Représentative » bằng tiếng anh. Điều đó có nghĩa là Đức Giáo Hoàng là đại diện cho lỗi lầm của tất cả chúng ta !

François Erval phóng viên của tuần

báo Express đã phỏng vấn Hochhuth về ý định của tác giả trong việc qui định trách nhiệm vụ tàn sát Do Thái ! (Express. 19-12-1963).

— Ông là người Đức, viết vở kịch « người đại diện của Chúa », ông có cảm tưởng là dân tộc Đức được giảm trách nhiệm khi gán một phần cho Vatican ?

« Tôi nghĩ rằng lời trách đó thật là vô bằng. Không bao giờ tôi có ý nghĩ đó. Một vài màn của vở kịch, như màn dựng lại cái hầm của bọn lính mật vụ Gestapo ở Rome, hay màn tả cảnh nhà ga ở Auschwi'z chứng minh lời quả quyết trên của tôi. Golo Mann, con của nhà văn Thomas Mann và là một trong những nhà viết sử nước Đức khá nhất, gần đây đã viết rằng chưa bao giờ người ta mô tả sự dã man của mật vụ Gestapo một cách sống động bằng vở kịch «Người đại diện Chúa ». Mọi báo chí thế giới đều nhận định như vậy, trừ báo chí ở Stockholm ».

— Nhưng tại sao ông đã chọn Piô XII làm đích ?

« Tôi tự hỏi làm sao một người đứng đầu Thiên-chúa-giáo có thể im lặng trước điều đó. Tôi đã đọc những bản phúc-trình do viên đại sứ của Hitler ở Vatican thảo và nhất là chuyện về Gerstein người đã muốn báo cho Khâm sứ Tòa Thánh ở Berlin những gì xảy ra ở các trại tập trung nhưng bị « tống cổ » khỏi Tòa Khâm-sứ. Chính thái độ trên đã làm cho tôi đặc biệt phẫn nộ và thúc đẩy tôi viết vở kịch.

— Vở kịch của ông đã gây nhiều tranh luận có tính cách chính trị và ít phản ứng có tính chất thuần túy văn nghệ ?

« Thực như vậy và tôi rất thất vọng ; vì ngay cả những báo phê bình văn học cũng đượm mầu chính trị hay thần học. Chẳng hạn người ta đã trách tôi không tạo Piô XII thành một nhân vật bi-đát. Nhưng tôi không thể làm được và tôi cũng không có ý làm vì Piô XII không phải là một nhân vật bi-đát. Người đã còn sống 15 năm nữa sau những ngày khủng khiếp vào tháng mười 1943.

— Có gì đã xảy ra hồi tháng mười 1943 ?

« Ngày người ta đẩy ải những người Do Thái cư ngụ ở La-Mã Piô XII còn sống 15 năm sau những biến cố đó, và đã đọc không biết bao nhiêu là diễn văn — người ta đã xuất bản thành hai mươi hai cuốn — nhưng trong tất cả những bài đó, không hề tìm thấy một lời nào ám chỉ đến biến cố trên có thể cho ta tin được rằng ngài đã coi ngày dân Do-Thái cư ngụ tại Roma bị đẩy ải là ngày bi thảm, những người Do-Thái thuộc địa phận của chính ngài. Cho nên Piô XII không phải là một nhân vật bi-đát, nhưng những người Công-giáo đã tìm hết cách thúc đẩy Piô XII đến chỗ quyết định hành động mới chính là những nhân vật bi-đát.

***

Câu trả lời sau cùng của Hochhuth bầy tỏ rõ rệt để tài tác giả muốn nêu lên. Tác giả đối lập Piô XII lựa chọn im lặng với những người Công

giáo muốn ngài lên tiếng. Nói cho cùng, đây là một mâu thuẫn giữa hai quan niệm, hai khuynh hướng vẫn tiếp tục chi phối đời sống của Giáo hội Công giáo trong lịch sử : khuynh hướng tự vệ (institutionisme) và khuynh hướng tiên tri (prophétisme). Một đàng thiên về sự bảo vệ những cơ sở, chế lập hiện tại của Giáo hội, một đàng hướng vào sự minh chứng phản kháng. Piô XII tiêu biểu cho khuynh hướng tự vệ và Linh-mục Fontana cho khuynh hướng tiên tri. Đã hẳn chỉ ở nơi những người Công-giáo như cha Fontana mới xảy ra bi kịch. Điều làm cho họ đau khổ, điều xâu xé tâm hồn họ là nhu cầu phản kháng của những đòi hỏi thiêng liêng mà họ cảm thấy không thể không phát hiện bị xóa bỏ đi vì những tính toán hơn thiệt có vẻ trần gian của những vị lãnh đạo tôn giáo.

Không lên tiếng vì lên tiếng sẽ có thể làm hại cho Giáo hội hay cho chính những nạn nhân bị đàn áp, bắt bớ. Nhưng sự tính toán hơn thiệt lợi hại này đã giản lược vai trò của người tín hữu, sứ mệnh của Đấng thay mặt Chúa vào bình diện hiệu nghiệm chính trị Sự tính toán này càng mất tính chất siêu nhiên khi nó dựa vào những lý do chính trị (thiện cảm với nước Đức, lo sợ cộng sản...) Đối với tác giả và có lẽ rất nhiều người công giáo khác, không thể không « bất mãn » trước thái độ im lặng của Piô XII mà quan niệm và hành động chính trị của ngài đã không thể không làm cho người ta tin vào những lý do trên là những lý do qui định thái độ im lặng của ngài. Do đó bất mãn phẫn nộ vì đứng trước một tội ác tầy đình chưa từng thấy trong lịch sử, người ta thấy Đấng đại diện Chúa đã cư xử không phải như một Chứng Nhân của chúa Kitô, nhưng một nhà ngoại giao tài ba một nhà chính trị khôn khéo như François Mauriac đã viết :« chúng ta đã không được an ủi nghe đấng kế vị người xứ Galilée là thánh Phêrô, lên án rõ rệt và công khai, chứ không phải chỉ bằng những ám chỉ ngoại giao, việc đóng đinh vào thập tự biết bao người « anh em của Chúa Kitô ».

Đòi hỏi lên tiếng, thực hiện sứ mệnh minh chứng tiên tri không phải là gạt bỏ tôn trọng nhu cầu chính đáng « bảo vệ » duy trì chế lập hiện hữu.. Tất cả vấn đề khó khăn là biết đến đâu là *giới hạn* của nhu cầu chính đáng đó. Một cách cụ thể, không thể bỏ qua tài ngoại giao vì sự khéo cư xử chẳng qua chỉ là một chiều cạnh của Đức khôn ngoan. Nhưng điều khó khăn là giới hạn của sự khôn khéo đó. Làm thế nào để tránh được những vụng về, ngây thơ chính trị, đồng thời cũng không trở thành « quá khôn ngoan » quá khéo léo... Sự khôn khéo gần tới hay đồng nghĩa với mánh khoé, quỉ quyệt. Phải nhận rằng Vatican đã có một truyền thống ngoại giao được tiếng là khôn ngoan, khéo léo không kém gì những trung tâm chính trị của các quốc gia hay nhiều tòa khâm sứ không khác gì những tòa đại sứ, lãnh sự.. Nhưng tất cả mối nguy hiểm cũng ở chỗ «cũng như » «không kém gì» đó. Đây là một lời khen nhưng cũng là một lời khen đáng lo ngại xét theo cương vị sứ mệnh thiêng liêng đại diện giá trị tinh thần.

Phải chăng Vatican đã có những lúc xuất hiện *chỉ* như một trung tâm ngoại giao và thời Piô XII là một trong những lúc đó (1) ?

Và cũng phải chăng thời Gioan XXIII Phaolô VI là những thời Vatican hướng về sứ mệnh minh chứng, tiên tri ?

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(1) những người viết sử về Piô XII thường ca tụng ngài là một nhà ngoại giao đại tài.

ĐÃ PHÁT HÀNH

VĂN số 2

đặc biệt về Albert CAMUS :

I. Đọc văn Albert CAMUS :

- *Người đàn bà ngoại tình* (*truyện*)
- *Gió về Djémila* (*Tùy bút*)

II. Nghĩ về Albert CAMUS :

- *Cảm nghĩ về mấy tác phẩm chính của Camus : Le Mythe de Sissyphe — L'Etranger — L'homme Révolté — La Peste.*

(*Bài của :* Nguyễn Văn-Trung, Đặng-Tiến, Jean-Paul Sartre Hoàng-Văn-Đức).

III. ***Truyện ngắn*** : Nguyễn-Đình-Toàn, Trần-Phong-Giao.

IV. ***Truyện dài*** : Françoise Sagan.

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Hiệu thuốc Âu Mĩ : **NANCY**

378, Đại lộ Trần-Hưng-Đạo — (Chợ-Quán)

(dược sĩ : cô LƯU-HỮU-DUNG)

Hiệu thuốc Âu Mĩ : **NHƠN-THẠNH**

537, đường Nguyễn-Trãi — Chợ-Lớn

(dược sĩ : cô LƯU-HỮU-TUYẾN)

Chìm châu

nhớ Diệp Châu người em xấu số

Bút có mực mà giấy không lên chữ,
Buồn cho ai hay tủi hổ cho mình ?
Súng dập dìu mà đáng trọng hay khinh ?
Một dân tộc, một tâm tình, ai ở giữa ?

Rồi súng nổ — trễ tràng, nhưng đã nổ.
Bao nặng nề, u uất chết theo ai
Rồi từ hầm sâu, từ lao kín, từ đảo xa vời
Bao người chết trở về đây họp mặt.

Mắt hớn hở, mà lòng sao thắt chặt.
Em chưa về, hay em mãi ra đi ?
Hết chạy hỏi han, lại nằm đó trông gì,
Tin cuối cùng, chắc chắn, thôi còn chi

Người ta thờ Nga, người ta theo Mĩ, người ta dựa chĩ chi.
Em : thân Việt, chĩ tựa vào giống Ức-Trai, nòi Nguyễn-Huệ.
Thì dầu, em ơi, nghẹn ngào xa trần thế,
Thân không toàn, mồ không có, có hề chi.

Lá một mùa rơi,
Mà gốc vững đời đời.
Châu đã chìm rồi,
Thì tát biển, chí nào nguôi.

Thủ Đức, rằm tháng 10 Qui Mão (*30-11-63*)

Nguiễn Ngu-Í

(Có những bài thơ)

TƯ TƯỞNG

On se trimbale entre son travail et sa chambre meublée en s'étonnant parfois que ce soit humainement possible.

(UWE JONHSON)

MỘT người đưa tay xem đồng hồ và đứng dậy. Lần lượt mọi người cùng nối nhau đi. Ngô bước ngắn mà nhanh, cúi đầu lũi lủi. Hạo nghênh nghênh như đứa trẻ đi theo đoàn, không biết mục đích. Ông cụ Thông thảnh thơi vô tư như người đi dạo. Thoại cười gượng gạo, lóm thóm, đầu hàng kỷ luật một cách nhục nhã...

Họ đi dọc theo bờ tường, từ phía sau lưng ra phía trước mặt nha sở. Mỗi người hướng cái nhìn về khoảng sân và khoảng ánh nắng trên sân, hững hờ theo cách riêng của mình Giữa sân có một đám trúc đào nở bông. Những cây dầu ngoài đường đổ hoa rụng — vàng vàng, li ti — xuống đầu sân.

Họ bước lên tam cấp, rồi đi qua suốt chiều ngang của nha sở. Mặt trời chiếu bóng họ vào vách tường. Những bóng đen kéo nhau lướt đi như trên chiếc đèn kéo quân.

Trước khi lên thang lầu, một người dừng lại bên cạnh bác tùy phái đã ngồi sẵn sau chiếc bàn màu đen, hỏi một chuyện gì đó, một người khác — Thoại — cũng dừng lại. Chàng mượn tờ *Tiếng Vang*, cắp dưới nách, đi sau cùng.

Vào đến phòng việc, ông cụ Thông lấy ở phía sau kẹt tủ ra một cái khăn cũ, lau mặt bàn, bốn phía mép bàn, và lau mặt ghế. Trên bàn của ông ta có mảnh gương dày năm ly để kê tay (rộng một chiều năm mươi phân, một chiều sáu mươi lăm phân). Ông cụ Thông không thích tay áo bị dính bẩn nên đã tự xuất tiền túi mua tấm kính ấy cách đây bốn năm. Ngày đầu tiên mang kính đến sở, ông có phân bua với nhiều nhân viên trong sở, phòng khi bị thuyên

chuyển đi cơ quan khác thì ông ta sẽ mang nó theo, nó không thuộc về khí mãnh của sở. Đến nay hãy còn nhiều nhân viên nhớ rõ việc ấy để làm chứng cho ông cụ Thông.

Lau bàn ghế xong, ông cụ soạn trong túi ra chiếc píp và những cây ngoáy điếu, nạo điếu..., vật nào chỗ ấy, xếp tất cả lên bàn giấy. Ví thuốc thì bỏ vào một ngăn kéo, trong đó có sẵn cả một chai rượu thuốc nhỏ xíu, với một cái chén con, gói trong giấy pơ-luya.

Xếp đặt xong bấy nhiêu công chuyện, ông cụ Thông khoanh tay trên mặt bàn, cất cao đầu nhìn khắp phòng một cái, sung sướng, yên ổn với lương tâm. Sau đó ông cụ bắt đầu ngay vào công việc.

Trong phòng hãy còn ồn ào ; nhiều người còn tiếp tục nói chuyện.

Hạo không nghe những tiếng cười nói chuyện trò quanh mình. Chàng ngồi trước bàn giấy, vẽ đăm chiêu, suy nghĩ. Thỉnh thoảng, khi có tiếng nhiều người cười lớn, chàng hạ mắt xuống tìm một khuôn mặt trong bọn, nở với họ một nụ cười, để tỏ rằng mình có tham gia, sẵn sàng chia xẻ sự vui vẻ. Có lúc chàng cũng hỏi họ vài câu. Hết thảy sự cố gắng đó của chàng đều là do lòng tốt, do tánh nết hiền lành, tử tế cả. Thực ra chẳng bao giờ chàng muốn dự vào những câu chuyện vô bổ ấy.

Hạ mắt xuống một chút rồi chàng lại ngước lên. Mắt chớp nhanh năm bảy cái liền. Chàng nuốt nước bọt. Như thế chàng rời bỏ đám đông, trở về với sự chăm chú của mình. Chàng lấy trong ngăn kéo ra một tờ giấy tem, trải lên mặt bàn. Một bàn tay vuốt vuốt trên tờ giấy nhiều lần, cử chỉ như làm trong giấc mơ. Rồi chàng cúi xuống nhìn chăm vào tờ giấy, suy tính khó khăn. Cuối cùng, chàng lấy cây thước chặn xuống tờ giấy, xé những con tem năm cắc ra thành từng nhóm bốn con, hai đồng. Chàng lấy ra hai cái thư, dán tem. Còn bao nhiêu tem lại cất vào ngăn kéo.

Hạo cầm hai cái thư xếp lên nhau, vuốt ve, nghĩ ngợi, nuốt nước bọt, vẻ xa xăm. Bỗng chàng vội vàng ngậm miệng lại, sực nhớ là đã há miệng phô răng ra quá lâu. Chàng vứt hai lá thư ra một góc bàn. Và chàng mở sổ sách bày ra trước mặt.

***

Hạo lớn vóc ; đối với khổ người Việt-Nam thì có thể cho là quá lớn. Mặt chàng to mà bèn bẹt. Má chàng mập, thịt cộm lên từng cục. Mí mắt dày húp, mí dưới nổi lên một cái bọc bằng chiếc đũa con, làm cho đôi mắt chàng nhỏ híp lại, trông hiền từ như mắt voi.

Đối với con người to lớn đó những rầy rà phiền nhiễu nhỏ nhặt thường xảy đến trong cuộc sống hàng ngày, ở gia đình và ở sở, đều không xúc động nổi ; cũng như những mũi tên con không bắn thủng nổi vào da voi, cứ trượt rơi lả tả xung quanh.

Chàng chịu đựng, thản nhiên, các sự phiền hà lặt vặt. Sáng ra, chàng gọi lấy ly pha cà phê : người ở đánh vỡ mất một chiếc, còn một chiếc thì thằng Phong đã làm rơi vào trong hầm chứa nước mưa từ ba hôm trước. Cả nhà không còn chiếc ly nào. Người vợ la mắng chị ở. Trong lúc ấy, chàng

bảo nhỏ con Thanh chạy sang nhà bên cạnh mượn về hai chiếc ly khác.

Khi người vợ xoay sự trách móc về phía chàng, chàng ngồi nghe, cười yên lặng, hiền lành, làm rơi rụng hết những lời nói của vợ.

Một hôm vợ chàng đi thăm cô em họ đẻ ở nhà thương Cơ-đốc. Lúc về, nàng trầm trồ kể với chàng rằng đẻ ở đấy tốn kém quá : năm nghìn đồng ! gấp mấy lần các nơi khác. (« Các nơi khác » là các nhà bảo sanh mà chính nàng đã đến nằm.) Nàng nói trong lúc vừa cởi áo dài vừa tìm cây quạt, quạt vội vàng. Hạo nghe qua, ậm ừ cho có chuyện. Thế rồi thôi, vợ chồng lại bỏ đó, nhảy qua những chuyện khác.

Chừng bốn tháng sau, một buổi sáng chủ nhật, cả nhà quây quần ăn sáng, trong lúc chuyện trò, vợ chàng tình cờ nhắc lại chuyện sinh đẻ. Và nàng điểm qua từng đứa con : thằng Nghiêu đẻ ở nhà bảo sanh Hồ-Thị-Vân, phòng hạng nhì, chỉ có một nghìn hai một tuần lễ ; con Thanh, tệ hơn, chỉ mất có nghìn bạc cho một nhà đẻ hạng xoàng ở Nha-trang. Còn lúc sinh thằng Phong thì lại gọi cô đỡ tới nhà, mất có mấy trăm bạc. Hạo bảo rằng cô em họ sinh con so mà lúc đi khám thai bác sĩ lại cho là thai quá lớn nên cô ta sợ hãi, phải chịu tốn kém. « Đi đẻ có phải đi nghỉ mát, đi ăn tiệc, có cốt gì sự sung sướng đâu mà tìm chỗ sang trọng. »

Người vợ trẻ môi trước một nhận định thô sơ. « Đẻ nhiều tiền hơn thì phải được săn sóc kỹ hơn, chích thuốc nhiều hơn ; chích thuốc (?) nhiều như vậy mẹ thì tốt nước da mà con thì mau lớn, không đau yếu. Đẻ nhiều tiền thì nằm phòng lạnh... »

Hạo giật mình. Chàng cho là vì mình đã lỡ miệng so sánh chuyện đẻ với chuyện đi nghỉ mát nên mới khiến người vợ nghĩ tới phòng lạnh. Lý lẽ ấy không thể cãi, đánh ngã được. Người vợ vốn quan tâm đặc biệt tới chuyện nầy. Lúc nào nàng cũng thấy nóng nực trong

người, cũng cần quạt. Nhiều lần chàng bắt gặp nàng ngủ lơ mơ, thần trí đã bay bổng đâu đâu mà tay thì vẫn phe phẩy cây quạt. Cái khổ nhất trong khi đẻ — đối với nàng — là phải nghỉ vận động, nghỉ quạt mấy hôm. Thế mà có những chỗ người ta để trong phòng lạnh, lại không đưa nàng đến !

Nhân tiện nàng bắt luôn qua chuyện cái áo oóc-lông màu tím hoa cà : mới giặt một lần đã hỏng ngay. Cái gì Hạo chọn cho nàng cũng tệ !

Bị công kích dồn dập, Hạo cười. (Lúc chàng ngậm miệng mỉm cười thì hai má núng xuống hai lõm đồng tiền, trông chàng như một đứa trẻ to xác).

Tuy vậy, sau khi nghe vợ kêu ca liên tiếp hết chuyện sinh nở đến chuyện áo xống, chuyện giày dép v.v... rốt cuộc Hạo cũng nảy ra một ý kiến : hoặc giả chàng đã có phần nào lơ đễnh đối với vợ con chăng ? Nghĩ thế, chàng để nghị toàn gia đình đem nhau đi nghỉ đâu đó, xa Sài gòn ít hôm.

Ban đầu vợ chồng nghĩ tới Đà-lạt. Sau khi hỏi han về giá tiền thuê phòng, ăn uống, về những phương tiện và tổn phí để đi lại trong thành phố và từ thành phố đến những chỗ thắng cảnh v.v..., người vợ sửa đổi chương trình, quyết định là đi Nha-trang. Lại sau khi thăm dò một lần nữa, vợ chồng ngần ngại và thu ngắn thêm cuộc du lịch, chỉ còn tới Vũng tàu.

Hạo đã nói ý định xin nghỉ phép với ông chủ sự. Một hôm, nhân mang vào trình một tờ báo có đăng tin tức hoạt động của nha và có in hình ông giám-đốc, chàng thừa lúc ông ta vui vẻ, ngỏ ý xin nghỉ. Ông giám-đốc đồng ý, hứa sẽ cho nghỉ mười ngày. Chàng nài thêm năm ngày nữa. Ông ta gật đầu ; nhưng ông ta lại bỏ tờ báo, ngước lên, nhìn vào mặt chàng, hỏi :

— Anh tính bao giờ nghỉ ?

— Thưa, ra ngoài giêng. Tết xong, khoảng ấy công việc...

— A ! năm nay khoảng ấy mới nhiều việc đa ! Tôi đang dự tính mấy công việc... Anh để sang tháng hai sẽ nghỉ, được không ?

— Vâng.

— Gần tới đó anh đưa giấy phép vào tôi ký. Nghe.

— Vâng.

Ông giám đốc lại nhìn vào mặt anh, cười. Như thế có nghĩa : « Thế là xong. Anh có thể lui ra ». Cái cười lại tinh quái, muốn chàng hiểu thêm rằng đừng hy vọng bắt ông ta trả giá nhiều hơn một cơn vui.

Hạo cũng nở một nụ cười lễ phép trên khuôn mặt bèn bẹt của chàng. Và chàng nhíu nhíu một chút nơi sống mũi. Những khi bị người khác đùa giễu chàng nhíu mũi như thế, và bỏ qua dễ dàng : sự đùa giễu (và cả những ý muốn khiêu khích) đều rơi rụng lả tả trước sự hiền lành của chàng.

* * *

Hạo đã mở sổ sách bày ra trước mặt, chàng nhìn qua, không thấy có việc gì cấp bách cần làm ngay. Chàng nghĩ đến cái tin mới vừa được mọi

người bàn tán trước khi vào phòng làm việc : ông giám đốc sắp thuyên chuyển. Và chàng lại lập lại trong trí một lần nữa cái ý nghĩ :« Xếp đổi thật sao ? Tháng hai qua rồi, chưa nắm được cái giấy phép. Nếu xếp này đi mà không kịp ký cho thì chẳng lẽ xếp mới vừa đến nhận việc năm bảy hôm mình đã vác đơn lên xin nghỉ ? Mà không được nghỉ thì bao nhiêu là rắc rối. Nhà ở ngoài Cấp đã thương lượng để mượn xong xuôi rồi, nhà tại Sài gòn đã sắp đặt tìm được người nhờ trông nom cho rồi, đứa con đi học vừa gặp dịp nghỉ hè... Xếp mà đi gấp vậy sao ? Phiền quá ! »

Hạo nuốt nước bọt. Thình lình có trận cười lớn trong phòng. Chàng vội vã rời bỏ sự suy nghĩ, đảo mắt tìm một khuôn mặt, mỉm cười, chia xẻ sự vui vẻ. Rồi thừa lúc lộn xộn, mắt chàng lại mơ màng lạc vào xa vắng. Chàng nuốt nước bọt lần nữa, đồng thời chớp mắt nhanh mấy cái làm cho nét mặt bị quấy động, như thể là việc nuốt nước bọt có tạm thời ba động tới sự suy nghĩ.

Anh em trong phòng không để ý tới sự rút lui của Hạo ; thỉnh thoảng có người ngừng mắt lại trên khuôn mặt hất cao lên của chàng không thể biết là chàng đang nghĩ ngợi gì. Và chính Hạo cũng không cho rằng mình đang bận tâm suy tưởng gì. Sự thực thì chàng chỉ vừa kịp phác qua trong trí một ý nghĩ nhỏ : « Thôi, chẳng Long - hải Vũng tàu gì nữa hết. Lại cứ tiếp tục đều đều như xưa nay : ngày đi làm hai buổi, về nhà nghe trẻ cãi nhau, vợ dằn vặt người ở, suốt ngày, nhất à suốt các buổi trưa... », đến đó bỗng

nhiên những câu đối đáp không đâu — một cảnh ngắn cắt xén đâu đó trong cuộc sống hàng ngày ở nhà chàng — tự dưng hiện đến. *« Buổi trưa, vợ chồng ở trong phòng, có tiếng khua động và đổ nước ở sân sau. Vợ chàng lên tiếng :*

— Chị làm gì đó ?

Không có tiếng trả lời. Lại hỏi :

— Chị Hai !

— Dạ.

— Chị làm gì ngoài đó ?

Không có tiếng trả lời. Lại hỏi :

— Chị Hai !

— Dạ.

— Tôi hỏi chị làm gì ngoài đó ? Chị nghe không ?

— Giặt đồ.

— Ăn xong chén bát chưa rửa, làm gì mà lo giặt gấp vậy ? (Người vợ nói nhỏ vào tai chàng :) Đó anh biết là giặt thứ gì ? Quần áo của chị ấy chứ đâu phải của mình. Đồ của mình hôm nay chỉ có vài chiếc mu-soa với hai cái áo con nít thôi. Khuất mặt mình là chị ấy làm việc riếng ngay. (Nói lớn :) Để đó đã. Rửa chén đi, nghe không ?

Không có tiếng trả lời.

— Chị Hai !

— Dạ.

Tiếng « dạ » kéo dài rồi ngoắt lại như cái dấu hỏi, khó chịu.

— Chị có nghe không ?

— Dạ. Có nghe.

— Nghe, mà không lên tiếng. Rửa chén thì nhẹ nhẹ tay một chút, chị khua

như khua vỗ ốc, chén đĩa nào chịu nổi.

Im... Một lát, vẫn có tiếng giặt-gya rón rén. Người vợ lại lên tiếng :

— Chị dẹp đồ giặt chưa ?

Không có trả lời. Người vợ nói nhỏ vào tai chàng : « Đã tức mình chưa ! » Rồi kêu lớn :

— Chị Hai.

— Dạ. ạ.ạ...

— Chị nghe tôi nói không !

— Dạ không.

— Chị dẹp đồ đạc đi. Khoan giặt đã. Rửa chén trước... Dẹp chưa ?

— Dẹp rồi.

— Sao tôi nghe có tiếng giặt ? »

Hạo nuốt nước bọt. Cãnh cãi cọ ấy ở đâu ra ? Xảy ra vào buổi trưa nào nhỉ ? Hôm qua ? Hôm kia ? Hay một tháng trước ? Hai ba năm trước ? Sự chịu đựng nhì nhằng như thế trong gia đình chàng kéo dài liên miên. Những mè nheo thường xuyên ấy, chàng chịu được tất, chàng cảm thấy mình có thể chịu được mãi, không hề hấn gì cả. Thế mà lạ ! một chuyến nghỉ hụt tự dưng làm nổi bật lên cái chán nãn của cãnh sống trước mắt chàng ! Phía sau mí mắt dày cộm, một cái gì vừa thức dậy trong ánh mắt hiền từ của chàng.

Cái gì ? Vô lý. Có gì quan trọng xảy ra đâu ? — Một sự quấy rầy... Vâng, bất quá đó chỉ là một quấy rầy nhỏ. Hạo nhíu mấy cái liền ở chỗ sống mũi : cử động ấy như để gạt ra những sự quấy rầy, trêu chọc, xua đuổi những phiền rộn.

Sau cử chỉ ấy, thường thường chàng tìm được ngay sự yên tĩnh.

* * *

Trong phòng, các câu chuyện đã ngừng không biết từ lúc nào. Ai nấy im lặng, cúi xuống công việc. Chiếc quạt máy trên trần kêu ken két thong thả.

Hạo nhấc cây thước lên, vẽ nghĩ-ngợi. Rồi chàng bỏ cây thước xuống bàn : hôm nay chàng rảnh việc..., phải, quả là rảnh, ... không có việc gì gấp..., không có gì phải vội vàng bắt đầu.

Chàng có thể trở về sự lơ mơ của mình. Nhưng trở về chỗ nào nhỉ ? Thường lệ, sau mỗi lần bị gián đoạn như thế, ý nghĩ của chàng lại quay về tiếp tục chỗ bỏ dở. Như thể một con chuồn chuồn giật mình bay lên rồi lại đậu xuống chỗ cũ. Như một đàn cò đang đậu trên bờ ruộng bỗng cất cánh bay bổng lên, lượn vài ba vòng trên không, rồi lại đáp xuống. Nhưng cũng có nhiều lần đàn cò không đáp đúng chỗ cũ . . .

Và lần này sự suy tưởng của Hạo đáp xuống một cảnh bãi bể. Gió thổi mạnh. Cát bay là là như những làn khói bay trên mặt nước nóng. Ngoài bãi vắng, người ta đã xếp lại, đã thu dọn nhiều ghế bố ; ở những chiếc còn lại lá vải run lên bần bật. Gió càng mạnh nữa, và cơn mưa tới gấp ; mặt bể nhầu nát ; giữa màu đục mù của nước mưa, lá cờ rực rỡ trên các chiếc ca nô run vẫy tuyệt vọng... Cây bàng, rất nhiều cây bàng... trên các ngã đường... nghiêng tàn phủ trên các mái ngói âm dương phần nhiều đã ngả màu đen.

— Vũng tàu đấy rồi !

Hạo ngạc nhiên trước cảnh Vũng-tàu vừa gặp lại. Chàng nhẩm tính : « Thế mà từ đó tới nay đã ba năm. Cái gì mà hai năm liền không nên một chuyến đi ! » Chàng lại lẩm nhẩm kiểm điểm : « Coi nào ! Năm ấy mất mấy ngày nhỉ ? . . . Hai ngày, đúng, hai ngày, không tắm, không xuống nước được một lần. Hôm đầu, vừa tới nơi trông thấy cờ đỏ, ngần ngại. Chờ hôm nữa ; cờ đen Chán thấy mồ ! . . . »

Hạo trôi từ ý tưởng nầy đến ý-tưởng kia. Và khi chàng đã lạc đi hun hút quá xa, chàng giật mình, lui về. Chàng nuốt nước bọt, chớp mắt.

* * *

Những cái chớp mắt liên tiếp khua động, đuổi bay sự suy tưởng của chàng. Và một lát sau nó lại đáp xuống. Nó hạ cánh xuống cảnh sống hàng ngày, một đêm nào đó trong gia đình.

Chín giờ rưỡi tối, trẻ con bắt đầu yên lặng. Hạo coi truyện. Hoặc chàng theo dõi những hoạt động của anh thám tử Nhật tên là Sơn-Điền, hoặc chàng theo dõi mối tình của một cô Nguyệt, cô Loan v.v..., trong lúc sinh hoạt của khu phố tiến từng bước, từng bước về khuya : các máy thu thanh tắt dần dần, rồi nổi lên tiếng rao hột vịt lộn, thế là quá mười giờ. Rồi đến tiếng rao phở ; gánh phở ngừng lại một lúc với tiếng gõ lốc cốc. Rồi đậu đen nước đường. Rồi bánh giầy bánh giò.

Vợ Hạo cũng có mặt trong phòng. Lúc tiếng rao đầu tiên của người đàn bà bán bánh giầy cất lên ở đầu đàng xa vang đến thì cả hai vợ chồng đều

để ý, và tự dưng người này biết rằng người kia cũng đang để ý như mình. Họ gặp nhau ở một mật hiệu. Tiếng rao tiến đến gần. Lúc nó đã đến thực gần, Hạo đưa đồng hồ lên xem giờ. Đêm nào chàng cũng vô tình kiểm soát lại như thế, và đêm nào lúc đó cũng gần đúng mười một giờ. Chàng bẻ gấp một trang để làm dấu trước khi xếp cuốn sách. Tiếng tờ giấy loạt soạt và tiếng ghế xích đu khi chàng nhổm mình ngồi dậy, những tiếng động ấy được phóng đại lên một cách vô lý trong sự thanh vắng. Sự phóng đại những cử động lặp lại thường xuyên hàng đêm ấy làm cho chàng bực mình ; và, không làm thế nào được, chàng ngáp lớn, bất cần. Chàng ngáp lớn thành tiếng, một cái ngáp rõ ràng không phải của cơn buồn ngủ, của mệt mỏi, mà là tiếng ngáp ồn ào của một kẻ lười biếng, lây lất, muốn xua đuổi một sự bực mình, một ý tưởng bận rộn ra khỏi trí óc. Vợ chàng ngừng tay thu dọn, liếc mắt nhìn chàng.

Bình nhật, người vợ không tỏ ra tế nhị ; nhưng những lúc đó, khi nàng liếc nhìn, mỉm cười dỗ dành, Hạo tưởng như không có ai hiểu mình hơn. Hiểu, và cùng chia xẻ sự cam chịu của chàng.

Đó là cuộc sống đằm thắm của vợ chồng ?

...Chàng đi sâu vào « cuộc sống đằm thắm ». Khi người vợ đã thu dọn xong đồ đạc, đã tắt ngọn đèn ở phòng ngoài, đuổi con chó Tô-tô ra ngoài hè và khóa cửa lại...,trước khi lên giường, nàng quay lưng lại phía chàng, nói, nũng nịu : « Tức thở muốn chết ! ». Và chàng làm cái công việc cuối cùng trong ngày : vén vạt áo sau lên, mở giúp cái khuy xu-chiêng để vợ thở được dễ dàng trong giấc ngủ.

Những đêm mà cả vợ cả chồng đều quên mở khuy trước khi lên giường, những đêm đó mới rầy rà. Những đêm đó, tới lúc chàng thiu thiu ngủ, và người vợ cũng thiu thiu ngủ (tay quạt chậm lại hoặc ngừng hẳn), chợt nàng giật mình, quạt mạnh mấy cái, kêu ngạt,.. Hạo thấy diễn ra trong trí cái cảnh chàng vừa nhắm mắt vừa đưa tay lần dò tìm mở khuy cho vợ. Vợ chàng dùng nhiều kiểu xu-chiêng khác nhau ; có khi chàng gặp thứ khuy khó mở, và sự lầng nhầng đánh tan mất giấc ngủ. (Vì vậy mà mỗi tối, hoặc ngay sau tiếng rao bánh giầy hoặc sau tiếng ngáp ồn ào ngao ngán và cái liếc nhìn của vợ chàng, một ý nghĩ liền nẩy ra trong trí Hạo : « Hôm nay sẽ gặp kiểu khuy nào đây ? » Ý nghĩ mà chàng coi như một sự nghịch ngợm sau lưng cái nhìn thông cảm đằm thắm của người vợ).

Trong cuộc sống đằm thắm lại có những đêm chợt thức giấc nửa đêm, chàng nằm lâu trằn trọc bên cạnh vợ chờ thêm một giấc ngủ, trí nghĩ lờn vờn, lông bông từ chuyện nọ tới chuyện kia, tai nghe tiếng mưa sau hè, tiếng máy điện không biết của một cơ xưởng nào ở xa xa... Và – bất ngờ — tiếng ánh cửa sổ của nhà ai quên đóng bị gió dập vào tường... Những khua động tản mác vu vơ đó tự nhiên nhắc cho Hạo cái vị trí yên ổn ấm áp của chàng, đến cuộc đời ổn định, chắc chắn, chưa từng có bất trắc, bên cạnh vợ con...

Miệng Hạo nở một nụ cười trong mơ. Sự nhếch rộng ấy nhắc chàng để ý rằng vừa rồi đã phô răng ra quá lâu. Chàng vội vàng ngậm miệng, nuốt nước bọt, rồi lại chú ý khép miệng lại.

∴

— *Chị Hai !*

— *Dạ.*

— *Gánh nước chưa ?*

Im lặng, không có tiếng trả lời. Lại hỏi :

— *Chị Hai !*

— *Dạ...*

Cuộc đối đáp kéo dài hun hút như tràn ngập khắp từ đầu tới cuối cuộc sống của chàng, cuộc sống ổn định của chàng. Những đối đáp cãi cọ ấy diễn ra xung quanh, mà không mảy may va chạm thương tổn đến chàng. Những sự cãi cọ, la mắng, đối phó thường xuyên làm tiêu mòn, trầy trụa cuộc đời của người vợ, những cái đó chàng chỉ nhìn chúng bao quát. Như thể một tiên ông trên mây mù xa thẳm đoái trông xuống trần gian Và thỉnh thoảng chàng hơi thấy xao xuyến vì những hoạt động ấy dàn ra mênh mông, vô tận. Và chàng thương vợ, một mình dãy dụa vô ích trong cái mênh mông ấy.

Người vợ hay nói hay làm. Tất cả việc nhà đều do nàng xếp đặt, cho đến nỗi lâu lâu có việc cần đến bất ngờ trong lúc vợ đi vắng, ngay đến tấm thẻ căn cước của mình, chàng cũng không biết tìm ở đâu. Chàng không biết tìm ở đâu viên thuốc cảm để uống, tí pom-mát để xức chỗ bỏng cho con, cây bút máy bỏ quên trong túi áo trước khi đưa đi giặt v.v... Người vợ quán xuyến, lo liệu tất cả, và nàng bị ngập đi giữa những cuộc cãi vã. Một đứa con đòi mua bánh rán ăn trong khi bữa cơm sắp dọn : nàng ngăn cản. đứa con nài nĩ, nàng mắng. con phụng phịu, cãi lại, nàng hét lên.. Hai đứa trẻ giành nhau con diều giấy, nàng phân xử, nói mãi, dỗ mãi không xong, bực mình cốc vào đầu đứa này một cái, nó tức giận vì sự bất công khoc ré lên, nàng lại bực mình hơn, cốc vào đầu đứa kia hai ba cái...Chị ở giặt đồ phí nước, nàng không bằng lòng, la mắng ; rửa bát nặng tay, nàng không bằng lòng, cảnh cáo ; nàng dặn dò trước khi chị ta đi chợ, kiểm soát, vặn hỏi khi chị đi chợ về v.v... Chị ta cự nự, và vợ chàng la lối, phân bua với người này người kia... Gần như lúc nào ở trong nhà cũng nghe có dấu hiệu hoạt động của vợ chàng. Hạo có cảm tưởng vợ mình cứ thoáng thấy một công việc là lao ngay đến, mắc dính vào đấy như vào một tấm lưới nhùng nhằng. gỡ vừa thoát lại thấy ngay việc khác, và lại lao vào. Giá nàng chịu dừng lại, bình tĩnh phân tích công việc, cân nhắc suy tính cách thức can thiệp cho khéo léo, có lẽ nàng không bị bận rộn tới chừng ấy.

— Hoặc... giá mình chịu giải thích cho nàng hiểu, tỏ ra thông cảm với cảnh vất vả bận rộn, vỗ về an ủi nàng... (Hạo nghĩ, một đôi lần, như thế). Sao lại không được ? Nàng khổ sở thế !

Thực vậy, sao lại không thể như làm vậy ? Nếu Hạo sớm chận đứng sự hoạt động lộn xộn quay cuồng của

vợ, nếu chàng chịu khó tỏ ra cảm thông sự khổ cực của nàng, giúp nàng ý kiến... có lẽ đã có những phút cảm động, nàng đã nghe lời chàng và đổi thái độ, nàng đã không đến nỗi sớm gì cõi khô khan về tình cảm đến thế ?

Thế nhưng đã bao nhiêu năm rồi, chàng không bao giờ quyết định được sự can thiệp ; cho đến bây giờ sinh hoạt trong gia đình đã thành nề thành nếp, thành một tình trạng cố định rồi : chàng luôn luôn bất động, đứng ngoài lề chứng kiến sự bận rộn tất tả của vợ.

Sự thực chàng có đôi lần toan quyết định can thiệp. Nhưng rồi chàng nghĩ: bấy lâu người vợ đã có cảm tưởng thành thạo hơn chàng về việc nhà, nàng hiện bác nhanh, nhiều tự ái, dễ mếch lòng, và nhất là nàng kiên trì, không ngại những cuộc cãi nhau.. Chàng nghĩ đến những sự khó khăn, trở ngại, đến công việc tế nhị của mình mà nản lòng.

Can thiệp vào đấy chàng sẽ mất nhiều thì giờ và tâm trí. Ồ ! Hao tổn tâm trí đến thế ! Chịu thôi. Bất cứ là ở sở hay ở nhà, không ai thấy chàng vận dụng trí thông minh để đối phó chống trả mưu mô của kẻ khác, để đối đáp tranh cãi với luận điệu kẻ khác... Không bao giờ Hạo làm thế. Chàng không tự phiền phí tâm trí đến thế. Chàng coi nhẹ mọi mưu mẹo, tranh cãi, coi như không đáng một cuộc vận dụng đến trí óc. Chàng sợ những sự cung phí vô ích cái tinh lực tinh thần của mình. Chàng giữ gìn nó như con gái giữ trinh. Chàng sợ mọi sự khuấy động, xúc phạm vào cái tinh lực ẩn náu ấy.

Cái năng lực tinh khôi, được bảo vệ kỹ càng tránh mọi xô xát đụng chạm trong cuộc sống, chàng dùng nó vào công việc quan trọng gì ? — Không có công việc gì cả. Nó vẫn còn được bảo vệ, trong sự chờ đợi mãi mãi. Hàng ngày Hạo chưa hề tự bắt gặp mình trong một hoạt động tâm trí nào quan trọng ngoài những giờ phút mơ màng triền miên.

Lũ con của chàng, cho đến con Thanh mới rồi cũng đã thay răng, trước sau tất cả bọn chúng đã rụng đi ngót bảy tám chục chiếc răng rồi chứ phải ít sao ? Mà mỗi lần bẻ một cái răng là một lần khóc lóc, la lóc chóe, một lần phiền hà mà chàng không bao giờ muốn chứng kiến, muốn có mặt mình tại chỗ. Rốt cuộc đến nay chàng chưa hề sờ đến một chiếc răng nào của con, chàng cũng chỉ trông thấy vợ bẻ răng cho con có đôi ba lần. Thế mà bảy tám chục chiếc răng của tất cả lũ con đã bị bẻ rụng ! Lúc nào ? Khó nhọc như thế nào ? Công việc thật đã kinh khủng !

Và chàng, những lúc như lúc này, chàng ngồi gợi lại trong cõi yên tịnh của trí tưởng tượng một cảnh bẻ răng năm ngoái hoặc năm kia đã xảy ra trước mắt mình. Gợi lại với cái sung sướng biết chắc rằng những cảnh tượng rùng rợn ấy không làm thương tổn đến mình, với sự chắc chắn ở cuộc sống an toàn của mình...

Chàng nuốt nước bọt, và nhảy qua một cảnh khác, cảnh Vũng tàu.

Trong trí chàng cát đang bay là là trên bãi, cát bay như khói bốc trên mặt nước... thì chợt có tiếng ai đóng mạnh ngăn kéo trong phòng. Hạo bạt mắt xuống, tìm kiếm.

VÕ PHIẾN
(Một mình)

Truyện ngắn LÊ-TẤT-ĐIỀU

KHỞI HÀNH

TÔI chú ý và khoái nhất cái lối bước lên thang của Nhiên. Lúc thường anh ta đã có dáng đi là lạ, hơi ngất ngưởng như coi thường quả đất dưới chân mình, nhưng dường như vẫn thiết tha hướng về phía trước. Lúc anh ta lên thang, ngay khi đặt chân lên bậc đầu tiên, anh ta đã có vẻ hoàn toàn lạnh nhạt với cuộc đời. Anh ta dừng lại một chút ở bước đầu như để nghỉ ngơi, suy đoán. Lưng và đầu thật thẳng, hơi ngả về phía sau, nét mặt bình thản, thường mơ mộng bâng khuâng. Rồi bàn chân trước trở nên sống động, đưa cả thân người lên một cách vững chắc, có tính toán kỹ lưỡng. Những bước tiếp theo không nhanh, không chậm, chiều cao không làm cho anh ta bước lệch lạc.

Lên tới bậc thang cuối cùng bao giờ Nhiên cũng dừng lại một chút và anh ta nghiêng đầu, ngước mắt nhìn xung quanh thật nhanh. Nhiên vuốt lại tóc một cách hờ hững và trở lại với dáng bước uể oải của một kẻ biết đời có nhiều chuyện đáng chán mà vẫn không muốn nản lòng. Nếu cử chỉ có thể diễn tả được ít nhiều tính tình của con người thì cách lên thang của Nhiên đã nói được khá rõ ràng những khía cạnh đời sống nội tâm của anh ta.

Nếu Nhiên đến với chúng tôi sớm hơn năm tháng thì có lẽ những ngày đầu tiên trong cuộc đời kiếm sống của tôi đã bớt đi được khá nhiều kỷ niệm khó chịu.

Buổi sáng hôm tụ họp trước cửa bộ giáo dục để chờ sự vụ lệnh cử đi nhận việc, chúng tôi — bạn đồng học và sẽ là bạn đồng nghiệp của nhau bàn tán xôn xao :

— Phen này không biết phải đi đâu đây ?.

— Trong niên học thằng nào càng lười, càng bướng thì bây giờ càng phải

xa đô thành đến miền rừng núi gần tiên, phật để tu tâm sửa tính.

Tuy đã đoán được một cách mơ hồ quãng đường xa kể từ đô thành đến nơi mình sắp nhận việc (nhờ ở sự dò theo bảng kết quả cuộc thi cuối năm, đếm tên số người đè trên đầu mình) tôi vẫn cảm thấy bồi hộp vì không rõ trong bốn phương trời đông, tây, nam, bắc mình sẽ được ném về phương nào. Nắm được tờ sự vụ lệnh trong tay, ngỡ ngàng nhìn tên cái tỉnh lạ hoắc ghi trên đó, thật tưởng như định mệnh của mình không phải do Trời định, mà do chính những chữ viết bằng nguyên tử xanh nguệch ngoạc trên tờ giấy dầy. Thấy thiên hạ xúm lại quanh anh chàng có tấm bản đồ toàn quốc trải rộng bên một gốc cây để hỏi han chất vấn về đường đi nước bước, tôi cũng chạy đến lay vai anh ta :

— Này, tỉnh K. ở đâu ?

— Tỉnh K. à ? Ối xa lắm bồ. Trong niên học đi bất phố cho lắm vào.

Anh ta cúi xuống bản đồ, cầm cái thước kẻ nhỏ đo ngang đo dọc rồi lẩm bẩm tính :

— Một, hai, ba, bốn... bốn mẫu rưỡi, tính ra là hơn bốn trăm cây số.

Không ngờ sự lười học, sự nghịch ngợm của mình lại biến thành quãng đường dài đến thế. Nước Việt cụt mất một nửa, còn ngắn ngủn, phải đi xa đô thành bốn trăm cây số thì hẳn phải tới một nơi nào mà lơ đễnh một chút mình có thể bước nhầm sang nước láng giềng. Tôi cười ruồi để cám ơn anh chàng có bản đồ rồi chạy một mạch về nhà sửa soạn hành lý lên đường. Bây giờ cuộc đua có một phạm vi nhỏ hơn, tôi chỉ còn phải thi nhanh chậm với những vị đồng nghiệp cũng đang khởi hành đến tỉnh K.,

Tôi phải đổi xe ba lần mới tới tỉnh và càng tới gần tỉnh càng phải đi loại xe chạy chậm, sơ sác tang thương hơn.

Lại một phen nữa hồi hợp chờ đợi vì tỉnh K. cũng có đủ bốn phương-đông, tây, nam, bắc.

Sau khi nhận thêm một tờ giấy nữa tôi ra bến xe cùng hai ông bạn đồng nghiệp, đồng học có số phận giống tôi. Tự nhiên cả ba cảm thấy thân thiện và thương nhau bẫn lên. Ba đứa ngồi dụm lại ở một góc xe, nét mặt cùng lộ vẻ hoang mang. Bài diễn văn nhắc nhiều đến cách xử thế của ông tv trưởng làm cho chúng tôi còn cảm thấy lo lắng. Anh tài xế và anh lơ xe nhìn chúng tôi hơi nhiều có lẽ vì thấy những bộ quần áo chúng tôi mặc quá sang trọng đối với vùng này nhưng chúng tôi lại đinh ninh là người ta đang dò xét tư cách nhà giáo của mình, và khi cần ho khẽ một tiếng tôi cũng vội vàng rút khăn tay ra trịnh trọng che miệng cho hợp vệ sinh.

Cả hai ông bạn tôi đều giữ thái-độ lầm lì. Sơn người mập, lùn, tròn trặn, gọn gàng như một quả xoài tượng, hắn có dáng đi vội vàng, láu táu, mắt mũi miệng hắn thì cái gì cũng được xếp theo hình chữ bát cả, lông mày và mắt song song nhau, cặp nằm theo chiều dấu sắc, cặp nằm theo chiều dấu huyền, hai bên mép cũng đi chéo trở xuống ngắn ngơ như miệng trẻ nhỏ. Thoáng trông hắn có vẻ hiền lành, nhìn kỹ đôi mắt nhỏ, cái mũi hơi khoằm

mới nghĩ rằng tính tình hắn không được rộng rãi.

Tịnh cao, gầy, nghiêm nghị đến độ thành ra lừng khừng, anh học cùng lớp với tôi trong trường sư phạm, lấy vợ từ hồi chưa thi bằng trung-học. Sau khi cưới vợ anh bắt đầu học dốt và sinh tật hút thuốc lào sòng sọc, nói năng thích gật gù như các cụ lý, cụ xã, lại lười chải đầu, và thường lấy những cái kẹp tóc nhỏ của vợ để kẹp cho tóc khỏi xõa xuống trán, rồi luôn luôn đem phổ biến sáng kiến đó cho anh em noi gương, đỡ tốn tiền mua brillantine. Sau khi có đứa con đầu lòng, anh sinh tật gọi bạn đồng lớp là : « Các Chú » hay « chú em » và xưng « ta » ngon lành. Thấy bạn bè hay đùa nghịch Tịnh khó chịu và khinh bỉ ra mặt, cho là một lũ trẻ con. Nhưng kiếm trong số bạn đồng nghiệp không có kẻ nào cũng là bố trẻ con như mình, Tịnh đành miễn cưỡng giao thiệp với chúng tôi, tuy vẫn giữ thái độ kẻ cả. Ngồi nghe giáo sư giảng Tịnh khoanh tay, mở to mắt như muốn nuốt chửng từng câu nói vào trí nhớ, nhưng lại chậm hiểu hơn hết và lúc làm bài thường phải lợi dụng chiều cao của mình để ngó sang tờ giấy của hai « chú em » bên cạnh.

Hồi mới nhập học được ít hôm, chúng tôi thấy Tịnh lớn tuổi hơn cả và tưởng anh thuộc loại người hơi ngu đần nên xúm xít lại đồng thanh bầu anh làm trưởng lớp. Không ngờ về sau tất cả những tên phá kỷ luật hay bỏ giờ một cách bí mật đều bị anh kê tên và báo cáo rất đầy đủ lên ông giám thị. Cả lũ hoảng hồn vây quanh Tịnh kỳ kèo. Tịnh giữ vững lập trường và lên dọng khuyên nhủ anh em bằng những lời giảng của vị giáo sư già dạy môn luân lý. Một vài tên ức quá trả thù bằng cách đặt cho anh cái biệt hiệu là « Tịnh gàn dở ».

Bây giờ, số điểm kém cỏi bằng nhau trong kỳ thi cuối năm đã đẩy ba chúng tôi ngồi chung một chuyến xe về làm việc ở cùng một nơi.

Chiếc xe càng lúc càng đi sâu vào những vùng hoang vắng, có khi con đường đất đỏ nhỏ hẹp hẳn lại như bị hai cánh rừng rậm mịt mù ở hai bên chèn ép, bóp nghẹt. Tôi mệt bã người mà không sao nhắm mắt ngủ gật gù được như người bạn đồng hành. Lắm lúc lại nẩy ra cái ý nghĩ chua chát là mình giống như bọn anh em thằng bé tí hon trong truyện xưa, bị chính phủ ghét đem bỏ vào rừng cho cọp tha, đỡ tốn tiền phát lương. Đây là lần đầu tiên tôi cảm thấy rợn người khi nghĩ rằng đất nước mình quá rộng.

Anh Tịnh cũng mở to mắt phân vân nhìn rừng cây và đường dài. Tôi kêu :

— Khiếp ! xa quá, đi mãi chưa tới nơi.

Tịnh thắc mắc thật sự :

— Sao toàn rừng thế này nhỉ ? Họ định cho mình vào đây dậy khỉ à ?

Và Tịnh rướn người, nắm lấy thành ghế phía trước, hỏi to ;

— Này bác tài ! Sắp tới chưa đấy ?

— Chạy cỡ hai chục phút nữa.

— Trong đó có trường học không ?

— Có chớ. Thiếu gì. Mấy thầy là thầy giáo hả ?

— Vâng. Chúng tôi mới...

Tôi vội bấm vào đùi Tịnh để anh khỏi tiếp tục khai lý lịch quá đầy đủ chi tiết.

Sau khi qua một chiếc cầu gỗ hẹp, ngắn có những nhịp kêu lắc rắc đe dọa, chiếc xe dừng lại ở đầu một con đường đất nhỏ. Một người đàn bà nhanh nhẹn bước xuống, đứng lên lề đường, ngửa cổ chờ anh lơ xe trao trả mấy cái thúng để trên nóc xe. Anh lơ ném cho chị ta bộ quang gánh và hai cái thúng. Chị ta cúi xuống lật chiếc mẹt che thúng, kiểm soát rồi bỗng kêu lên :

— Thiếu mất hai cái bánh tét nè.

Bộ mặt chợt linh động hẳn, chị ta đứng kiễng hai chân, nói với anh lơ xe :

— Anh coi trên đó coi.

Anh lơ đi lại rậm rịch trên nóc xe mấy bước rồi nói xuống :

— Không có.

— Sao không có ? Mua năm cái giờ thấy có ba.

Vừa nói người đàn bà vừa đi ra phía sau xe vén quần áo rồi nắm lấy chiếc thang sắt leo lên. Cuộc tìm kiếm diễn ra hơi lâu. Anh tài xế giơ cánh tay phải lên trời đập nhẹ xuống tay lái, lắc đầu than :

— Trời đất !

Trên nóc xe có tiếng anh lơ cằu nhàu :

— Chị buộc không kỹ lưỡng, nó xút dây rớt xuống chớ gì.

Giọng nói của người đàn bà cũng hậm hực không kém :

— Nói vậy nghe lọt sao ? Đồ người ta gởi theo thì phải coi chừng cho người ta chớ. Bộ anh cho tôi quá giang không ăn tiền hả ?

Anh tài xế sốt ruột gõ thình thình vào cửa xe và thò đầu ra ngoài hét :

— Lẹ lẹ cho bà con đi. Muốn ngủ luôn ở đây hả ?

Người đàn bà leo xuống, phân trần :

— Nếu rớt thì rớt hết năm cái chớ sao còn ba. Xe chạy làm mất hết trọi đồ rồi bắt hành khách phải chịu thiệt, đâu có được.

Thấy chị ta đã đặt chân xuống đất, anh lơ xe không cãi nữa, anh ra lệnh :

— Rồi.. chạy đi.

Tiếng « đi » kéo dài một cách khoan khoái, thoát nợ. Nhưng máy xe vừa rú lên, xe chưa kịp chuyển bánh thì thình lình, người đàn bà đùng đùng chạy lên đứng cản trước mũi xe. Cơn giận dữ làm chị ta thở hổn hển. Anh tài xế giật mình hét lên :

— Làm gì vậy ? Muốn bị xe cán chết sao ?

— Cán coi.

Qua làn kính trước xe tôi thấy khuôn mặt người đàn bà tái ngắt, mắt nhìn trừng trừng khiêu khích thách đố. Dọng quyết liệt của chị chứng tỏ rằng chị sẵn sàng dùng mạng sống của mình để bắt người ta trả lời minh bạch về hai khoanh bánh tét bị mất tích của chị. Hành khách thở dài sườn sượt. Tiếng máy xe rú ầm ĩ hòa với tiếng hành khách xôn xao che lấp hẳn những câu nói của người đàn bà. Chị ta dang hai tay đặt lên mui nhưng có lẽ bị nóng, chị rụt lại và nắm lấy chiếc đèn xe.

Anh lơ xe nhảy xuống, có vẻ đã chịu thua sự lì lợm của người đàn bà. Anh ta nắm cánh tay chị kéo dần vào lề đường; miệng năn nỉ ngọt ngào hơn :

— Trời ơi ! Nó rớt mất rồi thì tôi biết làm sao. Bộ chị tưởng tôi lấy cắp hai cái bánh của chị hả ?

Đưa được người đàn bà vào sát lề, anh lơ thình lình giơ tay phắt một cái ra hiệu cho xe chạy. Anh tài chỉ chú ý đến cái phắt tay thoát hiểm đó và anh gài số, đạp ga. Chiếc xe chồm lên như một con ngựa bị người ta đâm kim vào mông, và anh lơ buông người đàn bà, nhảy tót lên phía sau xe đứng vừa lau mồ hôi vừa chửi đổng. Tôi quay lại xem phản ứng của người đàn bà nhưng chỉ còn thấy bóng chị ta mờ mờ sau một đám bụi đỏ ngầu. Những câu chửi chắc là dữ dội lắm của chị ta cũng không đuổi kịp theo xe.

Tịnh chép miệng phê bình :

— Dân ở đây gớm quá nhỉ.

Tôi ghé tai nghe Tịnh thì thầm :

— Phụ huynh học sinh ở đây bà nào cũng như bà này thì đời tụi mình tàn.

Quả thực người đàn bà này đã làm tôi kinh hãi.

Lúc ấy, trông về tương lai tôi thấy cái gì cũng đáng sợ cả. Bên phải là rừng, bên trái là rừng, đằng trước là con đường càng lúc càng gập ghềnh. Tôi muốn được lùi lại đằng sau, lùi thật nhiều, lùi mãi cho đến cái thời còn là một anh bé con ăn bám cha mẹ ngày ngày thảnh thơi cắp sách đến trường...

∴

Trường gồm có năm phòng gỗ làm theo kiểu nhà sàn có bốn cầu thang ngắn lên xuống. Ông hiệu trưởng già, để râu, đeo cặp kính trắng mắt tròn, mặc bộ quần áo bà ba dẫn đầu một phái đoàn gồm có một thầy giáo, hai cô giáo và gần mười đứa trẻ con tò mò, đi đón chúng tôi. Người nào cũng có vẻ hân hoan. Ông hiệu trưởng báo ngay cho chúng tôi một tin mừng :

— Năm nay nước lên sớm. Chừng nửa tháng nữa gặp mưa lớn nước sẽ ngập hết sân trường, mình được nghỉ dạy ít nhất cũng cỡ một tháng.

Sơn ngẩn ngơ hỏi :

— Năm nào cũng ngập vậy hay sao, ông ?

— Năm nào cũng vậy. Trường này đặc biệt mà.

Cô giáo trẻ tuổi, khá xinh đẹp, đủ bắt tôi nở một nụ cười thật tươi sau khi tôi đã bị quãng đường dài mấy trăm cây số hành cho mềm người, bảo chúng tôi :

— Các thầy may lắm đấy. Nếu đến trễ ít hôm có khi các thầy phải vào trường bằng thuyền.

Nàng vừa nói vừa cười nên lúc ấy tôi lại tưởng nàng nói đùa. Cô giáo Hoan, đã đứng tuổi, nhất định đòi xách va ly dùm tôi để tôi đỡ lúng túng trong việc vén quần nhảy qua những vũng bùn lớn. Nàng hỏi han chúng tôi rất thân mật nhưng thái độ vẫn nghiêm trang, và đặc biệt rất ít cười. Sau này tôi mới rõ lý do của sự nghiêm trang đó : Hoan có hàm răng vẩu và chiếc răng cửa hơi thô, nàng bị mặc-cảm vì hàm răng đó, lúc nào nàng

cũng đinh ninh rằng người khác có âm mưu chọc cười để xem răng nàng. Vì thế chúng tôi có tán dóc đùa cợt đến thế nào cũng chẳng làm cho Hoan cười lớn được.

Một trong năm căn phòng của nhà trường được chia đôi : một nửa là phòng làm việc của hiệu trưởng, một nửa dùng làm nơi tạm trú cho chúng tôi.

Ngay trong buổi tối đầu tôi đã cảm thấy nhớ nhà và thương thân. Suốt thời thơ ấu cho đến ngày đó tôi ít có dịp xa gia đình, mà có đến đâu thì cũng được tả phù hữu bật, chẳng bao giờ phải tự lo những việc vặt. Sơn đi ngủ thật sớm. Tịnh lôi trong và lí anh ra nhiều bánh trái chia cho tôi ăn, nói là để giữ sức. Sau đó anh ta cũng nằm dài, kê lọ dầu nóng vào mũi, thỉnh thoảng hít một hơi. Tôi mở cửa sổ nhìn những ngọn đèn dầu tối mù mù trong những căn nhà ở gần trường, nghe tiếng côn trùng kêu ran như tiếng thác đổ trong rừng. Ý nghĩ thành thực lúc bấy giờ là thấy mình tệ quá, kém cỏi quá. Tôi thấy tôi học dốt, tôi nhớ ra là tôi đã hay đùa nghịch, không chịu cố gắng, rồi tôi thấy cả sự tôi . . . xấu trai nữa.

Sáng hôm sau học trò kéo đến đầy sân trường. Ánh nắng buổi sớm, tiếng trẻ cười đùa làm cho dãy lớp nghèo nàn chợt như bừng tỉnh, linh động. Tôi bắt đầu cảm thấy hào hứng, bạo hái hơn. Lớp học của tôi tính cả thầy trò thì vừa đúng được hai chục mống, có vài đứa cao hơn thầy. Trong buổi học đầu, thầy nói thầy mình mới ở Saigon đến, chúng sung sướng kiêu hãnh ra mặt, chúng ngắm thầy mãi không chán làm như thầy chúng vừa từ trên trời hạ gót xuống trần gian. Hầu hết lớp là những học trò học đúp hai ba năm. Ở đây không có trường trung học, lại xa tỉnh, nên cuối năm học trò lớp nhất dù giỏi, dở, dù thi đậu hay thi trượt đều phải học đúp lại hết, nếu cha mẹ chúng không thích để chúng ở nhà. Ấy thế mà có đứa học đi học lại mấy năm vẫn còn dốt, không theo kịp chương trình. Buổi đầu chưa hiểu rõ học trò, tôi hăng hái vung tay vung chân đọc một bài diễn văn khai mạc rất dài. Lũ trẻ ngồi ngẩn mặt, chẳng hiểu quái gì, nhưng vẫn phục thầy. Mấy đứa lớn đứa nào cũng mập mạp, đen trũi, trán gồ bướng bỉnh, nhưng hiền như tượng đất.

Lúc ấy tôi không hề biết rằng những tiếng «taxi» « xích-lô » «chiếu bóng» v.v. đối với phần lớn trẻ nhỏ ở đây là những danh từ hoàn toàn trừu tượng, nếu không chú ý thì bài giảng của mình lập tức thành một bài văn tối nghĩa, bí hiểm. Phải mất hơn một tuần giải thích tìm hiểu, vấn đề ngôn ngữ của chúng tôi mới được giải quyết ổn thỏa. Tuy vậy thỉnh thoảng vẫn có chuyện bất ngờ, ở tờ lý lịch học sinh trong mục « nghề nghiệp của cha » có đứa ghi : « nghề nghiệp cha : cha đánh xe bò vô rừng chở gỗ cho người ta » ! Một số khác kê ra những nghề lạ lùng rắc rối mà tôi cũng chịu không định nghĩa nổi.

Cô giáo Hoan giới thiệu cho chúng tôi một bà già thổi cơm tháng. Ông hiệu trưởng thì đưa chúng tôi đi trình diện các nhân vật có uy quyền trong vùng, ông có vẻ khoái vì mỗi lần có thêm nhân viên là một lần địa vị ông được

nâng cao thêm một tí. Sự khó khăn lúng túng ban đầu qua đi, đeo cà vạt ăn nói trịnh trọng, nghe lũ học trò gọi là thầy mãi rồi cũng đâm cảm thấy mình đúng là người lớn. Mấy ông hương chức tiếp đón chúng tôi bằng những bữa ăn khá thịnh soạn. Xem ra chưa truyền thụ cho học trò được mấy tí đạo đức mà ông thầy đã học được thêm nhiều tật xấu : uống rượu, ăn uống nói năng khề khà, chậm tiến.

Nhưng chính những điều mới lạ đó lại giúp mình quên nhớ nhà, không chán nản và quen dần với cuộc sống mới.

Những lúc thật cảm thấy buồn rầu và trơ trọi tôi hỳ hục viết thư gửi cho gia đình và nhất là các bạn hữu ở Sài gòn. Thật là ngốc, tôi cứ tưởng là các bạn, thấy tôi phải đi xa, sẽ thương hại và săn sóc tôi hơn. Ngờ đâu chúng nó khoái làm những việc vô ích hơn là viết thư cho tôi. Thư gửi đi nhiều, thư trả lời chỉ có hai mà cái nào cũng mỏng dính, tác giả lại viết một mặt giấy như viết bài đăng báo, chữ thì to lớn nghênh ngang, tình thân kéo dài được độ hai chục dòng là đã đến mục biểu diễn chữ ký bay bướm, đạo bằng hữu hết đất đứng được bào chữa bằng một câu mơ hồ « thư sau sẽ nói nhiều ».

Khi đã quen, tôi bắt đầu cảm thấy vùng này có nhiều điểm dễ chịu. Dân chúng sống tụ tập quanh ngôi nhà thờ — một trong ba cơ sở được xây cất bằng gạch ngói — dưới mái những căn nhà tranh nằm thành dãy, thành hàng dài. Một số khác sống ở men rừng thỉnh thoảng lại ngả một ít cây để kiếm thêm đất trồng trọt. Họ nghèo tiện nghi nhưng giầu thực phẩm, nhất là món thịt rừng. Tỉnh thoảng, sau cuộc săn bắn thành công của một vị phụ-huynh học sinh, chúng tôi lại được thưởng thức những món ăn lạ.

Phần lớn dân ở đây đều có vẻ hiền lành, ít nói. Những tiếng động do đời sống cúa họ gây ra chẳng bao giờ át nổi tiếng gió ào ào trong những cánh rừng mênh mông ở xung quanh. Bây giờ họ kkông còn lo vụ cọp về phá làng nhưng vẫn sợ hãi con sông lớn mỗi năm gây lụt một lần. Người đàn bà, đã một lần đứng chắn đầu chiếc xe đò để đòi người ta trả lời về hai khoanh bánh tét bị rơi của mình, chắc chắn không có mặt trong số những phụ huynh học sinh chất phác của tôi.

Lũ học trò ngoan hơn tôi tưởng. Chỉ cần trừng mắt một cái là lấy lại ngay được trật tự cho lớp. Các gia-đình luôn luôn giúp đỡ nhà trường bằng cách bắt con cái chịu đựng một kỷ luật sắt. Một lời phê xấu ở trường có thể biến thành năm sáu roi đòn ở nhà. Chúng có nhiều tài vặt và một số có sức làm việc không thua gì người lớn. Trong lớp ông thầy là kẻ nói ba hoa truyện trời, truyện đất, đem đến cho chúng nhiều cái lạ thì ra khỏi lớp ông thầy lại là kẻ vụng về ngớ-ngẩn nhất. Chúng có nhiều tài năng khiến thầy chúng phải kinh ngạc : có đứa bắn ná bách phát bách trúng, có đứa kê ống xì đồng vào miệng và thổi rụng chim như chơi. Lâu lâu lại có đứa đem biếu thầy một món quà chúng kiếm được trong lúc theo cha đi rừng vừa để tỏ lòng mến thầy vừa để tạ tội nghỉ học không xin phép Hoặc là chúng đem đến một con sóc,

hoặc là chúng đem đến một con «cheo» giống hệt một con nai được thu nhỏ, bốn cái cẳng chân chỉ lớn chưa bằng chiếc đũa coi thật xinh, có đứa lại buộc giây vào cổ một con khỉ dắt đến. Nếu mình ra mặt từ chối chúng sẽ, bắt chước lối xử thế của cha mẹ, bỏ đại quà tặng vào phòng mình rồi chạy biến mất. Vì thế chúng chỏ chim chóc, khỉ vượn gì tôi cũng phải nhận rồi giao lại cho chúng nhờ nuôi giùm.

Ông hiệu trưởng đã già nên hơi hách một chút cho phải phép. Hình như ông luôn luôn sợ chúng tôi chê tài điều khiển trường ốc của ông. Trong những câu chuyện tâm sự thân mật ông hay nhắc đến cái « hồi xưa » tang thương của nhà trường. Trong hồi xưa ấy hẳn nhà trường phải xấu xí, tồi tàn lắm, bởi vì năm căn phòng gỗ không được đẹp đẽ gì của « ngày nay » vẫn thường làm ông kiêu hãnh. Anh chàng tùy phái thì lười hết sức và đôi khi lẩn thẩn như kẻ mất trí. Anh ta chỉ chịu khó lau cái bàn làm việc của ông hiệu trưởng, còn cái mặt ghế ngồi của ông thì bốn góc vẫn đầy bụi, chỉ có khoảng giữa, sau khi ông hiệu-trưởng ngồi mới sạch được một vùng hình tròn.

Cô giáo Hoan vẫn tốt bụng và luôn kín đáo với hàm răng vẩu. Năm hai mươi mốt tuổi nàng đã được một chàng trai dạm hỏi, nhưng cuộc tình duyên không thành, từ đó cuộc đời luôn luôn xê dịch đã khiến nàng không đủ thời gian để kiếm một người chồng vừa ý. Năm tháng chồng chất mãi mặc cảm thua kém và nỗi buồn cô đơn lên tâm hồn nàng. Trong câu chuyện Hoan giữ dọng nhún nhường thái quá và đôi khi tự khinh bỉ sự thiếu nhan sắc của mình đến độ thật đáng thương. Nàng có cái nhìn khắc khoải, chán nản nó chứng tỏ linh hồn nàng bất mãn vì đã phải đóng đô suốt đời trong một thể xác thiếu hấp dẫn. Tuy thế, trong lúc nói chuyện nàng lại có rất nhiều ý nghĩ thâm thúy, duyên dáng.

Chỉ có cuộc sống chung với Sơn và Tịnh lại hay làm tôi khó chịu. Tịnh tỏ ra làm việc rất hay nhưng càng ngày càng trở nên lừng khừng. Suốt ngày Tịnh nói chuyện vợ con và quanh quẩn chế tạo các kiểu điếu hút thuốc lào tạm thời. Anh đọc rất nhiều sách thuốc đông tây và một số sách nói về các thuật cầu cơ, thôi miên, luyện phép chịu đựng v.v.., rồi anh phổ biến những điều anh hiểu biết cho chúng tôi. Anh bắt chúng tôi kê giường theo đúng chiều đi của « tia vũ trụ » bữa ăn nên tiêu thụ nhiều rau « cải soong » để có nhiều chất bổ. Tịnh ham đánh cờ và mỗi khi thắng hay thua một trận hơi đặc biệt là anh kể đi kể lại, bắt chúng tôi nghe mãi. Trong những buổi họp thường lệ của nhà trường Tịnh càng trình bày nhiều cử chỉ lạ lùng. Anh kéo một chiếc ghế ra ngồi xa mọi người, khoanh tay chăm chú nghe được chừng năm phút rồi bắt đầu xoa cằm nhổ râu hoặc cắt móng tay lách tách. Đôi khi anh lừng lững đi lên bàn chủ tọa lấy một chiếc đinh ghim (kim gút) rồi dùng đầu nhọn xỉa răng và đầu kia để ngoáy tai.

Sơn cẩn thận và tỉnh táo hơn Tịnh nhưng cách đối xử lại có nhiều điểm khó thương hơn. Hắn ghét sự chung đụng và bảo vệ những cái gì của hắn một cách triệt để. Một sự dùng nhầm đồ đạc cũng khiến hắn tỏ vẻ khó chịu. Buổi tối

hắn hay đi một mình đến quán uống nước mặc dầu chẳng bao giờ hắn từ chối lời mời của tôi và Tịnh trong những ngày chúng tôi mới lĩnh lương, cao hứng muốn ăn nhậu.

Một lần, đáng lẽ đi theo Tịnh xem mấy ván cờ, tôi lại bỏ về ngang vì cảm thấy hơi nhức đầu. Vừa đẩy cửa bước vào tôi đã nhìn thấy Sơn ngồi xổm trên giường trước một cái mẹt nhỏ đựng năm sáu quả trứng, rau và muối tiêu. Thấy tôi, Sơn lúng túng quệt miệng, nhưng tôi còn lúng túng hơn hắn nhiều. Tôi cười vui và hỏi to :

— Không đi chơi đâu hả ?

Một cánh tay Sơn giơ lên, lưỡng lự hắn ngồi bệt xuống giường hai mắt mở to chào đón. Hắn liếm môi rồi chỉ vào mấy quả trứng mời :

— Nhậu chơi vài trái, bồ.

Tại sao hắn lại lúng túng đến thế, để rồi tôi mang mãi trong lòng một hình ảnh thiếu não về hắn ? Cái cảnh ấy có một vẻ gì vụng trộm khổ sở quá, nó khiến tôi vừa buồn rầu vừa sợ hãi. Tôi cảm thấy bị hạ thấp xuống một cách đáng chán, tôi tưởng như Sơn là một hình ảnh xấu xí của tôi trong gương.

Và cứ thế, hai anh bạn này thỉnh thoảng lại trình bày một cử chỉ làm cho lòng tin tưởng của tôi sa sút dần.

Một nhận xét của các bậc đàn anh đi làm trước khá đúng trong trường hợp của tôi. Ở tỉnh nhỏ thiếu các trò giải trí, nếu ta không tìm được nguồn vui ở bạn bè thì chỉ còn thú đọc sách nếu đọc sách mà không hết thời gian nhàn rỗi thì ta sẽ đâm ra thèm lấy vợ.

Thiếu sự săn sóc chiều chuộng của gia đình, thiếu bầu không khí ồn ào, vui tươi của những người thân thuộc tôi bỗng mơ tưởng đến đôi cánh tay mềm mại, dịu dàng của một cô gái. Trong sự mơ tưởng đó đã có nhiều ý nghĩ nao nức, thiết tha thực sự nó thúc đẩy lòng ham phiêu lưu của một gã con trai trước thế giới phong phú của ái tình.

Sao, cô giáo trẻ đẹp độc nhất ở đây lại có đôi bàn tay mềm mại dịu dàng đó. Da nàng thật là trắng lại càng trắng thêm dưới đôi mắt phải nhìn quá nhiều những đứa học trò đen đủi của tôi.

Mỗi khi nghe ai nói, nàng có cặp mắt nhìn bâng khuâng và môi dưới nhè nhẹ bậm môi trên như đang ngậm một nụ cười mỉm. Khuôn mặt nàng lúc đó vừa có vẻ khiêm tốn lại vừa tinh quái một cách kín đáo. Tôi thích những nét biến chuyển mong manh trên mặt nàng.

Sao phải phụ trách một lớp năm tương đương với lớp mẫu giáo. Lũ học trò bé nhỏ, ngộ nghĩnh và dễ thương như cô giáo. Sao có một cái roi lớn treo ở đầu bảng nhưng lại chưa hề đánh học trò cái nào. Vì thế mỗi khi nàng ra đường thường có tiếng trẻ nhỏ reo to:

— Tụi bay ơi, cô giáo tao kìa.

Có đứa túm lấy vạt áo cô mà toét miệng cười. Thỉnh thoảng sao lại than với tôi :

— Khiếp ! Lũ học trò nhỏ nghịch ngợm quá.

Tôi an ủi nàng :

— Lo làm quái gì. Rồi chúng cũng nên người cả. Mai sau lại có khối đứa làm quan làm tướng đấy mà

Nhưng có lẽ tất cả sự duyên

dáng đáng yêu của nàng được thể hiện trong dọng nói, một dọng nói mềm trong và thiết tha đặc biệt của những cô gái miền Bắc khi các nàng thủ thỉ nhắc lại một kỷ niệm về một mùa thu buồn xa xôi nào đó.

Những buổi tối có trăng Hoan, Sao và ông giáo già thường đến nói chuyện với chúng tôi. Sao thích ngồi trong ánh trăng và quay lưng về phía cánh rừng nổi gió ào ào. Dọng nói của nàng thường bắt tôi nhớ đến những con đường quê dài thơm, những quán ngói đứng bơ vơ giữa cánh đồng lúa và những bông hoa gạo đỏ ối có mùi hương nồng nàn rơi nằm rải rác trên mặt đường hoặc bám chênh vênh ở những cành cây cao như sắp chạm vào bầu trời xanh, rộng rãi đến bâng khuâng. Có khi đó là hình ảnh một con cò trắng đứng ủ rũ giữa một cánh đồng chan hòa nắng trưa, hay một đàn chim nhỏ bay mãi về phía những ngọn núi xanh xa tắp trong cái lạnh gây gây của một buổi chiều đầy sương thu và những cảm giác buồn hoang mang.

Lúc đầu, tôi tưởng tôi muốn gặp Sao luôn chỉ vì dọng nói của nàng.

***

Ông hiệu trưởng báo tin cho chúng tôi biết có một nhân viên mới sắp về. Nhưng ông nói thêm rằng chắc anh ta là người tính tình khó khăn, nóng nảy, bất thường. Anh ta đã cãi nhau với hiệu trưởng và bị đổi về đây hẳn vì lý do ấy.

Vì thế chúng tôi, tuy vui mừng sắp được thêm một kẻ chia bớt gánh nặng, vẫn đón Nhiên với những cử chỉ thận mật dè dặt.

Nhiên đến với chúng tôi bằng một dáng đi đặc biệt, nó như đã mệt mỏi vì đường dài. Nét mặt anh ta bình thản, trầm tĩnh khác hẳn với bộ mặt hấp tấp, nóng nẩy mà tôi tưởng sẽ gặp. Một tay xách va li, một tay khoác chiếc áo mưa, và khi lên thang tự nhiên anh ta chiếm được cảm tình của tôi ngay. Trong mỗi cử chỉ Nhiên đều giữ một thái độ lịch sự vừa phải và hình như anh ta không thích dùng nụ cười của mình để khiến mọi người hài lòng.

Thêm một người cư trú căn phòng của chúng tôi hẹp lại và những mảnh đất nhỏ bắt đầu trở nên quí giá đối với những người như Sơn. Sơn thu đỡ đạc lại một cách khó khăn. Hắn ngắm khoảnh đất của tôi, của Tịnh để so sánh. Nhiên nhận ra điều đó, nói ngay ;

— Thêm mình thì căn phòng này có vẻ chật đấy nhỉ.

Câu nói đó làm cho khuôn mặt Sơn sáng sủa lại một chút.

Trong va li của Nhiên có nhiều thứ lặt vặt quá khiến tôi ngạc nhiên. Từ viên thuốc đau bụng, lọ dầu, chai cồn 90° đến một cuộn chỉ và mấy cái kim, anh ta đều có đủ. Một người thích ôm đồm, quen với sự vướng víu vợ con như Tịnh cũng không có một cái va li đầy đặn, cẩn thận đến thế. Tôi hỏi :

— Anh sợ ở đây không có thợ may hay sao ?

Nhiên vuốt tóc, cầm cuộn chỉ lên nhìn rồi cười :

— Mình đã sống độc thân tám, chín năm nay rồi. Nhiều khi phải tự vá lấy quần áo. Có những lúc không nhờ và cũng không thuê ai được. Đâm ra phải cẩn thận.

Chúng tôi hỏi về vụ Nhiên cãi nhau với ông hiệu trưởng trước của anh ta, Nhiên kể :

— Chuyện cũng chẳng có gì, mình thì nóng tính và lão ấy thì đần.

Những ngày đầu Nhiên ít nói, có vẻ lạnh lùng kín đáo. Buổi chiều anh ta hay ngồi ngả người trên một chiếc ghế kê ở khoảng hiên đầu trường. Anh ta gác hai chân lên thành lan can gỗ và đọc sách cho đến lúc bóng tối đến và đàn muỗi vo ve bay trên đầu anh ta.

Trong những đêm trăng, chúng tôi tụ họp ở sân trường nói chuyện—vì có phái nữ nên câu chuyện chỉ gồm các đề tài tranh luận về nhân tình thế thái, hoặc vui hơn là mục kể các tật lẩm-cẩm của hiệu trưởng già — Nhiên cũng góp mặt, nhưng chỉ ngồi yên nghe người khác nói : Cô giáo Hoan thường mang đến những gói thức ăn lặt vặt như kẹo, lạc rang, và cuộc họp mặt chỉ chấm dứt khi chúng tôi không còn cái gì để nhai nữa.

Tôi đinh ninh là Nhiên còn buồn rầu vì chưa quen với chỗ ở mới : Lúc trước, đã có có lần tôi nẩy ra cái ý-nghĩ muốn bỏ việc về đô thành kiếm nghề khác vì quá chán nản.

Một lần tôi hỏi :

— Nhớ nhà hả ?

Nhiên trả lời :

— Nhớ nhà nào ? Làm gì có nhà mà nhớ ?

— Sao lúc nào mặt mũi cũng rầu-rầu thế ?

Nhiên mỉm cười, tôi chịu không hiểu câu trả lời trong nụ cười mỉm ấy. Nó vừa có vẻ nói rằng Nhiên không hề buồn rầu, nó lại vừa tố cáo rằng cuộc đời anh ta chẳng có gì đáng gọi là vui cả. Trong cách ngước mắt nhìn, trong cử chỉ vuốt nhẹ mái tóc trước khi mỉm cười, Nhiên có vẻ một con người thường bị những ý nghĩ thầm kín làm băn khoăn, chán nản.

Thế rồi, bỗng dưng, một buổi chiều Nhiên để lộ cho tôi thấy một phần cá tính đặc biệt của anh ta.

Lúc ấy đã gần cuối buổi học, Nhiên bỏ lớp sang đứng ở cửa lớp tôi, nhìn quanh rồi nói :

— Bên này cũng tối tăm quá. Phòng tôi những đứa ngồi bàn cuối không còn trông thấy chữ trên bảng nữa mới phiền chứ.

Quả thực, hồi này trời chóng tối. Sau khi mặt trời lặn được một lúc, có nhiều cơn gió lớn thổi đến, lạnh gai agười. Rừng cây nổi lên những tiếng ào ào buồn nản. Nhất là những hôm trời đổ mưa lớn. Gió mưa bao kín trường. Những tấm ván kêu than như sắp phải lìa nhau. Các cửa sổ đều phải đóng kín. Và ông thầy chỉ còn biết ngồi chờ cho hết giờ, trong khi lũ trẻ lợi dụng bóng tối và mượn cớ tránh mưa ngồi túm lại nói chuyện, cười đùa khúc khích. Ông hiệu trưởng cũng biết rõ tình trạng này nhưng ông cho rằng dù sao như thế vẫn còn khả quan hơn « hồi xưa ». Trong những ngày trước đây, đã có lần một khoảng mái tranh, rộng bằng chiếc chiếu, của nhà trường, thình lình bị mưa to làm sập xuống giữa buổi học khiến thầy trò hoảng sợ chạy như đàn vịt.

Tôi bảo Nhiên :

— Điều kiện ánh sáng như thế này thì nhất định là phân khoa sư phạm rồi. Lũ học trò tôi đêm nào cũng xách đèn ra ruộng bắt ếch, mất chúng tính như mất cú, thế mà nhiều đứa không chép bài nổi, lúc cuối giờ.

Nhiên có vẻ băn khoăn, lo lắng về vấn đề này thật sự. Anh ta dang tay chống lên hai bên khung cửa và thở dài, nhìn xuống đất.

Ngày hôm sau, buổi họp thường lệ của nhân viên nhà trường bắt đầu mất hẳn không khí tẻ nhạt.

Mọi lần, chúng tôi chẳng có gì để bàn luận. Ông hiệu trưởng nói và nghe một mình. Câu nói hấp dẫn nhất của ông là : « buổi họp đến đây bế mạc ». Tịnh cho đó là một giờ ngoáy tai và cắt móng tay lý thú nhất. Tôi ngồi ngắm Sao và Sơn thì lim dim mắt, chẳng hiểu thức hay ngủ. Các đề tài phần nhiều vu vơ, không liên can gì đến trường chúng tôi. Có khi cả tháng chúng tôi phải bàn luận về vấn đề trông coi học sinh cho chúng khỏi bị xe cán. Nhưng, thực ra, ở nơi này, nếu có một kẻ chán đời muốn tự tử bằng xe hơi, hắn phải đi bộ nửa cây số và ngồi chờ xe còn mệt.

Buổi họp hôm đó, Nhiên bỗng trình bày một mạch về những điều thiếu sót có thể sửa đổi được của nhà trường, rồi anh ta đề nghị :

— Chúng ta nên lui giờ học lại sớm hơn độ nửa tiếng.

Ông hiệu trưởng bỏ cặp kính trắng xuống. Ông ngồi im nhìn hết người nọ đến người kia. Có vẻ ngạc nhiên. Hình như những ý nghĩ mới của Nhiên làm tổn thương đến niềm tự hào của ông về nhà trường. Ông nói.

— Mình làm thế sợ « ở trên » không chịu.

— Tôi tưởng mình có thể tùy theo hoàn cảnh địa phương mà đặt thời dụng biểu. Nhất là hồi này buổi sáng, mặt trời mọc sớm.

Ông hiệu trưởng ngập ngừng rồi hỏi :

— Anh chị em nghĩ sao ?

Sơn tỉnh táo lại. Tịnh ngước mắt nhìn. Một vài cánh tay giơ lên. Cuối cùng thì ai cũng đồng ý với Nhiên. Điều đó khiến ông hiệu trưởng có vẻ buồn, mặt ông xịu lại.

Giờ học được đổi lại. Một vài phụ huynh học sinh thắc mắc, đến văn phòng hỏi. Ông hiệu trưởng cho gọi Nhiên, kẻ đã đẩy ông vào cuộc phiêu lưu này, đến giải thích. Ông muốn cho Nhiên thấy rõ kết quả sáng kiến của anh ta Cái lối chống đối các sáng kiến của ông hiệu trưởng xem ra không có ảnh hưởng đến những quyết định của Nhiên.

Trong buổi họp sau, anh ta nói về cái cây trồng trước cửa lớp anh ta. Cây thấp, mục, lại có quá nhiều tổ kiến. Những hôm trời nổi gió to, kiến bay vào lớp, đậu trên đầu trên cổ học sinh. Chúng la hét và chạy tứ tung, mất hết trật tự. Thế rồi, ông hiệu trưởng lại uể oải làm vừa lòng anh ta đánh ngã cây xuống.

Nhưng cái ý nghĩ táo bạo nhất của Nhiên có lẽ là : sửa lại sân trường. Sân trường quá thấp, sau mỗi trận mưa kiến thành một vũng nước khổng lồ. Lớp

học cao nên không việc gì. Nhưng lũ học trò mỗi đứa có hai bàn chân tải bùn vào lớp. Sàn lớp nhầy nhụa, bẩn thỉu. Chàng lao công được dịp cầu nhàu suốt ngày. Học trò thiếu đất chơi đùa nẩy sinh ra lắm sáng kiến tai quái. Thầy cô chỉ sơ ý một chút là chúng té nước vào người nhau. Rồi thưa gửi ầm ĩ thật bực mình

Đầu tiên, Nhiên đề nghị sai học trò lớn và trích quỹ thuê thêm một số nhân công, đắp một con đường từ cổng trường vào tới chân thang dẫn lên lớp học. Như thế giải quyết được cái họa : lớp học biến thành chuồng heo. Nhưng ông hiệu trưởng tỏ vẻ khó chịu ra mặt Có lẽ đã từ lâu, ông bắt đầu nghi-ngờ Nhiên muốn vượt quyền ông.

Lúc này, ông không xịu mặt, ông nhếch môi cười hơi mỉa mai :

— Không phải bây giờ có ông Nhiên đến tôi mới nghĩ đến điều đó đâu. Tôi đã lo vấn đề này từ lâu. Nhưng chẳng làm gì khác được. Trường mình nghèo. Có món tiền niên liễm thì đứa nào cũng ì ra không chịu đóng. Thúc như thúc nợ cũng chẳng ăn thua gì. Nếu được, tôi đã đắp lại cả cái sân trường rồi. Ông xem có cách nào khác không ?

Giọng châm biếm của ông hiệu-trưởng có nhiều tính cách thách thức. Nhiên đứng dậy, vuốt tóc. Trong mỗi cử chỉ nhỏ nhặt, anh ta có vẻ cương quyết lạ thường. Nét mặt anh ta vẫn như mệt mỏi, không hề hăm hở, hiếu thắng. Sao đột nhiên quay lại, mở to mắt nhìn anh ta, phân vân, thắc mắc. Nhiên hơi cúi đầu, vuốt nhẹ cánh tay như muốn tìm tin tưởng ở đó :

— Chúng ta có thể tổ chức một quỹ ca nhạc...

Ông hiệu trưởng phì cười :

— Lũ học sinh trường này thì làm gì được ?...

— Mình sẽ cố dạy chúng. Có thể nhờ một vài cơ quan khác giúp nữa..

Ngửa hẳn người ra ghế, ông hiệu trưởng quay mặt nhìn ra sân như chán nản lắm :

— Dù có tổ chức được thì cũng chẳng ăn thua gì. Dân ở đây nghèo quá lắm.

Sao góp ý kiến :

— Mình có thể chia vé ra làm hai loại : một loại trả bằng tiền dành cho những ông tai mắt. Một loại trả bằng công... đắp đất.

Mọi người phì cười. Nhưng ý nghĩ ngộ nghĩnh đó lại là một giải pháp rất hay. Nhiên nói :

— Vâng. Tôi tin rằng dân chúng ở đây không tiếc công đâu. Nhất là, công việc này lại có lợi cho con cái họ.

Ông hiệu trưởng im lặng một chút rồi ông nhìn thẳng vào mặt Nhiên.

— Vậy thì ông làm nhiệm vụ tổ-chức nhé.

Nhiên nhìn quanh :

— Vâng, được [illegible] các bạn đồng nghiệp cũng sẽ giúp tôi.

Các đồng nghiệp được gọi đến xem ra vẫn có vẻ lạnh lùng. Ai cũng ngần ngại công việc khó khăn. Tịnh bảo tôi :

— Thằng Nhiên [illegible] cũng khỉ thật. Tự nhiên bày đặt đi đeo gông vào cổ ả bọn.

∴

Nếu tôi là Nhiên, tôi đã thất vọng và bỏ ý định tổ chức ca nhạc ngay buổi học hôm sau. Nhiên phải đi từng lớp để « tuyển lựa tài tử.» Anh ta chật vật mãi mới kiếm được mười đứa học trò có làn da trắng và mặt mũi sáng sủa. Đến lúc Nhiên dạy hát, chúng lại ngẩn ra và nhìn nhau cười khúc khích. Ở đây cái máy thu thanh cũng là một vật hiếm và quí. Lũ trẻ chưa được dịp làm quen với ca nhạc.

Hơn một tuần lễ, ngày nào cũng phải làm việc ngoài giờ dạy học. Nhiên chưa thể khiến lũ trẻ hát đúng nhịp một bài ca dài. Chỉ có một vở hài kịch là tạm được.

Một buổi tối, Nhiên thở dài nói với chúng tôi :

— Ít mục quá thế này thì không xuôi. Anh em có đóng kịch được không ?

Tôi cười :

— Đóng cũng được. Nhưng phiền lắm. Nếu tụi mình lên sân khấu nhăn nhở pha trò thì còn dạy dỗ làm sao được.

Chúng tôi chẳng ai muốn giúp đỡ Nhiên nữa. Và chúng tôi bắt đầu chờ anh ta thất vọng, bỏ cuộc. Tịnh nói riêng với tôi :

— Mình đã phải ở cái đất này thì cốt sao sống cho qua ngày. Bày đặt làm gì cho mệt xác.

Tư tưởng đó làm châm ngôn của anh ta từ lâu.

Chợt, một hôm. Sao cho chúng tôi xem ban vũ của lớp nàng. Nàng cũng đã âm thầm làm việc. Lũ trẻ nhỏ dễ uốn nắn. Nàng dạy chúng những điệu múa nhịp nhàng. Chúng múa thật hay. Nét mặt đứa nào cũng ngây thơ, ngộ nghĩnh. Tiếng hát của chúng ríu rít như tiếng chim Thế là, tự nhiên cả bọn bị khích động, hăng hái một cách bất ngờ.

Hôm sau, Sơn khám phá ra hai quái kiệt trong lớp bắn. Một đứa có tài nhảo lộn. Còn một đứa có tài bắt chước tiếng hổ gầm, chim kêu, gà gáy. Đứa sau có nét mặt ngộ nghê, tóc lởm chởm, lại cao lõng khõng nó sẽ chọc cười khán giả thật dễ dàng.

Tịnh bắt đầu lạnh nhạt với các biểu diễu hút thuốc lào. Anh cắm đầu đọc mấy quyển sách dậy ảo thuật rồi tập luyện và chế tạo dụng cụ.

Tôi đề nghị với Nhiên :

— Chúng mình không đóng kịch để khỏi mất uy tín với học sinh. Nhưng chúng mình có thể đồng ca được. Ta nên dành tất cả các vở kịch cho học trò.

Ông hiệu trưởng chịu khó đi hỏi ý kiến các vị tai mắt trong vùng. Còn phụ huynh học sinh thì họ đã biết rõ tất cả những cuộc sửa soạn vĩ đại ở nhà trường. Lũ học trò về nhà kể lại từng chi tiết. Tuy nhiên, họ chưa rõ mục đích của chúng tôi. Một số lại đinh ninh là nhà trường sắp sửa phải đón một nhân vật quan trọng nào.

Điều bất ngờ thú vị nhất là, trước hôm trình diễn, một số người ở gần trường đến xin giúp một tay trong công việc dựng sân khấu. Để đỡ tốn gỗ chúng tôi phá một đoạn rào gỗ bao quanh hành lang. Nối thêm ít tấm ván là có một sân khấu vuông vắn. Sân khấu lộ thiên vì không có vải che nhưng

vẫn có màn kéo tử tế. Hai bên cánh gà có treo hai cái đèn măng-sông.

Khoảng đất dành cho khán giả hơi mềm và ẩm ướt. Anh lao công phải huy động cả vợ con gánh đất rải lên những vũng bùn. Một số học sinh lớn được nghỉ học để trợ lực. Những phụ huynh học sinh đi qua cổng trường đều ngừng lại nhìn vào. Họ hân hoan như đang xem học sinh sửa soạn một đại hội. Sự nhộn nhịp của nhà trường hầu như lan ra khắp vùng.

Ông hiệu trưởng lên quận mượn được một ít nhạc cụ. Và chỉ thông tin có hứa cho mấy tài tử đến giúp vui, chúng tôi chỉ phải lo chỗ ngủ và đừng để họ nhịn đói.

Đem được một ít kèn trống về, ông cho vào tủ khóa tịt lại. Chúng tôi đòi lấy ra tập rượt thì ông cứ ngần ngơ, chỉ sợ chúng tôi làm hỏng kèn trống. Như thế ông sẽ phải đền hoặc từ giã vợ con đi ở tù. Chúng tôi vừa điều đình vừa thề sống, thề chết ông mới chịu mở tủ ..

Đang ngày trọng đại, một số nữ khán giả bồng con đến đi quanh quẩn trong sân trường từ buổi chiều. Nhiều người vạch màn ra để ngó vào cái sân khấu trống.

Còn hơn hai giờ nữa mới khai mạc khán giả đã lục đục kéo đến. Một số các vị « tai mắt » trong vùng ăn mặc thật chững chạc. Người nào cũng mặc áo dài và tay phe phẩy cái quạt. Vẻ trịnh trọng của họ khiến mình phải cảm động. Họ ngồi xuống những cái ghế thấp. Và những người nặng cân thì lại thấy cái ghế của mình càng lúc càng thấp hơn.

Cô giáo Hoan cắt cho các học sinh giữ trật tự mỗi em một cái băng đỏ đeo ở cánh tay. Các nhân viên này biết chào hỏi rất lễ phép. Chỉ có vài chú nóng tính định dùng đấm đá để giải quyết với đám khán giả lỗi tì. nên suýt gây hỗn độn lúc sắp khai mạc.

Khán giả đứng ngồi chật ních cả sân trường.

Trong đời tôi, chưa có lần nào tôi được thấy một buổi hát mà khán giả với tài tử lại thương yêu, dành cho nhau nhiều thiện cảm đến thế. Các mục được sắp đặt thật lộn xộn, lấy thế mà khán giả cứ thi nhau reo hò.

Thằng nhỏ biết bắt chước tiếng hổ, tiếng gà vừa khập khiễng bước ra là mọi đã bật cười rồi. Nó đứng ngẩn ra rồi sụp úng :

— « Kính thưa... kính thưa... »

Nó quên béng mất hai tiếng « quí vị ». Không văn hoa gì cả nó nói luôn :

— « Đây là tiếng hổ gầm ! »

Và nó khom người, đặt hai tay lên miệng, gầm một hồi. Nó cảm động quá nên tiếng gầm cũng chẳng giống cho lắm. Nhưng khán giả vẫn suýt xoa khen ngợi.

Màn ảo thuật của Tịnh cũng thành công hoàn toàn. Anh biểu diễn trò nuốt dao, biến hóa trứng thành con gà, hóa giấy báo ra tiền v.v... Có một điều đáng tiếc là trò hấp dẫn nhất : lấy chim bồ câu trong khăn mặt ra, bị hủy bỏ. Mấy hôm trước chúng tôi góp tiền mua cho Tịnh 4 con chim để biểu diễn. Nhưng rồi cao hứng, chúng tôi lại thịt chim nấu cháo ăn dần hết.

Khi các thầy, cô trưng bày một bản đồng ca, khán giả nhỏ reo hò áoan nghênh hăng hơn hết. Chúng nó gò người xuống, nhấp nhổm trên ghế nghiến răng vỗ tay như điên, như dại. Tôi nhìn thấy bốn năm cậu học trò của tôi cứ há mồm hết cỡ để gào lên ca ngợi thầy nó.

Nhưng những năm hài kịch, những màn vũ mới thực là tuyệt diệu. Lũ nhỏ mặc váy kết bằng lá, đi thành hai hàng nhảy múa đã làm cho khán giả hoàn toàn ngẩn ngơ. Dưới ánh đen măng sông, nét mặt họ như dừng lại trong một niềm vui tuyệt vời. Các ông già ngồi hàng ghế « danh dự » ngừng quạt. Nhiều bà mẹ chỉ tay về phía con mình trên sân khấu rồi vội vàng cúi đầu cười. Hình như sự kiêu hãnh quá đáng đã làm các bà phải ngượng ngùng. Lũ trẻ cứ thản nhiên múa, hát. Ánh sáng làm cho chúng xinh đẹp, ngộ nghĩnh như những đứa bé trong tranh. Khán giả không ngờ rằng con cháu họ lại có tài đến thế. Khi màn đóng lại, họ còn ngơ ngẩn. Nhưng không ai biết hô « bis ». Mặc dầu, nét mặt họ đã chứng tỏ họ muốn xem tài con họ năm lần, mười lần nữa.

Một vị phụ huynh không nén nổi sung sướng đã len ngay vào « hậu trường ». Khán giả hồng ngay tài tử tí hon đặt lên vai mình và công kênh ra ngoài. Ông ta nhìn mọi người và cười mãi. Sự hân hoan đến với họ bất ngờ. Chúng tôi cũng không ngờ đến sự thành công ấy.

Cuộc vui phải tan sớm vì càng về khuya lũ châu chấu, cào cào, thiêu thân bay đến bu quanh mấy cái đèn càng nhiều. Chúng rơi lên đầu tóc quần áo khán giả và làm cản trở cuộc trình diễn. Mấy bài ca bớt hay vì chẳng tài tử nào dám há to mồm.

Lúc bế mạc, khán giả vẫn quanh quẩn bên sân khấu. Cái hộp gỗ đựng tiền vé « tùy nhân tâm » cũng được cả các vị không thuộc hàng ghế danh-dự chiếu cố đến. Vài ông già ở lại, vào phòng chúng tôi để nói chuyện với nhân viên nhà trường.

Nhiên và ông hiệu trưởng ngồi chính giữa, nhận những lời khen ngợi. Tóc Nhiên hơi xõa xuống. Chiếc cà-vạt hơi lệch. Sự mệt mỏi của anh ta thật đẹp và hùng. Anh ta hoàn toàn chinh phục được cảm tình của mọi người. Trong số những người vây quanh Nhiên có cả Sao. Nàng cười tươi quá ! Nàng ngồi trên ghế, khoanh tay một cách nghiêm trang. Nhưng đôi mắt nàng thì phản lại vẻ hiền lành ấy.

Với cái nhìn gắn chặt vào từng cử chỉ của Nhiên, Sao cứ hướng mãi về phía bắn, thiết tha, ngơ ngẩn. Nàng giống như một trái bóng nhẹ vừa tuột dây bay vội vào trong lòng trời xanh...

Tôi biết rằng từ lúc ấy tôi mất hẳn Sao. Tôi cần đôi cánh tay mềm dịu săn sóc của nàng. Nhưng nàng cần bàn tay ưa phá phách, xây dựng của Nhiên. Nhiên biết thích những điều anh ta phải làm.

Cũng may tôi chưa nói về tình yêu của tôi cho Sao nghe. Con trai không sợ đói khát, đau đớn, nghèo khổ Nhưng con trai rất sợ hèn và thua kém.

Chỉ có một điều cay đắng là, nếu có thể coi Nhiên như là tình địch, anh ta là một kẻ tình địch hoàn toàn chiếm được lòng cảm phục của đối thủ.

LÊ TẤT ĐIỀU

ĐOÀN THÊM

gửi bạn tới nhà

Anh tới thăm tôi có chuyện gì
Dở hay biết vậy nói làm chi
Mắt đương mải ngắm màu cây cỏ
Tai chẳng quen nghe tiếng bấc chì
Tỉnh giấc ghi đầy trang ảo-mộng
Mơ hoa quên bẵng ánh tà-huy
Hương trà, khói thuốc, câu thân mến
Kia bóng mây chiều đến lại đi

tặng câu sáo cũ

Đổi mới, chia tay mấy chặng đường
Năm phen rẽ ngả lạc tình thương
Mây tan mây hợp còn muôn thuở
Trăng khuyết trăng tròn vẫn một phương
Anh thích leo cao tìm hướng gió
Tôi ưa hóng mát gặp mùa sương
Quên đi, ngẫm lại, cùng tha thứ
Cho nước in trời lặng bóng gương.

Đ. T.

Vòng tay học trò

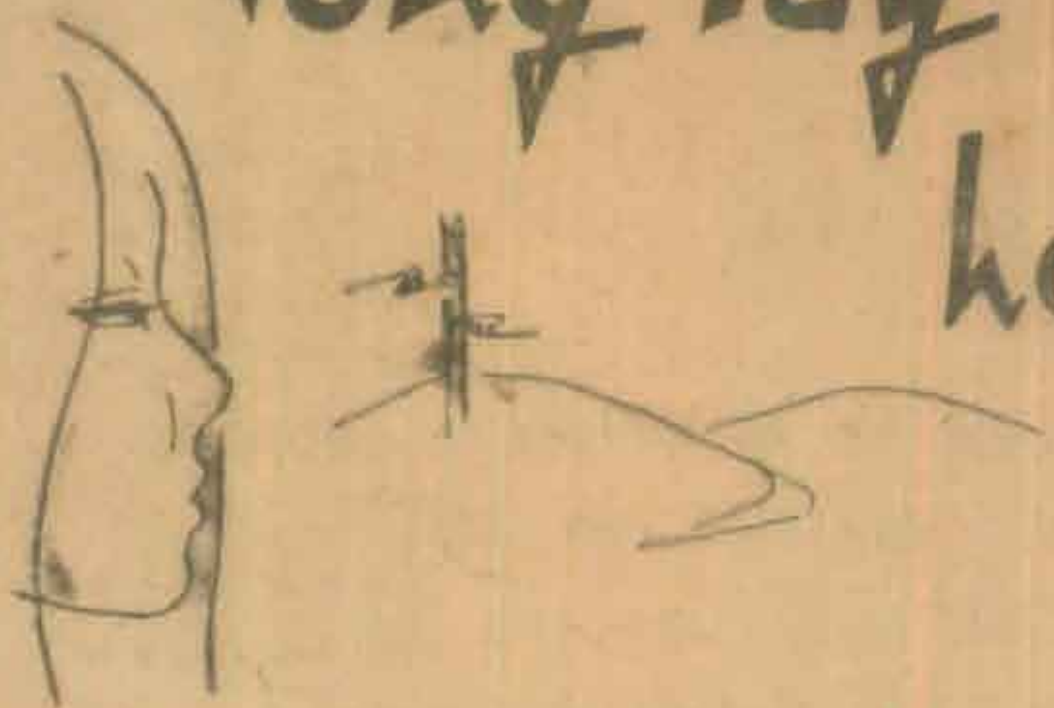

Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

I

Trang điểm xong, Trâm ngắm khuôn mặt mình trong gương và mỉm cười với bóng. Hai con mắt đen trong sáng long lanh như hòa điệu với đôi môi phơn phớt một lượt son hồng nhạt hé hàng răng trắng đều như búp non. Mái tóc chải rồi, vén cao, làm những nét dịu dàng trên mặt Trâm có vẻ già dặn và kiêu sa hẳn. Trâm bàng hoàng sung sướng thấy mình lạ và đẹp hẳn lên như lâu ngày gặp lại một người tình lòng chưa nguôi yêu dấu. Khuôn mặt này chỉ lạ đối với những ngày tháng hiện tại. Nhưng quen thuộc vô cùng với chuỗi dài quá khứ của Trâm. Đã hơn một tháng từ ngày đi dạy học, Trâm không bao giờ đánh phấn và trang điểm thế. Hàng ngày đến trường hoặc đi ra phố chợ, thăm viếng bạn bè bà con, Trâm chỉ tô một lượt phấn hồng thật mỏng đến không ai biết là nàng dùng phấn để che lớp da trắng xanh chưa quen khí hậu của thành phố sương mù này. Ngòi bút chì đen dùng, kẻ đuôi mắt để lâu không dùng nay đem gọt lại, Trâm làm mòn mất một nửa. Cái pinceau tô môi, lông cuộn lại vì lâu không bám hơi son phải dầm vào nước hoa hồng một lúc mới dùng được. Đến những ngón tay của nàng khi trang điểm cũng trở nên lúng túng, vụng về. Bây giờ dở lại những « đồ nghề » thuở trước, nhìn khuôn mặt rực rỡ trở về trong bóng gương xưa, bỗng nhiên lòng Trâm chùng hẳn xuống, trong một nỗi buồn man mác một thoáng xót đau gờn gợn như

có ai cầu vào một vết thương đã lành khô máu từ lâu.

Vẻ đẹp ngày xưa còn đó. Tâm hồn dạt dào khao khát yêu đương còn đó. Nhưng những ngày vui, những phút đắm say huyên náo, những bước đường phiêu lưu liều lĩnh đã qua rồi. Trâm như con tầu phải chạy qua đường sắt cuộc đời, bỏ lại sau mình những núi đồi, khe suối, bỏ lại những cảnh thiên nhiên chung thủy đời đời. Bây giờ, đối bóng soi gương, nàng nhớ lại, nhớ lại chính bóng dáng mình chói sáng những đêm vui không bao giờ còn nữa. Saigon. Những dạ hội. Những coctail. Những buổi tiếp tân. Những . lần đi chơi không chương trình, không mục đích đầu hôm suốt sáng. Khi mà thời gian không có mức ngăn chia, không dấu gì phân biệt. Một tuần như có cả bảy ngày chủ nhật. Một năm vui chơi chỉ như một mùa hè. Nàng thập thoáng khắp nơi, từ những đám phong lưu phá sản bằng ăn chơi đủ điệu cho đến những bọn nhỏ tuổi bất chấp cuộc đời, hồi hả sống vội vàng yêu hăng hái, nhập cuộc mê cuồng theo kẻ lớn. Ở đâu nàng cũng hình như là trung tâm điểm của những cái nhìn mê thích giao nồi, đón chào, của những nụ cười trao gởi, cởi mở thân yêu. Hay ít ra nàng cũng đã là một đầu đề cho những câu chuyện, khen có, chê có. Dù có bị chê bai, chỉ trích chửi rủa, cũng được, hơn là một kẻ suốt đời không ai chú ý, không ai nhắc tới, bị quên lãng, bị nhận chìm trong một vũ trụ lạc lõng cô

đơn khép kín. Thế mà ở một buổi tiếp tân, Trâm đã là một bà hoàng không ngôi vị, ở một chuyến đi chơi đêm nàng là thứ ánh sáng của kim cương. Và giữa những khuôn mặt chán chường, buồn nản của những kẻ bê tha mỏi mệt, nàng cũng vẫn là một nốt nhạc trầm rung động người nghe nhất trong những điệu buồn ở thế giới tưng bừng đó, Trâm luôn luôn là kẻ bị yêu mê. Những mối tình kỳ dị khác thường, liều lĩnh bất chấp. Những người đàn ông, những gã con trai. Nàng nhớ lại những tên người trong ký ức như người lính thắng trận kiểm điểm xác chết của phe địch bỏ lại ở chiến trường. Văn tỉ phú. Marc giáo sư đại học. John sĩ quan Mỹ. Tuấn phi công. François ký giả. Hoàng nhà văn. Linh con nhà giàu phá sản, và một khối thằng sinh viên. Một khối thằng học trò choai choai mới lớn say mê của cấm như khoái làm chuyện siêu phàm. Bây giờ họ là những xác chết. Mối tình yêu là một bông hoa đã úa tàn. Mỗi ngày vui là một chiếc lá vàng rơi rụng. Vì Trâm đã chán ngán, đã mệt mỏi đã lìa xa một nửa con đường lang bạt đó đã bỏ cái thành phố hai mặt sống và chết, mê và chán, xấu và tốt đó. Nàng bỏ đi như một từ khước. Và như một lần trốn. Từ khước những thú vui buông thả đưa tới lỡ lầm cay đắng, đưa tới trống không dằng dặc tủi hờn. Lẩn trốn những đòi hỏi xôn xao của chính mình, của một bản năng sôi nổi, thèm sống, thèm yêu đến tột cùng, đến vô bờ vô bến.

Trâm bắt qua một nhịp đời khác không tìm chuyển tiếp. Đàlạt như một nơi ngơi nghỉ vùi chôn đời đời. Cuộc sống đang sôi trào bỗng dưng lắng đọng lại như những thước không gian cấm nín dày đặc sương mù. Lẽ ra sau khi giã từ Saigon ồ ạt, Trâm phải tập dần quen với cuộc đời yên ổn trầm lặng đã rồi mới lên đây. Mà không. Hai nhịp sống tương phản nối liền nhau, và tâm hồn nàng đột ngột chịu đựng sự giao động mãnh liệt của hai thế giới, hai nhịp đàn khác điệu. Như giữa khí hậu nóng bức khô khan của Sàigòn và lạnh lẽo ẩm ướt của Đà-lạt không có miền trung gian.

Những ngày đầu tiên lên đây Trâm tưởng mình có thể nguôi quên. Vì lúc đó cái gì cũng mới lạ tốt đẹp. Như những bài làm đầu tiên của học trò nàng chầm đêm đêm. Như con đường viền quanh lũng thấp đồi cao dẫn đến trường học. Như vầng mặt trời sáng chói xé nát màn sương mai tưng bừng nhuộm hồng hoa cỏ. Như những bạn đồng nghiệp mới quen. Những khuôn mặt học trò còn xa lạ nhìn lên ngơ ngác. Cho nên Trâm đã nguôi quên chặng đường đua cũ, dừng lại bằng lòng chính mình, bằng lòng xung quanh và định tâm sửa đổi lại đời mình, hàn gắn những đổ vỡ, nối tiếp những dự định chưa thành. Trâm ngầm giao ước với cuộc đời là nàng sẽ phải sống xứng đáng, từ lúc bước vào ngưỡng cửa mới còn lạnh lùng và xa lạ của nghề dạy. Một tháng rồi, Trâm dứt hẳn mọi liên lạc với quãng đời cũ. Bạn bè ở Sàigòn tự nhiên thấy Trâm mất tích, lần lượt hết bọn này đến bọn kia đò la tìm theo lên Đàlạt. Trâm giàu nhưng không hiểu vì sao chúng nó biết được chỗ ở. May mà chỗ ở đó chỉ tạm thời, căn gác nhỏ bít bùng như phòng giam của một gia đình bà con đông đúc đó hai tuần mà bao nhiêu người kéo đến hỏi thăm làm chủ nhà cũng sinh ra ngờ vực lối sống của nàng. Trâm không cắt nghĩa. Nàng tìm một chỗ yên lặng, kín đáo, quạnh hiu và xa thành phố hơn Nhờ dịp may, Trâm thuê được ngôi lầu cũ của một linh mục người Pháp. Tòa nhà hư nát đến nỗi không ai nghĩ đến chuyện thuê và sửa chữa lại. Nhưng hôm đến xem nhà, Trâm bị mê hoặc bởi vẻ hoang vu và bí mật của tòa nhà với những dám cỏ dày cao quá đầu, với những cánh cửa hư nát tường loang lổ, mái sụp nhiều nơi làm nước mưa dội xuống ào ào như thác. Trâm bằng lòng làm ngay tờ giao kèo bỏ tiền ra sửa chữa lại tòa lầu và giá tiền thuê sẽ được trừ dần vào số tiền phí tổn đó. Một mình Trâm tìm thầu khoán, đứng ra điều khiển, sắp đặt mọi việc. Rồi nàng dọn về đó cũng một mình. Điều ấy làm nàng tự tin ở mình hơn. Lòng kiêu hãnh và tính tự lập cũng tăng lên một bực. Trong những bước đầu hăng hái đó. Trâm tin mình sẽ vượt qua, sẽ một mình phăn đầu đến cùng. Ở Sàigòn là nơi kiêu hãnh liều lĩnh bất chấp thiên hạ để dám sống, để phá đời để hưởng

đời. Ở đây là sự kiêu hãnh liều lĩnh bất chấp để gây dựng cho mình, để vạch những lối riêng không cần đến những đường mòn của thiên hạ. Sự thách đố đó làm ngạc nhiên người xung quanh, những kẻ quen nhắm tính cuộc đời kiểu hai với hai phải là bốn. Họ tò mò, đổ xô đến, tìm hiểu, khám phá, khen chê. Ảnh hưởng thiết thực hơn cả là người ta bắt đầu nghĩ đến việc bỏ tiền ra thuê và sửa chữa những ngôi nhà bên cạnh, như nàng đã làm. Họ đến hỏi cách thức, cũng có kẻ đòi chia bớt một tầng khi thấy nàng ở một mình trong tòa lầu quá rộng. Như vợ chồng Tuyền, vợ chồng Duy, mấy gia đình nữa Trâm chưa biết rõ. Nàng từ chối, bởi không muốn người ngoài cuộc chen vào cuộc sống của riêng mình. Và lại, nàng chờ mẹ lên, hoặc một vài người nào trong gia đình có thể ở với nàng. Nhưng mẹ Trâm chưa lên được vì bận cháu dại, vì sắp cưới dâu, vì sợ bỏ việc nhà. Ông bà cụ giục Trâm phải cho thuê ngay bớt tầng dưới, hoặc rủ ai về ở với « cho có bạn ». Lẽ cố nhiên, « ai » phải là một bà cụ gồm vài cô bạn gái cũng xa gia đình như nàng, hay vài đứa học trò bé choắt nào đó. Sự bướng bỉnh muốn «một mình» chùng xuống dần dần. Trâm nghĩ nên nghe lời ở nhà và bắt đầu lựa chọn khách trọ. Vừa ngỏ ý với người bạn nhà bên là mấy hôm sau thiên hạ đến đầu đơn xin chia nhà ngay. Đủ loại. Đủ cỡ. Nhưng Trâm bỗng nhiên lại từ chối. Nàng tiếc. Vì cũng chưa vội gì. Nàng muốn sự tình cờ đưa lại một người khách trọ vừa ý còn hơn vội vàng tiếp đón để sau này khó xua đuổi người ta.

Hơn nữa, tuy một mình nhưng xung quanh hàng xóm gần gũi qua lại luôn luôn. Bên cạnh là vợ chồng Chu, Loan. Trước mặt là Khoa, Yến, đều là bạn đồng nghiệp, cùng trẻ cùng vui sống và bắt đầu cuộc đời như nàng. Loan với Yến tuy chồng là giáo sư bạn đồng nghiệp với Trâm nhưng hai cô trước là học trò của chồng nên giờ quen gọi Trâm bằng cô. Trong cách giao thiệp đối xử, hai nàng cũng có vẻ kính nể và trọng đãi Trâm hơn hàng bè bạn. Điều đó làm cho Trâm thấy mình lớn và già hơn họ, tuy rằng cả ba cùng suýt soát tuổi nhau. Thỉnh thoảng, Yến, Loan rủ Trâm đi chơi phố ! đi thăm bè bạn, hay bày nấu nướng mời nhau qua ăn. Trâm yên lòng đóng vai kẻ cả, nhận chịu vai trò và nhịp sống đó. Có lúc nàng khó chịu thấy mình như đang đóng kịch, nhận một vai trò bất đắc dĩ trên sân khấu. Nhưng cũng có lúc lòng Trâm dịu xuống, thanh thản theo nhịp sống bình yên khuôn khổ, như khuôn mặt không điểm trang lắng chìm những tháng ngày huyên náo xưa kia.

Chiều nay, tự nhiên Trâm thấy vui vui trong lòng và ngồi trang điểm tỉ mỉ. Khuôn mặt xưa hiện về. Nàng chợt tiếc quãng đời cũ, và lần đầu tiên từ một tháng nay, nàng băn khoăn tự hỏi liệu có thể sống mãi như thế này không.

— Mình chịu như thế này để làm gì ?

Trâm tô phấn hồng thêm lên má và tự hỏi hai con mắt đăm đăm của mình trong gương. Rồi sực nhớ ra, nàng nhìn lại mảnh giấy chặn dưới đồng hồ tay đặt trên hợp phấn : « Kính mời cô bốn giờ chiều đi với em đến thăm mẹ chị Loan... » Mẹ Loan đau nằm ở nhà thương. Nàng bàn với Yến đi thăm. Hai người sẽ qua chờ Loan cùng đi vào chiều nay.

Trâm vuốt đường cổ thuôn trắng thẳng xuống nét ngực nổi bật bên màu áo len đen rồi đứng dậy. Nàng cởi áo len từ từ ra khỏi đầu cho khỏi xơ mái tóc rồi cứ để đôi vai trần, đến phía tủ áo. Đi với Yến, Loan, giữ đúng vai trò thì phải gìn hơn họ. Phải đẹp hơn họ. Và ăn mặc phải đúng điệu hơn họ. Nàng chọn cái kim tuyến màu tím nhạt, khoác lên người và choàng lên mình cái áo lông trắng.

Thấy chưa đến bốn giờ, Trâm ngồi xuống chỗ cũ ngắm bóng mình trong gương. Đẹp, nhưng già dặn quá. Trâm tự phê bình và mỉm cười nhạo mình. Bỗng Trâm có ý muốn bất ngờ là xõa tóc dài như xưa, và đi lang thang một mình trên hè phố. Mái tóc dài che kín nửa khuôn mặt im lìm u uẩn như một ngăn cách với kẻ khác. Mái tóc trễ tràng khuya muộn, lười biếng, buông thả như đời nàng, như loài rong biển bồng bềnh trôi theo dòng nước chảy, như đám cây rừng chằng chịt rối loạn trong cơn bão táp mùa đông. Mái tóc đó giờ phải quấn gọn, phải che giấu, như bản tính của Trâm, như những khát khao thầm kín thỉnh thoảng vùng lên đốt cháy tâm hồn.

— Hay mình qua rủ Yến, Loan đi vừa tính vậy, Trâm lại nghĩ khác.

—Không. Chờ tụi nó đến «rước» mình đi chứ.

Có tiếng gõ cửa dưới lầu. Đoán là Yến đến sớm nói chuyện trước khi đi, Trâm tươi cười thoăn thoắt xuống thang lầu.

Nhìn qua cửa kính phòng khách không thấy ai bên ngoài Trâm rón rén bước đến mũi giày ra lò sưởi cúi nhìn qua khe cửa. Có tiếng xì xào to nhỏ của hai người Trâm nhận ra giọng Bắc âm ầm của Thức, tên học trò đệ nhất ở nhà đầu kia đường vẫn đến nàng chơi và mượn sách :

— Gì mà sợ. Cứ tỉnh lên. Tớ nói cho, cậu cứ việc ngồi im.

Giọng kẻ lạ :

— Nếu cô không bằng lòng thì sao ?

— Đã biết đâu mà đoán trước.

— Mo a ngại làm sao ấy. Cậu có thân với cô không đã.

— Suya mà. Nào, mca gõ cửa lần nữa đây.

Trâm đứng thẳng lên và đi trở lại phía thang lầu rồi nhìn ra, vờ như mới ở trên lầu đi xuống. Tiếng gõ cửa lại vang lên, mạnh dạn hơn lần trước. Trâm lên giọng :

— Ai đấy.

Khuôn mặt hí hửng của Thức ló ra trên cửa kính.

Trâm xoay nhẹ chiếc chìa khóa. Cửa mở. Thức sắp vào vội rụt ra ngay :

— Cô sửa soạn đi đâu. Thôi tụi em về đã.

Trâm đẩy rộng cánh cửa, hơi lạnh bên ngoài lùa vào một lúc với hai người con trai.

— Vào đây. Em có việc gì nào. Thức chỉ người con trai lúng túng đi sau lưng mình :

— Thưa cô, anh bạn của em... Trâm chỉ ghế :

— Có việc gì à. Các em ngồi xuống đây. Chiều chủ nhật sao không kéo nhau ra phố mà lại lạc vào... nghĩa địa, thế này.

Thức hóm hỉnh :

— Cô cứ bảo thế... Thiên Đường đấy chứ không phải nghĩa địa đâu.

Trâm thoáng thấy thằng con trai mỉm cười và đứng buông thõng hai tay có vẻ luống cuống, mất bình tĩnh, không chịu ngồi theo Thức, Nàng « ra lệnh » :

— Em ngồi xuống.

Nó kéo cái ghế ra xa bàn một tí khuất sau lưng Thức và chậm chạp ngồi xuống. Trâm cũng kéo ghế ngồi đối diện hai chàng học trò.

Thức nhìn Trâm chăm chú :

— Cô làm tóc tiệm nào đẹp quá, như là...

Thức định tiếp : « như tài tử » nhưng nó chợt ngừng lại khi thấy cô giáo có vẻ nghiêm trang nhìn người khách mới như muốn khám phá những ý nghĩ đã biết trước điều nó sắp nói.

— Tôi chải lấy. Chẳng lẽ đi mấy cây số chờ xe hàng giờ mới có để xuống phố chải tóc lên đây cho... mấy cây thông sau rừng ngắm à.

Lần nữa tên học trò lạ mỉm cười. Trông nó có vẻ bạo dạn và quen thuộc với không khí phòng khách và lối nói chuyện vui vẻ của cô giáo. Nhưng hai bàn tay nó cứ hết đặt lên nhau lại để duỗi trên mặt bàn rồi buông xuống. Có lúc Trâm chợt thấy ngón tay cái và ngón giữa của nó chụm lại, như sắp sửa búng tróc một cái. Nhưng nó nhìn lên Trâm, và hai ngón tay đó rời nhau ra ngay. Trâm nghĩ « Lỏi con này thuộc loại nghịch đây ». Nhưng nét mặt nó có vẻ dại khờ, non choẹt và ngơ ngẩn thế nào. Thỉnh thoảng nó lại lắc mạnh đầu để hất mấy vệt tóc lòa xòa xuống trán. Mái tóc đen mềm láng mướt chải sát xuống như vừa đường rẽ. Chiếc áo chemise màu xanh nhạt hơi ngắn trên túi áo có thêu mấy chữ tên trường bằng chữ đỏ. Những dấu hiệu đó làm nó có vẻ trẻ con hơn trước mắt Trâm «Nó thuộc loại mới bỏ thời ấu thơ để bắt đầu làm con trai vừa lớn ».

Chờ Trâm quan sát xong người khách mà mình định giới thiệu Thức mới hỏi dò :

— Thưa cô, nghe nói cô định chia bớt nhà cho người khác ở. Đã có ai « được » chưa cô ?

Trâm đoán ngay chuyện hắn sắp nói qua nhập đề dài dòng đó. Nàng « gạch đó » ngay :

— Em muốn xin cho ai ở trọ phải không. Nói ngay đi nào, miễn nhập đề quanh quẩn.

Thức cười, lắc đầu :

— Em chịu thua cô. Sao cô biết.

— Đoán.

Thức chỉ tên con trai đang giương đôi mắt nhỏ đen láy nhìn bà chủ nhà :

— Mình này bạn thân của em, nó nhờ em đến xin cô...

— Ở nhà tôi à ? Mình học ở đâu. Minh đáp nhỏ :

— Thưa cô, trên trường.

— Lớp nào.

— Đệ Nhất như Thức, khác ban, nó trả lời nhát gừng như không tìm được chữ để chắp nối câu cho dài ra. Hình như cũng thấy mình ăn nói không được xã giao, lễ phép nên cầu cứu Thức bằng mắt.

Trâm « hỏi bài » liên tiếp :

— Sao không ở ngoài phố. Đất này buồn lắm. Các cậu ham chơi không ở đây nổi đâu. Trâm nói như mình là bà cụ già dưỡng lão ở nơi hiu quạnh tĩnh mịch nói với con cháu về thăm.

Lần này Minh đặt câu khá dài:

— Thưa cô ngoài đó có nhà bà con nhưng ồn ào quá em không học được. Và lại đi xa quá, mất cả thì giờ. Nếu xin cô được ở đây gần trường, yên tĩnh thì...

« Đừng kiếm lời dối quanh nghe con. Tướng con lắc cắc ham chơi chứ không phải cây gạo đâu mà bảo tìm chỗ tu luyện. Hai bàn tay trắng trẻo, thuôn thuôn từng ngón như thế là điệu con nhà giàu quen thói ăn chơi rồi. Lại khuôn mặt nữa. Cặp mắt nhanh như chớp, đôi môi hồng cứ nghếch nghếch chực cười chực nói ấy là cây đầu chuyện, gây lộn và ăn quà đấy nhé. Như thế cóc có chăm học đi. Nhưng đây cũng khá khen cho cái tướng thông minh đó. Thông minh nhưng thong manh. Mày không thấy bà cô trước mặt là kẻ từng trải hay sao mà dối quanh. Chắc có vụ gì rắc rối con mới biệt chốn phồn hoa tìm vào rừng núi như vậy, một là để quên đi, hay là để thoát nợ ».

Nhưng nhìn lại nó. Trâm thấy mình chỉ đúng phần nhận xét, còn lập luận để hiểu lý do nó vào đây ở thì không. Vì trông nó còn nhỏ choắt và trẻ con thật, không thể, chưa thể có chuyện gì được.

Tên con trai ấp úng :

— Thưa cô, nếu có thể cho em ở trong nhà...

Một tiếng chim hót lên đầu cành thông gần mái nhà. Trâm nhìn ra. Vòm trời xanh mênh mông in hình nét đồi cong thoai thoải, sáng rực nắng chiều. Một đám mây trắng sắp sửa nhô ra sau ngọn đồi thấp nhất. Hình ảnh của những buổi chiều yên tĩnh, cuộc đời cô quanh buồn lãng mạn và nên thơ thoáng qua trong trí Trâm. Nàng chợt vừa sợ vừa thích nơi cô đơn hiện tại.

Có lẽ mình không nên trả lời vội cho chúng nó. Phải suy nghĩ đã. Thầy chủ nhà nhìn ra, trầm ngâm mơ mộng, hai người khách yên lặng đợi chờ. Trâm đứng lên mở rộng cánh cửa kính. Mùi thơm quen thuộc của cỏ khô và đất mới xới, lẫn với mùi dâu chín dưới thung lũng thoảng theo gió bay lên làm Trâm tự nhiên ấm áp trong lòng, trông như mình đang đời đời yên ổn sống trên một mảnh đất quê hương. Thế mà từ nay có người lạ về sinh sống với nàng trên thế giới nhỏ bé và biệt lập này.

Để hai tên học trò bồn chồn chờ đợi một lúc Trâm mới nói :

— Nhà rộng quá nên trước tôi có ý định chia bớt một tầng cho một gia đình nào đó. Nhưng những chỗ đến đòi chia đều là thân thuộc cả, nhận đám này lại mất lòng đám kia nên thôi. Thành thử có thể cho một vài người ở trọ. Tôi cũng đang nhờ mấy người trên trường tìm và giới thiệu cho mấy em nào nhà xa đến ở lại cho vui. Còn phải chọn lựa đã, không các cậu lại lôi bạn bè đến huyên náo cả lên. Tôi đã nói, chỗ này là đất học hành, tu luyện thôi.

Thức hỏi :

— Sao mấy gia đình khác không thuê mấy nhà hoang bên cạnh sửa lại mà đến chia nhà của cô.

Trâm cười :

— Coi sửa chữa lại một cái nhà đổ nát mệt lắm. Vả lại thiên hạ không thích phiêu lưu mạo hiểm, hoặc thích nhưng không dám.

Thừa lúc Trâm nghiêng mình sửa một cành glaieul trong bình thủy tinh, Minh ra hiệu bằng mắt với Thức. Thức trở lại vấn đề :

— Thưa cô, xin cô cho biết cô có thể nhận anh bạn đây ở trong nhà được không...

— Nếu tôi chọn, thì có lẽ tôi sẽ chọn một người vào tuổi em đây. Nhưng phải có giáo sư nào trên trường giới thiệu và người nhà đến gửi gắm đã. Em từ xa lạ đến, tôi biết đâu vào đâu. Phải có người lớn đến nói với tôi một tiếng, rồi sẽ liệu.

Minh hấp tấp :

— Thưa cô, em sẽ đưa bác em lại xin cô.,.

— Thế gia đình em ở đâu.

— Dạ, ở trên Kontum kia.

— Xa thế, mình em xuống học đây... Vậy ra...

Trâm định nói tiếp : « vậy ra đồng bào thượng đây à », nhưng nhớ ra thằng học trò chưa quen biết lắm, nàng không đùa nữa. Nàng chợt nhớ hôm đầu tiên ngỏ ý cho học trò ở trong nhà với một nhân viên trên trường, ông ta nói sẽ giới thiệu cho mấy thằng đồng bào thượng không cơm ăn nhà ở, trường phải cung cấp lương thực nhưng chỗ ở chưa giải quyết được. Trâm bật cười và giải thích cái cười đó ngay :

— Bữa trước ông Vu định chọn mấy tên học trò đồng bào thượng xuống giữ nhà cho tôi. Tôi phải từ chối ngay. Nuôi quân đó, nhỡ ra đêm hôm đói bụng nó làm thịt cả chủ nhà.

Thức đùa :

— Nhưng còn bạn em đây thì cô không ngại vì không phải loại « cà răng căng tai » đâu...

— Người văn minh lại càng đáng sợ hơn.

Chờ cho tiếng cười của hai tên học trò dừng lại, Trâm phán một lời cuối :

— Thôi được. Các em cứ về. Để tôi nghĩ lại đã. Có thể cuối tuần sẽ cho ý kiến.

Thức nháy Minh đứng lên. Trâm thầm vẫn câu chót.

— À, em có quen giáo sư nào trên trường.

Mắt tên con trai sáng lên :

— Thưa, thầy Hiệp biết rõ pha-mi em lắm. Cô cứ hỏi thầy ấy.

— Hiệp à ? Được, để tôi liệu.

Minh hơi cúi đầu cố lấy giọng hết sức lễ phép :

— Xin phép cô.

Còn Thức chỉ gật đầu cười.

Một thoáng Trâm đã nghe tiếng xe chúng nó nổ máy và vút đi đầu đường. Nàng đang kéo mấy cái ghế lại chỗ cũ thì Yến vào.

— Mời cô đi ạ.., chị Loan đang chờ đấy. Lúc nãy em sang một lần thấy cô có khách nên lại về.

Trâm đưa tay ém ém mái tóc lấy điệu :

— Khách khượng nào đâu, mấy thằng học trò đấy :

Giọng Yến lảnh lót :

— Cô giáo mới đông học trò quá. Em thấy chúng nó ra vào luôn. Mỗi lần đi ngang ngõ tắt nhà em là chúng nó bàn tán về cô giáo.

Trâm đề một ngón tay lên môi.

— Ấy chết, tụi nó đá đào gì tôi đấy chị ?

— Đâu có. Chúng nó khác nhau cô là... hoa khôi giáo sư, cô chấm bài kỹ, chữ cô viết bảng thật đẹp, cô giảng thơ Bà huyện Thanh Quan mê lắm...

Trâm xua tay :

— Thôi, xin chị. Đừng bịa ra mà trêu tôi nữa.

— Thật mà. Cô nổi tiếng từ lúc mới đến, ai cũng muốn làm quen cô cả. Em được ở gần thật phước lắm đó.

Trâm vờ phản đối lấy lệ chứ thật ra không cần Yến nói, nàng cũng biết và ngầm vui sướng một mình. Qua lời Yến, Trâm cũng nhận thấy mình vừa được hấn phục vừa bị ganh tị nữa.

— Thôi, đi chứ, không có chị Loan chờ. Đi trễ thế này, chắc về muộn lắm.

Yến đon đả :

— Chiều nay về mời cô qua em xơi cơm luôn. Nhà cô không người làm, đi chơi về phải xuống bếp vất vả quá. Em thành thật lắm mới dám mời, cô cũng đừng từ chối...

Trâm nói dối đã khước từ :

— Thức ăn buổi tối tôi đã làm từ trưa. Xúp đậu hòa lan đấy. Ở một mình ăn nấu một mình, ngày

một bữa cũng xong. Để khi khác sẽ qua ăn nhờ chị.

Tuy nói thế nhưng khi trở về, Loan còn ở lại chờ Chu, nên Trâm cũng ghé vào nhà Yến. Yến đang pha trà, chợt nghe tiếng xe quen ngoài đường, đặt chén xuống bàn nhìn ra :

— Ai như ông Lưu.

Trâm không quay lại nhưng nghe tiếng máy xe nàng đã biết chắc chắn là chiếc Peugeot trắng của Lưu. Nàng vờ không nghe Yến, nhìn bức ảnh bán thân của một tài tử treo ở góc phòng, giữa hai tầm hình lực sĩ đẹp nhất thế giới. Trâm cố kìm mình lại làm ra về thản nhiên để Yến khỏi chú ý. Nhưng mũi giày nàng cứ xoay nhè nhẹ trên nền xi măng như sắp sửa vụt đi. Yến đoán biết Trâm muốn về nhưng sợ ngượng nên kiếm cớ cho cô giáo rút lui. Yến xin lỗi Trâm, thoăn-thoắt xuống bếp rồi vừa trở ra vừa kêu :

— Nhanh tay lên, mày mà không có tao thì không bữa ăn nào kịp. Ông về bây giờ.

Trâm vô tình mắc bẫy Yến :

— Ấy chết, chị bận làm cơm cho anh, ngồi nói chuyện choán cả thì giờ, thôi tôi về.

Yến cố mỉm cười thật tự nhiên, đứng lên theo Trâm nhưng còn vờ mời một câu :

— Cô ngồi chơi đã. Chủ nhật giáo cho nó một bữa thử xem.

— Không được, chủ nhật anh nghỉ cần phải ăn ngon hơn thường

chứ. Thôi hôm khác qua chơi, tôi về, chị xuống bếp nhé.

Trâm chỉ đi chầm rãi được đến ngoài thềm. Yến vừa đóng cửa lại là Trâm hấp tấp xuống những bậc đá như chạy về nhà. Qua hàng rào hoa quì thưa lá, nàng thoáng thấy xe Lưu đỗ trước ngõ nhà Chu. Trâm làm như không thấy Lưu, không biết vợ chồng Chu chưa về, cứ tỉnh bỏ vào nhà. Nhưng Lưu đã gọi sang :

— Chị Trâm đi « bát » về đó à.

« Gớm cái anh chàng này lúc nào cũng nói đùa thẳng ro chẳng nể nang, sợ mếch lòng ai cả » Trâm nhìn qua tươi cười :

— À, anh Lưu. Tôi vừa đi thăm bà cụ chị Loan về. Anh đến chơi anh Chu đấy à.

Lưu đi nhanh lại phía Trâm :

— Đường này vắng, tôi cứ phóng đi cũng không định sẽ thăm ai. Thế bây giờ chị có ở nhà không đấy ?

— Có, mời anh vào.

— Phải hỏi chủ nhân có tiếp mới dám vào. Nghe nói chị ít tiếp khách và chọn khách kỹ lắm.

Trâm ngạc nhiên không hiểu vì sao Lưu biết điều bí mật đó. Ở cửa phòng khách, Trâm có một miếng bìa dày, hai mặt viết « Đi vắng » một chữ xanh, một chữ đỏ. Trâm dặn với một vài người bạn thân hễ thấy chữ đỏ lật ra phía ngoài là chủ nhà đi vắng thật. Nếu chữ xanh thì đi vắng giả nghĩa là có ở nhà, cứ việc gõ cửa và vào. Như

vậy người lạ lúc nào cũng thấy đi vắng và Trâm khỏi phải tiếp nhỡ người không thân. Những lúc cao hứng, muốn tiếp cả khách thập-phương không cần « tuyển lựa tài-tử » thì Trâm dẹp luôn cái bảng đó.

Vào đến cửa, thấy Lưu nhìn lên mặt kính, Trâm hỏi :

— Anh tìm gì đấy,

— Bảng khẩu hiệu mật của chị. Đi vắng « thật » mà sao không treo bảng đây bà chủ.

Trâm ngẫn ra một lúc :

— Sao anh biết.

— Hôm trước chị tiết lộ với tôi mà. Trâm cười bật lên :

— A, vậy ra anh là người thân, quên đi mất.

Trâm tra chìa khóa vào ổ. Cánh cửa đẩy ra. Tiếng huýt sáo miệng bài Tô châu đạ khúc của Lưu vang lên rung động và bầu không khí lặng lẽ của tòa lầu vắng.

— Con bé tiểu đồng của chị đâu.

— Đi chơi chưa về. Tôi đi đâu là phải thả nó ra ngoài để khóa cửa.

— Không nấu cơm à. Định xin chị ăn đây, trời lạnh, tự nhiên thèm cá kho khô và nhớ bà cụ quá.

Trâm nhìn quanh gian phòng trống trải chơ vơ chiếc bàn tròn với mấy cái ghế :

— Bọn lâu la mới đến xin ở trọ đấy. Mời anh lên lầu, tôi bồi thường thức ăn khác, không có cá khô đâu.

Trâm thoăn thoắt lên thang lầu, mở rộng cửa phòng khách, rồi mở luôn mấy cửa sổ. Lúc nàng quay lại Lưu đã tự nhiên ngồi xuống ghế tự bao giờ. Nàng ngồi đối diện Lưu. Hai người thoáng nhìn nhau và yên lặng kéo dài như trải xuống những vùng ruộng hoa dưới kia thung lũng còn thoi thóp nắng chiều. Tiếng một thằng bé con gọi chị bên kia đồi vọng sang. Trâm nhìn qua cửa sổ. Vẫn như từ bao giờ, nét đồi cong thoai thoải in hình lên vòm trời trong xanh bát ngát. Cành thông rũ nghiêng ở một góc cửa sổ nhịp nhàng uốn cong theo chiều gió. Hương thơm của buổi chiều phảng phất lan vào phòng.

— Bà chủ trầm ngâm gì đấy.

Quay lại, thấy Lưu đang ngắm mình, Trâm ngượng nghịu rút một điếu Salem :

— Anh hút thuốc.

— Xin chị một điếu.

Que diêm loè sáng hai lòng bàn tay úp cong của Lưu che gió giữ đóm lửa mong manh. Lưu nhìn mái tóc của Trâm nghiêng qua làn khói thuốc mơ hồ :

— Mỗi lần chị chải mái tóc như thế mất bao nhiêu phút.

— Năm thôi. Có khi mười. Trước kia, tiệp tân hội hè thì phải một giờ mới xong cái đầu. Mặt mũi, áo quần một giờ nữa là hai mới ra khỏi nhà được.

— Ai tháp tùng chị chắc phải chờ mềm cả xương. Hồi ở Saigon, chị chơi dữ lắm nhỉ ?

Trâm gõ nhẹ ngón tay trỏ ên

điều thuốc cho tàn rụng xuống :

— Cũng... một cây. Giờ thì một cành, một lá cũng không.

— Nhất định tu, phải không chị Trâm.

— Vâng, nhưng khó mà « đắc đạo » quá.

— Chị mà đi tu thì mấy người tu thật quanh chị cũng không yên được.

Trâm búng cái tàn thuốc qua cửa sổ.

— Anh làm như tôi là qui ầy. Rồi nàng lảng sang chuyện khác.

— Ấy, quên hôm trước về Nhatrang có đem mực khô cho anh đây.

Lưu xoay xoay cái gạt tàn thuốc :

— Tôi biểu chị gì lại bây giờ. Trâm định nói : « biểu mỗi tuần một lần thăm » nhưng nàng chỉ yên lặng nhìn Lưu. Bỗng nhiên, Trâm cúi đầu và cảm thấy sợ hãi. Mỗi lần nhìn Lưu là nàng như trông thấy cảm tình mình lớn và nặng thêm lên như một trái cây căng đầy mật ngọt. Nàng sợ, và chán những cuộc phiêu lưu, những chuyến đi tình cảm vu vơ không dẫn về đâu lắm rồi. Trâm nghĩ đến Lưu, mong Lưu như nghĩ và mong một người bạn thân. Mỗi lần thấy lòng mình dội lên những tiếng kêu khoắc khoải là Trâm lại vội vàng đè nén, cố quên lãng.

Trâm loay hoay mở hộp biscuit mời!

— Anh xơi cái bánh.

Rồi nàng đi lấy nước pha trà.

Lưu nhìn chai rượu, những chiếc cốc thủy tinh lấp lánh, đĩa trái cây, lọ mứt và hộp bơ sắp ở góc bàn :

— Chị có vẻ... tiểu tư sản nhỉ.

— Bộ cầm ăn à.

— Một mình mà ăn nhiều thế.

— Thỉnh thoảng có khách.

— Chị đông khách nhỉ ?

— Có ai đâu, anh, vợ chồng anh Khoa, anh Chu, rồi mấy bà đàng xóm. Nhất là lũ học trò.

— Chị đem đồ ăn dụ học trò à.

— Ai mà thèm dụ, chúng nó thích thì tới.

Lưu có vẻ ngẫm nghĩ :

— Học trò lớn quá, cũng hơi phiền. Chị lại ở một mình như thế này. Tôi khuyên chị điều này nhé, vì tôi coi chị như người thân mới nói : Chị không nên sống thế ở xã hội này, khó mà sống hoàn toàn theo quan niệm của mình. Phải chịu dư luận một tí. Vả lại khác thường quá cũng làm xung quanh khó chịu. Chị không sợ thiên hạ dị nghị à.

Trâm cúi đầu :

— Tôi biết. Và nhất là lúc này tôi tập vào khuôn khổ, mong sống bình yên lẽ tất nhiên phải chịu dư luận, sống như thiên hạ. Nhưng mà... phải một mình, biết làm sao.

— Ông bà cụ bao giờ lên với chị?

— Cũng sắp lên, chờ thu xếp việc nhà đã . . .

Nói thế, Trâm chợt buồn. Gấn

một tháng nay rồi, ai hỏi nàng cũng nói thề. « Sắp lên », nhưng sắp là không biết đến bao giờ, ở nhà cứ bảo nàng phải cho thuê nhà bớt, không được ở một mình. Nhưng không ai nghĩ đến chuyện lên, lên ngay với Trâm. Thư nhà tuần trước « mẹ chưa lên được, xin xăm không tốt », tuần sau : « để Tết xong mẹ mới lên được » thư sau nữa ; «chờ lo đám cưới anh Luân », đám cưới anh Luân vào tháng tư, nghĩa là Trâm phải chờ cho đến mùa hè.

Giọng Lưu thật dịu dàng, đầm-ấm.

— Không những đối với xung-quanh mà với chính chị, chị cũng không thể ở một mình vậy được. Phải có một người nhà lên ngay với chị. Ở thế này buồn chịu không nổi đâu. Vả lại, đàn bà không ai có thể sống được một mình.

Trâm rót trà ra chén cho Lưu rồi ngồi chồng tay vào cằm nhìn ra khung cửa. Bóng chiều xuống vội. Sương mù che kín thung lũng bên kia. Dãy đồi chỉ còn là một nét mờ sắp lẫn vào bầu trời trắng đục. Lưu hay nói thẳng, nhưng lúc nào cũng có lý. Trâm, như người khác thì đã tưởng lầm Lưu phản đối thuyết cô đơn của nàng để dễ tấn công phá thành trì độc lập kiên cố của nàng. Nhưng nàng thì không bao giờ lầm thế, vì nàng hiểu rõ Lưu. Lưu đối với nàng, như một người bạn, một người anh, không bao giờ là một người tình. Người đàn bà như nàng, Lưu chỉ có thể mến phục mà không thể yêu thương. Tuy Lưu, có bé ngoài cũng « một cây » theo « đợt sóng mới » nếp sống tài tử đấy, nhưng người vợ của Lưu, hay người yêu của anh, phải là đàn bà, hoàn toàn. Lưu thường bảo « đàn bà phải là đàn bà » là gì. Thấy Trâm viết lách, mê văn chương, sống khác thường, vạch lối riêng để một mình tiến tới, Lưu khuyên : « Đàn bà muốn được hạnh phúc thật phải là đàn bà. Lẽ tất nhiên mỗi người quan niệm về hạnh phúc một cách. Nhưng cách duy nhất vẫn là có một gia đình đầm ấm, chồng con đàng hoàng và giữ những mối thân yêu đó mãi mãi. Cũng có người tìm thấy hạnh phúc ở những chuyện phi thường, muốn thoát ra lề lối cố định đó, nhưng những người đàn bà đó không hẳn là đàn bà nữa. Mà họ có sung sướng đâu. Đau khổ, mà có lẽ tại họ thích thú đau thương như vậy hơn là hạnh phúc bình thường. Với người khác, có lẽ tán dương và khuyến khích khi thấy chị viết lách. Tôi thì không, tôi mong chị chán bỏ con đường đó. Muốn viết thành thật phải sống lăn lóc, phải có kinh nghiệm đã. Nhưng đàn bà như vậy thì còn gì. Vả lại, có làm cho hết sức cũng chẳng đi đến đâu, chỉ là hạt bụi, không một tiếng vang nào cả. Chị xem, trong văn học Pháp, Georges Sand có nổi tiếng cũng chỉ vì phụ nữ hiếm trong văn chương chứ thật ra sự nghiệp của bà ta có đáng gì so với những tác phẩm vĩ đại của các văn hào nam giới Như thế nào cũng một đời thật sa đọa, tan nát... Rồi bây giờ lại Sagan...

Trâm không nghĩ thế, không chấp thuận quan niệm của Lưu. Dù sao đó vẫn là một ý kiến về « hạnh phúc của đàn bà ». Trâm hiểu Lưu chỉ nói một cách vô tư, không có ý niu kéo nàng trở lại cuộc đời bình thường. Niu kéo vào làm gì khi Trâm vẫn là một kẻ lạ đối với thế giới tình cảm của Lưu. Tuy Trâm không nghĩ đến chuyện có thể yêu Lưu hay không nhưng sự thản nhiên, dửng dưng của anh đối với nàng như một từ chối. Trâm biết mình vô lý, nhưng vẫn cảm thấy như bị xúc phạm, chạm tự ái của mình : chưa, chưa bao giờ một người đàn ông con trai nào quen biết nàng mà không yêu nàng, chẳng say đắm thì cũng vớ vẩn thoáng qua. Thế mà Lưu thì thờ ơ lạnh nhạt và có vẻ coi thường Trâm nữa. Có lẽ tại thái độ của Lưu vốn thế, có lẽ vì tính Lưu rắn rỏi thẳng thắn không hay bóng gió quanh quẩn để được lòng kẻ khác. Trâm cũng đoán bạn bè phần đông không thích Lưu vì thế. Và Lưu cũng có một vẻ khác thường riêng rẽ không bè phái, chạy theo đám đông hay nịnh bợ tơn hót nhau. Nhất là cái vẻ bất cần xung quanh của Lưu đối với thiên hạ như một thách đố, khinh người. Cho nên giữa đám giáo sư, Lưu lúc nào cũng có vẻ kiêu hãnh và cô độc. Lần đầu tiên Trâm chú ý đến anh vì thế. Với nàng anh cũng không rào đón, xã giao mãi mới làm quen và nói chuyện như mấy người khác. Hôm đó giờ chào cờ, mấy cô bạn không có giờ dạy, chỉ mình Trâm là đàn bà giữa nhóm giáo-sư. Nàng e ngại, không ra sân, đứng ở khung cửa sau văn phòng nhìn lên phía học trò sắp hàng. Lưu đi ngay, hỏi vọng lại :

— Chị không lên chào cờ à ? Ăn lương chính phủ mà... làm biếng việc đó.

Trăm dè dặt trả lời người bạn đồng nghiệp chưa quen :

— Lên một mình, ngại lắm, thôi xin miễn...

Lưu vừa đi vừa nói, không dừng lại một bước :

— Ngại gì. Chị sợ học trò à. Cứ coi tụi nó như đám cỏ. Đi, lên chào cờ nào. Bất đắc dĩ, Trâm lên sân cờ buổi đó, đứng dựa góc phòng một mình, cách xa nhóm giáo sư khác phái, giữa trăm mắt vẫn võ toàn trường chăm chỉ nhìn lại. Từ đó, gặp nhau Lưu thường lỏi tạt lại một câu rồi bỏ đi. Cái lối « cóc cần » của Lưu làm Trâm tức và chú ý đến anh hơn. Lưu hay đến nhà Chu. Một bữa Chu đưa Lưu qua thăm « nhà mới » của Trâm. Những lần sau Lưu đến một mình. Để tránh tiếng cho Trâm, bao giờ Lưu cũng dừng xe cổng nhà Chu rồi qua nàng, làm như chỉ « nhân dịp » rồi ghé thăm nàng chốc lát.

— Thôi, tôi về.

Lưu đột ngột đứng lên.

Trâm muốn nói một câu gì để giữ Lưu lại. Nhưng ở lại rồi chốc nữa Lưu về, nàng vẫn còn một mình. Nàng nhìn Lưu một cái rất nhanh rồi cúi đầu đứng lên.

Khi ra ngang qua lò sưởi, Lưu đứng lại ngắm nhìn mỉm cười :

— Chị thật ngộ nghĩnh, chưa thấy nhà ai bỏ cả cành lá thông tươi vào lò sưởi thế.

— Bày thế chứ không đốt đâu anh.

— Nó héo đi chứ.

— Héo thì chặt cành khác thay vào. Sau rừng thiếu gì.

— Chị thay đổi luôn nhỉ ?

Trâm không ngờ Lưu hiểu ý mình. Như những cành thông nay tươi mai úa đó những hình bóng những tình cảm đến rồi đi luân phiên trong đời nàng từ bao nhiêu năm nay. Không một ai dừng lại, nàng cũng không thể dừng lại với người nào. Tình yêu nào cũng bắt đầu bằng nụ cười và chấm dứt bằng nước mắt. Sau đó là khoảng trống không ghê rợn của những tháng ngày cô đơn dằng dặc. Lại tìm cái gì lấp đầy khoảng trống, tạm bợ, mong manh. Rồi mất, rồi lại tìm, và cứ thế nàng vẫn là bãi cát hoang vu trải dài lạnh lẽo bên những làn sóng dào dạt trôi về để lặng lẽ kéo nhau đi, cuốn theo những dấu chân kỷ niệm, những rác bẩn nhục nhằn, những di tích tàn phai...

— Lò sưởi trồng trải có vẻ lạnh lẽo quá, tôi phải bỏ cành thông tươi vào che lấp khoảng trống. Phải thay đổi chứ biết làm sao.

« Biết làm sao », bà chủ gieo xuống như một lời than làm Lưu quay lại nhìn Trâm. Giọng Lưu đầm ấm nhưng mặt anh vẫn thản nhiên, rắn rỏi đến tàn nhẫn :

Chị nên gọi người nhà lên gặp với chị.

— Chắc sắp lên, giờ thì chưa. À này, anh Lưu, tôi định cho học trò ở trong nhà anh nghĩ sao ?

Lưu bước xuống thang lầu, nói vọng lại :

— Sao chị lại hỏi tôi. Muốn đem thông tươi về bỏ lò sưởi để lấp đầy khoảng trống thì tùy chị chứ. Lò sưởi của chị. Khoảng trống cũng của chị mà...

Trâm đứng trực thành gỗ thang lầu nhìn qua khung cửa sổ. Ngoài trời mưa bay lất phất. « Mùa lạnh đến rồi »...

— Trâm nhoài người ra ngoài vờ đưa tay kéo cánh cửa lại để được nhìn chiếc xe màu trắng của Lưu trong làn mưa bụi lờ mờ như một cái bóng thoáng qua, mất hút sau đường rừng.

(còn tiếp)

HOÀNG ĐÔNG-PHƯƠNG

ĐÍNH CHÍNH :

Trong bài « **Sinh hoạt văn học 1963 có gì lạ ?** » của Cô Phương-Thảo, trang 155 cột 2 đoạn cuối, câu : «*Trong ngày mồng 31 tháng bảy của năm 1963*» ; xin sửa lại «*Trong ngày 30 tháng 6 năm 1963*»

● NGUIÊN-NGU-Í

ĐOÀN THÊM

và tập thơ HÒA ÂM(*)

Có những người làm văn-nghệ bị thiệt thòi vì những việc không đâu. Trong số đó, Đoàn-Thêm là một.

Anh vốn là một công-chức cao cấp. Người ta thường đem cái « nghiệp » này của anh vào việc phê-bình, giới thiệu hoặc điểm sách anh. Soi sáng chẳng được là bao, mà vô đoán thì khá nhiều, tỉ như đời người công-chức bậc cao thì được bảo đảm mọi bề, nên văn thơ do đó mà đều đều, phẳng phẳng, gần như công-thức, và anh viết văn làm thơ để « giải sầu » hoặc « mua vui », thì làm sao mà sôi nổi được ? Đại-khái những nhận xét về anh đều như vậy.

Anh có vài bạn tốt lập một nhóm Tùng-Thư in sách vì yêu văn thơ của các tri-kỉ, và yêu sách đẹp, muốn rằng sách Việt - Nam chẳng thua của nước ngoài. Ba tập thơ đầu và quyển sách nói về Hội-họa của anh được ấn loát rất là mĩ-thuật. Có người đem cái hình thức ấy mà làm đề-tài để so sánh với các tác phẩm in rô-nê-ô của một vài nhà văn nghèo ; và tự-nhiên là bất lợi cho anh, vì tưởng anh giàu có mà « trưởng-giả-hóa » cả sách của anh.

Ấy đó, đã có một số người «xét» tác phẩm của anh, không phải vì chính nó, mà lại vì những cái không ăn thua đến giá trị của nó.

Phải chăng vì để tránh cái « nạn » đó, mà hai thi phẩm mới của anh : « *Vườn mây* », rồi « *Hòa âm* » lần lượt chào đời với cái bề ngoài

(*) Nam-Chi tùng-thư xuất bản — Saigon, 1963.

thường thường bực trung ? Anh phải đợi mãi, nhà xuất bản mới chịu cho như vậy.

Nhưng cái sổ « bị thiệt thòi » của họ Đoàn chưa chịu hết. Lần này, dưới một hình thức khác.

Hòa âm trước khi in thành sách đã được ra mắt độc giả Bách-Khoa. Lắm bạn đã nói riêng hoặc đã viết thư về, bảo rằng « Từ-Thức » tìm đường lên Thiên-Thai mà nay đà lạc lối xuống mây từng Ấm phủ. Những bài « Hòa âm » của anh tôi đen kín mít, chẳng ai hiểu và vì thế chẳng cảm được ai !

Tôi có cái duyên (mà ai đã nói duyên thì phải nói nợ) được biết anh khi anh mới xuất bản tập thơ đầu. Và từ ấy đến nay, tôi có nhiều dịp châm chọc anh, chịu đựng anh, bàn lâu, cãi mạnh với anh về guồng máy cai trị, về bổn phận người dân, về thái độ người trí thức, về nghệ thuật... Nhờ thế mà tôi cũng như vài bạn thân tình khác, tôi hiểu anh hơn, và thấy anh là cả một « trường hợp ». Trường hợp Đoàn-Thêm, công bộc dưới một chế độ lạ lùng, tôi xin nhường lại cho bạn khác ; đây tôi chỉ xin nói về « trường hợp Đoàn-Thêm, thi sĩ » để rồi nói đến thi phẩm mới nhất của anh. Để chuộc một điều bất công riêng mình đối với anh và cũng để gọi là có ít lời phân trần với bạn đọc. Bất công vì khi mới tiếp xúc anh lần đầu, cũng như khi đọc tập thơ đầu của anh, tôi có ý tội nghiệp cho nàng Thơ mà tôi cho rằng đang và sẽ bị một người công chức mẫu-mực ve vãn sau những buổi mệt nhọc vì đọc, vì thảo công văn, vì giải quyết bao vấn đề gai góc.

Mối tình vương giả của đấng quân vương Ấn-Độ ấy đã được Đoàn-quân để công kể lại cho chúng ta bằng những vần thơ cổ kính, đẽo gọt, nhưng không xúc động người đọc bao nhiêu, tập thơ đầu tay này có cái đẹp lạnh lùng của cẩm thạch.

« *Và sắc đẹp chỉ làm bằng cẩm thạch* » tôi liên tưởng ngay đến câu thơ này của Xuân Diệu sau khi đọc qua tập thơ ấy.

Sau, thấy anh không kể tập thơ này trong sổ thi phẩm của anh, tôi có hỏi thì anh cho biết tác phẩm đầu tay nầy, anh chỉ xem là một kỉ-niệm, nó chào đời ngoài ý-muốn của anh, và xin được bỏ quên.

Vậy thì, tới nay, thi nghiệp của anh gồm có : *Từ-Thức, kẻ tìm đường*, (1959), *Nhạc dề* (1960), *Vườn mây* (1961) và đến *Hòa âm* (1962-1963), thì người đọc thấy sự chuyển hướng rõ rệt về tâm lí, về thể thơ và lời thơ.

* * *

Ở *Từ-Thức* (*1959*), ta thấy tất cả nỗi băn khoăn của kẻ tìm đường, không phải tìm đường cho riêng một mình mình, mà tìm cho mình và cho những ai như mình, tìm nghĩa cho cuộc sống giữa người đồng loại. Cái băn khoăn ray rứt ở kẻ sĩ ấy kết thúc bằng một niềm-tin và một nỗi lạc quan mình đã thấy đường rồi ! Họ Từ từ giã chốn

Đào nguyên, vĩnh biệt người Tiên, để về trần bắt tay vào việc... xây-dựng.

Nghĩa đời tưởng đã tìm xong, thì cứ như con trâu kia, cắm cổ mà kéo cái cày đi trọn thửa ruộng dành cho mình, nhưng bỗng bao điều nghe, thấy, nghĩ, suy, khiến kẻ tưởng đã hết băn khoăn, lại trở nên bực bội. Nổi loạn chăng ? Như thế thì phá mất cái trật tự từng tồn bao công phu, thì giờ gầy dựng, mà người ta khó làm được cái gì bền, vững trong hỗn độn. Nên cái bực bội của con người bắt đầu thất vọng — vì ai ? vì chi? — đã mượn tiếng con vật hiền lành, yếu đuối, nhỏ nhoi, mà nỉ non khúc nhạc sầu bi. *Nhạc Dê* ra đời năm sau, năm 1960.

Thế rồi người và việc chẳng đem lại yên, vui, tác giả kiếm một lối thoát khác : trở về với Tạo vật. *Vườn mây* (1961) ru ta một cách nhẹ nhàng, êm ả.

Nhưng rồi *Hòa âm* réo rắt, ta bỗng như thoáng gặp một nỗi niềm gì u ẩn. Người thơ nay phải chăng đã lên đường để tìm cái Đẹp, không phải cái đẹp ở hình thể, mà cái đẹp lung linh của cuộc Đời, cái đẹp muôn vẻ của sự vật qua một cơn gạn lọc kĩ càng ?

Tác giả quay hẳn về nội tâm. Nội dung là điều cần, là điều chánh. Hình thức là điều phụ, phải tùy thuộc nội dung. Nói một cách khac, thể thơ, lời thơ phải theo ý. Cảnh hay vật chỉ là cái *cớ* để gợi ra cái gì muốn nói. Ta có thể tưởng tượng tác giả như người thợ săn, lúc nào cũng rình, cũng đợi... con mồi, mà con mồi này là cái Đẹp. Mà muốn chiếm cái Đẹp — muốn hạ con *mồi* — không phải vì muốn hưởng cái thú làm chủ, mà chỉnh là tìm một cái bàn đạp để thoát li ra cái thực tế não lòng, để rồi hướng tâm hồn mình lên miền trong lặng. Nghĩ cũng kì, mà cũng đáng thương : thiết tha yêu cuộc sống, mà phải buộc lòng xa thực tế (bởi gần thì e phải bớt yêu... « *Thiên hạ xem gần vẫn xấu xa* » !) và phải gạn phải lọc — các bạn nhớ chăng hình ảnh những kẻ bòn vàng — mới thấy ở cuộc sống chút gì còn đáng Tin Yêu.

Đến đây, chắc các bạn đã thấy Đoàn-Thêm không lạc lối vào vườn Văn-nghệ. Anh đã cố tâm đi, và quyết đi cho khắp. Không có cái say mê của mối tình đầu, nhưng thừa cái thâm trầm gắn bó của mối tình... sau chót ?

* * *

Hòa âm gồm tất cả hai mươi hai bài, cùng mang một tên : *Hòa âm* với một con số thứ tự, nhưng tác giả không sắp Hòa âm I trước Hòa âm II, rồi kế đến Hòa âm III..., mà lại mở đầu bằng Hòa âm XXI, tiếp theo là Hòa âm XI, rồi chẳng theo một thứ tự nào, để tận cùng bằng Hòa âm XXII. Ta thấy có Hòa âm XII, lại có Hòa âm XII-B, nhưng tìm chẳng thấy Hòa âm XIII !

Sự sắp xếp như trên chứng tỏ rằng tác giả cố tình để lộn xộn thể, xem đó là việc chẳng cần. Mỗi bài thơ đã là một cái gì trọn vẹn, thì để nó đứng đâu mà chẳng được, và giả sử như tác giả đã đặt cho bài thơ đó là *Hòa âm I*, mà ta đổi là Hòa âm XXII, thì tác giả cũng mỉm cười. Cái chánh là bài thơ, còn cái tên của nó đã không cần, thì cái con số để mà đánh dấu, muốn số nào thì chẳng được. Có hại gì cho bài thơ đâu. Vả lại, Họa sĩ từng đặt tranh mình : *Bố cục* số 12 (Composition n° 12). Nhạc sĩ gọi bản nhạc mình : *Tấu khúc* số 5 (Sonate n° 5) thì Thi sĩ cho bài thơ mình là *Hòa âm* số IX, đâu có gì là lập dị.

Những tập thơ trước, thể thơ thật là rõ ràng. Hoặc là chỉ một thể nào đó : song thất lục bát, hay thơ mới, hoặc nhiều thể xen nhau : Đường luật, lục bát, ngũ ngôn... Nhưng lần này, thì tác giả lại không theo một thể nào sẵn có, mà dường như tùy lúc, mà tạo ra Thể cho riêng mình, câu dài câu ngắn tiếp nhau hoặc chen nhau, khó mà lường trước được. Trong câu, đôi khi còn thấy một vài dấu phết, còn cuối câu hoặc cuối bài, tuyệt nhiên, không có dấu chấm câu nào. Đáng để ý là trước kia, tác giả gieo vần rất đúng, mà nay, vần là điều thi sĩ ít quan tâm hơn hết !

Cho nên khi đăng trên mặt Bách Khoa, khá nhiều bạn đọc từng làm thơ lâu, từng thưởng thức thơ nhiều, mà cũng thấy lạ mắt, lạ tai, chịu thua là « không hiểu », nên có lời nhắn, có thư phiền, như tôi đã nói ở trên.

Hơn ai hết, tác giả *Hòa âm* biết trước phản ứng của bạn đọc, nên đầu tập *Hòa âm*, ta được đọc lời tác giả « *Thân gửi Lãng-Nhân* ». «Thân gửi Lãng-Nhân » họ Phùng ở đây, đồng nghĩa với « Thân gửi những bạn đã đọc và sắp đọc Hòa âm này ». Để giải đáp những thắc mắc trên, để hé cửa cho ta thấy cái thế giới chẳng-giống-ai mà ta sửa soạn để chân vào.

Tuy thế, có lắm điều muốn hỏi lại tác giả, muốn hiểu rõ hơn (và cũng có chút ít muốn làm khó dễ tác giả « khó khăn » ấy nữa), nên tôi đã tìm gặp anh vài lần, và xin thuật lại « những lần gặp gỡ » ấy.

*
* *

— Ngu-Í muốn bắt đầu bằng cái nào ? *Thể thơ* hay *Chất thơ ?*

— Bằng cách này !

Và tôi nâng tách trà xinh quyện khói, thong thả hớp một ngụm, mới nói tiếp :

— Toàn tập « Hòa âm » của anh đã không theo một trật tự nào khi để bài này kề bài nọ, mà trong mỗi bài « Hòa âm » anh nhảy từ ý này sang cảnh khác rồi qua vật kia, khó mà đoán được, thì nói chuyện với anh đây, tôi cũng xin « trả đũa » lại bằng cách gặp đâu hỏi đó vậy...

Chú nhân tựa lưng vào ghế, đưa một ngón tay lên :

— Nhưng mà không được phép ra khỏi « Hòa âm » !

Tôi gật đầu, và cầm tập thơ gọn ghẽ ấy lên :

— Tên là « Hòa âm » mà bìa có lắm dầu nhạc bao vây. vậy hẳn anh muốn độc giả thầy rằng trong thi phẩm mới này, anh chú trọng phần *nhạc* nhiều hơn hết ?

Thầy anh không vội trả lời, tôi tiếp :

— Có đôi cái êm ái du dương quen thuộc, điệu cổ điển :

« *Thời đã qua màu xanh lá cây*
Mong xuân, xuân đến được ba ngày
Mai đem trắng gửi sương đầu núi
Cúc rụng, vàng khô, lạc xứ mây

(Hòa âm IV)

« nhưng thỉnh thoảng mới gặp, còn thì rất nhiều đoạn, anh chẳng cần đến vần. Tỉ như ở đoạn đầu bài mở đầu tập thơ :

Sức sống nghẽn đường không dựng núi
vẫn mọc, bay cao, dạt nước triều
Những rung chuyển
vướng đời không bật tiếng
tan theo sương hay rụng với mùa thu

(Hòa âm XXI)

« Hoặc ở đoạn cuối, bài chép lại tập Hòa âm » :

Nghe như tiếng hát đưa duyên
của ngàn năm trước
mở hội đua màu
trao lại tình yêu cho cuộc sống

(Hòa âm XXII)

« Chẳng cần đến vần, thì là xem nhẹ phần nhạc tính, e có gì chưa được *hòa* giữa tên tập thơ, cách trình bày bìa và chất nhạc trong thơ chăng ? »

Anh nheo mắt :

— Trước khi tôi trả lời, mời anh đọc thành tiếng hai đoạn không vần ấy, để xem chúng nó trúc trắc, lủng củng hay là cũng chẳng mầy chồi tai.

Tôi làm theo lời anh, và nhận rằng tuy chẳng có vần, ngâm lên, hai đoạn tôi vừa kể có chất nhạc. Thì ra lắm lúc, muốn thưởng thức thơ, mình lại *xem* mà quên mất *ngâm* !

Tác giả « Hòa âm » giờ mới phân trần :

— Tôi phải nói dài và phải trở lại từ khởi điểm. Có thể, anh — và các bạn đọc tôi — mới chẳng « bất hòa » với tôi.

« Tôi đã phó mặc cho bút theo cảm giác và tâm tình, thầy hứng vì sự gì thì cầm bút ghi lại, rồi cảnh này gợi ý kia, ý này đưa tới cảnh khác « không đầu, không cuối, không mạch lạc chi hết » vì đó là thực trạng tâm lí con người. Miễn sao những cảm giác và tâm tình lang thang phơ phất như vậy, mang theo chút gì đáng ghi. Và anh, anh có thầy « lối sáng tác » nầy nó hợp lí hợp tình hơn cái lối thông thường, là chỉ nhắm một khía cạnh nào của sự vật, của tâm tình, rồi chỉ « khai thác » có mỗi khía cạnh ấy ?

— Tôi hiểu ý anh, nhưng biết lối nào hợp tình hợp lí hơn lối

nào mà nói với anh bây giờ. Vì thử anh và tôi cùng có những cảm giác như nhau, mà anh thấy ghi lại một cách « lang thang phơ phất » hợp với con người anh, thì anh sáng tác theo lối ấy ; còn tôi, nếu tôi thấy chỉ có một cảm giác nào đó cần được « khai thác », thì tôi quên các cảm giác khác, mà chỉ « đào sâu » cái cảm giác nọ thôi, vì làm thế, hợp với con người tôi hơn. Anh gợi tôi nhớ lại đoạn đầu bài thơ Lưu-Trọng-Lư « tặng người bạn cũ họ Phùng » trong « Tiếng thu » :

Hôm xưa ta đứng bên hồ Kiếm
Quanh ta rộn rịp biết bao người
Mà ta chỉ thấy người hôm ấy
In giữa không gian một nụ cười.

«Mất anh, mất tôi thấy biết bao người, thì ta nói đến bao nhiêu người. Mất họ Lưu chỉ « thấy » có một người, thì họ Lưu chỉ nói đến riêng người ấy thôi. Nhưng mà tôi lại nói nhiều hơn anh mất !

— Thế thì ra Ngu-Í làm thơ là để cho mình ?

Tôi cười.

— Anh lại phỏng vấn tôi về quan niệm sáng tác ! Xin cho anh hay rằng Bách – Khoa đã kết thúc cuộc phỏng vấn về cái nhà văn, nhà thơ năm xửa năm xưa rồi, mà giờ đang phỏng vấn giới Nhạc đây !

Nhưng anh chẳng buông tha.

— Có qua phải có lại. Trước khi tôi nói tiếp, anh phải nói anh làm thơ cho ai đây ?

Chẳng thể « đừng » được, tôi phải « nói » :

— Mình có những cái « sầu riêng » cũng như những cái « tình chung », ghi lên giấy là cho mình.

— Chớ chẳng phải cho thiên hạ ?

— Rồi may ra những ý, những tình hoặc những cảnh đó mà rung động được một số người nào đó, thì mình sung sướng lắm rồi.

— Nghĩa là anh không có cái tham vọng làm người chứng của thời đại, nói lên những cảm nghĩ... chung của người đồng thời ?

Tôi gật đầu, rồi hỏi lại :

— Còn anh ?

— Tôi không dám có tham vọng đó, mà tôi cho là quá cao. Đã quá cao mà chắc gì đúng với tình thật của mình. Những nỗi vui, buồn, hờn, tức, nhớ thương của riêng mình, nói lên, mình còn chưa vừa lòng, vì thường thiếu lời, mà có khi chưa đủ chí-thành. Ngu-Í ngồi đây mà có « sầu riêng » hay « buồn chung » thì ai hiểu rõ nỗi niềm sầu buồn ấy hơn Ngu-Í), và nói lên đúng, thì ai hơn được anh chàng họ Nguiễn. Còn tôi khác anh lắm chỗ — mỗi người là một tiểu vũ trụ kia mà — dám đâu nói hộ được lòng anh ?

— Nhưng mà anh có thể nói hộ giùm tôi về cái chất Nhạc trong « Hòa âm » mà nãy giờ mình đi xa mấy dặm !

— Có như thế mới đúng với tinh thần cuộc nói chuyện : gặp đâu

ta nói đó, nhưng mà vẫn không ra ngoài « Hòa âm ». À, lúc nãy tôi nói đến đâu rồi ? À đến cái « hứng » lang thang của tôi. Như cánh bướm lạc vào vườn hoa. Cho nên hồn thơ tôi phiêu diêu đây đó, như khói như gió.

— Mà gió, khói thì không thể « nhốt » nó vào một thể nào nhất định, thành ra anh phải làm ngơ với những niêm những luật cổ kim mà anh theo sát trong mấy tập thơ trước, để mà thử « phá thể » một phen !

Anh gật đầu, rồi đọc :

Thoát để

buông gió lạc mênh mông

« Vỗ nhịp ra ngoài khuôn khổ trắng.

« Khói quên bờ vui phóng đãng

. . . . . .

(Hòa âm XXI)

« Thứ tự, khúc chiết, minh bạch, chỉ là dụng ý và nhu cầu của con người trong giao tế xã hội ; còn nay nàng Thơ đã rứt tất cả buộc ràng để thênh thang ngoài vòng cương tỏa, thì Thơ lúc nhanh lúc chậm, lúc ngắn, lúc dài, câu ngắn đôi ba chữ, câu dài mười mấy chữ, mà lại theo nhau liến liến, không phân đoạn không chầm câu, vì người làm thơ đương sống cuộc đời nội tâm hoàn toàn tự do, buông thả, liên tiếp một mạch như dòng nước.

« Bây giờ mới đến lúc trở về câu chuyện *vần* anh hỏi ở đầu. Trước kia, tôi reo vần rất dễ và không chệch bao giờ. Nhưng lâu nay tôi cần lời phải đúng tâm trạng ở giây phút mực chảy ra chữ. Vì lẽ đó mà có thuận thì gieo vần còn không thầy bút đưa tới vần thì thôi. Tôi lại thấy vần có tăng nhạc tính cho thơ đầy, nhưng vần không phải là tất cả nhạc tính. Theo tôi nhạc tính tùy ở *nhịp*. Mà nhịp, tôi vẫn giữ, nhưng thay đổi tùy nơi, cũng như ở mỗi bản nhạc vậy. Khi thì nhịp 3, nhịp 5, nhịp 7, nhịp 8 chữ, lắm khi nhịp chẳng khác trong thơ cổ (vì dễ ngâm và thuận tai) nhưng cũng khi là nhịp 12, 15, 18 chữ (*nhịp của ý lúc chờ lên tiếng*) và đòi hỏi một giọng vắng ngân dài.

« Giãi bày như thế, hẳn anh giờ đã thấy tôi lơ là *với vần* đó, nhưng vẫn không quên *nhịp*, tức là vần gần bó với *Nhạc*; thì « Hòa âm » vẫn « hòa » với tên và với cách trình bày . . . Còn anh, anh nghĩ sao về *vần*.

— Tôi cũng như vài bạn thơ khác, thấy rằng lắm khi vần giết mất lời thơ. Đó là chưa kể nhiều vần tự nhiên đến, quen thuộc mà đến, kéo theo những ý thơ gượng gạo, giả tạo. Hình ảnh dồn dập tới, có theo thứ tự nào đâu, thì làm sao sắp đặt nổi, mà khi sắp đặt thì đã để rơi rụng đó đây biết bao cảm giác hồn nhiên... Nhưng ta qua phần khác...

« Vần, nhịp, thể, anh đã giải đáp xong, còn cái *chất thơ* thì anh « soi sáng » nốt cho. Thơ phải truyền cảm, mới thành công. Vì người thơ nào ín thơ mình mà chẳng mong được

gặp kẻ đồng tình. Nhưng mà chất thơ trong « Hòa âm » quả là khó nhận được. Vì nhiều « bóng tối », tuy cũng có nhiều câu dễ hiểu. Tại sao anh không *cho* « Hòa âm » sáng sủa hơn ? »

— Anh đặt vấn đề như vậy, tôi thấy không đúng. Bởi lẽ không có vấn đề « *cho* » hay « *chẳng cho* », mặc dầu kẻ sáng tạo có thể ví như một học trò của ông Hóa-công. Khi nào ta đi giữa thanh thiên bạch nhật, thì ta mới sáng, còn như ta bước vào bóng thì đành phải lờ mờ. Anh đọc lại lời tôi nói đầu, sẽ thấy trên mọi vật bao giờ sáng, tối cũng xen nhau. Mà trong tâm hồn người, cũng vậy. Mình đã muốn thơ phản chiếu trung thực những tâm trạng nào muốn nói ra, thì lời nào, chữ nào, thấy thích hợp thì ta dùng, còn...

— Còn người ta có hiểu hay không, lại là chuyện khác ?

— Tôi không có ý nói thế.

— Thế anh định nói sao ?

— Còn thành công hay không lại là chuyện khác.

« Tôi xin nói tiếp. Trên tranh, chỗ nào có bóng thì phải để bóng không nên bôi sáng cho đẹp hơn, tuy có thể bôi sáng cho đẹp hơn. Cũng tùy mục đích người vẽ. Tùy họa sĩ muốn tôn trọng sự thật hơn là chiều ý người xem, hoặc là ngược lại.

«Phần tôi, tuy rất muốn tìm Đẹp trong thơ, tôi lại ưa sát với nỗi niềm của tôi trước đã, không thể cố ý làm đẹp.

— Anh làm tôi nhớ Saint-John Perse. Nhà thơ này từng nói :

Sự tối tăm ở đây chỉ do bóng đêm mà thi sĩ muốn thăm dò.

— *Chất thơ* mới là điều trọng yếu trong Thơ. Nhưng tiếc thay, chất thơ ở đây lại không phải là những cảnh tình quen thuộc, mà lại là những tâm trạng lắm khi u ẩn, và càng u ẩn lại càng muốn thoát ra ; mà khi để chúng thoát ra thì mười phần, may ra nói được một vài. Chớ nào phải cố tình làm cho bí hiểm. Nghĩ cũng buồn : không ai trách nhạc bí hiểm, mà người ta hay trách thơ bí hiểm. Anh cũng thấy đó, tôi đã nhấn mạnh về sự nghèo nàn của tiếng nói, tiếng nói đấy chữ sáo, hoặc không sáo thì cũng chẳng mấy khi phản chiếu đúng tâm tình...

— Tôi cũng thấy cái khổ tâm và bực mình ấy của anh, thể hiện hơn một lần :

Ném trả hư-từ cho dĩ vãng
Tình không chịu chữ.
Nhìn, mong, nghĩ khác...

(Hòa âm XXI)

Ôi những ảnh hình không tiếng gọi
Kiếp bâng-khuâng đành lạc lối u-huyền
Trang tự-điển ép tàn bao nỗi bướm
Chữ khô hồn đeo nặng nghĩa phai duyên

(Hòa âm II)

« Anh đi tìm cái đẹp, dường như theo một con đường mới. Xin anh cho biết rõ hơn ».

— Cái Đẹp tôi tìm ở «Hòa âm»

không còn là ở những ánh những sắc quá quen, những thể ngàn năm truyền lại, những nhớ nhung, thương tiếc, yêu đương, những buổi hoàng hôn, những mùa xuân có hoa có bướm...

— Chắc là vì người ta nói đi lại nhiều lần mà anh chán, muốn thoát khỏi đường mòn lối cũ ?

Anh gật đầu, rồi tiếp :

— Có lẽ tôi chịu ảnh hưởng ngành Mĩ học mà chính tôi đương lo phổ biến.

« Tôi xin nhường các thi hữu khác rung động bạn đọc bằng những đợt sóng lòng sôi nổi, bằng những hình ảnh rực rỡ, hoặc bằng những điệu u buồn quyền rũ. Còn tôi vốn tánh trầm tư, thì tôi thích trở về với những gì mộc mạc, đơn thuần, để nhìn, để nghe, để mơ-tưởng, rồi nếu có thấy gì hứng-thú, tôi cố phơi bày những vẻ nào của sự vật mà anh chưa có thời giờ ngó tới.

— Vậy là anh chẳng theo những thi-phái tự nhận là có bổn phận nói giúp người đời những gì họ cảm, họ nghĩ, họ có mà chưa thể nói ra, còn anh ở vào hàng ngũ những nghệ sĩ khám phá giùm cho người đời những sự thật cùng những vẻ đẹp mà họ chưa quen trong lãnh vực mênh mông và lạ-lùng của tâm hồn và của tạo vật ?

— Nhưng để cho tôi trước hết, vì tôi tò-mò lắm. Rồi nhân tiện thì hiến Ngu-Í một thể cho đỡ buồn.

— Nhưng sự chuyển hướng của anh có nghĩa là dứt bỏ hẳn những đường lối cũ không ?

— Không. Vì tại sao lại nghĩ tới sự li dị đó ? Tâm hồn chúng ta rất phức-tạp. Riêng tôi thầy giáo-dục và cuộc đời của tôi đã tạo thành một kẻ phức-tạp : bên cạnh những tâm trạng đúng với trạc tuổi, vẫn còn những nhu cầu thuở xưa, có lúc muốn quẫy cựa ra ngoài các khuôn - khổ, có lúc lại thầy trầm tĩnh và ưa điều hòa : trong lúc đó, rất có thể lại tặng Ngu-Í mấy vần lục - bát hay tứ - tuyệt. Thiết nghĩ chẳng cần gượng ép : chúng ta không bao giờ già hẳn, trẻ hẳn, mới hẳn, cũ hẳn, nhưng là một kết-quả pha trộn và biến-chuyển luôn luôn tùy cảnh, tùy tình, tùy cuộc đời. Có khi tôi đắm đuối trong nhạc Mozart, có khi tôi lại muốn nghe giọng hát trèo của lũy tre xanh : làm sao cho khác được, và tại sao lại phải khác ?

— Anh có « thổ lộ can tràng », thì tôi mới thầy hiểu thơ anh hơn — mà thơ là một phần người. Đã đọc « Hòa âm » nhiều lần, giờ, phải đọc thêm ít bận để gần anh hơn. Chẳng biết có đúng không, nhưng sau khi trò chuyện với anh, tôi bắt đầu thầy « sáng » hai câu này ở đầu bài « Hòa âm I » của anh. Vì, thú thật với anh, tôi đã không đọc từ trang đầu đến trang cuối, mà tìm đọc « Hòa âm số 1 » trước đã, mặc dầu nó ở trang 21. Đó là hai câu :

« Mát ngỏ hướng đào ngơ ngẩn sáng
« Chổi tre tàn nhẫn quét hoa rơi »

« Tôi đã để ý anh cho in câu trên chữ xiên, câu dưới đứng cả, mười câu sau cũng thế. Tôi nghĩ có lẽ đó là hai cảnh trái ngược nhau mà anh chứng kiến một buổi sáng nào đó. Tôi hiểu như sau : một sáng sớm nọ anh đứng ngoài nhìn cây đào trong vườn đang khoe thắm, tâm hồn phơi phới, thì bỗng đâu cây chổi tre của ai đó quét hoa rơi dưới gốc không chút thương tình. Một cái gì êm dịu lâng lâng, chưa tiếp hưởng thì tiếp đến một cái gì thô bạo phũ phàng. Làm người thơ họ Đoàn... ngơ ngẩn, ngẩn ngơ... »

Thay vì trả lời cho tôi hiểu thế là đúng hay sai, hay đúng mấy phần trăm, thì tác giả « Hòa âm » chỉ cười, vỗ mạnh vai tôi và mời tôi... thưởng thức một điều thuốc lá nội hóa.

Nguiễn-Ngu-Í

Kính Chúc Tân Xuân

Café TÙNG

CHUYÊN MÔN CAFÉ « PHIN »

●

6, Khu Hòa-Bình *DALAT*

ĐÃ CÓ BÁN

HĂM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

●

của STÉFAN ZWEIG do TRÀNG THIÊN dịch

Thời Mới tái bản **giá 8 $**

ĐƯỜNG MỘNG VỀ QUÊ

Đường hoa quanh lối cũ
Điệp cười thắm men xuân
Hồ êm tình liễu rủ
Ấp hồn ai hương non nước bâng khuâng

☆

Bức tranh quê ai treo
Rạch nước bên nhà nghèo
Ánh trời chiều vàng rực
Nỗi nhịp đời chiếc cầu khỉ cheo leo

☆

Mái tranh sương gió lộng
Lòng quê ngát khói thơm
Cửa lim nghe mở rộng
Ngây ngất ngọt ngào lòng mẹ Việt-Nam

☆

Nay có bao cảnh liễu yểu
Tháng năm nặng gánh đau thương
Còn đâu những giờ tuyệt diệu
Trang đời thôi rộn rã nét yêu đương

☆

Bão tố lùa chăn mộng
Máu lửa cuồn mơ êm
Đường xưa đôi nẻo đóng
Trên lối về máu đặc giữa buồng tim

☆

Lòng sông trào sóng hận
Cành yêu rã nụ lành
Tương lai vòng tang trắng
Gối thề nay lỡ lẻ mái đầu xanh

☆

Mạch đời sôi sức sống
Kiếp người chiếc lá rơi
Núi sông rung chuyển mộng
Muôn đoạn tình nước cuốn chảy ra khơi

☆

Thuở nào anh hăm hở
Mang hờn nước trên vai
Diệt thù gởi lại vợ
« Un đúc con thơ với mộng đời »

☆

Cha đi không trở lại
Chôn hận ngập sơn xuyên
Con tìm ra biên ải
Hai kiếp trai trả trọn một lời nguyền

☆

Mấy mươi năm khói lửa
Dòng thương chưa nối liền
Bao thân già tựa cửa
Nhìn con chồng theo vận nước đảo điên

. . . . . .

Thịt nát, máu rơi, tình rời, tơ đứt.
Trên vạn nẻo đời, ai còn, ai mất, hỡi ai ơi!

MỘNG-TRUNG

SINH HOẠT

Triết lí tuyệt hảo trong cuộc đời của Nhất Linh Nguyễn-Tường-Tam

NGUIỄN-NGU-Í thuật

Trung tâm Văn-Bút Việt-Nam dự-định tổ chức ba buổi nói chuyện về thân thế và sự nghiệp của Nhất-Linh để tưởng nhớ nhà văn hào đã chọn một cái chết ý nghĩa :

Ông Trương-Bảo-Sơn, một bạn thân của người quá cố, mở đầu với : « *Triết lí Tuyệt-Hảo trong cuộc đời của Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam* ».

Tiếp đến, ông Nguyễn-Duy-Diễn sẽ nói về : « *Bản chất nghệ sĩ của Nhất-Linh trong đời sống và tác phẩm* ».

Và ông Nguyễn-Văn-Trung sẽ kết thúc với : « *Thái độ trí thức của Nhất-Linh* ».

Ông Trương-Bảo-Sơn đã ra mắt thính giả tại trường Quốc-gia Âm-nhạc và Kịch-nghệ Sài-gòn, sáng chủ nhật 29-12-63.

Ô. Trương-Bảo-Sơn

Trên diễn đàn, có cái bàn cao để bức họa của Nhất-Linh, do Nguyễn-Gia-Trí vẽ, cạnh một bình hoa huệ ; một cái bàn con đặt trước bàn này, trên đó sẵn một lò hương mà chút nữa một người trong hội sẽ gây trầm. Thính đường chật người ngồi, người đứng phần đông là nam, nữ sinh-viên ; có những nhà văn học bạc tóc cạnh những nhà cầm bút chưa quá ba mươi, có áo chùng thâm bên áo nâu sồng.

Ông Chủ-tịch nhóm Bút-Việt xin cử tọa một phút im lặng để tưởng niệm nhà văn Nhất-Linh và nhà cách mạng Nguyễn-Tường-Tam. Rồi ông để trên nửa giờ để mở màn loạt nói chuyện về Nhất-Linh : xác định vị-trí của Nhất-Linh trong văn học sử nước nhà và giới thiệu diễn giả.

Ông Trương-Bảo-Sơn với một giọng rõ ràng, từ tốn và chơn thành, nói về những điều ông biết về người « vừa là đồng chí vừa là lãnh tụ, vừa là bạn văn thơ vừa là bạn tâm tình » của ông, để thính giả được biết về cái « *Triết lí Tuyệt-Hảo trong cuộc đời của Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam* ».

Và diễn giả định nghĩa « Triết lí Tuyệt Hảo » như sau : « Đó là một triết lí có mục đích làm được công việc cho thật hoàn toàn, không lỗi lầm thất thố, theo đúng với khuynh hướng của mình, cái khuynh hướng chân chính, mình tự cảm thấy một cách hết sức thành thực, không bị ảnh hưởng của ngoại vật hoặc các dục vọng, như tiền tài, danh giá chi phối và làm sai lạc ».

Sống *đúng* khuynh hướng *chính* của mình, thì mới giúp ích nhiều cho mình và cho người khác; nhưng chẳng phải ai cũng có thể nhận thấy khuynh hướng này một cách dễ dàng, thường thì phải nhiều thì giờ và lắm công phu.

Nơi Nhất-Linh, ông nhận thấy đến hai khuynh hướng :

« Một là khuynh hướng nghệ-sĩ, và hai là khuynh hướng cách mạng ».

Hai khuynh hướng khác nhau, mà lại ngang bằng nhau, thành ra luôn luôn xung đột.

Con người văn nghệ Nhất - Linh con người cách mạng Nguyễn-Tường-Tam, khi thì mỗi người mỗi việc, khi lại cùng làm một việc, thêm cái Triết-lí Tuyệt - Hảo xen vào, nên trong cuộc đời của *Nhất-Linh* Nguyễn Tường-Tam đã xảy ra nhiều tấn kịch bi tráng.

Theo diễn giả, thì « trong suốt đời, *Nhất Linh* Nguyễn - Trường-Tam đã hoạt động về văn nghệ hay về chính trị hay trong bất cứ công việc gì, đều áp dụng triết lí Tuyệt Hảo. Khi đã quyết định làm việc gì, anh bao giờ cũng làm hết sức mình, anh tận tâm làm việc, anh say mê làm việc, không kể gì đến ngày đêm, giờ giấc, tiền tài hay sức khoẻ của anh. »

Rồi ông nhắc đến cách làm việc của Nhất-Linh, sự vô tư khi chọn bài vở đăng báo, tánh liêm tài và ghét sự bóc lột văn nghệ sĩ của một số nhà báo hoặc nhà xuất bản.

Triết lí tuyệt hảo, Nhất-Linh cũng đem áp dụng ngay trong các việc nhỏ nhặt, như việc làm bếp, rửa chén, quét dọn nhà cửa.

Nhất Linh luôn luôn giữ lễ độ với mọi người, thích hội họp đi chơi với bạn hữu, nhưng khổ sở khi phải làm những việc xã giao. Nhất-Linh không cần đến tiền tài danh vọng. Anh sống rất giản dị. Chỉ có một thứ anh để ý

lựa chọn và giữ gìn cẩn thận, ấy là cái bút máy Parker « mực luôn luôn phải xuống cho đều, ngòi bút phải thiệt trơn và nét thanh ».

Theo diễn giả, cuộc đời của Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam là cả một dây chuỗi cách mạng.

— Chống hủ tục và mê tín, chống bất công xã hội, chống thực dân cường hào, quan lại mọt dân hại nước, chống độc tài Cộng sản, chống độc tài họ Ngô chống bất cứ ai chà đạp lên mọi thứ tự do của con người.

Hoài bão anh là : xây dựng một nước Việt hoàn toàn thống nhất, độc lập, tự do, dân chủ và công bình bác ái.

Trên con đường hoạt động anh thường nhắc câu « Làm việc cần phải biết tiến thoái. Biết tiến thì dễ, biết thoái mà thoái cho kịp thời đúng lúc mới khó ».

Nhắc lại cái Triết lí Tuyệt hảo, diễn giả thấy Nhất-Linh đem nó áp dụng vào ngay cả cái chết của mình.

Kết thúc buổi nói chuyện diễn giả đọc một bài thơ chưa công bố của người quá cố, có thể gọi là « gở » ứng văn cái chết của anh. Nhan là *Tình Tiên* làm một đêm trăng tại Vũng-Tàu.

Người ơi biển rộng bao la,
Chiều về trăng mở đường hoa đón người.
Lâng lâng rũ sạch bụi đời,
Theo đường tiên mộng về nơi tiên bồng.

NGUIỄN-NGU-Í
(*Thuật*)

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— Thức giấc nửa khuya. tập truyện của Song-Linh, Văn xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 288 trang, gồm 14 truyện ngắn, Nguyên Sa đề tựa, Trịnh-Cung trình bày bìa — Bản đặc-biệt không đề giá bán.

— Thơ đen, tập thơ của Vọng-Châu và Thượng Nguyễn do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 60 trang, khổ 12×24, giá 26đ.

— Thơ-ý Hoa-muôn-Phương. tập thơ của thi văn đoàn Hoa-muôn-Phương do Phạm-Lương chủ biên và Chiêu Thiên Phương gửi tặng. Sách dày 108 trang, gồm thơ-ý và thi-tuyển của Song-Thu, Nguyễn-văn-Cồn, Nông Băng Giang, Lê-văn-Tất, Phạm-Lương, Phương Đài, Chiêu-Thiên-Thương, Hồng-Phước, Trúc-Anh-Tâm, Phú-Cầm, Hoài-Nhân và Mai-thanh-Tuyền. Giá 40đ.

— Sau cơn mưa. Truyện dài của Lý-Hoàng-Phong, do Tạp-chí Văn-nghệ xuất bản và gửi tặng. Sách dày 136 trang, bìa do Nguyễn Trung trình bày, giá 40đ.

Lễ truy điệu Nhất-Linh Nguyễn-Tường-Tam

NGUIÊN-NGU-I

Hàng vạn người đã đến sân vận động Tao Đàn sáng chủ nhật 5-1-1964 để dự lễ truy điệu nhà văn hào kiêm nhà cách mạng *Nhất-Linh* Nguyễn-Tường-Tam.

Đông đảo nhất là học sinh các trường công, tư ở Thủ đô, ở Gia-Định; đặc biệt học sinh trường trung học Nguyễn-Đình-Chiểu ở Mĩ-Tho cũng lên dự. Trong hàng ngũ sinh viên, phân khoa Văn khoa đông hơn các phân khoa khác rõ rệt. Các đoàn thể cách mạng và chính trị cùng các hội Văn-Hóa có mặt gần đầy đủ.

Biểu ngữ của ban tổ chức cột quanh sân khá nhiều, mà biểu ngữ các đoàn thể đứng trong sân, giăng ra cũng không ít. Đại khái có bốn loại: tưởng nhớ, đề cao, noi gương, chánh trị (chống Độc tài, chống Cộng sản, chống âm mưu Trung lập hóa miền Nam...)

Hội đồng quân nhân Cách mạng, Chánh phủ lâm thời, bộ Quốc gia giáo dục, Hội đồng nhân sĩ đều có người đại diện tại khán đài danh dự. Nhà giáo, nhà báo (trong nước và ngoài nước), nhà văn rất nhiều.

Bàn thờ đặt gần giữa sân, trước một bức chân dung thật lớn của người quá cố, vẽ bằng mực Tàu trên vải, hướng về phía mặt trời lên. Trên bức chân dung, có bốn chữ : *Thung dung tựu nghĩa*, và hai bên, hai câu đối :

Nhất nguyệt tại thiên phá đại địa quần mê chi hôn ám.

Nhất phật xuất thế khai bách vạn tức thiên chi pháp môn.

Gần 9 giờ, cuộc hành lễ bắt đầu.

Tiếng trống tiếng chuông vừa điểm, tất cả cử tọa ở hai khán đài đều trang nghiêm đứng dậy. Dưới sân, quốc kì và cờ các đoàn thể nghiêng xuống. Nến thắp, trầm xông, hương tỏa... Tiếp đó, là lễ cầu siêu. Rồi một đảng viên Việt Nam quốc dân đảng thay mặt

ban tổ chức đọc bài văn tế, do Vũ-Hoàng-Chương thảo, giọng trầm hùng, bi oán của bài văn tế đã được người đọc giúp thêm phần truyền cảm,

Than ôi !

Đời chính trị lông hồng gieo núi Thái,
Ngẩng đầu lên sấm sét vẫn chưa nguôi ;
Việc văn chương một tấc để ngàn thu
Ngoảnh mặt lại đá vàng sao khỏi thẹn,

. . . . . .

Nhưng đau đớn thay :

Phút hạ huyệt súng gươm vây kín,
muôn dòng châu đứt nối chưa tròn.

Buổi cầu siêu hương khói âm thầm,
bao tiếng khóc dở dang còn nghẹn.

Dân chúng thủ đô hướng về Tiên Sinh.

Lễ truy điệu mở đầu năm dương lịch,
chạnh tưởng còn dàn bài bế, đốt hương lòng tỏa khắp muôn phương ;

Vườn Tao Đàn rung hết đợt âm giai,
trông ra ngọn cỏ lá cây, hòa nước mắt vẫy quanh một chén.

Nhưng vườn Tao-Đàn sau đó lại chứng kiến một cảnh buồn.

Ban tổ chức vừa giới thiệu đại diện các đoàn thể sẽ lần lượt đến hành lễ và đọc điếu văn, thì hàng ngũ đảng viên Quốc dân đảng đứng không xa bàn thờ bỗng xôn xao, rồi kéo ra khỏi sân. Người dự lễ ngơ ngác. Một người trong ban tổ chức lên tiếng : « Xin đồng bào nhớ cho rằng chúng ta đến đây là để truy điệu người chết, chớ chẳng phải để vận động chánh trị cho người sống ! » Cuộc lễ tiếp tục, nhưng

— Văn. Bán nguyệt san văn chương, tư tưởng, nghệ thuật. Số ra mắt ngày 1-1-64, do ông Trần-Phong-Giao chủ trương biên tập — Tòa soạn đặt tại số 38 Phạm-Ngũ-Lão Saigon — Mỗi số 120 trang, giá 10đ.

— Trái cây đau khổ. Kịch của Doãn-Quốc-Sỹ, Sáng tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 130 trang gồm 4 kịch : Một mùa xuân tin tưởng, Trái cây đau khổ, Trăng sao, Tiếng hú tâm linh. Bản đặc biệt không đề giá.

— Từ cõi vô thường. tập thơ của Tâm-Hằng do tác giả xuất bản và gửi tặng. Tập thơ in ronéo khổ lớn gồm những bài thơ viết trong thời kỳ Phật-giáo tranh đấu năm 1963, không đề giá bán.

— Đặc san Xaviê. của trung tâm sinh viên Xaviê Huế 12-63 do cha Giám đốc và các sinh viên Trung-tâm gửi tặng. Đặc san in ronéo, khổ lớn, không đề giá bán.

— Triết-lý đại-đồng. của Trang-Khánh-Thành do nhà Thiên-Hồng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 28 trang, giá 20đ.

*

Trân trọng cảm ơn các tác giả, soạn giả, dịch giả và nhà xuất bản trên đây và xin ân cần giới thiệu cùng độc giả Bách-Khoa.

trật tự và trang nghiêm đã kém trước.

Một lát, đoàn thể học sinh trường Văn Hiến và Tân-Phương cũng kéo ra về.

Đoàn thể chánh trị trước và đoàn thể học sinh này, ra khỏi sân, là đi biểu tình qua vài đường lớn ở Thủ đô để chống lại việc trung lập hóa miền Nam và tự giải tán trong vòng trật tự. Họ cùng phản đối ban Tổ chức, dường như về việc không làm đúng theo chương trình đã dự định thì phải. Đến 10 giờ rưỡi, ban Tổ chức có lời cảm tạ quan khách và đồng bào. Ai ra về cũng bàn tán hai vụ bỏ ra về nói trên.

Một ít sinh viên, học sinh nam, nữ và vài quan khách ở nán lại sau cùng để đốt một nén hương, cắm lên bàn thờ người tự hủy thân mình để cảnh cáo một chế độ đã chà đạp mọi thứ tự do.

NGUIỄN-NGU-Í thuật

QUÀ-TẾT Không gì trang nhã và lợi ích bằng một bộ :

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trăng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

— Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 $
— 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
— 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 $)
— 12 tập (1961 63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 $)

BÁCH KHOA ĐÓNG TẬP

Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa
160, Phan-Đình-Phùng Sàigòn

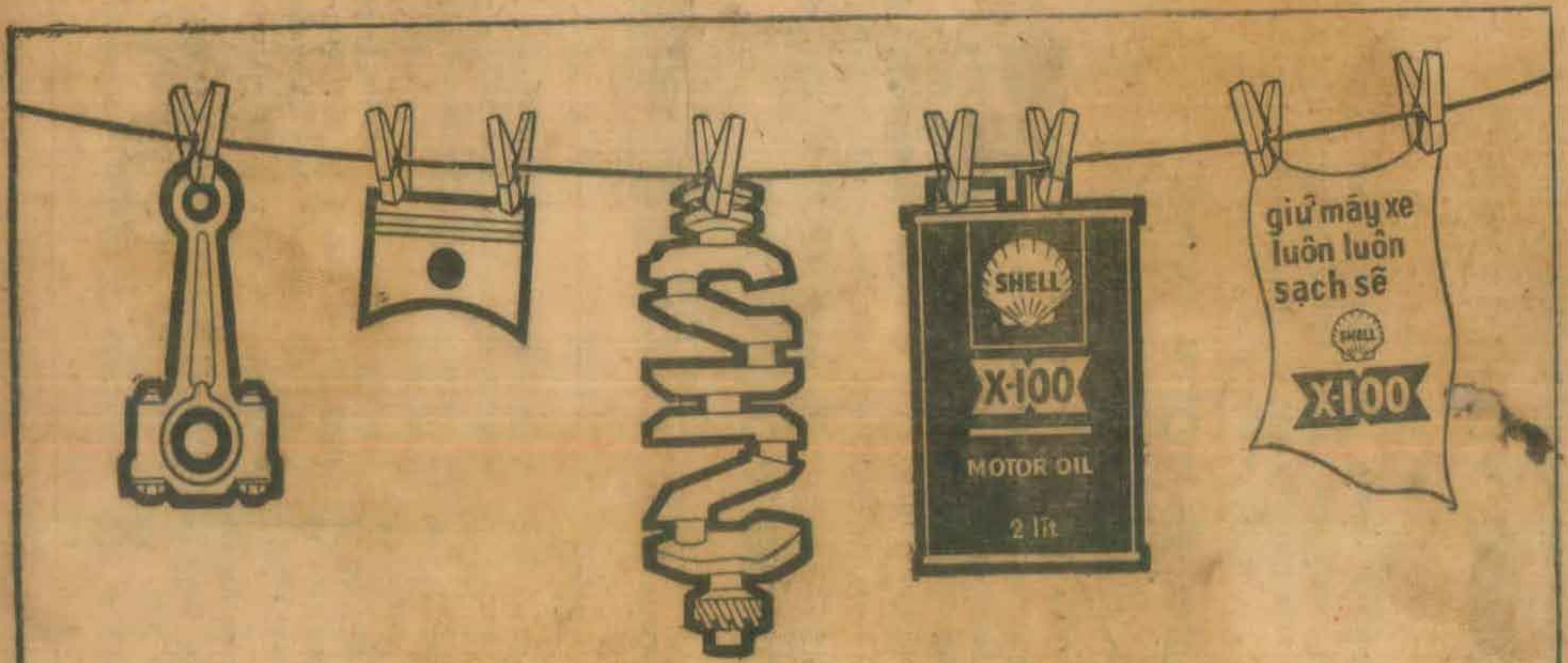

hơn **50** năm tại Việt - Nam

SHELL